





TỊNH THẮT AN LẠC

# **KINH** **42 CHƯƠNG**

**Giảng giải**



THÍCH NỮ NGUYỄN BỬU



## Mục Lục

LỜI BẠCH .....	1
PHẦN DẪN .....	3
CHƯƠNG 1 .....	14
CHƯƠNG 2 .....	33
CHƯƠNG 3 .....	68
CHƯƠNG 4 .....	77
CHƯƠNG 5 .....	96
CHƯƠNG 6 .....	101
CHƯƠNG 7 .....	105
CHƯƠNG 8 .....	110
CHƯƠNG 9 .....	114
CHƯƠNG 10 .....	125
CHƯƠNG 11 .....	129
CHƯƠNG 12 .....	139
CHƯƠNG 13 .....	142
CHƯƠNG 14 .....	181

CHƯƠNG 15 .....	190
CHƯƠNG 16 .....	198
CHƯƠNG 17 .....	204
CHƯƠNG 18 .....	213
CHƯƠNG 19 .....	217
CHƯƠNG 20 .....	231
CHƯƠNG 21 .....	233
CHƯƠNG 22 .....	238
CHƯƠNG 23 .....	245
CHƯƠNG 24 .....	251
CHƯƠNG 25 .....	255
CHƯƠNG 26 .....	258
CHƯƠNG 27 .....	264
CHƯƠNG 28 .....	270
CHƯƠNG 29 .....	275
CHƯƠNG 30 .....	278
CHƯƠNG 31 .....	279

CHƯƠNG 32 .....	288
CHƯƠNG 33 .....	290
CHƯƠNG 34 .....	295
CHƯƠNG 35 .....	308
CHƯƠNG 36 .....	313
CHƯƠNG 37 .....	324
CHƯƠNG 38 .....	329
CHƯƠNG 39 .....	333
CHƯƠNG 40 .....	338
CHƯƠNG 41 .....	341
CHƯƠNG 42 .....	347



## LỜI BẠCH

Kinh 42 Chương, gọi theo âm chữ Hán là Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Đây không phải là kinh gốc do Ngài A-nan kết tập, mà là bộ kinh trích dẫn những lời dạy căn bản và thiết yếu của Phật từ các kinh, thông cả kinh Phật giáo Nguyên thủy và kinh Đại thừa Phát triển, gồm 42 đoạn hay 42 chương, nên gọi là Kinh 42 Chương.

Hai tôn giả Ca-diếp Ma-đăng và Trúc Pháp Lan lúc mới sang Trung quốc đã chọn dịch bộ kinh này đầu tiên để làm nền tảng giáo lý căn bản cho tu sĩ và Phật tử trước khi dịch các bộ kinh khác. Có thuyết nói chính hai Ngài trích dịch, có thuyết nói vốn có sẵn, hai Ngài chỉ dịch sang tiếng Hán thôi.

Thế nên, kinh 42 Chương tuy ngắn nhưng bao trùm tông chỉ của đạo Phật, từ cơ bản đến nâng cao, từ Tiểu thừa đến Đại thừa, kể cả Tối thượng thừa.

Con mạo muội đem chút kiến giải sơ cạn của mình giải thích rộng ra lời dạy của Đức Thế Tôn, ngõ hầu đào sâu thêm sở học của mình, cũng đem lại một chút pháp hỷ cho bạn đồng học. Vì chỗ tu học còn non kém, nếu con có lỗi mắc phải sai lầm, nguyện chư tôn Hiền đức và bạn đồng học hoan hỷ cho con được sám hối.

Con xin thành kính tri ân.

*An Lạc, ngày 05/03/2025*

*Kính ghi*

**Tỳ-kheo Ni Thích nữ Nguyên Bửu**

## PHẦN DẪN

**Chánh văn:**

Lúc bấy giờ, khi Đức Thế Tôn đã thành Đạo, Ngài suy nghĩ như vậy: “Ly dục được tịch tịnh là điều tối thắng”. Ngài trụ trong đại thiên định, chế phục các ma đạo, chuyển bánh xe pháp, độ thoát chúng sanh. Ở trong vườn Lộc Uyển, chuyển bánh xe pháp Tứ Đế, độ năm anh em Ngài Kiều Trần Như đều chứng Đạo quả. Lại có các Tỳ-kheo còn những chỗ nghi ngờ, cầu Phật chỉ dạy điều nào nên tiến, điều nào nên dừng. Đức Thế Tôn truyền dạy, ai nấy cũng được khai ngộ, chấp tay kính vâng và nương theo lời Phật dạy.

**Giảng:**

*Lìa dục được tịch tịnh là điều tối thắng.*

Lìa dục là lìa ái dục. Ái dục không đơn giản chỉ là ái ngũ dục lạc, mà sâu rộng hơn là ái ba cõi, ái bản ngã, ái thân năm ấm. Do đó khi vừa mất thân, chúng ta liền chạy tìm thân khác, cứ thế trôi nổi mãi trong luân hồi, lăn lóc nơi ba cõi sáu đường, không có ngày ra. Sự ái nhiễm này vi tế, sâu xa, phức tạp, không dễ đoạn dứt.

Chư Thánh A-la-hán đã dứt hẳn tâm ái, vượt khỏi ba cõi, còn chư Thánh A-na-hàm chưa đoạn sạch gốc ái, nên tuy vượt khỏi Dục giới, vẫn sanh lên cõi Sắc A-na-hàm thiên, chưa hoàn toàn giải thoát.

Chính ái quyết định sự luân hồi hay giải thoát của chúng sanh. Nên giáo lý Tứ Đế nói đủ là: Khổ đế, Ái tập khổ tập đế, Ái diệt khổ diệt đế, Ái diệt khổ diệt đạo đế. Nghĩa là ái chính là nguyên nhân khổ đau, chỉ cần diệt ái là khổ sẽ diệt, tu là để dứt được ái, từ đó dứt khổ.

Ái là sự chấp đắm nhiễm mê, dù chỉ còn một chút dính mắc cũng là còn ái. Còn ái là còn nhiễm, còn bị trói buộc. Khi nào dứt sạch ái mới

hết khổ, hết nhiễm, tâm mới có thể thanh tịnh vắng lặng, từ đó vượt thoát luân hồi, tự tại sanh tử. Thế nên Phật nói: lìa dục được tịch tịnh là thù thắng hơn cả.

***Ngài trụ trong đại thiên định.***

Nói đại thiên định tức có tiểu thiên định. Những pháp thiên có nhập trụ xuất, có tầng bậc sơ nhị tam tứ v.v... đều chỉ là tiểu thiên định. Đại thiên định của Phật là không nhập không xuất, 24 giờ đều ở trong định, dù Ngài kinh hành, thọ trai, thuyết pháp, nằm ngồi đi đứng v.v... đều trong định. Nghĩa là giờ phút nào Đức Phật cũng sống với tự tánh thanh tịnh, không gì làm tâm Ngài dao động.

Có khi Đức Phật nhập Kim cang định, sét đánh bên tai cũng không nghe, nhưng đây chỉ là một trong những oai nghi của Phật, phương tiện thị hiện độ người mà thôi, không phải là đại thiên định. Đức Phật nhập Kim cang định để chứng minh cho những vị ưa thích thiên định thấy được năng lực của Ngài vượt hẳn người

khác, hầu dễ dàng nhiếp phục người, chớ Ngài không lấy đó làm chỗ y cứ cho thiền định.

Trong kinh Du Hành, có ngoại đạo khoe với Phật: Thầy tôi khi nhập định, 500 cỗ xe chạy qua vẫn không nghe thấy. Phật bảo: Khi ta nhập định, sét đánh chết mấy con trâu bên cạnh cũng không nghe.

Thế nên, Đức Phật nhập định Kim cang chỉ để nhiếp phục những người tự hào về năng lực thiền định phi thường của mình. Bởi cho dù là định kim cang cũng chỉ là loại thiền định có nhập xuất, là tiểu thiền định mà thôi.

Đức Phật trong bốn oai nghi đều ở trong định. Đây là thiền định mà Lục Tổ nói: Ngoài dứt các duyên, trong không dấy động. Ngoài dứt các duyên là thiền, trong không dấy động là định. Thiền định này là đại thiền định, luôn sống với tự tâm, lúc nào cũng lặng lẽ thanh tịnh. Đi đứng nằm ngồi, nói năng tạo tác... đều từ tự tánh khởi dụng, tâm vẫn hằng lặng lẽ không động.

Phàm phu chúng ta tâm luôn rối loạn, làm việc này nghĩ việc kia, tâm lăng xăng không lúc nào yên, luôn quên mất tự tánh hiện hữu. Nhập tiểu thiền định còn khó, huống là đại thiền định.

### ***Chế phục các ma đạo.***

Có đại thiền định mới chế phục được ma đạo. Có bốn loại ma: Ma phiền não, ma năm ấm, ma chết và thiên ma (phiền não ma, ngũ ấm ma, tử ma, thiên ma). Vậy, ma trong đạo Phật là chỉ những gì làm chướng ngại sự tu hành, không phải thuần túy chỉ thể lực bên ngoài.

Phiền não làm tâm bứt rứt không an nên gọi là ma phiền não. Năm ấm hưng thịnh dẫn đến nhiều muộn phiền nên gọi là ma năm ấm. Chết chấm dứt một đời hiện sống, mọi việc đều phải dừng lại, sự tu hành cũng gián đoạn nên gọi là ma chết. Khi tu đến một cảnh giới nhất định, thiên ma đến quấy phá cản trở sự tu tập, có khi rơi vào đường tà, lạc mất chánh đạo.

Đó là bốn thứ ma làm chướng đạo tâm. Nhưng nếu tâm thanh tịnh không dính mắc thì không ma nào làm chướng được. Đức Phật ở trong đại thiên định nên mọi thứ ma đều bị nhiếp phục. Tâm Ngài như nhiên, không sanh phiền não, bị mắng chửi sỉ nhục không buồn, được tán thán ca ngợi không vui..., tám gió thổi đều chẳng động, đó là hàng phục ma phiền não. Năm ấm hưng thịnh mà chẳng bị chướng ngại, thân tứ đại bất hòa sanh bệnh, Phật vẫn an nhiên, là hàng phục ma năm ấm. Sống chết tự tại, biết rõ sự đến đi của mình, chẳng kinh chẳng sợ, đó là hàng phục ma chết. Khi sắp thành đạo, thiên ma dùng mọi cách quấy phá, Phật vẫn bất động khiến ma phải thối lui, đó là hàng phục thiên ma. Như vậy, nhờ ở trong đại thiên định, luôn sống với tự tánh, mà Thế Tôn hàng phục được chúng ma, không gì làm Ngài lay chuyển.

Thiên ma còn gọi là ma ba-tuần, cũng chỉ là chúng sanh thôi. Đức Phật thương tất cả chúng sanh như nhau, ma ba-tuần cũng không

ngoại lệ. Bồ-tát Duy-ma-cật nói ma ba-tuần là đại Bồ-tát thị hiện làm ma, quý Ngài có bốn phận tạo chướng duyên cho Phật trước khi thành đạo để làm viên mãn công đức Phật; và thỉnh Phật nhập Niết-bàn như một dấu chấm kết thúc sự thị hiện của Phật.

Như vậy, thiên ma ba tuần có giá trị như nhân vật phản diện làm thành cho nhân vật chính diện. Nhân duyên ra đời của thiên ma ba tuần là vậy, tạo nghịch duyên cho chư đại Bồ-tát sớm thành Phật, chư hiền thánh bước lên quả vị cao hơn.

Đức Phật đã viên mãn sự tu tập của mình, tâm hoàn toàn thanh tịnh và tràn lòng đại từ bi, không phân biệt thánh phàm ngu trí, nên với Ngài, vốn không có ma. Nói điều phục ma để chúng sanh dễ hiểu, bởi với Phật, không có ma, cũng không có chướng ngại, đối tất cả cảnh, tâm Ngài như như bất động, không có cái gọi là ma, cũng không có gì gọi là chế phục.

***Chuyển bánh xe pháp, độ thoát chúng sanh.***

Đức Phật ở trong đại thiên định mà chuyển bánh xe pháp, ở trong đại thiên định mà độ thoát chúng sanh. Làm tất cả mà tâm vẫn như như bất động. Kinh Kim Cang, Phật nói: Suốt 49 năm ta không nói một lời; độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh được diệt độ. Nghĩa là đức Phật làm tất cả mà không dính một pháp, làm mà không có gì gọi là làm, nói mà không có gì gọi là nói.

***Ở trong vườn Lộc Uyển, chuyển bánh xe Pháp Tứ Đế, độ năm anh em Ngài Kiều Trần Như đều chứng đạo quả.***

Đức Phật Sơ Chuyển Pháp Luân tại vườn Lộc Uyển, nói pháp Tứ đế độ năm anh em Ngài Kiều Trần Như. Tôn giả Kiều Trần Như chứng ngộ đầu tiên, tiếp sau bốn vị đều đắc thánh quả. Đức Kiều Trần Như nhiều đời phát nguyện là đệ tử đầu tiên được Phật độ hóa. Trong một tiền kiếp, khi làm bất cứ việc gì, Ngài đều dâng thành

quả đầu tiên lên Phật hiện thời với lời thệ nguyện đời sau sẽ là người đầu tiên được Phật hóa độ. Trong kinh Kim Cang, tiền thân Ngài là vua Ca-lợi, đã ra lệnh chặt đứt từng phần thân thể của Tiên Nhân Nhẫn nhục (là tiền thân Phật Thích Ca Mâu Ni). Vì để hóa độ vua, tiên nhân đã phát nguyện sau khi thành Phật sẽ độ vua trước hết. Đó là những nhân duyên mà tôn giả Kiều Trần Như đắc thánh quả A-la-hán đầu tiên trong tăng đoàn của Phật.

Thế nên, không có việc gì không có nhân duyên. Luật nhân quả là định luật vận hành của vũ trụ nhân sinh. Nếu chúng ta phát nguyện và làm mọi việc hướng về nguyện đó thì lời thệ nguyện của chúng ta sẽ sớm thành tựu. Nhưng nếu chỉ nguyện suông mà không làm gì cả thì cũng chỉ là mộng tưởng mà thôi. Như một học sinh đi học, muốn học giỏi phải cố gắng học, chứ thích làm học sinh giỏi mà lười học, vĩnh viễn không thể giỏi được. Đã phát nguyện rồi phải cố gắng làm mọi việc để nguyện được sớm thành,

bởi từ nhân đến quả phải có nhiều duyên trợ giúp. Nhân quan trọng, Duyên cũng đóng vai trò quyết định không kém. Từ nhân đến quả khoảng giữa là duyên, duyên thuận thì quả sớm thành, duyên nghịch quả có thể sẽ đổi thay hoặc chậm lại. Như hạt giống là nhân, đất nước phân ánh sáng v.v... là duyên, nhân quyết định quả, nhưng duyên quyết định quả xấu hay tốt hơn, kết quả nhanh hay chậm hơn.

Như vậy, năm anh em Ngài Kiều Trần Như là năm vị Tỳ-kheo đầu tiên. Từ đây Tam bảo đã đủ: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Phật bảo, giáo lý Tứ đế là Pháp bảo, năm Tỳ-kheo là Tăng bảo.

***Lại có các vị Tỳ-kheo còn những chỗ nghi ngờ, cầu Phật chỉ dạy điều nào nên tiến điều nào nên dừng. Đức Thế Tôn truyền dạy, ai nấy cũng được khai ngộ, chấp tay kính vâng và nương theo lời Phật dạy.***

Tất cả đệ tử Phật đều được chỉ dạy cặn kẽ, phù hợp căn cơ mỗi người. Ai cũng được pháp hỷ thiên duyệt, vui vẻ thực hiện lời Phật dạy, đều được khai ngộ chứng quả.

## CHƯƠNG 1

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** “Sa-môn là bậc từ bỏ người thân đi xuất gia, tâm thức thông suốt tận nguồn gốc, thấu rõ pháp Vô vi. Các Ngài giữ 250 giới, đi đứng ngồi nằm đều thanh tịnh, thực hành bốn Chân đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành A-la-hán.

A-la-hán là bậc có thể phi hành, biến hóa, mạng sống lâu dài, khi an trụ thì trời đất rung chuyển. Dưới là A-na-hàm: A-na-hàm là bậc khi tuổi thọ hết, Giác linh sinh lên cõi Trời thứ 19, tiếp tục tu hành cho đến khi chứng quả A-la-hán. Dưới hơn là Tư-đà-hàm: Tư-đà-hàm là bậc chỉ còn một lần sanh lên cõi trời, và một lần trở lại cõi người là đắc quả A-la-hán. Thấp nhất là Tu-đà-hoàn: Tu-đà-hoàn là bậc còn bảy lần sinh, bảy lần tử nữa mới chứng quả A-la-

**hán. Đoạn trừ ái dục như chặt đứt tứ chi, không còn dùng lại nữa”.**

**Giảng:**

***Sa-môn là bậc từ bỏ người thân đi xuất gia.***

Sa-môn là danh từ chung chỉ những vị lìa thế tục xuất gia tu đạo. Ai xuất gia tu đạo đều gọi là Sa-môn, không riêng đạo Phật. Các vị Sa-môn ở Ấn Độ thường cạo tóc, đắp y hoại sắc, ôm bát khát thực, chuyên tâm tu đạo. Sau khi Đức Phật thành đạo, chư tăng xuất gia theo Phật, ngoài danh từ chung là Sa-môn, còn được gọi là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo có nghĩa là Khất sĩ, Vô sanh, Phá ác v.v... Như vậy, Sa-môn là từ chỉ chung những người xuất gia, Tỳ-kheo là từ chỉ riêng những người xuất gia theo đạo Phật.

***Tâm thức thông suốt tận nguồn gốc.***

Đã xuất gia theo Phật phải thấu suốt nguồn gốc tất cả pháp, tức thấy rõ bản chất của chúng. Tất cả pháp hữu vi có tạo tác, có làm ra,

có thể gọi tên, có thể nhận biết, có thể tưởng tượng v.v... đều do duyên hợp mà thành, không có tự thể, không có bản ngã. Kể cả tâm thức cũng là pháp có thể nhận biết, tưởng tượng..., luôn luôn dao động, nên cũng nhiếp thuộc pháp hữu vi, do duyên hợp mà thành, không phải pháp thật.

Kinh Kim Cang Phật dạy: “Hễ có tướng đều là hư vọng”. Hay: “Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như điện, nên khởi quán như thế.” Thấy như vậy, quán như vậy là thông suốt tận nguồn gốc các pháp.

### ***Thấu rõ pháp vô vi.***

Thấu rõ pháp vô vi là thấu rõ bản tâm. Bản tâm chân thật không phải tạo tác, không do duyên hợp thành, như hư không không hình tướng, không thể thấy biết, nhưng trùm khắp tất cả.

Bản tâm hiển dụng qua mắt biết thấy, qua tai biết nghe, qua mũi biết mùi, qua lưỡi

biết vị, qua thân biết đứng đi..., qua ý biết nghĩ suy phân biệt... Như vậy, tánh thấy nghe hiểu biết là diệu dụng của tự tánh, không do duyên hợp thành, nên hằng hữu, không sanh không diệt.

Giả sử nói thấy là do mắt, khi móc mắt ra còn thấy nữa không? Nếu mắt thật sự thấy, bỏ ra ngoài cũng phải thấy, khi chết mắt còn cũng phải thấy, nhưng sự thật không phải vậy. Mắt chỉ là nơi tự tánh thể hiện cái biết thấy, không phải mắt thấy. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy, không thể tự thấy biết, chỉ là chỗ để tự tánh hiển dụng mà thôi.

Như đèn không tự sáng, phải nhờ điện mới sáng. Điện đi qua bóng đèn làm đèn sáng, cấu tạo của đèn là để chuyển năng lượng thành ánh sáng, phục vụ cho nhu cầu con người. Cũng vậy, tự tánh chúng ta qua mắt biết thấy, qua tai biết nghe, qua mũi biết mùi, qua lưỡi biết vị, qua thân biết đứng đi chạy nhảy..., qua ý biết nghĩ suy, phân biệt... Thân này là chỗ chuyển tải

diệu dụng của tự tánh, bản thân nó chỉ là pháp hữu vi, có sanh có diệt. Khi tự tánh ra khỏi thân, thân chỉ còn là một cái xác bất động như mọi pháp vô tình khác, vẫn còn mắt tai mũi lưỡi thân, nhưng không thể thấy nghe hiểu biết được nữa.

Tự tánh, bản tâm chúng ta chính là Niết-bàn, là đạo, không hề có Niết-bàn, có đạo bên ngoài. Khi nhận được tự tánh, sống trở lại với tự tánh, gọi là thể nhập Niết-bàn, là khế hội đạo.

Như vậy, hiểu được pháp hữu vi do duyên hợp thành, giả dối không thật; thấu rõ pháp vô vi là chính tự tánh mình, thể nó thanh tịnh trùm khắp, dụng nó vi diệu biến hiện. Hiểu rõ như vậy, thể nhập như vậy, gọi là thấu rõ pháp vô vi.

Như vậy, một vị Sa-môn chân chánh phải sống đúng với ý nghĩa xuất gia, thấu rõ nguồn gốc các pháp, nhận và sống được với tự tánh mình.

***Các Ngài giữ 250 giới.***

250 là tổng số giới được Phật chế định cho Tỳ-kheo suốt thời kỳ giáo hóa, ở đây lấy làm tiêu biểu. 12 năm đầu Đức Phật không chế giới, chỉ dạy một bài kệ giữ thân tâm thanh tịnh:

*Giữ miệng, ý thanh tịnh,  
Thân hành cũng thanh tịnh,  
Ba nghiệp đều thanh tịnh,  
Đạo Như Lai tu hành.*

Giữ ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh là chánh đạo của Như Lai. Chư Tỳ-kheo theo đây tu hành, tự nhiên nghiệp cũ tiêu, nghiệp mới không sanh, phạm hạnh lập, sanh tử dứt, không còn thọ thân sau.

Về sau, số chúng tăng dần, xuất hiện những Tỳ-kheo không giữ được ba nghiệp hoàn toàn thanh tịnh, bắt đầu phạm lỗi lầm. Mỗi lần Tỳ-kheo phạm lỗi, Phật chế một giới, có trọng có khinh. Giới trọng như sát sanh, trộm cướp, dâm dục v.v...; giới khinh như chứa thức ăn qua

đêm, trang sức, đi đêm v.v... Thường những giới chỉ ảnh hưởng đến sự dụng công cá nhân là giới khinh, những giới có thể gây tạo ác nghiệp, có quả báo xấu là giới trọng.

12 năm đầu, cả giới trọng Đức Phật cũng không chế, vì chư tăng khi ấy tu hành thanh tịnh, vừa nghe pháp liền ngộ đạo, chứng các quả hiền thánh, không hề tạo lỗi nên Phật không chế giới. Sau này, chư tăng đông dần, nhiều vị chưa đắc quả, bắt đầu có phạm lỗi, Phật mới theo đó chế định giới điều. Theo quan điểm đại thừa, các vị tăng phạm lỗi là chư Bồ-tát thị hiện, tạo nhân duyên để Phật chế giới, làm chỗ y cứ cho chư tăng thời sau.

***Đi đứng ngồi nằm đều thanh tịnh.***

Quý Ngài thực hành Tứ niệm xứ một cách miên mật. Luôn quán thân như thân niệm xứ, tâm như tâm niệm xứ, thọ như thọ niệm xứ, pháp như pháp niệm xứ. Đi biết đi, đứng biết đứng, ngồi biết ngồi, nằm biết nằm. Đắp y, mang bát, thọ thực, kinh hành, nói năng, im

lặng, ngủ nghỉ v.v..., đều biết rõ ràng, tâm luôn chánh niệm, không dao động, thể giác sáng ngời, trong sạch thanh tịnh.

***Thực hành bốn Chân Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành A-la-hán.***

Thấy rõ chân lý thế gian là khổ (khổ đế); biết nguồn gốc của khổ chính là ái (Ái tập khổ tập đế); tin rằng diệt ái sẽ dứt khổ, tâm thanh tịnh an lạc (Ái diệt khổ diệt đế); thực hành theo phương pháp Phật dạy để trừ ái diệt khổ (Ái diệt khổ diệt đạo đế).

Phật dạy 84.000 pháp môn, phương tiện xảo diệu, ai cũng có thể dùng được. Mỗi vị theo căn cơ mình chọn pháp tu thích hợp để diệt trừ gốc ái, thể nhập tự tánh thanh tịnh. 25 vị thánh trong kinh Lăng Nghiêm, mỗi vị tu pháp khác nhau nhưng quả chứng như nhau. Tôn giả La-hầu-la quán hơi thở thành tự Tứ quả A-la-hán, Quý phi Khê-ma quán sát hóa tiên nữ từ thiếu nữ dần chuyển già rồi ngã ra chết, ngay đó ngộ

lẽ vô thường, đắc thành thánh quả. Và còn nhiều ví dụ như thế.

Chọn pháp tu nào không quan trọng, miễn phù hợp căn cơ mình, có thể diệt được ái, thành tựu được Niết-bàn, chứng nhập thể tánh, tự tại sanh tử v.v..., thì đều là chánh pháp, là Đạo đế.

Dù trong Đạo đế, Đức Phật chỉ nêu tượng trưng 37 phẩm, gọi là trợ đạo, nhưng thật ra pháp Phật dạy có đến tám muôn bốn ngàn, phù hợp mọi căn cơ chúng sanh. Pháp môn nào giúp chúng ta nhận được chân lý, diệt được ái nhiễm, thể nhập được bản tâm đều nhiếp thuộc Đạo đế.

***A-la-hán là bậc có thể phi hành, biến hóa, mạng sống lâu dài, khi an trụ thì trời đất rung chuyển.***

Khi đã đắc quả A-la-hán có thể phi hành biến hóa, nhưng không có nghĩa là chỉ có A-la-hán mới có thần thông. Nhiều vị chưa đắc Thánh vị, nhưng do tu thiền định vẫn có thần thông, như Đề-bà-đạt-đa hay một số tu sĩ ngoại

đạo. Tuy nhiên, họ chỉ có năm thân thông, không đủ sáu thông, thiếu Lưu tận thông. Phi hành, biến hóa thuộc Thần túc thông, ngoại đạo cũng có. Cho nên, đây không phải là đặc điểm thật sự của A-la-hán. Chỗ khác biệt của A-la-hán là phá phiền não, chứng vô sanh.

“Mạng sống lâu dài” có nghĩa là khi A-la-hán xả thân này liền vô sanh, tức không còn sanh tử luân hồi. Các Ngài vẫn có thể tự tại ra vào sanh tử nếu muốn, nhưng không phải bị nghiệp lôi vào, nên gọi là vô sanh. Vô sanh không có nghĩa là vô tử, nghĩa là nếu mang thân, các Ngài vẫn sẽ chết, nhưng muốn chết lúc nào tùy ý, trừ trường hợp trả nghiệp như Ngài Mục-kiền-liên, bị đánh đập đến nát thân, nên phải Niết-bàn.

Các vị A-la-hán có thể kéo dài tuổi thọ dài lâu, nhưng không phải là vĩnh viễn. Như 18 vị La-hán đang thờ trong chùa, có vị còn giữ nhục thân từ thời Phật, vẫn ở thế gian chưa nhập diệt, mang trọng trách hộ trì tăng đoàn,

giữ gìn Tam bảo cho đến khi thời giáo hóa của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kết thúc.

Quốc sư Ngô Đạt từng được một trong 18 vị La-hán là tôn giả Ca-nặc-ca giúp hóa giải chướng nạn. Tôn giả hóa thân thành một thầy tăng ghé lữ đến chùa quấy bát, tức dừng trụ lại một thời gian chớ không phải thường trú. Khách tăng đến quấy bát vẫn được hưởng bốn sự cúng dường như tăng thường trụ, vì Tam Bảo thuộc về chúng tăng khắp mười phương. Do bệnh của tôn giả thuộc bệnh truyền nhiễm, dễ lây lan, nên đa số chúng tăng không dám gần gũi chăm sóc. Duy có sa-di Ngô Đạt khởi lòng thương xót, thường tắm rửa, giặt giũ, lo cho Ngài đến khi hồi phục. Đây là tôn giả thị hiện thử tâm chúng tăng, rất tiếc chỉ có Ngài Ngô Đạt kết được duyên lành này. Sau này, khi được phong Quốc sư, Ngài bất giác khởi tâm kiêu mạn liền bị oan gia thừa dịp báo oán, được tôn giả trợ giúp hóa giải, vượt qua nghiệp chướng, từ đó tiếp tục con đường tu hành, và để lại cho

người sau bộ Từ Bi Thủy Sám như một lời cảnh tỉnh chân tình.

Tôn giả Tân-đầu-lô Phả-la-đọa cũng là một trong 18 vị La-hán, giữ trọng trách làm giám trai sứ giả cho các đại lễ trai tăng. Nếu thí chủ chí thành và đủ phước đức, Ngài sẽ trực tiếp đến, còn bình thường Ngài chỉ cảm ứng chứng minh thôi. Lịch sử có ghi lại hai lần Ngài đến dự trai tăng. Một lần, Ngài thị hiện là vị Hòa Thượng rách rưới, trai chủ và cả hội chúng không ai đoán hoài, Ngài tự lên báo tòa Tân-đầu-lô ngồi. Thấy Ngài khùng khùng, không ai tiếp đãi, cũng không dâng thức ăn. Ngồi một lúc, Ngài nói: Chẳng ai cho ăn, thôi ta đi vậy! Nói rồi vận thần thông bay đi, lúc đó mọi người mới vỡ lẽ, biết Ngài là tôn giả Tân-đầu-lô Phả-la-đọa.

Có chùa còn thờ tới 500 vị La-hán, vì cho rằng các vị còn trụ thế hộ pháp. Do đó thấy, A-la-hán có thể tùy ý kéo dài thọ mạng vì một sứ mệnh nào đó, xong việc mới xả thân. Như tôn giả Đại Ca-diếp, vâng lệnh Phật Bốn sư đọi Phật

Di Lạc ra đời trao lại y bát, nên vẫn còn trụ thế, nhập định ở núi Kê Túc.

Như vậy, mạng sống lâu dài có thể hiểu là tùy ý kéo dài thọ mạng, trừ trường hợp trả báo như ngài Mục-kiền-liên, hoặc không có sứ mệnh hay hạnh nguyện gì thì sẽ theo thọ mạng mà xả thân.

Có khi thọ mạng chưa dứt vẫn có thể tự tại xả thân, như khi Đức Phật tuyên bố ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn, nhiều vị không cứng cõi chứng kiến Phật Niết-bàn nên đã viên tịch trước, trong đó có 500 vị Tỳ-kheo-ni. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng tịch trước với nhiệm vụ cung đón Phật. Nên nói A-la-hán tự tại sanh tử là vậy.

***Khi an trụ thì trời đất rung chuyển.***

Các vị La-hán hay Bồ-tát, khi an trụ trong thiền định có thể làm trời đất rung chuyển. Chúng ta ít phúc báo và không có thần thông, nên không cảm nhận được, chỉ có thiên địa quý thần mới cảm nhận được. Quý Ngài thường ở lẫn trong nhân gian, hoặc nơi núi rừng, đồng

trống..., hoặc trụ già-lam làm hộ pháp. Các Ngài luôn quanh ta, sớm hôm hộ trì Tam Bảo, chỉ là mắt phàm chúng ta không thể thấy biết.

***Dưới là A-na-hàm: A-na-hàm khi tuổi thọ hết, Giác linh sinh lên cõi Trời thứ 19, tiếp tục tu hành đến khi chứng A-la-hán.***

A-na-hàm dịch là Bất lai (không sanh lại). Các vị chưa tự tại sanh tử, nên khi tuổi thọ hết phải thọ sanh, không thể tùy ý kéo dài thọ mạng. Nhưng vì ngũ hạ phần kết (thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân) đã dứt, ba cõi không trói buộc được, nên không sanh vào ba cõi phàm phu, lại chưa đủ công đức nhập Niết-bàn, nên sanh lên cõi riêng dành cho A-na-hàm, gọi là cõi trời thứ 19. Cõi này trên tứ thiên sắc giới thứ 18 nên gọi là cõi thứ 19. Gồm năm bậc, gọi là ngũ A-na-hàm thiên (5 cõi trời A-na-hàm): Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh. Các Ngài sanh về đó tiếp tục sự tu hành dang dở, cho đến khi chứng A-la-hán.

***Dưới là Tư-đà-hàm: Tư-đà-hàm chỉ còn một lần sanh lên cõi trời, và một lần trở lại cõi người là đắc quả A-la-hán.***

Tư-đà-hàm dịch là Nhất lai (một lần trở lại), còn một lần sanh lên cõi trời và một lần trở lại nhân gian là đắc quả A-la-hán, vì trên cõi trời Dục giới không thể đạt quả A-la-hán, phải ở cõi người mới viên mãn được.

***Cuối cùng là Tu-đà-hoàn: Tu-đà-hoàn còn bảy lần sinh bảy lần tử nữa mới chứng A-la-hán.***

Tu-đà-hoàn dịch là Thất lai, nghĩa là còn bảy lần sanh tử nữa sẽ đắc quả A-la-hán. Còn được dịch là Nhập lưu (nhập vào dòng Thánh), Dự lưu (dự vào dòng Thánh), Nghịch lưu (ngược dòng phàm).

Số bảy là số tượng trưng ý nghĩa viên mãn. Nói còn 7 lần sanh tử là muốn nói khi Tu-đà-hoàn công phu viên mãn liền đắc A-la-hán, không phải thực sự phải trải qua bảy lần sanh

bảy lần tử, lúc nào sạch hết các lậu là lúc đó chúng Thánh quả, hoặc nhanh hoặc chậm, nhưng quyết không còn đọa ba đường dữ.

Như có việc mình dự trừ thời gian năm ba năm sẽ làm xong, nhưng gặp nhiều duyên thuận thì xong sớm, gặp nhiều duyên nghịch thì thời gian sẽ kéo dài ra. Việc tu cũng vậy, tùy theo nhân duyên bên ngoài và sự dụng công bên trong mà thời gian viên mãn công hạnh tăng hay giảm, sớm hay muộn.

Tổ Vân Môn có ba đời quá khứ không xuất gia, ở thế gian làm quốc vương, nên công phu tu của Ngài chậm hơn so với huynh đệ cùng thời là Thiên sư Tri Thánh. Hay như Đức Phật nói trong kinh Pháp Hoa, Ngài và đức Di Lặc vốn phát tâm đồng thời, nhưng Ngài Di Lặc thích đến nhà giàu kết duyên nên có tên là Cầu Danh, và cũng vì thế mà chúng quả chậm hơn Đức Thích Ca đến một kiếp.

***Đoạn trừ ái dục như chặt đứt tứ chi, không còn dùng lại nữa.***

Phàm phu chúng ta đối với ái dục nay đứt mai lấy, nhỏ xuống ngậm lên, việc tu một nắng hai mưa. Chư Thánh Thanh văn không vậy, các Ngài dứt ái dục như chặt tứ chi, không dùng lại nữa, đã đứt là đứt hẳn nên mới thành tựu đạo quả nhanh như vậy. Chúng ta nếu kiên trì tu tập cũng sẽ được vậy. Nên nói, người hạ căn tu từ từ, nhưng tinh tấn, kiên trì không mỗi mệ cũng sẽ thành tựu như các vị thượng căn.

Có hai huynh đệ cùng tu, một vị nhanh nhạy thông minh, vị còn lại chậm lụt. Vị chậm lụt không ganh tị với huynh đệ, mà nói:- Huynh cứ tu nhanh theo căn cơ của huynh, còn tôi tu chậm chậm, nhưng sẽ không bao giờ dừng lại. Huynh đi trước, tôi sẽ theo sau tới nơi. Quả nhiên, sau Ngài cũng đắc quả, dù cách vị kia khá lâu. Việc tu chúng ta cũng vậy, dù căn cơ chậm lụt mà đi mãi cũng tới.

Đối với ái dục, nếu không chặt đứt ngay được, cứ từ từ kiên nhẫn mài mòn, đến một lúc nó sẽ hết. Như tình thương thân nhân, chúng ta không cần giảm hay dứt, mà chỉ cần nâng tình thương chúng sanh lên bằng với tình thương thân nhân, tự nhiên ái nhiễm sẽ từ từ giảm. Người tu vốn tu hạnh từ bi, nên tình thương phải nhân rộng lên chứ không phải bó hẹp lại. Khi tình thương chúng sanh đủ rộng, đủ lớn, ái nhiễm thân thuộc tự nhiên sẽ mất, vì lúc đó ai chúng ta cũng thương như thân nhân, đâu còn riêng ai là thân nhân, chỉ có lòng từ bi rộng lớn, mà không có tâm ái nhiễm buộc ràng. Đây là cách để đoạn ái dục vậy.

Đức Phật thường nói:- Ta thương chúng sanh như La-hầu-la. Người tu phải có tình thương yêu rộng lớn như vậy, chứ không phải tu rồi trở nên lạnh lùng, không tình cảm, vì đó không phải lời Phật dạy.

Nhưng từ bi phải đi đôi với trí tuệ, thương mà không đắm. Tình thương đủ rộng sẽ

không nhiễm đấm, dính chấp. Chúng ta thường thương riêng một vài người, rồi đòi hỏi họ phải thương lại, nếu không sẽ oán hờn trách móc. Thương như vậy gọi là ái nhiễm. Tu làm sao chỉ có tình thương thuần túy, ai cần giúp đỡ liền vui vẻ trợ giúp, không phân biệt thân sơ, xong việc rồi thôi, không phải lúc nào cũng gần gũi cận kề, quyến luyến không rời, đó là ái nhiễm, không phải tình thương trong sạch. Tu đừng để trở thành lãnh đạm, cũng đừng rơi vào nhiễm đấm. Lãnh đạm cản trở hạnh độ người, ái nhiễm chướng công phu tu tập. Cả hai đều phải bỏ.

## CHƯƠNG 2

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** “Sa-môn là bậc xuất gia, đoạn dục, dứt ái, nhận biết nguồn tâm của mình, thông đạt giáo lý sâu xa của Phật, tỏ ngộ pháp Vô vi, trong không sở đắc, ngoài không sở cầu, tâm không bị trôi buộc nơi Đạo, cũng không kết nghiệp, không nghĩ nhớ, không tạo tác, chẳng tu, chẳng chứng, không trải qua các quả vị mà tự cao tốt. Đó gọi là Đạo!”

**Giảng:**

Đạo có rất nhiều tên, như: Phật tánh, Phật tri kiến, Bản tâm, Bản tánh, Chơn như, Viên giác v.v... Tại sao có nhiều tên như vậy? Vì nó vốn không tên.

Trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử nói: “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh.” (Đạo có thể chỉ được, tức chẳng

phải đạo thường hằng; tên có thể gọi được, tức không phải tên vĩnh cửu).

Đạo là chỉ chỗ cao tốt, thường hằng, bất biến, vốn không tướng nên cũng không tên. Do không tên nên có nhiều tên, mới nghe qua như khó hiểu, nhưng ngẫm kỹ lại rất đơn giản. Ví dụ muốn nói về một người không biết tên, mình sẽ tả người đó hoặc cao thấp (theo chiều cao), hoặc mập ốm (theo thể hình), hoặc mặt vuông tròn (theo gương mặt), hoặc da trắng đen (theo nước da), hoặc già trẻ (theo tuổi tác)...

Cũng vậy, đạo không tướng không tên nên chúng ta nương vào những diệu dụng, tính chất khác nhau mà đặt cho nó những tên khác nhau. Gọi là Phật tri kiến vì tất cả chúng sanh đều có cái thấy biết như Phật. Gọi là Bản tâm, vì đó là tâm gốc, tâm nguồn, nhận biết được tất cả mà không bị nhiễm nhơ. Gọi là Chơn như vì nó chơn thật, như như bất động...

Như vậy, tùy theo thể dụng mà Đạo có nhiều tên gọi khác nhau. Sau này, Thiền tông

còn gọi Đạo là chủ nhân ông, bản lai diện mục, vô vị chân nhân v.v..., đều là để chỉ tự tánh chúng ta.

Đây là ý nghĩa chữ Đạo của chương này.

***Sa-môn là bậc xuất gia, đoạn dục, dứt ái.***

Đã xuất gia phải đoạn dứt ái dục, đoạn tất cả dục ái mới đúng ý nghĩa Sa-môn. Trong trăm ngàn người tu, được một người xuất gia đúng với ý nghĩa xuất gia này là rất khó, nhưng chúng ta phải luôn tự sách tấn, lấy đây làm mục tiêu để vươn lên.

Xuất gia có ba nghĩa: Xuất thế tục gia, xuất phiền não gia, xuất tam giới gia.

Xuất thế tục gia là ra khỏi nhà thế tục: Tất cả những gì còn dính dáng đến thế gian như danh lợi, tài sản, tình ái, sự nghiệp, đam mê v.v... đều phải buông bỏ. Đó mới phù hợp với ý nghĩa ra khỏi nhà thế tục.

Xuất phiền não gia là ra khỏi nhà phiền não: Tất cả những điều làm mình bất an như thương ghét, não hận, đố kỵ, tham lam, kiêu ngạo v.v... đều phải buông bỏ, phải xa lìa. Tu làm sao phải giảm dần phiền não cho đến khi sạch hết mới đúng, tu mà phiền não ngày một tăng là đang tu sai. Khi xuất gia rồi phải tìm được cái vui của đạo, phiền não bớt dần, niềm vui tăng lên, càng tu càng an vui, như vậy mới là tu đúng. Ứng dụng những lời dạy của Phật như rải lòng từ, quán nhân duyên, xét nhân quả..., tự nhiên trí tuệ ngày một tăng, phiền não nghiệp chướng dần tiêu dứt. Pháp Phật là chân lý, không ai nương lời dạy của Phật mà không giảm mê tăng trí, dứt não được an. Nếu ai tu mà còn phiền não là vị ấy chưa thực hiện được lời dạy của Phật, lòng từ chưa đủ, trí tuệ chưa sáng... nên gặp việc mới sân, mới não. Đây là ý nghĩa thứ hai của xuất gia. Nếu ra được nhà thế tục thì ra khỏi nhà phiền não sẽ rất dễ, bởi chẳng còn gì vướng bận tự nhiên cũng không còn gì để não phiền.

Xuất tam giới gia là ra khỏi nhà ba cõi. Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Chỉ đến quả vị A-la-hán mới hoàn toàn ra khỏi ba cõi, tự tại sanh tử. Khi ra khỏi nhà phiền não cũng đồng thời ra khỏi nhà ba cõi, vì dứt tất cả phiền não là đắc A-la-hán. Phiền não giảm một phần là tâm cảnh tiến một bước. Phá được thân kiến, giới cấm thủ và nghi thì chứng Tu-đà-hoàn, tức quả dự lưu (bắt đầu bước vào dòng thánh); tiến đến tham sân si nhẹ mỏng là tiến lên quả Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần sanh vào cõi trời Dục nữa thôi; dứt luôn tham sân là đắc A-na-hàm, không còn sanh lại cõi phàm, riêng về cõi Trời A-na-hàm cho đến khi chứng A-la-hán; cho đến khi dứt tất cả mười kiết sử (thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, ái sắc giới, ái vô sắc giới, ngã mạn, trạo hối, si) là chứng đắc quả cuối cùng A-la-hán, hoàn toàn thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Vậy, ra khỏi nhà thế tục là nhân để ra khỏi nhà phiền não, ra khỏi nhà phiền não là

nhân để ra khỏi nhà ba cõi. Một người xuất gia chân chánh phải cố gắng làm được ba điều này.

Người thượng căn một nghe ngàn ngộ, ngộ rồi liền đoạn tận tập khí, chóng thành đạo quả. Trung hạ căn như chúng ta thì tu từ từ, dần dần cũng đến đích cuối. Đã xuất gia rồi phải quyết tâm dứt bỏ mọi ràng buộc thế gian, nguyện gắn bó trọn đời với Tam Bảo, sống chết gì cũng quyết không rời chùa. Thân ở trong chùa, tâm cũng ở trong chùa, chớ để thân trong chùa mà tâm ngoài chùa, quyến luyến pháp thế gian không bỏ. Phải xem chùa là nơi gởi thân trọn đời của mình. Như vậy mới phù hợp với ý nghĩa xuất thế tục gia.

Khi đã xuất gia rồi từng bước dọn sạch phiền não từ thô đến tế trong tâm mình, quyết không dung dưỡng thỏa hiệp. Nếu chúng ta đã ở một ngôi Tam Bảo có thầy lành, bạn tốt, có thời gian tu tập, có giáo pháp được dạy, có tứ sự tạm đủ thì nên nguyện gắn bó trọn đời để thực hiện mục đích giải thoát của mình. Nếu ở đâu

cũng thấy bất mãn, hoặc không vừa lòng huynh đệ, hoặc không vừa lòng thầy, hoặc không vừa lòng thí chủ..., cứ thế, lúc nào cũng sống với bản ngã thì đi nơi nào cũng không ở lâu được, lăn lóc trôi nổi một đời, cuối cùng không được gì, một chút pháp hỷ cũng không có, một chút thiền duyệt cũng không được, phí một đời tu hành. Thật ra, pháp không lỗi, duyên không lỗi, chỉ lỗi tại tâm mình nhiều điên đảo mà thôi.

Đức Phật dạy: Đạo tràng nào có tứ sự đầy đủ, nhưng không có pháp tu, không có thầy lành dạy, trên đường tu gặp chướng ngại không biết hỏi ai, thì dù nơi đó vật chất dư dả cũng phải dứt khoát ra đi. Ngược lại, nơi nào tứ sự không dư dật, ăn mặc thiếu thốn, nhưng có thiện tri thức hướng dẫn chỉ dạy khiến mình ngộ được chân lý, thì dù vất vả gian nan thế nào cũng cố nương ở để tìm được niềm vui đạo. Người tu phải xem nhẹ vật chất bên ngoài, trọng việc tu đạo bên trong. Thứ ba là nơi nào vừa tứ sự thiếu thốn, vừa không có pháp tu, lại

không có thầy lành chỉ dạy, Phật dạy phải đi gấp, không nương ở phút giây nào cả. Cuối cùng là nơi nào vật chất đầy đủ, sung túc, lại có pháp tu, có thầy lành hướng dẫn, thì có bị đuổi cũng cố bám lại để được ở tu, vì nơi đó quá tốt cho sự tu hành của mình.

Như vậy, đến ngôi Tam Bảo nào, chúng ta phải nương theo lời Phật dạy xét xem nơi đó có giúp chúng ta tu tốt không, từ đó mới quyết định trụ lại hay dời đi, chớ không phải dựa theo bản ngã của mình.

Ở một đạo tràng nọ, có một vị thầy rất tinh tấn, rảnh ra là ngồi thiền, lại có một vị khác, rảnh ra là ngủ. Một hôm, Hòa thượng Phương trượng đi tuần liêu, thấy một vị tăng đang ngủ trong Tăng đường và một vị tăng đang tọa thiền trong Thiền đường. Hôm sau, Ngài họp chúng bảo:- Hôm qua ta tuần liêu, thấy một thầy đang vọng tưởng trong Thiền đường và một thầy đang nhập định trong Tăng đường. Người ngồi thiền Ngài bảo vọng tưởng, người ngủ Ngài bảo

nhập định. Bởi thầy tọa thiền tâm còn loạn động, còn thầy nằm ngủ thì việc đã xong, không cần thiết dụng công nữa. Thân ngủ mà tâm sáng, không còn si mê.

Thế nên, chúng ta không thể đánh giá đúng một người tu qua hình tướng bên ngoài. Việc tu bên trong mỗi người, không ai biết được, chỉ mình tự rõ mình. Ngài Huyền Trang từng nói: Uống nước lạnh nóng tự biết. Vì vậy, chỉ nên xét mình tu thế nào, đừng nhìn ngó huynh đệ tu ra sao rồi phê bình đánh giá. Lục Tổ dạy: “Thường tự thấy lỗi mình, chớ thấy lỗi người khác, nếu thấy lỗi người khác, lỗi mình đã đến bên.” Lỗi ở chỗ vướng mắc thị phi, tâm bị nhiễm ô, không thể giải thoát.

Các vị Bồ-tát Thánh tăng khi phương tiện độ người cũng có khi hiện tướng bất thiện, làm việc bất thiện. Như Hòa thượng Tế Điền mặc đồ xấu rách, ăn thịt uống rượu, cắp vật đồ của tăng v.v... Nếu nhìn theo con mắt phàm sẽ thấy Ngài tu không ra gì, phạm giới phạm trai...

Đâu biết Bồ-tát thánh hiền làm việc gì đều có nguyên do, đều vì độ người. Thế nên, nếu chưa có trí tuệ thấu triệt các pháp, không biết được thực hư chân tướng một người, một vật, thì đừng dính mắc thị phi mà tạo nghiệp chướng lành, ảnh hưởng công đức và phước đức của mình.

Dục (ham muốn) gắn liền với tham sân. Vì muốn mà được làm tăng trưởng lòng tham, như người xưa nói: lòng tham không đáy; muốn mà không được sẽ khởi sân, oán người oán trời. Rồi từ tham sân mà tạo nhiều ác nghiệp, gây họa cho chính mình trải nhiều kiếp. Thế nên, dù khó cách mấy, chúng ta cũng phải cố gắng dứt cho được ái dục.

Có một hôm, đức Phật và tôn giả A-nan đi khát thực, gặp một túi vàng ai đánh rơi dưới đất, Phật nói:- A-nan, đây là rắn độc! Tôn giả A-nan hiểu ý Phật, nên thưa:- Vâng, đây là rắn độc. Một nông dân đang làm ruộng gần đó, nghe Phật nói rắn, ông nghĩ là rắn thật, sợ nó cắn

người nên định đến bắt đem đi. Nào ngờ, ông thấy là túi vàng, vội đem về nhà, từ đó ông trở nên giàu có, tạo ruộng cát nhà. Hàng xóm ganh ghét thừa với quan là ông ăn cướp nên mới có nhiều tài sản. Quan bắt về tra tấn buộc nhận tội, ông bị hành hạ khổ sở, mới hiểu ra lời Phật nói: Đây là rắn độc. Ông ăn năn vô cùng nhưng đã muộn.

Dục gây hại rất lớn. Sở dĩ người ta phạm tội ác như giết người, cướp của, lường gạt, hiếp dâm v.v... đều do lòng tham thôi thúc. Nếu người không ham muốn, không tham lam ắt sẽ không tạo những việc ác như thế.

Thế nên, đoạn dục là điều vô cùng thiết yếu. Thời Phật, khi xuất gia rồi tài sản bỏ hết, chỉ có ba y một bát, ngày ngày khát thực nuôi sống, không danh không lợi không nhà cửa sự nghiệp..., không còn gì ràng buộc nên các vị dễ đoạn dục, do đó cũng dễ chứng Thánh quả. Còn chúng ta ngày nay tuy xuất gia nhưng vẫn còn tài sản, còn bị nhiều thứ ràng buộc, nên tâm ái

không tận được, phiền não không dứt được..., do vậy, đạo quả cũng khó chứng được.

Có một Thiền sư không bao giờ đóng cửa thất, tối Ngài tụng kinh, ăn trộm lén vào lụng đồ, Ngài bảo:- Tiền để trong tủ, con mở ra lấy, đừng làm ồn, để thầy tụng kinh. Anh mở tủ lấy hết tiền, Ngài bảo:- Con để lại chút ít mai thầy đóng thuế. Anh lấy xong đi ra, Ngài bảo:- Sao con không cảm ơn thầy? Anh nghe lời cảm ơn. Một thời gian anh bị bắt, khai có lấy của Ngài, cảnh sát mời Ngài tới, Ngài bảo:- Tôi cho chú ấy, và chú cảm ơn tôi, chú không trộm của tôi. Anh vô cùng cảm động, sau khi mãn hạn tù, anh đến xin theo Ngài xuất gia học đạo, sau này trở thành một vị tăng đức hạnh.

Một Thiền sư khác, trong thất không có bất cứ tài sản giá trị nào, một tên trộm vào lụng đồ, Ngài bảo:- Thầy chẳng có gì cho con, có cái áo lạnh đang mặc, con lấy mặc cho đỡ lạnh. Anh nhận, còn Ngài, mong manh với áo nâu sòng

mỏng rách, ngược nhìn ánh trăng, Ngài bảo:- Chỉ không thể cho con chân lý đạo.

Các vị chân tu luôn sống giản dị, không cất chứa tài sản, và luôn sẵn sàng bỏ thí mọi thứ đang có. Học theo hạnh quý Ngài, chúng ta cũng cố gắng đoạn dục tham trong tâm mình.

Đoạn dục là dứt ham muốn bên ngoài, dứt ái là bỏ tâm ái nhiễm bên trong. Tình thương dính mắc, ích kỷ... đều thuộc về ái nhiễm. Thương một ai, hay thích một vật đến không thể xa rời, không thể vắng thiếu... thuộc tình thương ái nhiễm. Thương không vụ lợi, không dính mắc, trái lòng, bình đẳng... thuộc tình thương vô duyên, không dính nhiễm, đó là lòng từ bi vô lượng của chư Phật, Bồ-tát, Thánh Hiền Tăng.

Một nữ cư sĩ thời Phật, con gái 12 tuổi chết, thân quyến đều buồn, duy bà thản nhiên, mọi người thắc mắc nghĩ rằng bà không thương con, bà đáp:- Tôi không mời nó tự đến, nó đến, tôi thương yêu lo lắng chu toàn; giờ tôi không

đuổi, nó tự đi, nó đã hoàn tất nghiệp duyên đời này của mình, tôi không có gì để buồn. Bà là đệ tử Phật, học đạo, hiểu đạo, khi có con làm tròn bổn phận người mẹ: yêu thương, che chở, dạy dỗ, nuôi nấng..., khi con hết thọ mạng ra đi, bà đón nhận với tâm bình thường, không quyến luyến, khổ đau. Đó mới thật sự là ái, thương mà không nhiễm, không bầu vịu. Ái như thế, thương như thế mới không bị đau khổ, không bị trói buộc.

Học Phật phải thấu rõ ý nghĩa ái dục, thấy được tác hại của nó đối với tâm đạo, nên kiên quyết đoạn dứt, một bề thẳng tiến trên đường đạo.

***Nhận biết nguồn tâm của mình.***

Nguồn tâm chính là tự tánh. Nguồn là chỗ xuất phát mọi thứ, đó mới thật là tâm mình. Từ chân tâm này sanh ra thân tứ đại ngũ uẩn, sanh ra các niệm thương ghét. Các phiền não tham sân... đều từ tâm sanh, các hạnh lành từ

bi, hỷ xả, trì giới, nhẫn nhục... cũng do tâm sanh, nên gọi tâm này là nguồn tâm.

Làm sao để nhận biết nguồn tâm? Kinh Lăng Nghiêm chỉ ra 25 chỗ vào: sáu căn + sáu trần + sáu thức + bảy đại. Chư Tổ tóm lại sáu cửa: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thân ngũ uẩn như ngôi nhà, sáu căn là sáu cửa, chân tâm là ngọn đèn bên trong. Ánh sáng đèn theo sáu cửa chiếu ra ngoài. Muốn thấy được đèn phải từ một trong sáu cửa đi vào. Nương tánh thấy nhận được nguồn tâm là từ cửa mắt vào, nương tánh nghe là từ cửa tai, nương tánh ngửi là từ cửa mũi, nương tánh biết vị là từ cửa lưỡi, nương hành vi của thân là từ cửa thân, nương tánh biết niệm khởi diệt là từ cửa ý.

Tánh thấy nghe hiểu biết... như mặt trăng thứ hai, không phải mặt trăng thật, nhưng nương nó có thể nhận được tự tánh. Bởi tự tánh vốn không hình tướng, hiển dụng qua sáu căn thành tánh thấy nghe... Như vậy, thấy nghe... không phải thể tự tánh, nhưng là dụng

phát ra từ tự tánh, nên nương nó sẽ nhận được tự tánh. Như ánh sáng đèn không phải là đèn, nhưng nương ánh sáng sẽ thấy được đèn.

Niệm khởi sanh diệt là bóng mặt trăng, tánh thấy nghe... là mặt trăng thứ hai, tự tánh là mặt trăng thật. Mặt trăng trên trời, chiếu bóng xuống nước, thấy tướng như thật, nhưng vớt mãi cũng không được. Vọng niệm khởi hiện trong tâm dường như là tâm, nhưng tìm lại không được, chợt sanh chợt diệt, sanh đó mất đó, nắm bắt không được, như bóng mặt trăng.

Lấy tay dụi mắt, khi nhìn lên trời sẽ thấy có hai mặt trăng, không biết mặt trăng nào là thật, khó phân biệt được thật giả vì quá giống. Tánh thấy nghe... cũng không hình tướng, không sanh diệt, không phân biệt, rất giống với đặc tánh của tự tánh, dễ lầm cho là tự tánh. Thật ra không phải, bởi nếu cho tánh thấy nghe là tự tánh, chẳng lẽ chúng ta có sáu tự tánh, một mình mình thành sáu ông Phật? Vô lý!

Thế nên, tánh thấy nghe... qua sáu căn là mặt trăng thứ hai, không phải mặt trăng thật, không phải thật là tự tánh. Tự tánh chỉ một, nhưng hiện dụng vô cùng. Qua mắt thì thấy, qua tai thì nghe... Trong kinh Lăng Nghiêm Phật nói: “Nhất tinh minh sanh lục hòa hợp”. Tự tánh chiếu qua mắt thấy được sắc, chiếu qua tai nghe được tiếng, chiếu qua mũi ngửi được hương v.v... Những cái biết này tuy không còn dính mắc, nhưng chưa trùm khắp, vẫn còn hạn cuộc trong sắc, thanh... Đó là cái biết của mặt trăng thứ hai, tuy không phải bóng mặt trăng, nhưng cũng không phải mặt trăng thật.

Chỉ khi nào nương sáu căn nhận được bản tâm. Thấy, nghe, hiểu biết... thành một, lục hòa hợp trở về nhất tinh minh, lúc đó mới là mặt trăng thật.

Muốn nhận được bản tâm phải đi vào từ các căn, từ cửa căn nhận được sự hiện diện của tự tánh. Khi nhận được tự tánh rồi mới có thể nhập, thể nhập được rồi mới có thần thông,

tự tại thọ dụng. Đến khi thể dụng viên dung, phước trí viên mãn là hoàn mãn sự tu tập của mình, đạt đến chỗ cứu kính, tức thành tựu quả Phật.

Thế nên, nhận biết nguồn tâm là điều tiên quyết trên bước đường tu tập của mỗi người. Thấy nghe hiểu biết đều từ nguồn tâm ra, vốn không dính mắc, không phân biệt. Sở dĩ chúng ta dính mắc là do tâm si mê chạy theo đối tượng, không phải tánh thấy nghe có dính mắc.

Kinh Lăng Nghiêm, đức Như Lai phóng một đạo hào quang báu đến bên phải A-nan, A-nan liền xoay đầu qua phải nhìn. Phật lại phóng một đạo hào quang đến bên trái A-nan, A-nan lại xoay đầu qua trái nhìn.

Phật hỏi A-nan:– Đầu ông hôm nay có sao dao động?

A-nan thưa:– Con thấy Như Lai phóng hào quang báu nhiệm màu đến bên phải bên trái con, nên con nhìn sang trái sang phải, khiến đầu tự dao động.

– A-nan! Ông nhìn hào quang Phật, đầu xoay qua phải qua trái. Vậy đầu của ông động hay cái thấy động?

– Bạch Thế Tôn! Đầu con tự dao động, chứ tánh thấy của con còn không có dừng, nói gì là dao động.

Như vậy, sắc có sai khác, có động tĩnh, cái thấy không sai khác và luôn bất động, không dính nhiễm. Tánh nghe, ngửi, nếm... cũng vậy. Chính từ các cửa này, đi ngược vào sẽ nhận được bản tâm thanh tịnh như như.

### ***Thông đạt giáo lý sâu xa của Phật.***

Giáo lý sâu xa là giáo lý chỉ thẳng tự tánh, nhắm đến quả Bồ-đề Vô thượng. Giáo lý Phật chia làm 5 cấp bậc, gọi là ngũ thừa Phật giáo, gồm: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa. Bồ-tát thừa còn gọi là Phật thừa hay Tối thượng thừa.

Nhân thừa dạy cho những ai còn ưa thích thú vui cõi người, muốn hưởng phúc báo nhân

gian. Thiên thừa cao hơn một bậc, dạy cho những ai đã nhàm chán cõi người, muốn sanh thiên thượng hưởng thọ ngũ dục lạc vi diệu hơn. Thanh văn thừa và Duyên giác thừa dạy cho những vị đã thấy được thể gian là khổ, muốn thoát khỏi sự trói buộc của sanh tử, không còn chịu khổ luân hồi ba cõi. Bồ-tát thừa hay Phật thừa dạy cho những vị có chí hướng thượng, muốn đến chỗ rốt ráo cứu kính, thành tựu quả vị tối thượng.

Ở Nhân thừa Thiên thừa, đức Phật chủ yếu chỉ dạy giáo lý nhân quả, tạo nhân nào hưởng quả nấy, muốn sanh ở cõi trời người hưởng phước báo nhân thiên thì phải tạo nhân lành thích hợp (giữ ngũ giới, hành thập thiện). Đối với Thanh văn thừa, Phật dạy lý Tứ đế, giúp hành giả thấu được lý khổ và cách diệt khổ dứt ái, thành tựu Niết-bàn. Với Duyên giác thừa, Phật dạy giáo lý nhân duyên, lý vô thường, giúp hành giả phá được tâm ái nhiễm, dứt phiền não, đoạn vô minh..., từ đó thoát ly sanh tử luân hồi.

Với Bồ-tát, những vị lập chí thành Phật, Phật dạy “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”, nhận được, sống được trở lại với tự tánh đều sẽ thành Phật.

Giáo lý sâu xa được chỉ dạy ở tất cả kinh điển Đại thừa, hay còn gọi là Kinh liễu nghĩa. Mỗi bộ kinh Phật chỉ dạy khác nhau, nhưng đích đến chỉ là một, đó là: Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Đó cũng là mục đích tối thượng và duy nhất của Phật, như kinh Pháp Hoa khẳng định: “Chư Phật ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên, là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến.”

Khai là mở ra, Thị là chỉ cho, Ngộ là nhận được, Nhập là thể nhập. Nghĩa là chư Phật ra đời chỉ vì một lý do lớn nhất là chỉ cho chúng sanh biết nguồn tâm, rõ tự tánh, từ đó nhận ra và sống trở lại. Còn những mục tiêu khác chỉ là phương tiện, vì chúng sanh căn cơ khác nhau nên Phật nói nhiều pháp môn khác nhau, gọi là phương tiện. Nhưng dù chỉ dạy pháp môn nào,

đức Phật vẫn muốn chúng ta nhận ra và thể nhập được Phật tri kiến, tức bản tâm hay nguồn tâm, tự tánh của chính mình.

Nhận được tự tánh tức tỏ ngộ pháp vô vi. Sở dĩ gọi là pháp vô vi vì để đối với pháp hữu vi, chớ chỗ chân thật đó vốn không có tên.

***Trong không sở đắc, ngoài không sở cầu.***

Bản tâm là cái có sẵn của chính mình, nên nhận và sống lại được không gọi là chứng đắc, nên nói “trong không sở đắc”. Khi rõ được tâm chân thật rồi tức biết tất cả pháp bên ngoài chỉ là giả dối, tự nhiên tâm không còn mong cầu, nên nói “ngoài không sở cầu”.

Nếu tu mà còn thấy có chứng có đắc tức chưa thật sự đến chỗ rốt ráo, chưa nhận được tự tánh, lầm nhận cảnh giới ảo vọng làm chỗ được, rơi vào chấp nhân chấp pháp. Kinh Kim Cang dạy: Nếu Tu-đà-hoàn cho mình chứng Tu-đà-hoàn thì vị ấy không phải Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán cũng vậy, còn thấy chứng quả tức chưa

thật chứng. Thế nên, muốn vào quả vị phải buông tâm chứng đắc, còn chấp sở chứng tức không thể chứng.

Khi tu nên giữ tâm không được không đắc. Bởi tất cả cảnh giới đều từ tâm sanh. Như chúng ta đến ngân hàng rút tiền, tuy trên tay có tiền mà không gọi là được tiền, vì tiền đó vốn dĩ của mình, không phải từ bên ngoài được. Cũng vậy, các pháp vốn từ tâm sanh, rời tâm không có pháp, không ai có thể ban pháp cho mình. Giả sử có người đến ban cho mình quả Tu-đà-hoàn thì mới gọi là chứng Tu-đà-hoàn. Nhưng sự thật là do chúng ta tu, tâm cảnh tới đó, nhận được tới đó, phá được những kiết sử đó, gọi là tới quả Tu-đà-hoàn, không do ai ban cho cả. Vốn dĩ có sẵn, chỉ vì mình tự đóng bít, giờ mình tu mở cửa đầu tiên là Tu-đà-hoàn, vốn là nhà của mình, mình tự mở ra, không ai mở giùm, nên không thể gọi là được. Nếu thấy được tức là từ bên ngoài, không phải của mình.

Thiền sư Tuyết Phong lúc đi hành cước, được nghe rất nhiều thiện tri thức khai thị, Ngài tưởng chừng như đã hiểu nhưng vẫn không ngộ đạo, đem mối nghi này hỏi sư huynh Nham Đầu. Nham Đầu bảo: “Từ cửa mà vào chẳng phải của báu trong nhà, phải từ hông ngực lưu xuất.” Ngay lời này Ngài đại ngộ, trước đó do Ngài dính chấp vào kiến giải, làm cho có sở chứng sở đắc nên không ngộ được. Chỉ khi được ngài Nham Đầu phá cho, Ngài nhận ra chỉ ở trong mình mới thật là mình, không thể từ bên ngoài được, và như vậy mới thật là chứng đắc.

Ngũ Tổ đưa Lục Tổ qua sông, Ngài cầm chèo định chèo, Lục Tổ thưa:- Để con chèo. Ngũ Tổ bảo:- Phải là ta độ ông (Trong chữ Hán, chữ độ vừa có nghĩa là đưa qua sông, vừa có nghĩa là độ thoát, nên ý Ngũ Tổ là Ta là thầy thì phải là ta độ ông, dạy ông pháp giải thoát, giáo hóa ông). Lục Tổ thưa:- Khi mê thì thầy độ, ngộ rồi con tự độ (Lúc con chưa biết, thầy chỉ dạy cho con, khi đã biết rồi, con phải tự tu tự độ, thầy

không thể tu giùm con, giải thoát giùm con). Đây cũng là câu nói nổi tiếng trong Thiên tông.

Trên đường tu, chúng ta đừng mong cầu chúng đắc. Vì vốn mỗi người tự có sẵn, chỉ cần nhận rồi tu, tu tới đâu tiến tới đó, biết tới đó. Chỉ biết thôi, đừng cho là chúng, nếu không sẽ bị dính kẹt ngay nơi đó, ngay lúc cho là được liền bị cột trói, không tiến lên được nữa.

*“Ngoài không sở cầu”* là nói theo nghĩa rộng: bất cứ pháp gì, bất cứ ai cũng đều không cầu. Vì sao? Vì tự có đủ. Mỗi người đều có kho tàng vô giá, chỉ cần quay lại sẽ tự đầy đủ, không cần cầu bên ngoài. Lục Tổ khi ngộ đã thốt lên: *“Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ.”*

Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy: Từ bi là Quán Âm, hỉ xả là Thế Chí, hay tịnh là Thích Ca, bình trực là Di Đà. Nhân ngã là Tu-di, tà tâm là biển độc, phiền não là sóng mồi, độc hại là rồng dữ, hư vọng là quỷ thần, trần lao là rùa tranh, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh.

Vậy, muốn thiện thì ngay tâm mỗi người chính là Phật, Bồ-tát. Muốn ác cũng tự biến thành rồng dữ, rắn độc... Đầy đủ tất cả, chẳng cần cầu bên ngoài. Không cần chạy lên Ngũ Đài tìm đức Văn Thù, lên núi Phổ Đà tìm ngài Quán Âm, về Tây phương lễ Phật Di Đà..., chỉ cần quay về tâm tu từ bi, hỷ xả, bình trực, tự có Phật Bồ-tát hiện thành.

Nhiều vị tu sĩ cả đời chẳng đi đâu, chỉ yên ở trong chúng, tu học công tác theo chúng, sống bình thường giản dị, không gì khác lạ, chỉ đến khi xả báo thân rồi mọi người mới biết vị ấy đã vào các quả vị hiền thánh, hoặc nếu không muốn cho người biết thì cũng không ai biết được chỗ chứng chỗ ngộ của quý ngài.

Thế nên, việc tu mỗi người chỉ tự người đó biết, không ai rõ được. Nhà Phật có câu “uống nước lạnh nóng tự biết”, là ý này vậy.

***Tâm không bị trói buộc nơi đạo.***

Chữ đạo ở đây là chỉ tự tánh mình. Đã là mình mà còn bị trói buộc thì đâu gọi là mình.

Cho nên, vừa bị trói buộc nơi đạo liền là sai. Làm sao để cầu đạo mà không bị trói buộc nơi đạo? Vì đạo là chính mình nên chỉ cần quay lại, từ từ nhận ra, thăm thăm thể nhập, không có đạo bên ngoài để cầu, để chứng.

Tu như đi trên băng mỏng, phải cẩn thận dè dặt, một chút cũng không được dính mắc, vừa khởi niệm thích đạo, cầu đạo liền là chấp trước, ắt rơi xuống hố băng. Đức Phật luôn dạy thích đạo, cầu đạo là sai, phải nhận được tánh đạo, tức tự tánh mình, rồi thể nhập. Không có gì cao siêu, không có gì bí mật.

Thiền sư dạy: Tâm bình thường là đạo. Từ việc bình thường mà quay lại thể nhập, chạy tìm bên ngoài đều sai. Cầu đạo, thích đạo đều là bị trói buộc nơi đạo, như tầm kéo kén tự trói mình.

### ***Cũng không kết nghiệp.***

Nghiệp gồm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Nói không kết nghiệp đừng làm nghĩ là không làm gì hết, mà là làm tất cả nhưng không

chấp tất cả. Như đôi bàn tay của chúng ta, vốn có thể cầm nắm và làm tất cả việc, nếu chúng ta không làm gì cả thì có tay như không tay, mất đi diệu dụng của đôi tay. Vốn dĩ tự tánh chúng ta thể hiện ra sáu căn ứng xử với sáu trần, nếu chúng ta chẳng làm gì sẽ mất đi diệu dụng của nó.

Như đôi tay chúng ta, gặp việc thì làm, làm xong là buông, tay thường trống mà thường dụng, thường dụng mà thường trống: Cần ăn cầm bát đĩa chén muống, hết ăn buông xuống, cần quét nhà cầm chổi, quét xong buông xuống... Cứ như vậy, khi dụng liền dùng, hết dụng liền buông, như có như không. Tự tánh chúng ta cũng vậy, gặp duyên thì làm, xong việc rồi buông, tâm trở về trạng thái thanh tịnh. Tâm vốn thanh tịnh, khi khởi dụng sẽ ứng duyên tiếp vật, khi không cần trở lại vắng lặng, đó gọi là không kết nghiệp. Làm mà không có gì gọi là làm, tâm chẳng dính mắc vào đâu cả, thường làm mà thường vô sự!

***Không nghĩ nhớ, không tạo tác.***

Điều này làm sáng tỏ nghĩa không kết nghiệp.

Không nghĩ nhớ là không nghĩ vị lai, không nhớ quá khứ, tâm thường lặng lẽ như ngu như ngơ. Như ngu như ngơ mà không phải thật ngu như ngơ, trái lại vô cùng sáng suốt, biết tất cả nhưng không phân biệt, không luận bàn, nên nhìn giống người ngu. Nhà Nho có câu “đại trí như ngu”, người càng trí tuệ càng giống người ngu.

Mọi pháp thế gian đều là mộng huyễn, đã là mộng huyễn thì nghĩ làm gì, nói làm chi, nên các Ngài lặng lẽ không nghĩ, im lặng không nói, không khác gì người ngu như ngơ, mặc kệ thế gian điên đảo tranh giành. Tuy nhiên như thế, nếu cần dùng ngôn ngữ để độ người, các Ngài sẽ biến thành người hùng biện tài ba, có thể giảng rộng nghĩa lý trong kinh, chỉ thẳng chỗ cốt yếu giúp người cầu học tiến tu, vận dụng khéo léo 12 bộ kinh trợ giúp cho sự thuyết giảng của mình

được phong phú, sinh động, thuyết phục, lúc đó các Ngài có nghĩ nhớ, có nói năng. Tuy nghĩ mà không nghĩ, nói mà không nói, vì không dám trước, xong việc liền buông, nên vẫn là không nghĩ nhớ, không nói năng.

Không tạo tác là không làm. Không làm không có nghĩa là không làm gì, mà là làm tất cả việc mà không dính trước, cần làm thì làm, xong việc liền buông, khi làm không dính, khi xong không trước, đó là không tạo tác. Như đến giờ tụng kinh theo chúng tụng kinh, mở miệng tán tụng lời kinh tiếng kệ, tụng xong lặng lẽ, không nói năng, không tham gia bàn luận, nói chuyện phải quấy tốt xấu của người. Tổ dạy: Để khóe miệng lên meo như chiếc quạt mùa đông. Đức Phật dạy: Im lặng như Thánh, nói năng như Thánh.

### ***Chẳng tu chẳng chứng.***

Tu là sửa. Nhưng pháp tu đúng là sống trở lại với tự tánh, mà tự tánh vốn trọn vẹn, đầy đủ, đâu cần sửa, nên nói chẳng tu. Chứng là

chúng được những gì trước nay chưa có, nhưng tự tánh vốn có sẵn, là của chính mình, chỉ cần nhận lấy là xong, không do ai cho, không cần ai chứng minh, nên nói chẳng chứng.

***Không trải qua các quả vị mà tự cao tốt.***

Tự tánh cao tốt hơn hết. Thế Tôn mới sanh, đi 7 bước, một tay chỉ trời một tay chỉ đất, tuyên bố: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn, nhất thiết thế gian, sinh lão bệnh tử." (Trên trời dưới đất, chỉ ta hơn hết, tất cả thế gian, sinh già bệnh chết). "Ta" đây là bản thể, là tự tánh, tự tâm, là đạo... Ngay đây quay trở về nhận lấy, thể nhập liền là thành Phật, không trải qua thứ bậc, quả vị, thẳng tiến đến Chánh giác. Như Long nữ trong kinh Pháp Hoa, liền đó thành Phật, đầy đủ mười hiệu.

Tuy vừa tin nhận liền là Phật, nhưng để thể nhập phải từ từ. Phật tánh không phân chia, không thứ lớp, nhưng chỗ thể nhập có sâu cạn. Dựa trên sự thể nhập cạn sâu này mà Đại thừa

chia thành 52 quả vị. Tin chắc không nghi mình có tánh Phật, quyết định sẽ thành Phật là bước vào vị Thập Tín. Trụ vững sức tin, không gì lay động được ắt tiến lên vị Thập Trụ. Thực hành mọi phương tiện giúp sự thể nhập ngày một mạnh sâu, đó là Thập Hạnh. Làm tất cả việc đều chỉ một mục tiêu là thể nhập bản thể, quay về bản thể, tức vào vị Thập Hồi Hương. Từng bước từng bước vững chắc thể nhập, càng nhập càng sâu, đó là vào vị Thập Địa. Thể nhập hoàn toàn vào bản thể như chư Phật không khác, tức tiến lên vị Đẳng Giác. Thấu rõ mọi diệu dụng không thể nghĩ bàn của bản tâm, ứng dụng tự tại, thể dụng viên mãn, chính là lúc thành tựu Phật quả.

Tuy chia thứ lớp mà thật không thứ lớp để chia. Vì tự tánh là chính mình, thể nhập là tự mình thể nhập, cạn sâu cũng là tự biết tự hay, không cần ai chứng minh, không cần ai giúp đỡ, và cũng không ai có thể giúp được. Thiền sư nói: Đó là việc nhà, người ngoài không xen vào được. Như tài sản trong kho tàng của mình, lấy được

bao nhiêu xài bấy nhiêu, mở được bao nhiêu lớp cửa thì có được bao nhiêu tài sản, khi mọi lớp cửa được mở toang tức toàn bộ tài sản tùy nghi sử dụng. Tài sản và kho tàng đều là của mình, tùy ý sử dụng, không cần xin ai, không cần ai cho phép.

Chư Phật ra đời chỉ với một mục đích duy nhất là chỉ cho chúng sanh phương cách quay về sống với chính mình. Tám muôn bốn ngàn pháp môn đều là phương tiện giúp chúng sanh đạt được điều này mà thôi. Phật dạy lìa thế gian, đoạn dục vọng, dứt phiền não, trừ ái nhiễm v.v... đều là để chúng sanh dễ dàng trở lại bản tâm, chịu nhận ông Phật thật của mình, từ đó dần dần thể nhập. Như thí dụ cùng tử trong kinh Pháp Hoa, cha phải cùng hốt phân để con chịu chấp nhận mình, sau đó mới tuyên bố nhìn con và trao cho tài sản ỨC VẠN.

Một Thiền sư nói: Đốn ngộ tuy đồng Phật, đa sanh tập khí thâm. Đốn ngộ tuy giống Phật không khác, nhưng sanh tử nhiều đời đã

tập nhiễm những thói quen xấu sâu dày, không thể một sớm một chiều bỏ được, phải buông bỏ từ từ, nên nói “đốn ngộ tiệm tu”. Ngộ tuy nhanh, nhưng thể nhập phải từ từ, mỗi ngày một ít cho đến khi thể nhập hoàn toàn.

Ngài Đại Mai Pháp Thường nghe Mã Tổ nói “tức tâm là Phật” liền đại ngộ, nhận ra chính tâm mình là Phật. Từ đó quay về tâm mà sống, không còn chạy tìm bên ngoài. Sau, Mã Tổ vì muốn kiểm chứng chỗ sống của Ngài nên sai một vị tăng đến nói:- Bây giờ Mã Tổ không dạy tức tâm tức Phật nữa, mà dạy phi tâm phi Phật. Ngài bảo:- Mặc ông già làm loạn thiên hạ, tôi chỉ biết tức tâm tức Phật. Nghĩa là ngài đã nhận ra chân lý, biết rõ mọi lời nói, hành vi của Phật Tổ đều chỉ là phương tiện, dùng phương tiện nào cũng được, bởi đích đến chỉ là một. Đến đích rồi thì phương tiện nào cũng phải bỏ, dù phương tiện có thù thắng đến đâu khi ấy cũng trở nên vô dụng. Tổ nói: Mạt vàng tuy quý rơi

vào mắt cũng thốn. Phật dạy: Đến bờ rồi phải bỏ bè.

Biết mọi lời dạy của Phật Tổ đều là phương tiện giúp chúng ta nhận và sống lại với bản tâm, nên thấy phương tiện nào phù hợp với mình thì chọn rồi ứng dụng tu. Tuy nói tu nhưng thật không có pháp tu, chỉ là trở về với tự tâm, mà tâm vốn hoàn mỹ, không cần chỉnh sửa, nên tu mà không tu. Nhận được bản tâm giống như chứng ngộ mà thật không có chỗ chứng, vì vốn là của mình, không do bên ngoài được. Nên Phật dạy: Tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng.

## CHƯƠNG 3

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Cạo bỏ râu tóc làm bậc Sa-môn, là người thọ nhận Đạo Pháp, từ bỏ tiền của thế gian, khát thực chỉ nhận đủ dùng, giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây nghỉ một đêm. Hãy thận trọng đừng tham nhiều, vì ái dục khiến người ngu mê.”**

**Giảng:**

***Cạo bỏ râu tóc làm bậc Sa-môn, là người thọ nhận Đạo Pháp.***

Người xuất gia chân chánh là người thọ nhận Đạo pháp. Đạo pháp là pháp đưa đến giải thoát, ra khỏi luân hồi sinh tử, chấm dứt mọi khổ đau.

Đạo còn có nhiều tên khác là tự tánh, tự tâm, chân như, bản thể, vô vi v.v... Nếu chúng ta quay lại, dám nhận, dám sống, từ từ thể nhập

thì đến một lúc, chúng ta sẽ hoàn toàn sống được với Đạo, với bản tâm, bản tánh mình.

Pháp đây là Chánh pháp, là pháp của tự tâm, là diệu dụng của tự tâm, như pháp từ, bi, hỷ, xả v.v..., những pháp ích người lợi mình. Ích lợi trong Phật pháp là ích lợi chân chánh, có lợi cho sự tu tập giải thoát, như các pháp không tham, không sân, không si v.v...; có lợi cho quả báo, như các pháp bố thí, cúng dường, tùy hỷ v.v...

Người thế gian chỉ thấy cái lợi trước mắt, không nghĩ đến ích lợi lâu dài, nên không thích bố thí cúng dường. Họ cho rằng tài sản kiếm được rất khó khăn, phải để tự mình hưởng thụ, sao lại cúng cho người không quen? Nhưng như vậy là xài phước cũ của đời này, mà không tạo nhân lành mới cho đời sau. Người nông dân khi thu hoạch xong, không dùng hết mà để dành một số làm giống cho năm sau, đó là cách làm ăn lâu dài. Nếu dùng hết là đoạn dứt kho lúa của mình. Cũng vậy, đời này giàu có là do hưởng

quả bố thí đời trước, nếu đời này không tiếp tục tạo nhân, đời sau sẽ không còn giàu nữa.

Bà Vi-sa-kha, một đại thí chủ thời Phật, thuộc gia đình Phật tử thuần thành, từ nhỏ đã theo cha mẹ học Phật pháp. Lớn lên lập gia đình, nhưng gia đình chồng lại tu theo ngoại đạo. Một hôm, bà đứng hầu cha chồng ăn cháo, một Tỳ-kheo khất thực dừng lại trước cửa, bà nhắc cha chồng để bát cúng dường nhưng ông làm ngơ. Bà thưa với Tỳ-kheo: “Tôn giả, xin hãy đi! Cha con đang ăn cháo thiêu.” Cha chồng tức giận, ông đang ăn thức ngon sao lại nói ăn cháo thiêu. Bà giải thích vì cha chỉ biết xài phúc báo đời trước mà không biết bố thí cúng dường để tạo phúc cho đời sau, có khác gì đang ăn thức ăn của ngày hôm qua, tức ăn đồ thiêu.

Người biết tu hiểu rõ nhân quả, kiếm lợi chân chánh theo Đạo pháp. Những việc bố thí cúng dường thấy như không có lợi trước mắt, nhưng lợi lớn sau này thì nhiều vô cùng. Làm ra nhiều tiền không thực sự là “ích mình”, biết cho

ra, biết làm thiện mới đúng thật “ích mình”, không phải chỉ lợi một đời mà còn kéo dài đến nhiều đời sau.

Tương tự, người tu biết nhẫn chịu là biết làm lợi ích cho tâm đạo của mình. Thường khi thấy một người tu bị bắt nạt mà dường như phải nhẫn chịu, chúng ta hay khởi tâm xót thương, đâu biết vị đó mới là người giàu có bậc nhất, vì có công đức của nhẫn.

Công đức của nhẫn rất lớn, bổ thí, trì giới không thể sánh bằng. Ai càng bị ăn hiếp, càng nhẫn thì sẽ càng giàu công đức. Đạo pháp của người xuất gia là vậy, là pháp thoát ly sanh tử, là đạo vô vi, đi ngược với quan niệm thông thường của thế gian. Nên nói tu là đi ngược tình đời.

### ***Từ bỏ tiền của thế gian.***

Đã là người tu thọ nhận Đạo pháp, đi ngược tình đời, theo con đường thoát ly sanh tử, thì phải từ bỏ tiền của thế gian, không cất chứa, giữ riêng. Nếu có tiền cũng đem bố thí cúng

dường tạo phước. Trong chùa, chỉ có thú bốn là được giữ tiền, vì đó là tài sản chung của chùa, dùng để chi trả tiền điện, nước, ăn uống, bệnh tật v.v... của chúng. Giả sử gặp lúc khó khăn, Tam Bảo không có nhiều tiền, chúng phải sống kham khổ, bệnh không tiền điều trị..., chúng ta cũng hoan hỷ nhẫn chịu, chấp nhận mọi nghịch cảnh.

Ngài Phú Lô Na (trùng tên chứ không phải Tôn giả Phú Lô Na, vị thuyết pháp đệ nhất), xin phép Phật tới một nơi nọ hành đạo. Phật bảo:- Ta nghe nơi đó dân chúng hung dữ, giả sử họ mắng ông thì sao? Tôn giả thưa:- Bạch Thế Tôn! Con sẽ cảm ơn họ vì không đánh con. - Nếu họ đánh ông thì sao? - Con sẽ cảm ơn họ vì không giết con. - Nếu họ giết ông thì sao? - Con càng cảm ơn họ vì đã giúp con xả được thân ô uế này. Phật khen ngợi:- Lành thay! Nếu ông làm được vậy thì hãy đến đó giáo hóa. Thế là, Ngài đến đó hành đạo. Với tình thương bao la và sức nhẫn mãnh liệt, Ngài đã cảm hóa được cả

làng khiến đều quy y Tam bảo, bản thân Ngài cũng đắc Thánh quả A-la-hán, rồi Niết-bàn tại đây.

Với người chân chánh tu hành, khi cần xả thân sẽ vui vẻ xả bỏ, không luyến tiếc cũng không sân hận.

Khi hành hạnh thí xả phải hành từ dễ đến khó. Đầu tiên xả bỏ tài sản, vật chất bên ngoài, sau mới đến xả thân, rồi xả tâm. Nếu tài sản bên ngoài không xả được, làm sao có thể xả thân, nói gì đến xả tâm? Nên người tu muốn cầu đạo, nhất định phải bỏ được tiền của thế gian.

***Khất thực chỉ nhận đủ dùng, giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm.***

Người tu không chỉ xả tài sản, còn không được tham mê ăn uống, ngủ nghỉ. Bốn thứ cúng dường (thức uống ăn, y phục, giường ngủ, thuốc thang) chỉ nhận đủ dùng. Nếu thí chủ cúng nhiều cũng đem thí xả chớ không cất chứa.

Giữa ngày chỉ ăn một bữa, một gốc cây chỉ ngủ một đêm. Phật quy định dưới một gốc cây không được ngủ quá ba đêm. Vì Ngài không muốn chư tăng sanh tâm đắm nhiễm. Riêng với chư ni, Phật không cho ngủ bên ngoài, phải ngủ trong chùa, vì ni ở bên ngoài ban đêm sẽ nguy hiểm, dễ mất phạm hạnh.

***Hãy thận trọng đừng tham nhiều, vì ái dục khiến người ngu mê.***

Tham là do ái. Tham ái làm mất trí huệ, không thấy được các pháp vô thường biến đổi. Người có trí huệ thấu được sự vô thường của các pháp nên sẽ bỏ tâm tham dục dễ dàng. Chúng ta tuy chưa thấu lý vô thường nhưng cũng cố dứt hay bỏ bớt tâm tham, không để nó trói cột, làm chướng ngại sự tu tập. Tu là để sáng suốt cầu đạo giải thoát, cầu đạo vô vi, cầu ra khỏi sanh tử, không phải để lún vào tham ái, ngu mê. Thường tự nhắc nhở sách tấn mình, nếu không, tu một thời gian, chúng ta sẽ không biết là mình đang tu kiểu gì, tu như thế nào,

sống tạm qua ngày đoạn tháng, ngày tụng hai thời kinh coi là xong, thời gian còn lại mặc tình buông lung. Nếu cứ như vậy, tâm đạo sẽ từ từ mỏng đi, tâm dục ngày một tăng lên, mất đi ý chí cầu giải thoát ban đầu.

Chư tôn đức thường nói: "Nhất niên Phật tại tiền, nhị niên Phật thăng thiên, tam niên Phật nhập diệt", nghĩa là lúc mới tu, vì cầu đạo mà xuất gia, nên ý chí mạnh mẽ, dám bỏ hết tài sản, nhà cửa, thân thuộc đi tu, đây là giai đoạn "nhất niên Phật tại tiền" (năm đầu tiên Phật ở trước mặt). Tu một thời gian bắt đầu lơ là, tâm đạo mỏng dần, tâm thế gian tăng lên. Lúc đó mình tựa tựa như người thế gian, đây là giai đoạn "nhị niên Phật thăng thiên" (năm thứ hai Phật đã lên trời). Đến giai đoạn thứ ba "tam niên Phật nhập diệt" (năm thứ ba Phật đã Niết-bàn). Tâm đạo mất luôn, chỉ còn đầu tròn áo vuông, ham mê danh lợi, sân si như người thế gian.

Đây là tình trạng nhiều người tu không tìm được niềm vui thật sự trong đạo pháp, rồi đánh mất tâm cầu đạo ban đầu, trở thành như người thế gian, Phật gọi là cư sĩ trọc, Tổ gọi là hạng chim chuột (con dơi). Cư sĩ trọc nghĩa là hành xử như cư sĩ, chỉ khác là trọc đầu; con dơi có cánh giống chim, thói quen giống chuột, nên gọi là loài chim chuột, gọi chim cũng được, gọi chuột cũng đúng.

Tóm lại, người xuất gia chân chánh, đúng nghĩa phải là người thọ nhận đạo pháp, biết rõ và thực hành những pháp có lợi cho quả báo và sự tu tập giải thoát. Lúc nào cũng tự nhắc mình giữ vững tâm đạo, không buông lung theo tâm tham ái, trở thành cư sĩ trọc hay hạng chim chuột chôn thiên môn.

## CHƯƠNG 4

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Chúng sanh lấy mười việc làm lành, cũng lấy mười việc làm ác. Những gì là mười? Thân ba, miệng bốn, ý ba. Thân ba là sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Miệng bốn là nói hai lưỡi, nói thô ác, nói dối, nói thêu dệt. Ý ba là tham, sân, si. Mười việc như thế không thuận Thánh Đạo, nên gọi là mười hạnh ác. Nếu dứt mười hạnh ác, gọi là mười hạnh lành.”**

**Giảng:**

Mười hạnh lành này Đức Phật giảng rất rõ trong kinh Thập Thiện. Ở đây nói tóm tắt.

***Chúng sanh lấy mười việc làm lành, cũng lấy mười việc làm ác.***

Mười việc lành này quyết định chúng sanh đời sau là trời, người, hay súc sanh, ngựa quỷ, địa ngục. Nếu giữ mười điều lành này chắc

chấn sẽ sanh cõi trời người; ngược lại, làm mười điều ác cũng chắc chắn đọa ba đường dữ. Mười hạnh lành này là pháp tu của Thiên thừa, nếu giữ đủ mười điều sẽ sanh lên cõi trời, giữ ít hơn một chút thì sanh cõi người, còn không giữ thì tùy theo không giữ nhiều ít mà đọa các đường dữ khác nhau.

***Những gì là mười? Thân ba, miệng bốn, ý ba. Thân ba là sát sanh, trộm cắp, tà dâm.***

Ba hạnh ác ở thân là sát sanh, trộm cắp, tà dâm.

Sát sanh là giết hại sanh mạng chúng sanh. Số lượng chúng sanh bị giết nhiều ít, phước báo dày mỏng mà tội báo mình chịu nặng hay nhẹ. Chúng sanh thân thể càng lớn, giết chúng tội càng nhiều; còn chúng sanh thân nhỏ nhưng mình giết số lượng lớn, tội cũng thành nhiều và nặng.

Ví dụ giết một trăm con heo phải đọa địa ngục, giết một trăm con cá kèo, chưa đến nỗi rơi

địa ngục, nhưng nếu giết ngàn vạn con thì cũng phải đọa. Như mẹ ngài Quang Mục trong kinh Địa Tạng, mỗi ngày đều ăn cá trạnh con, số cá chết do miệng bà không biết bao nhiêu, nên chết rồi phải đọa địa ngục. Thế nên, giết một chúng sanh nhỏ lỗi không nhiều, nhưng giết số lượng lớn gom lại cũng thành nhiều. Tốt nhất là tập tâm từ bi, đừng sát hại bất cứ chúng sanh nào, bởi tâm sát còn thì sớm muộn cũng phạm tội. Dù người hay súc, mình đều nên khởi tâm từ bi không giết hại. Vì hễ sát sanh là có tội, hoặc lớn hoặc nhỏ. Đã có tội phải trả quả, quả nặng nhất là tội giết người, dù sau này tu đắc Thánh quả cũng phải trả báo. Vì người có tánh linh cao và phúc báo lớn hơn các loài khác, vả lại, được thân người rất khó, giết một mạng người là đoạt cơ hội làm người của họ, nên chiêu cảm quả báo nặng nhất, lại thêm bị người đó oán giận, ghi hận trong tàng thức, gặp duyên sẽ đòi lại, dù lúc đó mình đắc đạo, họ cũng không tha.

Ngài An Thế Cao, Tổ Sư Tử, Tổ Huệ Khả v.v..., do thuở xưa hại mạng người mà đời nay phải trả báo, bị họ giết lại. Kết oán với chúng sanh tự nhiên phải đền mạng, nhân quả vận hành như vậy.

Những chúng sanh thân nhỏ như trùng kiến..., vì si mê sâu nặng, không đủ sáng suốt nhận ra kẻ hại mình là ai, nên thoát được nợ “mạng đền mạng”, nhưng sự hình thành quả báo trên nhân quả vẫn vận hành, nếu giết quá nhiều cũng đọa đường dữ, ít một chút thì chiêu những tai họa khác như tật bệnh, gặp việc không thuận v.v...

Ngược lại, nếu cứu chúng sanh nhỏ với số lượng lớn, cũng sẽ được phúc báo lớn. Có một Phật tử không có tiền phóng sanh, mỗi ngày ông ra chợ xin trứng cá mà người bán bỏ đi rồi đem thả xuống sông, rất nhiều trứng cá đã nở thành con, xem như ông đã cứu được rất nhiều sinh mạng.

Mỗi người có cách làm thiện khác nhau, không phải có tiền mới làm được. Người có tâm từ bi sẽ có mọi cách làm thiện, linh hoạt, không giới hạn. Tâm lớn tới đâu quả báo tương ứng tới đó, việc thiện nhỏ mà tâm lành lớn, quả báo cũng theo đó mà lớn.

Không sát sanh không phải vì sợ tội mà vì lòng từ thương yêu chúng sanh mới là pháp lành trọn vẹn nhất.

Một thời, Đức Phật và tôn giả A-nan tọa thiền trong rừng, một chú chim sẻ bị chim ưng săn đuổi, nó sợ hãi bay đậu vào người ngài A-nan mà vẫn run rẩy. Chợt thấy Phật, nó bay sang chui vào y Ngài, nằm im an ổn, không còn run sợ. A Nan hỏi Phật:- Thế Tôn! Sao con cũng thương nó, mà nó ở chỗ con vẫn run, khi qua với Ngài thì hết? Phật đáp:- Vì ông còn tâm sát, nó cảm nhận được nên vẫn sợ. Còn Ta đã nhiều đời không sát hại chúng sanh, chỉ thương yêu che chở, nó cảm nhận được nên không còn sợ hãi.

Tâm quyết định tất cả. Do thương yêu, không muốn hại chúng sanh, không muốn chúng sanh đau khổ nên không đành giết, trộm, tà hạnh, đó là tâm lành bậc nhất, sẽ theo mình đời đời kiếp kiếp. Còn nếu vì sợ tội, chỉ giữ trên thân, tâm ác vẫn còn, qua đời khác, không gặp Phật pháp, không biết nhân quả, không còn sợ tội nữa, chắc chắn sẽ lại làm ác.

Sở dĩ người ta sát sanh hại vật, mua gian bán lận, cướp gạt, hiếp dâm v.v..., làm các việc ác không ngừng là vì họ không biết nhân quả, không tin tội phước, chỉ nghĩ lợi trước mắt. Còn người biết sợ tội sẽ không bao giờ dám làm não hại chúng sanh.

Với người hiểu chân lý, biết mọi pháp đều bắt nguồn từ tâm, tự nhiên sẽ vâng lời Phật dạy tu tập tâm từ, nuôi dưỡng lòng từ. Tâm đó theo mình mọi lúc mọi nơi, đời này và mãi những đời sau. Dù gặp Phật pháp hay không, chỉ cần có lòng từ tự nhiên sẽ không nỡ hại mạng chúng sanh, không nỡ xâm phạm tài sản

người, phá hoại tiết hạnh người, phá gia cang người v.v... Tất cả những điều làm chúng sanh đau khổ đều không làm.

Khổng tử nói nghĩa vụ của một người quân tử là “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Muốn bình thiên hạ trước phải trị quốc, muốn trị quốc trước phải tề gia, muốn tề gia trước phải tu thân. Tu thân mở đầu mọi sự nghiệp. Chư Thánh kiến giải tương đồng, quý Ngài đều xem trọng tu sửa bản thân, tức tu tâm.

Chư tiên đức đạo Nho Khổng quan niệm Tu tâm có bảy thứ bậc và lấy đó làm thước đo một vị chính nhân quân tử. Đó là Đạo, Đức, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Cảnh giới cao nhất của tâm là thấu đạo, tức hiểu rõ chân lý. Chân lý của vũ trụ là vạn pháp vô thường biến dịch, nhân duyên hội hợp mà thành; chân lý của nhân sinh là tất cả chúng sanh đều bình đẳng, đều chịu khổ sanh già bệnh chết, không ai tôn quý hơn, đê tiện hơn. Thấu

đạo rồi tự nhiên tâm thanh tịnh, vui với đạo, không còn tâm não hại chúng sanh.

Đức là hiền lành, giàu lòng từ. Người có đức thường quay lại tự tâm, tu sửa bản thân, không thấy lỗi người, không muốn hại ai, chỉ siêng trau dồi pháp lành trong tâm, tránh ác làm lành để thành tựu tâm đức.

Nhân là thương người. Người có lòng nhân ưa giúp người, thích đem niềm vui cho người, lấy niềm vui của người làm niềm vui của mình, khổ đau của người làm khổ đau của mình, nên chẳng sanh tâm hại ai.

Nghĩa là thấu tình đạt lý. Người có nghĩa là người biết ơn và đền ơn. Nhận của người một, muốn đền trả trăm ngàn; nhận một chút ơn nhỏ cũng ghi nhớ không quên.

Lễ là quy tắc ứng xử đối đãi với nhau. Người có lễ giữ gìn những quy điều đã được công nhận, như luật pháp, tập quán tổ tiên v.v...

Trí là biết tùy nghi ứng xử sao cho hợp lẽ. Người có trí chọn cách hành xử đúng đắn với mọi người mọi vật.

Tín là giữ uy tín. Người có tín đã hứa điều gì là giữ cho trọn, không hứa suông, hện hờ với bất cứ ai.

Đạo đứng đầu, là cảnh giới tâm cao nhất, thoát khỏi mọi buộc ràng, tùy duyên tiếp vật đối người, tự do tự tại. Nếu không thể đạt đạo thì tu đức, rèn luyện tâm, dứt ác hành thiện, trau dồi đức hạnh. Không thể luyện tâm trọn vẹn thì riêng tu lòng nhân, trải lòng yêu thương mọi người, giúp người cần giúp, không sanh tâm hại ai. Không sanh được tình thương rộng lớn thì giữ lấy nghĩa, ai giúp mình dù chỉ một giọt nước cũng cố gắng đền trả gấp bội; với thân bằng quyến thuộc giữ lấy nghĩa khí, không phản bội vong ân. Nghĩa vẫn không làm được thì giữ lấy lễ tiết, tuân thủ những gì xã hội quốc gia quy định, mọi người tán đồng; sáng suốt phân biện

việc phải trái đúng sai để hành xử cho đúng; giữ lời với tất cả mọi người.

Người có đạo, sống thuận theo đạo nên đương nhiên không làm ác, theo duyên hành thiện. Người có đức vì rèn tâm thanh tịnh thiện lương nên luôn làm lành lánh dữ. Người có nhân vì thương người nên hay làm lành và không hại ai. Người giữ nghĩa vì biết ân cha mẹ sanh thành, thân quyến bảo hộ, bạn bè giúp đỡ, quốc gia che chở v.v... nên cũng siêng làm lành, không tạo ác. Người giữ lễ tuân thủ pháp luật, nên tuy ít làm lành, nhưng cũng không tạo ác. Người có trí phân biệt được tốt xấu nên ít khi làm ác. Người có uy tín, không muốn thất hứa với người nên cũng hiếm khi tạo ác.

Đây là bảy bậc quân tử của đạo Nho, tương ứng với bảy cảnh giới tâm.

Phật giáo cũng phân năm bậc, gọi là ngũ thừa: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa.

Nhân thừa dứt những việc ác ở thân miệng, làm một người lương thiện. Thiên thừa chẳng những dứt ác còn siêng làm lành, tu sửa lỗi lầm nơi thân miệng ý, tương ứng với tâm cõi trời. Thanh văn thừa thấy chúng sanh do ái nhiễm nên khổ não vô cùng, tu tập diệt ái để dứt khổ và ra khỏi ba cõi thế gian. Duyên giác thừa nhận ra các pháp vô thường biến dịch, không có gì tồn tại lâu dài, tâm ái diệt dứt mà ra khỏi luân hồi. Bồ-tát thừa nhận được bản tâm, thấy thế gian hiển hiện như huyễn, không thật có, nên tự tại sanh tử, vui vẻ dạo chơi khắp pháp giới, phương tiện đánh thức chúng sanh mê muội.

Ngũ thừa là năm thứ bậc quả chứng, tương ứng năm cảnh giới tu tập của tâm. Vì vậy, tu tâm giữ vai trò quan trọng trên con đường tu đạo. Trong Kinh Thập Thiện, Đức Phật dạy giữ mười điều lành kết hợp tu tâm sẽ đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

***Miệng bốn là nói dối, nói ác, nói hai lưỡi, nói thêu dệt.***

Đây là bốn điều ác ở miệng. Nói dối là việc có nói không, việc không nói có, đặt thêm đặt bớt. Nói ác là dùng những ngôn từ hung dữ, thô bạo mắng chửi, xúc phạm người. Nói hai lưỡi là đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này khiến hai bên bất hòa, ghét bỏ nhau, dân gian gọi là đòn xóc hai đầu. Nói thêu dệt là dùng lời nói hoa mỹ khiến người yêu thích mình rồi nhân đó trục lợi.

Tôn giả La-hầu-la xuất gia lúc mới 7 tuổi, còn thích đùa nghịch gheo người. Khi có vị trưởng lão muốn gặp Phật, hỏi Ngài Phật ở đâu, nếu Phật ở phía đông Ngài nói phía tây, ở phía tây Ngài nói phía đông, khiến các vị trưởng lão phải tới lui nhọc nhằn. Một hôm, Đức Phật đến chỗ La-hầu-la, Ngài cung kính lễ Phật, trải tòa thỉnh Phật ngồi, rồi lấy nước rửa chân cho Phật. Rửa xong, Đức Phật cho đổ nước đi, chỉ chừa lại một ít, rồi dạy: Đời Sa-di quả thật không có

nghĩa lý gì nếu còn nói dối mà không biết hổ thẹn. Lại bảo La-hầu-la đổ hết nước đi, dạy: Đời Sa-di quả thật như bỏ đi nếu còn nói dối mà không biết hổ thẹn. Ngài úp chậu xuống, dạy: Đời Sa-di quả thật bị đảo lộn nếu còn nói dối mà không biết hổ thẹn. Mở chậu lên, dạy: Đời Sa-di quả thật trống không và vô vị nếu còn nói dối mà không biết hổ thẹn. Với người nói dối mà không biết hổ thẹn, Như Lai tuyên bố không có điều tội lỗi, xấu xa nào mà người đó không làm. Do đó, La-hầu-la, con phải cố gắng lập tâm quyết định: Dù trong lúc chơi đùa, con cũng không nói dối”.

Khi Đức Phật quở trách và chỉ dạy xong, La-hầu-la quỳ xuống sám hối, nguyện rằng từ đây về sau sẽ không phạm lỗi nữa. Từ đó, Ngài siêng năng tu hành, giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh cho đến khi đắc quả A-la-hán, được Phật khen là mật hạnh đệ nhất.

Chỉ một lần được chỉ dạy mà Ngài đã không phạm lỗi nữa, đây mới thật là "chân sám

hối", còn chúng ta bây giờ sám hối cốt để thầy hết rầy la, xong lại phạm tiếp.

Lỗi nói dối của Ngài La-hầu-la dù chưa đến mức nghiêm trọng mà Đức Phật đã rầy đến vậy, vì nếu không dạy, lỗi sẽ càng nhiều hơn, thấy như hại người, mà thật là hại chính mình, không thể thành tựu đạo quả, còn chiêu lấy ác báo.

Bốn lỗi ở miệng này, nếu thật sự yêu thương chúng sanh, tự nhiên sẽ không phạm. Chỉ vì không thương nên mới nhấn tâm mắng chửi, lừa gạt, xúc xiểm...; nếu thương thì không có chuyện đó. Thế nên, muốn giữ giới ở miệng phải giữ từ tâm, phải có tình thương, không nỡ để miệng mình gây khổ não cho chúng sanh, nhờ đó giữ gìn khẩu nghiệp thanh tịnh, bỏ ác nghiệp dễ dàng.

Nếu giữ giới vì sợ tội, lúc sáng suốt còn giữ được, lúc nổi sân hay gặp nghịch cảnh sẽ quên, hay sẽ liều, không sợ nữa, thế là lại phạm tội, tạo ác nghiệp hại người và hại chính mình.

Có câu “gần chùa gọi Phật bằng anh”, khi còn là Phật tử ở xa chùa, hết lòng kính tin lời Phật dạy, sợ tội nên cố gắng giữ gìn ba nghiệp. Đến khi đủ nhân duyên xuất gia, lý ưng càng kính tin Phật hơn, càng giữ giới kỹ hơn, nhưng có một số vị ngược lại, lòng tin giảm dần, ngã mạn tăng lên, trở lại tạo ác nghiệp mà không biết sợ. Tu như vậy là không đúng. Tu là phải làm sao trí tuệ ngày càng tăng, lòng tin ngày càng kiên cố, tình thương chúng sanh ngày càng sâu rộng.

Giữ giới thanh tịnh một là vì tin sâu nhân quả và hiểu rõ chân lý, không muốn tâm đạo bị nhiễm nhơ. Hai là vì yêu thương chúng sanh, không nỡ gia hại dù chỉ chút ít. Đó mới đúng là một tu sĩ chân chánh, và chỉ như vậy mới thật là giữ giới trọn vẹn.

***Ý ba là tham, sân, si.***

Đây là ba điều ác ở tâm. Tham là tham lam; sân là sân giận, hờn tức; si là ngu mê, tà kiến. Kinh Thập Thiện dùng tà kiến thay cho si.

Tà kiến là những quan niệm, chủ trương, kiến chấp sai lầm, không phù hợp chân lý, có hại cho mình và người.

Tâm ý là gốc tạo nghiệp. Kinh Bát Đại Nhân Giác, Phật dạy: Tâm là nguồn ác, thân là rừng tội. Tâm là gốc tạo nghiệp, tâm ác, thân miệng sẽ tạo ác; tâm lành, thân miệng sẽ làm lành. Cho nên, chỉ cần giữ được tâm không ác, thân miệng tự nhiên sẽ không ác.

Đức Phật nói mười điều, nhưng chỉ cần giữ ba điều ở tâm, phúc báo sẽ ngày càng lớn, công đức ngày càng nhiều. Giảm được phân nửa tham sân sẽ được sanh làm người đầy đủ phúc báo; giảm được hai phần ba tham sân sẽ sanh lên trời hưởng ngũ dục lạc vi diệu; dứt tham sân sẽ đắc quả A-na-hàm, không còn sanh lại nhân gian; dứt hết tham sân si là thành Thánh A-la-hán, tự tại sanh tử.

Có nhiều vị tuy là vợ chồng nhưng quan hệ ái ân rất nhạt, họ không thấy có gì thú vị trong việc ấy. Những vị này sau khi chết thường

được sanh lên cõi trời, vì tâm dục mỏng. Muốn sanh lên cõi trời, mọi tham dục đều phải nhẹ mỏng, như ăn uống thanh đạm, không sát sanh hại vật để thỏa miệng mình, lại biết bố thí, trì giới... làm các việc lành. Còn người đắm trong dục lạc, tâm dục nặng, nhất là dục nam nữ, sẽ không thể sanh lên cõi trời, nếu vì nó tạo ác nghiệp còn phải bị đọa đường dữ.

Khi tham sân si giảm, việc ác cũng tự dứt giảm, việc thiện tăng lên.

Người giữ đủ mười điều lành, chắc chắn sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người cũng là người đầy đủ phúc báo: giàu có, xinh đẹp, gia đình hạnh phúc, thọ mạng lâu dài... Ngược lại, người không giữ mười điều sẽ đọa ba đường dữ trả báo, khi sanh lại làm người phải trả tiếp phần dư báo làm người khổ đau: nghèo thiếu, bệnh tật, xấu xí, cha mẹ không hiền, con cháu không thảo, bạn bè không tốt, vợ hay chồng không thủy chung... Nếu thức tỉnh sửa đổi, tạo nhân mới là nhân lành thì sẽ chuyển được

ngiệp, nếu lại làm ác, đời sau tiếp tục vòng xuống ba đường dữ thọ khổ hình.

Tôn giả Đại Ca-diếp sở dĩ khát thực người nghèo là để giúp họ chuyển nhân đổi nghiệp. Chư tôn Hòa thượng thường quý sự cúng dường của người nghèo cũng vì nhân duyên tương tự. Do đời trước keo kiệt nên đời này mới nghèo khó, nay biết khởi tâm lành bố thí cúng dường tức là đại thiện, đáng để trân trọng. Các bậc chân tu thường không màng của cúng dường quý tiện, nhiều ít, chỉ xét tâm người cúng dường sâu cạn mà thôi. Người giàu cúng trăm ngàn lượng vàng với tâm khinh mạn, công đức và phước báo không bằng người ăn mày cúng một đồng với tâm chân thành tha thiết, vì từ đây họ đã phá được ác tâm keo kiệt bần sần, thành tựu thiện tâm hỷ xả, chuyển đổi được túc nghiệp của mình.

***Mười việc như thế không thuận với Thánh Đạo, nên gọi là mười hạnh ác. Nếu dứt mười hạnh ác đó, thì gọi là mười hạnh lành.***

Mười hạnh này là căn bản tu tập của đệ tử Phật, có vai trò vô cùng quan trọng, là nền tảng của mọi pháp giải thoát. Học kinh Thập Thiện chúng ta sẽ thấy rõ hơn ý này. Nếu mười điều này không tu được, không giữ được thì chỉ có đọa xuống ba đường dữ, không thể sanh cõi trời người, càng không thể thoát ly sanh tử.

## CHƯƠNG 5

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** “Người có nhiều lỗi mà không tự hối, cũng không chịu sửa đổi thì tội kéo đến thân như nước chảy về biển, dần dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi tự biết sai trái, sửa ác làm lành thì tội tự tiêu diệt, như bệnh được ra mồ hôi, từ từ thuyên giảm.”

**Giảng:**

Một vị Tổ từng nói: Chẳng sợ tâm sân khởi, chỉ sợ giác ngộ chậm. Có lỗi không đáng sợ, nhưng có lỗi không chịu nhận mới thật tai họa. Vì không nhận lỗi chắc chắn sẽ không sửa, lỗi ác ngày càng nhiều, tích dần thành họa lớn.

Một kẻ cướp bị kết án tử hình, trước khi bị hành quyết, hắn xin gặp mẹ. Giữa đám đông, hắn tát mẹ một cái thật mạnh, khóc nói:- Lúc tôi còn nhỏ, lần đầu trộm bút chì của bạn, được bà hết lời khen ngợi, khiến tôi nghĩ rằng đó là

việc làm hay giỏi, lời khen đó của bà đã dẫn đến án tử hôm nay, nên tôi hận bà đã không chỉ lỗi còn khuyến khích tôi làm ác.

Nếu ngày xưa người mẹ này chỉ lỗi cho con ắt tội ác đã được ngăn dứt khi vừa mới chớm mầm, đâu tích thành tội nặng như thế.

Mẹ của Mạnh tử ba lần chuyển nhà, tìm cho con một môi trường sống thiện lương, giúp con gieo mầm tốt đẹp từ thuở ấu thơ, nhờ đó, xã hội sau này mới có thêm một vị Thánh nhân.

Nhà Phật có câu:- Đồi tể buông đao liền thành Phật. Kẻ ác biết thức tỉnh sửa đổi là người đại thiện, sẽ ngày một tốt đẹp hơn. Ăng-gu-li-ma-la giết người hàng loạt, thậm chí còn định giết cả mẹ, nhờ Phật giáo hóa mà thức tỉnh, chuyển tâm tu hành chứng thành Thánh quả. Gặp một sản phụ sanh khó, đang chuyển dạ bên đường, mạng sống nguy kịch, ông vội về xin Phật cứu giúp. Thế Tôn dạy ông phát nguyện:- Từ lúc sinh ra con chưa từng làm ác, nguyện đem công đức này hồi hướng cho sản phụ được

mẹ tròn con vuông. Ngài thưa:- Bạch Thế Tôn! Con là người cực ác, đã từng giết 999 người. Phật bảo:- Từ lúc ông nhận lỗi tu hành đã không còn làm bất cứ việc ác nào, hãy đem công đức này hồi hướng cho sản phụ kia. Ngài nghe lời Thế Tôn đến trước sản phụ phát nguyện, ngay tức thời đưa bé ra đời bình yên, mẹ con đều khỏe mạnh.

Như vậy, khi biết lỗi và quyết tâm sửa lỗi, công đức lớn vô cùng. Đức Phật quy định chúng đệ tử mỗi nửa tháng phải phát lồ sám hối, tự nhận ra lỗi mình, đồng thời cầu thỉnh đại chúng chỉ lỗi thêm, rồi hoan hỷ nhận lỗi, ở trước đại chúng hứa không tái phạm. Bởi chỉ có như vậy nghiệp chướng mới tiêu, đường tu mới tiến, tâm sẽ dần khế hợp với đạo, bước vào con đường giải thoát tử sanh. Giống như người bệnh ra mồ hôi, dần dần hết bệnh.

Đức Phật nói có bốn hạng người: Một là từ tối vào sáng, hai là từ sáng vào tối, ba là từ tối vào tối, và bốn là từ sáng vào sáng.

Từ tối vào sáng là những người vốn hung dữ, phạm nhiều lỗi lầm đời trước và đời này, sau biết lỗi sửa mình trở thành người tốt, từ đó phúc báo tăng dần, càng sanh càng sướng. Như tướng cướp Ăng-gu-li-ma-la ở trên, trước giết người không gớm tay, sau thành Thánh hiền lương.

Từ sáng vào tối là những người đời trước vốn hiền lành, tạo nhiều phúc báo, nay được sanh vào nhà giàu có, có thể lực, nhưng giờ lại nương vào cửa cái, quyền thế mà tạo nhiều ác nghiệp khiến phúc dần tiêu mất, tích ác thành họa. Như các vị tham quan ác bá, bị pháp luật trừng trị, cuối đời vào tù ra khám, thậm chí chịu án tử, chết rồi phải rơi ác đạo.

Từ tối vào tối là những người do đời trước không hiền, đời này sanh vào nhà nghèo khó, thất học, xấu xí v.v... Đã không nhận ra lỗi mình, trở lại oán hận thế gian, chán ghét xã hội, trút hận lên người khác bằng những hành động ác như cướp, giết, dâm v.v..., tội ác lũy lừng.

Đời này bị pháp luật nghiêm trị, nhiều đời sau thọ khổ hình trong ba đường dữ, không biết ngày nào được sanh lên.

Từ sáng vào sáng là những người nhờ đời trước gieo nhân lành, đời này sanh ra giàu có, xinh đẹp, hạnh phúc, có chức quyền v.v... Lại biết nương phước báo của mình giúp đỡ người nghèo, thương dân, lo nước..., cả đời làm lợi ích cho mọi người. Khi sống được người kính thương, chết rồi sanh cõi trời người hưởng phước báo thù thắng.

Lời dạy của Phật ở chương này rất đơn giản, dễ hiểu, nhưng đem lại lợi ích to lớn và lâu dài. Nếu chúng ta vâng theo thì càng tu càng tiến, càng tu càng vui, đạo Thánh không còn xa. Đây cũng là hai trong bảy tài sản của bậc thánh, là hổ và thẹn. Kinh Di Giáo Phật dạy hổ thẹn là trang sức bậc nhất. Không biết hổ thẹn, tức không biết nhận lỗi sửa lỗi, thì không xứng là người xuất gia, cũng không xứng làm người, chỉ như cầm thú mà thôi.

## CHƯƠNG 6

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** “Kẻ ác nghe có người làm thiện liền cố ý đến quấy nhiễu. Các ông hãy tự chế ngự, không nên giận trách. Vì kẻ ác kia phải tự nhận quả ác. Còn hương thơm phước đức luôn ở bên người làm thiện.”

**Giảng:**

Kẻ ác đây không nhất định là kẻ cùng hung cực ác, hung tợn dữ dằn, giang hồ anh chị..., mà chỉ chung những người khởi tâm ác khi nghe người khác được khen, tức chỉ những kẻ hay sanh tâm đố kỵ. Đố kỵ có thể khiến một người bình thường trở thành kẻ ác.

Có hai người bạn chơi thân với nhau từ nhỏ, việc gì cũng tâm sự nhau. Bỗng một hôm cô A đầu độc giết cô B, khi bị cảnh sát bắt, cô khai vì đố kỵ nên giết bạn, cho đến lúc đó cô cũng không hối hận, nghĩ rằng cô B đáng chết. Cô B sanh trong gia đình khá giả, được cha mẹ

yêu thương, anh chị em hòa thuận; đi học được thầy cô thương, bạn bè thích; ra trường tìm được việc làm ưng ý, chủ dễ chịu, đồng nghiệp vui vẻ; có bạn trai được chăm sóc tỉ mỉ, cưng chiều. Cô A ngược lại, gia đình chỉ đủ sống, cha mẹ không thuận nhau, anh em mỗi người mỗi ngã; khi thi kết quả luôn không tốt dù bình thường học giỏi; ra trường làm việc trong môi trường không ưng ý, chủ khắt khe, đồng nghiệp cạnh tranh; bạn trai không cưng chiều, thường gây gổ nhau. Đến một hôm, bạn trai cô A đòi chia tay, trong khi cô B lại được bạn trai cầu hôn. Đến đây thì tâm đố kỵ của cô A lên tột đỉnh, cô hận thấu bạn mình, trách sao mọi bất công ập lên cô, mọi điều tốt đẹp lại dồn cho B, thế là cô lên kế hoạch bỏ thuốc độc vào cốc cà phê mời bạn uống. B chết mà không biết bị chính bạn thân giết. A cũng vô cùng hả hê vì giết được một người có phúc hơn mình.

Tâm đồ kỵ đáng sợ thế đó. Người tu phải dè dặt kiểm tâm, đừng để tật đồ biến mình thành kẻ ác.

Để có thể diệt được tâm đồ kỵ, Phật dạy chúng ta hành hạnh tùy hỷ, thấy ai hay giỏi đều khởi tâm tán thán ca ngợi; nghe ai được khen, vui theo họ, lâu dần tâm tật đồ sẽ dứt, ác nghiệp không sanh.

Đối với người đồ kỵ hại mình, nên sanh lòng từ bi, thông cảm và không giận họ. Trái lại, thương họ tạo ác nghiệp không tự biết, đời này đời sau phải chịu quả không lành.

Người làm lành, tu phước, công đức rất lớn, người nào ác tâm làm hại sẽ chịu quả báo gấp bội. Người bị hại càng hiền, quả ác của người hại càng nặng. Đề-bà-đạt-đa ác tâm hại Phật, giúp Phật sớm viên mãn công đức, bản thân ông phải đọa địa ngục chịu khổ hình.

Người hiểu sâu nhân quả biết rõ người hại mình là làm thành cho mình, giúp mình sớm trả nợ cũ, thành tựu công đức mới. Họ là

người ơn, không phải kẻ thù, vì mình mà họ chịu quả dữ nên phải thương họ nhiều hơn. Đó là những vị Bồ-tát nghịch hạnh giúp mình mau tiêu nghiệp, mau viên mãn công hạnh, bản thân họ phải theo luật nhân quả mà thọ khổ hình. Như Bồ-tát Đề-bà-đạt-đa, vì phát nguyện hành nghịch hạnh trợ giúp Phật sớm thành Phật mà phải nhiều đời đọa địa ngục.

Thế nên, người tu xem kẻ hại mình là ác tri thức, nhớ ơn chớ không oán giận.

## CHƯƠNG 7

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** “Có người nghe ta giữ đạo, hành đại nhân tử, cố ý đến mắng ta. Ta lặng yên không đáp. Người ấy mắng rồi, ta hỏi: “Ông đem lễ vật cho người, nếu người không nhận, lễ vật ấy có trở về ông không?”  
**Đáp:** “Trở về.” Ta nói: “Nay ông mắng Ta, Ta không nhận, ông tự mang họa về thân, như vang theo tiếng, bóng theo hình, quả ác không tránh khỏi.” Thế nên, hãy cẩn thận chớ làm ác!

**Giảng:**

Trong suốt chặng đường giáo hóa, đức Phật không ít lần gặp những người bất đồng chánh kiến kiếm chuyện mắng chửi, gia hại. Đây chỉ là một trong nhiều lần như thế, đức Phật luôn dùng trí tuệ và lòng từ bi đối lại. Chương này kể vắn tắt, vốn ông bà-la-môn này đi sau lưng Phật dùng vô số lời thô tục, dữ tợn

nhục mạ Phật, Phật lặng lẽ bước đi như không nghe thấy. Ông chửi mãi mà Phật không phản ứng chi, càng tức khí vội chạy nhanh lên chặn trước mặt Phật, hỏi:- Cồ-đàm! Ông có điếc không? Phật thản nhiên đáp:- Không! Ông tức, hỏi:- Vậy sao tôi chửi, ông không trả lời? Phật bình tĩnh hỏi:- Nếu nhà ông có giỗ, ông đem lễ vật tặng người, người không nhận, lễ vật đó thuộc về ai? Ông đáp:- Đương nhiên là về tôi. Phật ôn hòa bảo:- Khi ông chửi ta, ta không nhận, những lời chửi đó tự nhiên trở về ông. Ngay lời nói này, ông bà-la-môn thức tỉnh, hối hận.

Thế Tôn là bậc đại trí, Ngài thấu rõ các pháp đều là huyễn mộng, sắc tướng, âm thanh... đều không thật, lời nói như gió bay. Giả sử ông bà-la-môn không chặn Phật lại hỏi, ắt Ngài sẽ lặng lẽ bước đi, ông chửi là việc của ông, ta đi là việc của ta, chẳng ai dính dáng đến ai. Tâm Ngài luôn ở trong định, không gì làm lay động, "không cùng muôn pháp làm bạn".

Có lần, hai cha con một trưởng giả đi sau lưng Phật và thánh chúng. Người cha dùng vô số lời mắng chửi, chê bai Phật và chư Tỳ-kheo, người con ngược lại, dùng mọi lời đẹp đẽ tán thán, ca ngợi Phật cùng đại chúng. Về đến giảng đường, chư Tỳ-kheo bàn tán không thôi, Phật quở, rồi dạy:- Những lời khen chê có dính dáng gì đến các ông, khen không làm các ông giải thoát, chê không làm các ông sa đọa, chỉ có tự mình làm mình giải thoát hay sa đọa.

Vì bà-la-môn hỏi nên Phật phương tiện khai mở khiến ông được ngộ giải, có thể bỏ ác làm lành. Bởi mắng chửi người là tạo nhân ác, tự mình phải nhận quả ác, không ai thay cho được. Mắng chửi thuộc ác khẩu, là một trong bốn lỗi nặng của miệng, gây họa vô cùng.

Có một con cá thân hình to lớn, vảy óng ánh sắc vàng, vô cùng đẹp đẽ, nhưng khi nó há miệng thì mùi hôi thối lan khắp cả thành, ai cũng kinh sợ. Phật khiến nó có thể mở miệng nói cho dân chúng biết duyên do sa đọa của

mình. Cá vốn là một Tỳ-kheo xuất gia trong giáo pháp của một vị Phật quá khứ, nhưng không giữ giới thanh tịnh, thường buông lung khẩu nghiệp, dùng lời độc ác mắng chửi nhục mạ huynh đệ, thí chủ... Sau khi chết đọa làm cá, nhờ từng đắp ca sa nên được thân hình to lớn với vảy vàng óng ánh, do mắng chửi người nên miệng tỏa mùi hôi thúi. Tuy thế, đây chỉ mới là hoa báo, quả báo chánh ở địa ngục, nên khi xả thân cá rồi lại phải xuống địa ngục thọ tiếp khổ hình, chưa biết bao lâu mới có lại thân người.

Quả ác ở miệng vô cùng đáng sợ, nên người trí chẳng những không giận người mắng mình, còn khởi tâm thương xót cho tương lai của họ. Tạo nhân gì thọ quả đó, và quả luôn gấp nhiều lần nhân, như vang theo tiếng, bóng theo hình, và tiếng vang luôn lớn dội hơn tiếng thật.

Phải cẩn thận giữ gìn ba nghiệp, không ai giúp mình tạo nhân, cũng không ai thay mình chịu quả. Chí thân như cha con cũng phải nghiệp ai nấy trả, quả ai nấy mang, không ai

thay được ai. Cho nên, dứt ác làm lành mới thật là thương mình.

## CHƯƠNG 8

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Người ác hại người hiền như ngựa mặt lên trời phun nước bọt, nước bọt không tới trời, trở lại rơi vào mặt mình. Hoặc như ngược gió tung bụi, bụi không đến chỗ khác mà trở lại làm dơ thân mình. Người hiền không thể hại, mà họa tất sẽ đến bên mình.”**

**Giải:**

Ác quả ác báo là việc tất nhiên. Càng làm ác với người hiền, quả ác càng lớn. Như thửa đất màu mỡ, gieo lúa bội thu, mà rải cỏ cũng sum suê. Người hiền như đất màu mỡ, cúnng đường bổ thí cho họ hưởng phước báo lớn, mắng chửi đánh đập họ chịu ác báo nặng. Luật nhân quả là vậy.

Người hiền hay giữ giới, thích tu phước, giỏi điều phục tâm nên công đức rất lớn. Hại các vị rất khó, lại có thể rước họa về mình. Vua Kế

Tân chặt đầu Tổ Sư Tử, liền đó bạo tử, dù Tổ trả nợ cũ mà vua phải đoán mạng, lại rơi địa ngục. Vua Lưu Ly tàn sát dòng họ Thích, vốn đều đã vào quả vị, tuy cả họ đền mạng, mà vua Lưu Ly cùng tùy tùng cũng bị tai nạn tử vong, đồng sanh vào địa ngục.

Tuy nhiên, đánh giá một người hiền cũng khó, nhất là với người xuất gia. Thế Tôn nói có ba thứ tuy nhỏ mà không thể xem thường: Một là đám lửa nhỏ, vì nó có thể gây họa cháy rừng. Hai là con rắn nhỏ, vì nó có thể cắn chết người. Ba là một Sa di nhỏ, vì ngài có thể đã vào quả thánh.

Xưa con gái một tể tướng phát tâm cúng áo khoác cho chúng tăng tại núi Ngũ Đài. Cô vốn đã chuẩn bị đủ số, nhưng khi phát xong lại dư ra một Tỳ-kheo rách rưới. Tỳ-kheo này cương quyết đòi áo, buộc cô phải cởi áo khoát trên mình để lại. Tức giận, cô về thưa lại với cha. Tể tướng cho là con bị làm nhục, sai quan binh lên núi phá chùa bắt tăng. Quan tổng binh cho

đóng binh dưới chân núi, một mình lên núi xem xét thực hư. Trên đường, gặp một nhóm Tỳ-kheo tụ nhau đánh bạc, ông càng không vui. Đánh một hồi chia làm hai nhóm cự cãi, cãi đến đỏ mặt tía tai, rồi động tay múa chân, cùng bay lên hư không phun nước phun lửa choảng nhau, sau đó biến mất. Quan tổng binh ngăn người, từ bất bình chán ghét đến kinh hãi rụng rời, biết đã đụng vào đất thánh, chư thánh thị hiện nhắc nhở, nếu không dừng lại ắt chịu họa lớn. Ông vội kéo binh về, thà đắc tội tể tướng còn hơn có lỗi với thánh hiền. Chẳng ngờ, lúc ấy tể tướng cũng đang tìm ông ra lệnh rút quân, bởi tiểu thư khi thưa với cha xong, trở về khuê phòng thấy áo khoác nằm trên giường với mảnh giấy bên cạnh: "Cúng dường không thành tâm, vật trả về nguyên chủ." Cô biết đã trách lầm thánh nhân, chẳng những mất cơ hội tăng phước, còn vô tình rước họa. Từ đó, cha con tể tướng một lòng kính Phật trọng tăng, không còn đánh giá các vị qua hình tướng hay việc làm bên ngoài nữa.

Cõi này phàm thánh đồng cư, thánh phàm lẫn lộn, khó biết ai thật hiền thật ác, nên tốt nhất đừng hại ai, tránh rước họa lớn vào thân. Đối với những vị xuất gia tu hành, chúng ta vì kính Phật nên trọng tăng, kính lễ y ca sa quý ngài đấng, còn các vị tu thế nào tự có nhân quả định đoán, chúng ta mắt phàm không thể biết được, bàn luận việc phải quấy của người là tự hại mình, chẳng có ích gì. Lỡ đụng phải bậc hiền nhân, tai họa càng lớn hơn. Thế nên, nếu thương mình thì nên nghe lời Phật, dè dặt đừng làm ác.

## CHƯƠNG 9

**Chánh văn:**

**Phật dạy: "Thích nghe nhiều và đắm mê Đạo, rất khó lãnh hội Đạo. Chỉ giữ vững ý chí, một lòng hành đạo, Đạo sẽ rất lớn."**

**Giảng:**

Thích nghe nhiều là đa văn, một trong bảy tài sản của bậc thánh. Bảy tài sản của thánh là: tín, giới, tâm, quý, thí, văn, huệ.

Tín là lòng tin. Tin Phật là bậc đã hoàn toàn giác ngộ, những lời Ngài dạy là chân lý. Tin pháp, tức tin chân lý, như lý nhân quả nghiệp báo, lý vô thường, lý khổ, lý vô ngã, lý nhân duyên hòa hợp v.v... Tin tăng, tức tin những vị xuất gia theo Phật cũng sẽ được thanh tịnh giải thoát. Tin mình, tức tin chính mình, nếu tu theo lời Phật dạy chắc chắn sẽ thoát khổ.

Giới là giữ giới, giới Phật chế đều là tịnh giới, giúp người giữ được thanh tịnh tâm, thẳng tiến đến giải thoát.

Tàm là xấu hổ với mình, nếu tu hành mà không xứng đáng là người xuất gia, còn để tham sân si chi phối thì cảm thấy xấu hổ với chính mình.

Quý là thẹn với người, khi phạm lỗi chẳng những thấy xấu hổ với mình, còn thấy hổ thẹn với thầy tổ, huynh đệ, thí chủ v.v... Do xấu hổ nên quyết tâm sửa đổi, nhờ vậy càng tu càng tiến bộ.

Thí là bố thí. Bố thí có ba: tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí gồm nội tài thí và ngoại tài thí. Ngoại tài thí là đem tài sản vật chất ra thí cho người vật, như thí cơm cháo, quần áo, xây nhà, cho tiền, phóng sanh v.v... Nội tài thí là đem sức lực, trí tuệ, bộ phận trên cơ thể ra thí cho người, như đưa giùm người già qua đường, đỡ giùm đồ nặng cho sản phụ, đem những kiến

thức kỹ năng có được dạy miễn phí cho người, hiến máu, hiến tạng v.v...

Pháp thí là đem giáo pháp đã học, đã hành ra chỉ dạy cho người, giúp người có được niềm vui pháp, có được sự giải thoát an lạc trong cuộc sống, tìm được hạnh phúc chân thật.

Vô úy thí là đem sự an ủi giúp đỡ khi người hay vật đang bị lo âu sợ hãi. Như đỡ một đứa trẻ đang khóc, an ủi người đang gặp nạn, trợ giúp người đang khổ đau v.v...

Bố thí khiến tâm mình an vui, vì thuận với thiện tâm, ngay lúc thí được vui, đời sau càng vui hơn.

Văn là đa văn (nghe nhiều). Tức là hay nghiên cứu kinh điển, nghe các vị giáo thọ, giảng sư giảng giải nghĩa lý sâu xa trong Phật pháp. Biện được nghĩa chánh tà, chân tục, thể dụng, lý sự v.v...

Huệ là trí huệ. Nhờ học có trí huệ, nhờ trí huệ phá vô minh, nhờ hết vô minh nên thoát sanh tử, tự tại ra vào ba cõi.

Bảy pháp này làm thành cho bậc Thánh, nên nói là tài sản của Thánh. Đa văn là một trong số này, vì sao Thế Tôn nói không thể lãnh hội được đạo? Bởi đa văn là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Muốn hội đạo phải có trí huệ. Trí huệ chia làm ba bậc: văn huệ, tư huệ và tu huệ. Trí huệ có được do nghe nhiều là văn huệ; trí huệ có được do tư duy nghiền ngẫm là tư huệ; trí huệ có được do tu tập là tu huệ.

Văn huệ lấy chỗ ngộ của Phật Tổ làm chỗ hiểu của mình, chỉ biết trên văn tự mà chưa thấu được nghĩa thâm sâu, chỉ là trí huệ ngoài da, không phải thật của mình.

Tư huệ nhờ suy ngẫm, chiêm nghiệm mà thấu được phần nào lý đạo, chuyển được chỗ ngộ của Phật Tổ thành kiến giải của mình. Trí huệ này đã vào thức tâm, đã thành tài sản của

chính mình, nhưng chưa đủ sức để phá cội gốc vô minh.

Tu huệ là ứng dụng những điều đã ngộ giải điều phục tâm mình, phá trừ vô minh si ám, nhổ gốc sanh tử, thể nhập bản tâm, nhận lại trí huệ sẵn có, và đây mới là trí huệ chân thật, là diệu dụng của tự tâm, có sẵn và tự đầy đủ.

Như một học sinh lên lớp nghe thầy cô giảng bài, hiểu được là văn huệ. Về nhà, học thuộc, suy gẫm, hiểu sâu là tư huệ. Ứng dụng kiến thức đã hiểu tự giải bài tập, tự xử lý đa dạng các loại đề tài, biến nó thành kiến giải riêng của mình, chỗ hiểu như thầy cô không khác, đó là tu huệ. Đạt đến giai đoạn thứ ba mới là học sinh giỏi.

Cũng vậy, người tu chỉ khi đến được tu huệ mới thật là có trí huệ, thật là đạt đạo. Văn huệ như đốm tiền thay người khác, tư huệ được lãnh chút lương, tu huệ mới là chủ mọi tài sản.

Đa văn thuộc văn huệ nên Phật nói khó lãnh hội đạo là vậy. Đạo là bản tâm thanh tịnh,

văn huệ là kiến giải bên ngoài, đương nhiên không lãnh hội được.

Đắm mê đạo cũng không lãnh hội được đạo. Lỗi ở tâm đắm mê. Đạo vốn là tự tánh, là chính mình. Khởi tâm mền thích tức xem đạo là cái bên ngoài, ngay từ ban đầu đã lầm phương hướng thì càng đi càng xa, thay vì quay về nhà, lại quay lưng đi ra, biết bao giờ đến nhà? Như vua Trần Thái Tông nói: “Lang thang làm khách phong trần mãi, ngày cách quê hương muôn dặm trùng”. Hướng chi tâm đắm thích đã là trái đạo, vì đạo vốn không thương ghét, không lấy bỏ...

***Giữ vững ý chí, một lòng hành đạo, đạo sẽ rất lớn.***

Giữ vững ý chí là lòng tin bất thoái. Đức Phật dạy: Tin là mẹ sanh tất cả công đức. Nhờ tin Phật, tin pháp mới chịu nương theo tu hành, sửa mình, điều tâm... Nhờ tin mình chắc chắn sẽ giải thoát mới cố gắng vượt mọi khó khăn, không nản lòng khi gặp nghịch duyên. Sanh

được lòng tin bất thối là vào quả vị Tu-đà-hoàn của thanh văn, Thập Tín của Bồ tát, chỉ có tiền chớ không còn lùi.

Một lòng hành đạo là chánh tinh tấn. Kiên trì bền bỉ giữ pháp, hành pháp, mỗi ngày đều tu, mỗi ngày đều tiến, thẳng đến giải thoát, quyết không dừng lại giữa chừng. Như dùi cây lấy lửa, khi được lửa mới thôi, không dừng nghỉ giữa chừng.

Nhờ tin chắc không nghi và kiên trì tu hành không chán mỏi, nên tâm ngày càng thanh tịnh, thể nhập tự tánh ngày càng sâu, cho đến khi hoàn toàn thể nhập là công phu viên mãn. Nên Thế Tôn nói đạo sẽ lớn là vậy.

Đức Phật thường dạy đệ tử hai con đường: Một là pháp học, hai là pháp hành. Pháp học là đi sâu nghiên cứu Phật pháp, thông suốt tam tạng, kiến giải rộng sâu, đem chỗ hiểu đó chỉ dạy cho người, làm Giáo thọ A xà lê dạy giáo pháp, làm Yết ma A xà lê dạy giới luật. Pháp hành là nương vào một câu kệ, một pháp tu,

kiên trì thực hành cho đến khi phá vỡ vô minh, diệt trừ phiền não, thành tựu Thánh đạo.

Phật ví pháp học như đếm bò cho người, tuy có nhiều bò nhưng đều không phải của mình. Còn pháp hành như người sở hữu một con bò, tuy chỉ một nhưng là tài sản của chính mình.

Thời Phật, những vị lớn tuổi thường chọn tu pháp hành. Nhận một pháp tu thích hợp với mình, ngày ngày tu tập, công phu ngày một sâu, không lâu đắc thánh quả. Lòng tin cứng chắc, ý chí vững bền, công phu miên mật, kiên trì không dừng thì đạo sẽ lớn lên từng ngày, sớm muộn cũng giải thoát.

Chúng ta hay vương vào lỗi thích nghe nhiều, nhưng nghe chỉ để bàn luận suông, không ứng dụng tu tập để biến trí huệ đó thành của mình. Hoặc yêu thích đạo lại không hiểu đạo là gì, đắm chấp thành cuồng tín, tà tín. Khi tu, không vững lòng bền chí, dễ chán nản, thay đổi giữa chừng. Tu một thời gian thấy chưa đắc

được gì là chuyển qua pháp tu khác, tu qua đời lại mãi, rốt cuộc chẳng được gì, có khi còn thối chí, bỏ đạo.

Lúc ứng dụng tu chỉ nên chọn một pháp, muốn giáo hóa người nên nghe nhiều. Nghe hiểu nhiều mới có đủ phương tiện độ sanh, bởi người tu, ngoài làm lợi mình, phải nghĩ đến lợi quần sanh. Trước tự tu, sau độ người; trước ích mình, sau lợi sanh, đó là trọng trách của người xuất gia. Nên Phật nói đa văn là tài sản của bậc thánh.

Chư đại đệ tử Phật như tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Mục-kiền-liên, tôn giả Phú-lâu-na v.v..., đều thông đạt Phật pháp, dùng vô số phương tiện nói pháp độ người. Có nghĩa là các Ngài thông cả pháp học và pháp hành, hai pháp này vốn không mâu thuẫn nhau. Như người vừa là chủ bò, vừa có nhiều bò.

Kinh Thiện Pháp, Phật dạy Tỳ-kheo biết 7 pháp sẽ được an ổn khoái lạc và thành tựu Niết-bàn. Trong đó biết pháp, biết nghĩa, biết

thời, biết mình, biết tiết độ là để tự độ; biết chúng hội và biết sự hơn kém của người là để độ tha. Lúc nào Thế Tôn cũng muốn đệ tử đủ trọn vẹn pháp học và pháp hành, trừ trường hợp phải chọn một mới ưu tiên pháp hành. Với người xuất gia nhỏ tuổi, trước có thể đi sâu nghiên cứu Phật pháp (pháp học), sau ứng dụng tu hành (pháp hành), hoặc song song vừa nghiên cứu nội điển vừa dụng công sửa mình. Với người xuất gia lớn tuổi, không còn thời gian học nhiều, chỉ chọn một pháp thích hợp rồi chuyên tâm tu, tức chỉ nghiên về pháp hành.

Học nhiều, hiểu nhiều, nhưng chỉ dùng một pháp để tu. Hiểu rõ chỗ này rồi, sẽ không còn nghi giữa pháp học và pháp hành, biết lúc nào nên dùng pháp học, lúc nào dùng pháp hành.

Thấy được tính quan trọng của pháp hành, khi tu đạo, quyết tâm giữ vững ý chí, tu pháp nào phải tu đến nơi đến chốn. Nhất là khi

lớn tuổi, càng chuyên nhất tu tập một pháp cho đến thuần thực.

Tóm lại, muốn thành tựu đạo lớn phải đủ lòng tin cứng chắc; khi hành pháp phải siêng năng, không ngại khó, kiên trì tu tập. Đa văn và mến đạo chỉ để trợ duyên, không phải là nhân tố quyết định.

## CHƯƠNG 10

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** "Thấy người bố thí hoan hỷ trợ giúp sẽ được phước rất lớn". Sa-môn hỏi Phật: "Bạch Thế Tôn, phước đó hết chăng?" Phật đáp: "Như lửa một ngọn đuốc, dù trăm ngàn người đem đuốc đến, chia nhau lấy lửa, hoặc nấu ăn, hoặc thắp sáng..., lửa ngọn đuốc kia vẫn như cũ. Phước bố thí cũng vậy."

**Giảng:**

Thấy người bố thí sanh tâm hoan hỷ, vui với việc lành của người, được phước rất lớn. Đạo Phật gọi là tùy hỷ, tùy là theo, hỷ là hoan hỷ, vui vẻ. Nghĩa là thấy người làm lành sanh tâm vui vẻ, tán thán, ca ngợi, chớ không đố kỵ, ghét hại. Tại sao chỉ vui theo thôi lại được phước lớn? Phước này xuất phát từ tâm lành, tức thuộc công đức, từ tâm lành khởi ra thân làm lành,

miệng nói lành, nhờ đó tạo phước lớn. Như vậy, từ công đức sanh phước đức.

Công đức của bố thí và tùy hỷ bằng nhau, vì đều thuộc tu tâm. Bố thí phá tâm xan tham, keo kiệt, bòn sẻn; tùy hỷ phá tâm đố kỵ, ghét hại.

Bố thí với tâm hoàn toàn lương thiện, vì tình thương bố thí, vì hỷ xả bố thí v.v... mới thuộc công đức; nếu vì danh lợi, tiếng tăm v.v... bố thí, hay bố thí rồi sanh hối tiếc, hoặc muốn người nhận thí nhớ ơn v.v..., thì có phước đức nhưng không công đức. Sau này có thể hưởng phước báo cõi trời người, cũng có thể hưởng ở súc sanh, quỷ thần. Chỉ có công đức, tức tu thiện lành nơi tâm mới bảo đảm càng sanh càng tăng, còn chỉ làm lành ở thân miệng, không chú ý sửa tâm, có thể sẽ gây họa cho đời thứ ba. Tức đời này tạo phước, đời sau giàu có quyền thế, nhưng tâm không hiền, nương thế lực tiền bạc tạo ác nghiệp lớn, thế là đời tiếp sau phải rơi

ba đường dữ. Các vị hôn quân, bạo chúa, ác bá, cường hào v.v... thuộc nhóm người này.

Tùy hỷ cũng vậy, phải thật sự vui từ tâm. Bên ngoài tỏ ra vui vẻ, khen ngợi việc lành của người, trong tâm vẫn ghen ghét, đố kỵ, thừa dịp hãm hại v.v..., không gọi là tùy hỷ, nên không có công đức, cũng không có phước đức, còn là tạo nhân ác.

Người hoan hỷ với người bố thí được phước đức lớn, vậy người bố thí có bị chia bớt phước đức không? Bố thí và tùy hỷ có phước đức như nhau nhưng không giống nhau. Người bố thí được phúc báo giàu có; người tùy hỷ được thân tướng rạng rỡ, xinh đẹp, và thường làm quyến thuộc với người giàu, được người giàu thương yêu, giúp đỡ, nhưng không tự giàu. Như vậy gieo nhân nào gặt quả đó, dù đều là nhân lành, đều cho quả lành, nhưng do nhân khác nhau nên quả cũng khác nhau.

Đức Phật dùng ví dụ lửa của một ngọn đuốc, trăm ngàn người đến moi, mỗi người đều

được lửa đem về dùng khác nhau, ai cũng được lợi, mà ngọn lửa đầu tiên không mãi mai ảnh hưởng.

Công đức cũng vậy. Người bố thí phá tâm xan tham, tặng tâm thí xả; người hoan hỷ phá tâm tật đố, tặng tâm tùy hỷ. Đều thành tựu công đức tâm, nhưng xu hướng khác nhau.

## CHƯƠNG 11

**Chánh văn:**

**Phật dạy: "Cho cơm một trăm người ác ăn không bằng cho cơm một người thiện ăn. Cho ngàn người thiện ăn, không bằng cho một người trì năm giới ăn. Cho mười ngàn người trì năm giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn ăn. Cúng dường cho một trăm ngàn vị Tu-đà-hoàn ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm ăn. Cúng dường cho một triệu vị Tư-đà-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm ăn. Cúng dường cho mười triệu vị A-na-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán ăn. Cúng dường cho một trăm triệu vị A-la-hán ăn, không bằng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật ăn. Cúng dường cho một tỷ vị Bích Chi Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị Phật trong ba đời**

**chư Phật ăn. Cúng dường cho mười tỷ Phật trong ba đời chư Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng ăn.”**

**Giảng:**

Chương này so sánh sự hơn kém của phúc báo cúng dường. Cúng dường người càng thiện, càng có công đức thì phúc báo càng nhiều, càng lớn.

***Cho cơm một trăm người ác ăn không bằng cho cơm một người thiện ăn.***

Người thiện hay nghĩ điều lành, nói lời lành, làm việc lành. Các vị được ăn no rồi càng làm lành nhiều hơn, mình giúp họ cũng được tăng thêm phước. Còn người ác thường làm việc ác, hại người hại mình. Họ ăn càng no càng có sức làm ác, mình không bị liên lụy là đã mừng rồi, đâu có thêm được phước báo nào, nên đương nhiên cho họ ăn không bằng cho người lành ăn. Tuy nhiên như thế, nếu người ác đang

đói khổ mà mình không giúp thì tổn tâm thiện lành của mình, nên họ khổ mình cũng giúp, nhưng phúc báo có được sẽ không nhiều.

***Cho ngàn người thiện ăn, không bằng cho một người trì năm giới ăn.***

Người hay làm thiện tuy quý, nhưng không bằng người biết giữ năm giới. Năm giới là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống bia rượu hay các chất gây mê muội như ma túy v.v... Người giữ năm giới là người biết chủ động rèn luyện tâm mình, khắc chế những hành vi xấu ác nơi thân miệng, không làm tổn hại bất cứ ai, không khiến ai phải vì mình mà chịu khổ. Người như thế sẽ được phước báo lành ở đời này và cả những đời sau. Mình giúp họ thì phước của mình sẽ theo phước của họ mà tăng lên, thêm nữa, kết duyên lành với người biết tu tự nhiên mình cũng tu theo, từ đó thăng tiến trên đường luân hồi, sanh cõi trời người, không rơi vào đường dữ.

***Cho mười ngàn người trì năm giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn ăn.***

Tu-đà-hoàn dịch nghĩa là Thất lai, hay Nhập lưu. Là bậc đã vào quả vị hiền thánh, lòng tin bất thối, không còn đọa đường dữ, chỉ còn tối đa bảy lần sanh tử là giải thoát. Người trì năm giới tuy được phước báo sanh cõi trời người hưởng dục lạc vi diệu, nhưng vẫn chịu khổ luân hồi sanh tử. Nên cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn đương nhiên được phước báo lớn hơn cho người giữ năm giới. Hơn nữa, kết duyên với vị đã vào dòng thánh, mình cũng sẽ được cơ hội học pháp giải thoát, nếm được pháp vị, thành tựu pháp quả.

***Cúng dường cho một trăm ngàn vị Tu-đà-hoàn ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm ăn.***

Tư-đà-hàm dịch là Nhất lai. Là quả vị thứ hai trong tứ quả Thanh văn. Vị này chỉ còn một lần sanh lên cõi trời, một lần trở lại cõi người là

đắc thánh quả A-la-hán. Quả vị này cao hơn quả Tu-đà-hoàn, nên cúng dường cho ngài sẽ được phước báo lớn hơn.

***Cúng dường cho một triệu vị Tư-đà-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm ăn.***

A-na-hàm dịch là Bất lai. Các vị tuy đã ra khỏi sự trói buộc của Dục giới, không sanh lại nhân gian, nhưng vì vẫn còn lậu hoặc, chưa thể hoàn toàn thoát khỏi sự trói buộc của ba cõi, nên khi xả báo thân sẽ sanh lên cõi trời tứ thiên của Sắc giới, ở riêng trong cõi giới dành cho A-na-hàm, gọi là Ngũ A-na-hàm thiên, gồm năm cõi: Trời Vô phiền, Trời Vô nhiệt, Trời Thiện kiến, Trời Thiện hiện, Trời Sắc cứu cánh. Vị này công phu sâu hơn nên công đức cũng nhiều hơn hai quả vị trước, nên cúng dường cho ngài sẽ được phước báo lớn hơn.

***Cúng dường cho mười triệu vị A-na-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán ăn.***

A-la-hán dịch là Vô sanh. Vị này đã thoát hẳn sự trói buộc của ba cõi, khi hết thọ mạng rồi sẽ không còn thọ thân sau nữa. Quả vị cao hơn A-na-hàm, nên cúng dường ngài sẽ được phước báo nhiều hơn.

***Cúng dường cho một trăm triệu vị A-la-hán ăn, không bằng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật ăn.***

Bích Chi Phật dịch là Phật Độc Giác. Vị này chứng đạo giữa hai thời kỳ Phật, nghĩa là ngài ra đời trong giai đoạn không có Phật, không có Tam Bảo. Do quán sát sự vận hành của vạn pháp, nhận ra các pháp do nhân duyên hòa hợp mà thành, vô thường biến đổi, không ngã, không chủ thể, từ đó giác ngộ và chứng đạo. Do không có thầy hướng dẫn mà tự ngộ nên gọi là Độc giác (giác một mình). Quả vị này tương đương quả Duyên giác trong thời Phật. Duyên

giác là những vị quán 12 nhân duyên ngộ đạo, khác với quả Thanh văn quán Tứ đế. Thanh văn thuộc tiểu thừa, Duyên giác thuộc trung thừa, gọi chung là Nhị thừa. Quả Duyên giác cao hơn Thanh văn nên cúng dường quý ngài sẽ được phước nhiều hơn.

***Cúng dường cho một tỷ vị Bích Chi Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị Phật trong ba đời chư Phật ăn.***

Phật là bậc đã viên mãn mọi công hạnh, tự giác giác tha giác hạnh đều trọn vẹn. Trí tuệ và phước đức đều tròn đầy, không còn mảy may sót thiếu. Là quả vị cao tột hơn hết, đã đến cứu kính rất ráo, không còn cảnh giới nào cao hơn, nên cúng dường cho Phật được phước nhiều hơn.

***Cúng dường cho mười tỷ Phật trong ba đời chư Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng ăn.***

Vị này là ai mà nhiều công đức như vậy? Thật không phải người ngoài, chính là bản tâm mình. Cúng dường vị này là quay về sống với bản tâm. Công đức cúng dường vô lượng Phật không bằng công đức quay về nhận lại bản tâm, sống lại với bản thể.

Chân tâm luôn lặng lẽ thanh tịnh, nên nói không niệm. Chân tâm không hình tướng mà hay trùm khắp, lại không dính mắc tất cả pháp, giống như hư không, nên nói không trụ. Chân tâm viên mãn trọn vẹn, chưa từng thiếu sót, không cần chỉnh sửa, nên nói không tu. Chân tâm là chính mình, tự có sẵn, không do ai cho, nên nói không chứng.

Sống lại với bản tâm là cốt lõi của người tu. Làm lành tạo phước chỉ là nương diệu dụng của bản tâm mà ứng duyên tiếp vật, không phải

chỗ cứu kính giải thoát. Theo tâm mà làm, hợp tâm mà dụng, mới thật là khéo dụng. Giả sử định đem tiền cúng dường một vị Hòa thượng đức hạnh, trên đường gặp một người bị tai nạn cần cứu giúp, liền dùng tiền đó bố thí cho người đang cần, không so sánh phúc báo hơn kém, đó là theo tâm mà làm, là cúng dường cho vị vô tu, vô chứng. Nếu bố thí cúng dường với tâm cân nhắc, phân biệt, so sánh phúc báo hơn kém là chưa sống được với bản tâm, không thể có được công đức tâm, tức chưa đến chỗ rốt ráo.

Thái tử Tu-đạt-noa, một tiền thân Phật, khi hành bố thí, chỉ theo tâm, không so sánh phúc báo. Ai xin liền cho, không kể giàu nghèo, không phân biệt thân sơ, ân oán. Người nước láng giềng đến xin voi chiến, cho ngay, chẳng nghĩ sẽ làm mạnh cho kẻ địch. Một bà-la-môn lạ xin con, cũng cho, không nghĩ con mình có thể bị ngược đãi v.v... Ngài hành bố thí ba-la-mật, xin thân cũng vui vẻ cho, huống là những

thứ bên ngoài. Chỉ một việc thí xả, xả đến tột cùng, chẳng luận gì khác.

Chư Bồ-tát hành thí ba-la-mật đều như vậy. Còn chúng ta bố thí chưa đạt đến cấp độ này. Khi người đến xin, mình sẽ xét xem họ có thật nghèo, thật đáng cho không; vật cho có vượt quá mức quy định ban đầu không v.v... Rất nhiều thứ tính toán phân biệt nên sự thí của mình không thể rốt ráo, không đến được ba-la-mật.

Thế nên, không có công đức nào bằng sống lại với bản tâm. Vì chỉ có như vậy mới không còn phân biệt, làm việc gì cũng thành việc lành, và việc gì cũng đến chỗ cứu kính ba-la-mật.

## CHƯƠNG 12

**Chánh văn:**

**Phật dạy: "Thờ phụng trời đất, quý thân không bằng hết lòng phụng dưỡng cha mẹ, bởi phước báo cúng dường cha mẹ hơn hẳn phước thờ quý thân."**

**Giảng:**

Đạo Phật xem trọng chữ hiếu. Trong bốn ân lớn có ân cha mẹ. Cha mẹ cho thân, nuôi nấng, bảo bọc, dạy dỗ cho đến trưởng thành. Cha mẹ hy sinh tất cả cho con. Vì con, cha mẹ có thể làm mọi việc, kể cả xả bỏ thân mạng. Ân này không gì đền đáp được, nên Phật gọi là ân trọng.

Do ân cha mẹ rộng lớn như thế nên làm con phải hết mực hiếu thảo. Khi còn nhỏ thì yêu thương và vâng lời để cha mẹ ấm lòng. Khi đã trưởng thành thì hết lòng phụng dưỡng cha mẹ, chăm sóc cha mẹ chu đáo từ vật chất đến tinh thần. Về vật chất, lo cho cha mẹ no ấm, không

để song thân đói lạnh, chăm sóc kỹ lưỡng khi ốm đau. Về tinh thần, vì cha mẹ làm các việc lành, hướng cha mẹ tu đạo, giúp cha mẹ có được niềm vui đạo. Tạo mọi điều kiện để cha mẹ thân an tâm lạc. Lo cho cha mẹ không quản nhọc nhằn, không ngại hao phí tài sản v.v... Như thế cũng chỉ là đền đáp được phần nào ân lớn của cha mẹ mà thôi.

Nếu nói về nhân quả, hạnh hiếu sanh phước báo vô cùng lớn, ngược lại, bất hiếu chịu quả ác cũng vô cùng. Thế nên, hiếu thảo với cha mẹ vừa đền được ân trọng, vừa tạo phước lành cho nhiều đời sau, không có lý nào không làm!

Quý thần như trời Đê Thích, trời Tứ Thiên Vương, các vị thần Thổ địa, thần sông, thần núi v.v... có ân chở che chúng sanh, là những vị có nhiều phúc báo, thần lực, cai quản nhân gian, đem lại bình an cho cõi người. Nên thờ quý Ngài được phước nhiều, nhưng không bằng một phần nhỏ phước phụng dưỡng cha mẹ.

Từ ngàn xưa, chư hiền thánh, các bậc giáo chủ đều dạy dân chúng, tín đồ hạnh hiếu. Bởi nếu ngay cả người có ân lớn với mình như thế còn không biết báo đáp thì không có việc ác nào họ không làm, và cũng đừng mong họ sẽ làm điều lành.

Khổng tử dạy: Trong trăm hạnh lành, hạnh hiếu đứng đầu. Phật, Bồ-tát nói: Cha mẹ là Phật trong nhà. Ông bà dạy:

*Công cha như núi Thái sơn,*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

*Một lòng thờ mẹ kính cha,*

*Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

## CHƯƠNG 13

**Chánh văn:**

**Phật dạy: Con người có hai mươi điều khó:**

1. Bần cùng bố thí là khó.
2. Giàu sang học đạo là khó.
3. Quên mình vì đạo là khó.
4. Được thấy kinh Phật là khó.
5. Sinh ra gặp đời có Phật là khó.
6. Nhịn sắc, nhịn dục là khó.
7. Thấy tốt không cầu là khó.
8. Có thể lực không cậy quyền là khó.
9. Bị nhục không sân là khó.
10. Gặp việc không quan tâm là khó.
11. Học rộng, tư duy sâu là khó.
12. Trừ bỏ ngã mạn là khó.

**13. Không khinh người chưa học là khó.**

**14. Thực hành tâm bình đẳng là khó.**

**15. Không nói thị phi là khó.**

**16. Gặp thiện tri thức là khó.**

**17. Học đạo kiến tánh là khó.**

**18. Tùy duyên hóa độ người là khó.**

**19. Thấy cảnh chẳng động là khó.**

**20. Khéo biết phương tiện là khó.**

**Giảng:**

***1. Bần cùng bố thí là khó.***

Người nghèo không đủ ăn, không đủ mặc, làm sao có dư để bố thí. Nhưng nếu đủ dũng lực, dám đem chút phần ít ỏi đó bố thí thì phước sẽ lớn vô cùng. Bởi xưa không tạo nhân thí, đời nay mới nghèo khó, nay nếu dám thí, tức sửa nhân xấu thành lành, tự nhiên được phước lớn.

Tôn giả Đại Ca-diếp, vì thương xót người nghèo, muốn giúp họ thay nhân đổi quả, nên thường khát thực ở xóm nghèo, thậm chí xin cả kẻ ăn mày, người cùi hủi... Nếu những người này dám xả bỏ phần ăn khó có được của mình cúng dường cho Ngài, họ sẽ được phước báo sanh lên cõi trời, hưởng năm món dục lạc vi diệu.

Vật cúng dường bổ thí của người nghèo thường ít ỏi và kém xấu, nhưng đó lại là tất cả tài sản của họ, phải phát tâm mạnh mẽ lắm mới xả được, nên chiêu cảm phước báo rất lớn, người tu không thể tiếp nhận qua loa được. Có khi cần phải bậc đạo cao đức trọng mới kham lãnh được vật phẩm cúng dường của họ.

Có một cô gái nghèo, ngày ngày đi xin ăn mà thường không đủ no. Cô nghĩ do thiếu phước mới phải khổ như vậy, nên muốn thay đổi nghiệp nhân của mình. Cô cắt đi mái tóc dài đem bán được ít tiền, đổi hết thành gạo muối đem lên cúng chùa. Hòa thượng phượng trưng đích thân tiếp rước và chúc phúc cho. Trên

đường trở về, cô gặp vua, vua sanh tâm yêu mến nên đưa về cung phong làm quý phi. Biết do phước cúng chùa mới được vậy, cô bèn sắm sửa nhiều phẩm vật quý giá, trở lại chùa cúng dường, nhưng chỉ được thầy Trụ trì tiếp, không được gặp đức Phương tượng. Cô tha thiết xin gặp, gặp Ngài, cô thưa: Xưa con chỉ cúng ít phẩm vật thô sơ lại được Ngài tiếp đón và chúc phúc, nay con đem cả xe vật phẩm quý giá chôn cung môn lên dâng cúng, lại không được gặp Ngài, không biết là nguyên do gì? Phương tượng giải thích: Xưa phẩm vật ít ỏi nhưng là tất cả tài sản và tấm lòng của cô, nên chiêu cảm công đức vô lượng, quý thầy nhỏ không kham nhận nổi, nên ta tiếp cô. Nay phẩm vật tuy quý, nhưng không là gì đối với cô, quý thầy tiếp cô là đủ rồi, không cần ta.

Thế nên, bản cùng bố thí rất khó, nhưng nếu làm được thì công đức vô lượng.

## **2. Giàu sang học đạo là khó.**

Đức Phật thường dạy ít muốn, biết đủ, tiết chế dục lạc, thí xả, tùy hỷ v.v... Mà người giàu thường thích thọ hưởng ngũ dục lạc, thích kiếm tiền v.v... Họ quen sống hưởng thụ, phục vụ mọi nhu cầu của bản thân, giờ bảo họ biết đủ, ít muốn, tiết dục, thí xả v.v... sẽ rất khó.

Nhưng nếu họ làm được, sẽ đem lại lợi ích rất lớn cho cộng đồng, cho Phật pháp. Vì họ nhiều phúc báo nên giúp được nhiều người, làm được nhiều việc lớn, hộ trì Tam bảo cũng mạnh hơn.

Thời Phật, các vị đại thí chủ đều là những vị giàu có, quyền lực, như trưởng giả Cấp Cô Độc, bà Vi-sa-kha, vua Bình Sa, vua Ba-tư-nặc, vua A-xà-thế v.v... Họ đủ năng lực tài chính, đủ quyền uy để làm được những việc lớn. Nếu bố thí, họ có thể thí cho người nghèo cả nước, xây nhà tình thương, viện dưỡng lão, trại cô nhi, đắp cầu, làm đường v.v... Nếu hộ trì chánh pháp, có thể xây chùa to, Phật lớn, cúng dường

thiên tăng, giúp truyền bá rộng rãi Phật pháp đến toàn dân v.v..., như các vị vua đời Lý Trần ở nước ta. Thời nào có nhiều người giàu có, quyền lực ủng hộ, thời đó Phật giáo phát triển mạnh mẽ, giáo lý đạo Phật đi sâu vào xã hội, người xuất gia cũng nhiều hơn.

Thế nên, người giàu sang học đạo được rất quý, bản thân họ được tốt, mà Phật pháp cũng được lợi, xã hội nhờ ơn.

### ***3. Quên mình vì đạo là khó.***

Dám quên mình, xem nhẹ mọi sanh tử chỉ để cầu đạo, học đạo là rất khó.

Người tu vốn trường chay, nhưng khi bệnh nặng, bác sĩ khuyên ăn mặn, vì sợ chết nên nghe lời bác sĩ, trở lại ăn thịt cá. Chỉ việc ăn chay mặn, mà vì sợ bệnh, sợ chết, còn không giữ được, huống chi xả bỏ thân này cầu đạo, càng là việc khó làm. Thậm chí vì thân có thể phạm cả lỗi sát sanh, lấy máu con này, ăn thịt con kia để trị bệnh, quên mất tâm nguyện vì chúng sanh của mình.

Vị nào có thể quên mình vì đạo sẽ thành tựu rất lớn. Một Tỳ-kheo từ xa về đánh lễ Phật, trên đường không khát thực được, đến nơi đã quá ngộ, thầy vừa đói vừa khát. Thế Tôn thương xót cho thầy phần cơm thừa của mình, nhưng thầy cương quyết giữ giới không ăn, đem đó qua đời. Nhờ công đức giữ giới này, thầy sanh lên cõi trời.

Một Tỳ-kheo khác, khi tọa thiền đến chỗ vắng lặng tột cùng, chưa kịp khai sáng liền bị năm ám che đậy, mất chỗ vừa nhận. Nhiều lần như vậy, nên thầy quyết định xả thân khi tâm cảnh vừa đến chỗ này, không để năm ám kịp ảnh hưởng. Ngay khi cắt mạch máu tự sát, thầy liền ở ngay tâm cảnh đó chứng Thánh quả, thoát khỏi sanh tử luân hồi. Ma ba-tuần thấy thầy tự sát, cho rằng thầy sẽ bị đọa, nhưng nó tìm mãi không thấy tung tích thầy, nên đến hỏi Phật, Phật bảo: Như củi hết lửa tắt, một vị đã chứng quả Thánh thì không còn lưu dấu trong ba cõi, làm sao tìm được!

Quên mình vì đạo rất khó. Nhưng nếu làm được sẽ tiến bộ rất nhanh, thành tựu rất lớn.

#### ***4. Được thấy kinh Phật là khó.***

Chúng ta ngày nay thấy kinh Phật dễ dàng, lầm tưởng rằng dễ được. Thực sự không phải vậy. Khoảng thời gian giáo hóa của một vị Phật không dài. Như thời giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ có 11.500 năm mà thôi (500 năm chánh pháp, 1.000 năm tượng pháp, 10.000 năm mạt pháp). Sau khi Phật pháp hoàn toàn diệt, phải rất lâu sau mới đến Phật Di Lặc ra đời, khoảng giữa hai thời kỳ Phật sẽ không có kinh Phật.

Thế giới trải qua bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không. Mỗi giai đoạn kéo dài 20 kiếp.

Kiếp, dịch âm từ chữ Phạn Kalpa. Danh từ Kalpa không phải do Phật giáo sáng tạo, mà là tên gọi chung một đơn vị thời gian của Ấn Độ cổ đại, để tính những khoảng thời gian dài, cũng như từ sát-na (ktana) là một đơn vị thời gian chỉ khoảng thời gian ngắn. Nói dài thì có

thể dài vô hạn, mà nói ngắn thì cực ngắn như một sát na.

Thông thường, từ "kiếp" dùng để chỉ khoảng thời gian dài của thế giới ta-bà. Kinh Phật nói kiếp có 3 cấp:

Cấp thứ nhất là tiểu kiếp: Được tính theo thọ mạng của loài người. Từ mức thọ mạng dài nhất là 84.000 tuổi, cứ 100 năm giảm một tuổi, giảm tới khi thọ mạng người chỉ còn 10 tuổi, giai đoạn này gọi là kiếp giảm. Rồi, từ thọ mệnh 10 tuổi, cứ 100 năm tăng thêm một tuổi, cho đến khi đạt mức thọ mạng 84.000 tuổi, gọi là kiếp tăng. Thời gian một lần giảm một lần tăng như vậy gộp lại làm một tiểu kiếp. Vậy thời gian một tiểu kiếp khoảng 16.000.000 năm.

Cấp thứ hai là trung kiếp: Hai mươi tiểu kiếp gộp lại thành một trung kiếp. Mỗi giai đoạn thành, trụ, hoại, không là một trung kiếp, tức 20 tiểu kiếp. Trong bốn giai đoạn trên, chỉ có giai đoạn trụ là có chúng sanh ở. Trong giai đoạn

Thành, địa cầu ở thể lỏng và khí, thể lỏng dần khô cứng, quá trình này kéo dài 20 tiểu kiếp, chúng sanh không thể ở được. Giai đoạn Hoại, trái đất bị phá hoại kịch liệt, dữ dội, chúng sanh cũng không thể ở được. Giai đoạn này, thế giới trải qua 49 lần đại hỏa tai, 7 lần đại thủy tai, một lần đại phong tai, dẫn đến thế giới hoàn toàn băng hoại, giai đoạn này cũng kéo dài 20 tiểu kiếp. Sau kiếp Hoại, bắt đầu kiếp Không, thế giới không còn vật gì tồn tại, cũng kéo dài 20 tiểu kiếp. Rồi thế giới lại dần hình thành, bắt đầu giai đoạn Thành khác, lặp lại vòng tuần hoàn tiếp theo. Như vậy, bốn giai đoạn "thành, trụ, hoại, không" là một vòng tuần hoàn của thế giới.

Cấp thứ ba là đại kiếp: Bốn trung kiếp gộp lại thành một đại kiếp. Nói cách khác, đại kiếp là một vòng sinh diệt của thế giới. Trong giai đoạn Hoại, đại hỏa tai thiêu cháy từ địa ngục vô gián đến cõi trời Sơ thiên Sắc giới. Đại thủy tai nước tràn ngập

từ địa ngục vô gián đến cõi trời Nhị thiên. Đại phong tai gió thổi mạnh từ địa ngục vô gián đến cõi trời Tam thiên. Như vậy, giai đoạn kiếp hoại, cả thế giới từ địa ngục vô gián tới cõi trời Tam thiên của Sắc giới, đều nằm trong phạm vi hoại diệt. Chỉ có cõi trời Tứ thiên Sắc giới và 4 cõi trời Vô sắc giới là không bị kiếp nạn. Ở giai đoạn hoại kiếp, chúng sinh ở thế giới này sẽ chuyển sinh sang các thế giới khác, hoặc siêu thăng lên cõi trời Tứ thiên, không có chúng sanh nào cùng hoại với thế giới.

Trong giai đoạn Trụ của một đại kiếp, thế giới sẽ có 1.000 vị Phật ra đời. Đại kiếp chúng ta đang ở tên là kiếp Hiền, đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Phật thứ 4, tiểu kiếp này là tiểu kiếp thứ 9, và chỉ có một đức Phật ra đời. Phật Di Lặc sẽ hạ sanh ở tiểu kiếp thứ 10. Mỗi tiểu kiếp là 16.000.000 năm, mà thời giáo hóa của đức Phật Thích Ca chỉ kéo dài 11.500 năm. Hơn nữa, không phải tiểu kiếp nào cũng có Phật, giai đoạn

Trụ đã trải qua 9 tiểu kiếp mà chỉ có 4 vị Phật xuất hiện, sau Phật Di Lặc, tiểu kiếp 11, 12, 13, 14 đều không có Phật, đến tiểu kiếp 15 mới có Phật thứ 6 ra đời. 5 kiếp cuối cùng, nhiều vị Phật sẽ kế nhau thị hiện cho đến khi đủ số 1.000. Như vậy, chư Phật ra đời không có quy luật nhất định, có tiểu kiếp không có Phật, có tiểu kiếp chỉ có một Phật, có tiểu kiếp có nhiều vị Phật. Nhưng dù thế nào, thời gian giáo hóa của chư Phật đều rất ít so với thời gian tồn tại của nhân loại. Có nghĩa là, gặp được kinh Phật là điều không hề dễ dàng. Chúng ta có phước được sanh ra trong thời giáo hóa của Phật Thích Ca, được gặp kinh Phật, được tu theo Phật, nếu không cố gắng lợi dụng duyên lành thù thắng này phát triển đạo tâm, e rằng những đời sau sẽ không dễ gặp được Phật pháp.

### ***5. Sanh ra gặp đời có Phật là khó.***

Sanh ở nơi đức Phật thị hiện ra đời, vào đúng thời điểm Phật giáo hóa, lại gặp được Phật trực tiếp hóa độ, hội đủ điều kiện này là rất khó.

Có những người tuy sanh đồng thời với Phật, nhưng không sanh cùng đất nước của Ngài; hoặc sanh cùng quê với Ngài mà sanh trước khi Phật thành đạo hay sau khi Phật Niết-bàn; hoặc sanh đúng nơi Phật giáo hóa nhưng lại không được gặp Phật, không nghe Phật thuyết pháp v.v... Nghĩa là chỉ cần thiếu một nhân duyên thôi cũng là mất cơ hội thấy đạo, được đạo.

Chúng ta ngày nay tuy không được sanh trong thời Phật tại thế, nhưng vẫn đang ở trong thời giáo hóa của Phật Thích Ca, lại được xuất gia, sanh trong giáo pháp của Phật, đắp y cà sa, mang họ Phật. Những điều này cũng là rất khó mà mình lại có được, đủ biết phúc báo của chúng ta cũng vô cùng lớn, thiện căn sâu đậm chớ không phải tầm thường.

Sau khi giáo pháp của đức Phật Thích Ca hoàn toàn chấm dứt, sẽ rất lâu mới đến đức Phật Di Lặc ra đời. Khoảng giữa hai thời kỳ Phật không có giáo pháp, và giai đoạn này rất lâu dài. 20 tiểu kiếp trong kiếp Trụ chỉ có 1000 vị Phật

thị hiện ra đời, mỗi vị lại không ở đời lâu, giáo pháp cũng không trụ thế lâu. Như vậy, thời gian có Phật pháp là rất ít, nên gặp được Phật pháp là cực khó, gặp Phật càng khó hơn. Cho nên nói:

*Hạnh phúc thay chư Phật giáng sanh!*

*Hạnh phúc thay giáo pháp thông lưu!*

*Hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp!*

*Hạnh phúc thay tứ chúng đồng tu!*

Quả thật, có phúc lắm chúng ta mới được xuất gia trong pháp Phật, được có kinh Phật để học, để tu, để giải thoát.

### **6. Nhịn sắc, nhịn dục là khó.**

Sắc đây là sắc nam nữ, không phải sắc chất. Dục là ham muốn, thế gian có năm thứ khiến người sanh ham muốn không nguôi, gọi là năm dục, là: Tài (tiền tài), sắc (sắc nam nữ), danh (danh vọng, tiếng tăm), thực (thức uống ăn), thùỳ (ngủ nghỉ). Năm dục này là năm dục thô, còn có năm thứ dục tế, là: Sắc (tất cả sắc tướng đẹp đẽ ưa nhìn...), thanh (tất cả âm

thanh dễ nghe, thu hút...), hương (tất cả mùi hương thơm tho, quyến rũ), vị (tất cả vị ngon của mọi thức uống ăn), xúc (tất cả sự xúc chạm mềm mịn, trơn láng...).

Nhịn sắc là đối với việc nam nữ có thể nhân nhịn được, không bị người khác phải cuống hút. Việc này rất khó, nhất là đối với người nam. Ông bà ta có câu: Lấy lửa thử vàng, lấy vàng thử đàn bà, lấy đàn bà thử đàn ông.

Xưa có một nhóm thanh niên đến một đạo sĩ lừng danh học đạo. Đêm đến, đạo sĩ lấy than hóa ra mỹ nữ đến thử các chàng. Sáng ra, chàng nào người cũng dính đầy than, không có ai ngoại lệ, tức là không có chàng nào thoát khỏi ả nữ sắc. Và thế là, đành phải khăn gói rời đi.

Nam gần nữ như lửa gần rơm, nhịn rất khó. Xưa Liễu Hạ Huệ ôm cô gái trong lòng mà vẫn thản nhiên đọc sách, tâm không một niệm dục, nên tên ông rạng danh trong sách sử, tiêu biểu cho bậc chính nhân quân tử. Bởi vì khó ai có thể nhịn được khi tiếp xúc thân mật với

người khác phái. Luật xưa quy định nam nữ thọ thọ bất thân, chính là để giúp cho việc nhịn sắc được dễ dàng hơn. Ngày nay nam nữ tiếp xúc thân mật, thoải mái, nên việc giao hoan nam nữ trở nên phổ biến, dẫn đến nhiều tệ nạn không hay về phương diện này.

Trong Tăng đoàn, Tăng Ni sống tách biệt, chính là để giữ gìn phạm hạnh cho nhau. Đức Phật dạy Tăng Ni khi tiếp xúc với người khác phái phải quán người già như cha mẹ, người lớn như anh chị, trẻ nhỏ như con cháu để tâm dục không dậy khởi, đạo tâm được bảo vệ. Bởi nếu không cẩn thận hộ tâm sẽ rất khó nhịn được sắc dục. Đức Phật từng khẳng định: Cũng may là ái sắc dục chỉ có một, nếu có cái thứ hai mãnh liệt như nó thì thế gian này không ai tu đạo được. Thế nên biết, sắc dục vô cùng tai hại và việc nhịn nó là khó khăn vô cùng.

Những dục khác như tiền của, danh vọng, thức ngon, ngủ nghỉ tuy không mãnh liệt như sắc dục, nhưng cũng chi phối tâm tư con người

không ít, nhịn chúng cũng không dễ chút nào. Nhiều người lao đầu vào tội ác chỉ vì không nhịn được những ham muốn này. Hoặc giết người để cướp của, hoặc lường gạt để sanh lợi, hoặc mưu hại người để đạt danh vọng chức vị, hoặc sát sanh hại vật để ăn ngon v.v... Tội ác từ dục sanh ra nhiều vô kể bởi người ta không nhịn được, không thắng được ham muốn trong tâm mình.

Nếu có thể nhịn được sắc, nhĩn được dục, công đức sẽ rất lớn, công phu rất sâu, sẽ sớm ngày giải thoát.

### ***7. Thấy tốt không cầu là khó.***

Vì trong tâm còn tham nên thấy vật gì tốt là muốn gom về mình. Tâm tham thuộc căn bản vô minh, sanh ra là có sẵn, là tập khí được huân tập từ vô lượng đời kiếp, lúc nào cũng muốn thu tóm mọi thứ tốt đẹp về mình. Không chỉ con người, loài vật cũng vậy, hễ còn là chúng sanh là còn tâm tham, còn tâm tham thì thấy vật gì tốt là muốn có. Thắng được tâm mong cầu này rất khó, chỉ khi quán chiếu được

chân tướng các pháp, biết tất cả pháp như huyễn, không thật, tâm tham dứt hẳn, hay nhẹ bớt, mới có thể thấy tốt mà không cầu. Thế nên nói thấy tốt không cầu là khó.

### ***8. Có thể lực không cậy quyền là khó.***

Người có thể lực thường hay cậy quyền ức hiếp kẻ dưới. Hoặc thỏa mãn tâm tham, bắt kẻ dưới đem lợi cho mình, sống cuộc sống trên trước. Hoặc thỏa mãn tâm sân, tùy ý nhục mạ, đánh đập, ức hiếp... Hoặc thỏa mãn tâm ngạo, ra quyền ra thế, tỏ rõ quyền uy của mình. Chúng sanh vốn đủ ba độc: tham, sân, si. Chúng là những hạt giống có sẵn trong tâm, mà thể lực chính là mảnh đất tốt, là nguồn nước dinh dưỡng nuôi lớn chúng. Cho nên, người có thể lực mà không bị tham sân si dắt dẫn, không cậy quyền ức hiếp người là rất khó. Nếu ai làm được, người đó chính là Bồ-tát giữa thế gian, được người người kính trọng, tôn thờ.

Người có thể lực làm ác sẽ gây ra hậu quả vô cùng nghiêm trọng, tai hại cho cả một quốc

gia, một thời đại. Như hoàng đế Napoleon, một niệam tham của ông dẫn đến đại thế chiến thứ nhất; Hitler vì một niệam si mà khiến cả thế giới đổ lửa chiến tranh; Ponpot bởi tà kiến mà hằng triệu dân Campuchia thiệt mạng, đất nước điêu linh v.v... và v.v... Những ví dụ như vậy kể không thể xiết.

Ngược lại, những vị có thế lực mà không cậy quyền, lại dùng quyền lực đó làm việc tốt, sẽ đem lại lợi ích cho hàng vạn người, hoặc cả dân tộc, cả đất nước, thậm chí là cả thế giới. Như các vị Chuyển Luân Thánh Vương thường được nhắc đến trong kinh Phật; các vị vua đầu đời thời Lý Trần ở nước ta, đem chánh pháp dạy dân, khiến dân giàu nước mạnh, trên dưới hòa thuận; Tổng thống Lincoln giải phóng nô lệ ở nước Mỹ v.v... Những vị Hiền nhân này cũng rất nhiều trong lịch sử nhân loại, quý Ngài là Bồ-tát giữa thế gian, chớ không phải tầm thường.

### **9. Bị nhục không sân là khó.**

Sân là căn bản vô minh, được huân tập từ vô lượng kiếp, vừa sanh ra là đã mang theo, không cần ai chỉ dạy. Khi bị làm nhục, mắng chửi, chê bai, đánh đập v.v... liền nổi sân, rất khó giữ bình tĩnh.

Thuở quá khứ, tiền thân tôn giả Xá-lợi-phất từng phát nguyện sẽ bố thí thân mạng không lẫn tiếc. Khi Ngài vừa nguyện, chỗ ngồi của Thiên Đế Thích nóng lên, vua quán sát biết có người vừa phát nguyện hành bố thí lớn. Để thử tâm Ngài, vua hóa hiện làm một chàng thanh niên trẻ vừa đi vừa khóc, Ngài hỏi duyên do, vua đáp:- Cha tôi bị bệnh mắt, thầy thuốc bảo phải tìm một con mắt khỏe mạnh khác thay thế, tôi biết tìm đâu ra, nên đau buồn mà khóc. Tôn giả nói: “Hay lắm! Tôi vừa phát nguyện bố thí thân mạng không tiếc, ông hãy móc mắt tôi đi.” Đế Thích nói: “Nếu ngài đã nguyện cho thì tự móc, sao lại bảo tôi móc?” Tôn giả liền móc mắt phải đưa vua. Vua quăng đi rồi la lên: “Tôi

cần mắt trái chớ không phải mắt phải.” Tôn giả lại móc con mắt còn lại đưa cho. Vua cầm lấy đưa lên mũi ngửi rồi quăng xuống đất, lấy chân chà đạp lên, chê: “Mắt gì thối quá, sao thay cho cha tôi được!” Tôn giả buồn bã than: “Ôi! Chúng sanh thật khó độ, thôi ta tự độ mình, không hành Bồ-tát hạnh nữa.” Đế Thích nghe vậy, hiện lại bốn thân, thưa: “Xin tôn giả đừng thối tâm, tôi chỉ làm khó hơn để thử tâm Ngài, chúng sanh không đến nỗi khó độ vậy đâu, mong Ngài giữ vững hạnh nguyện, tôi xin nguyện hộ Ngài.” Thế là, Tôn giả vui vẻ tiếp tục con đường Bồ-tát đạo của mình.

Thế nên, để thử tâm đạo của một người, đem gió nghịch đến xem họ có nổi sân không, nếu có thể định tâm an lạc, chứng tỏ vị đó công phu rất vững vàng; ngược lại, không qua được ải sân, tức công phu còn chưa cứng chắc. Bởi bị nhục không sân là rất khó.

### **10. Gặp việc không quan tâm là khó.**

Quan tâm ở đây có nghĩa là xen vào. Ý Phật muốn nói là chúng sanh thích hóng chuyện, thích bàn luận chuyện thiên hạ. Đi đường gặp việc là bu lại xem, thậm chí là quay phim đưa lên mạng xã hội, rồi cùng tham gia luận bàn đúng sai phải quấy... Cả ngày bận rộn lo chuyện bao đồng, ông bà ta có câu: Ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng. Chính vì hay chạy theo ngoại cảnh bên ngoài, không xoay lại nhìn mình, sửa mình, nên mới mãi làm chúng sanh lên xuống trong ba cõi sáu đường.

Xưa đức Phật hoàng Trần Nhân Tông hỏi Thượng sĩ Tuệ Trung:- Làm sao tu hành? Thượng sĩ dạy:- Quay lại nhìn mình là việc bổn phận, không ai bên ngoài cho mình được (phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc). Sau này, vua tự mình sáng đạo, đã dạy: “Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiền”. Thiền không gì khó, chỉ cần gặp việc đừng bận tâm, thấy cảnh thuận

ngịch không sanh tâm thương ghét, như vậy là thiên, là tự tại.

Tuy nhiên, thân nhiên trước mọi việc là điều không dễ làm, nên Phật mới nói: Gặp việc không quan tâm là khó.

### ***11. Học rộng, tư duy sâu là khó.***

Học rộng ở đây là nghiên cứu sâu giáo lý, đức Phật gọi là đa văn. Là một trong bảy tài sản của bậc Thánh. Kinh điển của Phật nhiều vô cùng, đa dạng, phong phú, nghĩa lý lại sâu xa. Cộng thêm những bài luận giải của chư Tổ, công án của Thiền sư, ngữ lục của Tổ sư v.v... Cả đời để hết thời gian học cũng không hết. Càng học càng thấy sở học của mình ít ỏi, những điều mình học được như giọt nước, mà giáo nghĩa mênh mông như biển rộng. Nếu tìm được niềm vui trong giáo lý, tức pháp hỷ, sẽ càng học càng thích, học không biết mệt mỏi, không biết chán. Nhưng nếu không tìm thấy niềm vui, nhìn thấy kinh điển là sợ, thì sẽ chán không muốn học.

Như trẻ nhỏ đi học, có trẻ càng học càng thích, mỗi ngày khám phá thêm nhiều điều mới mẻ, sanh ước mơ vươn xa trong rừng kiến thức, muốn làm giáo sư, bác sĩ, tiến sĩ v.v... Nhưng lại có trẻ sợ hãi việc học, mờ mịt trước biển kiến thức mênh mông, nên giữa đường bỏ học, chấp nhận làm người bình thường trong xã hội.

Ở thế gian, người thích học thì ít, kẻ sợ học thì nhiều. Trong đạo cũng vậy, người thích nghiên cứu kinh điển cũng không nhiều. Nên Phật mới nói: Học rộng là khó.

Học khó, tư duy sâu càng khó hơn. Muốn tư duy sâu phải nghiên cứu kỹ, đọc đi đọc lại nhiều lần, chiêm nghiệm, tìm hiểu sâu hơn ý nghĩa của từng lời kinh, bản luận. Điều này đòi hỏi người học phải dám sống một mình, thích sống một mình, để hết tâm tư vào kinh sách, buông bỏ mọi việc bên ngoài. Nhưng thói quen của chúng sanh là thích đám đông, sợ cô độc, dễ nhàm chán khi chỉ làm một việc. Vì vậy, người chịu bỏ công nghiên cứu sâu nội điển, lặng lẽ tư

duy nghĩa lý, là người rất khó được, vì không phải ai cũng làm được, nên Phật mới nói là khó.

Học là Văn huệ, tư duy sâu là Tư huệ. Chỉ có chịu học, chịu tư duy sâu thì khi tu mới không sợ lầm lạc, mới có thể phát sanh trí huệ chân chánh, tức Tu huệ. Đó là Tam huệ học mà đức Phật đã chỉ dạy nhắc nhở từ ngàn xưa.

Việc học vô cùng quan trọng, Tổ Thiện Hoa từng dạy: “Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là cái đũa sách.” Đã tu theo Phật thì phải học, học nữa, học mãi, vì việc học không có giới hạn. Những gì mình đã học như giọt nước mà giáo lý Phật như biển cả, không biết lúc nào mình mới thấu hết nghĩa lý Phật dạy. Khi đọc kinh Phật, chúng ta sẽ thấy mỗi lần đọc mỗi lần thấm sâu, theo công phu của mình mà sự hiểu của mình sẽ tăng dần. Tổ Huệ Năng vừa nghe kinh Kim Cang liền ngộ đạo, nhưng đó chỉ là mới đến ngoài cửa, đến khi được Ngũ Tổ giảng thêm, Ngài mới triệt ngộ, thấu rõ thể dụng đồng thời của tự tánh mình.

Có vị Tổ từng nói: Mỗi lần nhắc lại mỗi lần mới. Kinh điển của Phật Tổ phải đọc nhiều lần, chiêm nghiệm kỹ, tư duy sâu mới thấu hiểu hết nghĩa lý thâm sâu trong đó. Nhờ đó, chúng ta mới đủ niềm tin và sức mạnh điều phục tâm mình, công phu tu mới có thể ngày một tiến, và không sợ sai lạc. Như đức Phật đã dạy: “Các ông phải tự thấp đuốc lên mà đi, thấp lên với chánh pháp.”

### ***12. Trừ bỏ ngã mạn là khó.***

Ngã mạn rất khó bỏ, phải đến A-la-hán mới dứt được, nó nằm trong năm thượng phần kết. Trong tám gió, ngã mạn chiếm hết bốn, đó là xưng cơ và hủy dự. Thường thì ai cũng thích khen sợ chê, đó là hiện tướng của mạn. Mạn có 7 thứ: Mạn, ngã mạn, quá mạn, mạn quá mạn, tăng thượng mạn, ty liệt mạn, tà mạn.

1. Mạn: Nghĩ mình hơn người.
2. Ngã mạn: Ý mình hay giỏi mà lấn lướt người.

3. Quá mạn: Mình bằng người mà cho là hơn người, người hơn mình mà cho là bằng.

4. Mạn quá mạn: Người hơn mình nhiều mà cho mình hơn người.

5. Tăng thượng mạn: Chưa chứng Thánh quả mà cho mình đã chứng.

6. Ty liệt mạn: Mình thua người nhiều mà nói mình thua ít.

7. Tà mạn: Người tu về tà mạn được chút ít thần thông, hoặc hiểu biết đôi chút việc quá khứ, vị lai, rồi khinh lướt người khác, xem trời đất không còn ai.

Muốn ra khỏi luân hồi phải dứt tâm ngã mạn. Muốn dứt tâm ngã mạn phải thường quán xét tâm mình, chánh niệm từng phút giây. Tôn giả Xá-lợi-phất từng thưa với Phật: Chỉ có người nào không biết quán thân trên thân mới có tâm khinh mạn người khác. Con luôn quán xét thân tâm mình, thấy mình như đất, nước, lửa, gió, như chổi quét nhà, như giẻ lau nhà, không khởi

tâm khinh mạn bất cứ ai, bình đẳng với tất cả mọi người.

Đức Khổng Tử từng nói: Đứa bé 7 tuổi hơn ta thì ta học bé, ông già 80 tuổi không bằng ta thì ta dạy ông. Vì sự học, chẳng ngại tuổi tác; vì sự giáo hóa, chẳng ngại nhọc nhằn.

Ngã mạn rất khó trừ, nó theo chúng ta từ vô lượng kiếp. Nhưng nếu muốn giải thoát, nhất định phải bỏ nó.

***13. Không khinh người chưa học là khó.***

Chúng ta thường có thói quen xem thường người mới vào đạo, cho rằng họ không biết gì. Nhưng chưa chắc. Đức Phật từng dạy: Có ba thứ nhỏ mà không nên xem thường: Một là một đốm lửa nhỏ, hai là một con rắn nhỏ, ba là một Tỳ-kheo nhỏ. Một đốm lửa nhỏ có thể là nguyên nhân của một nạn cháy rừng lớn. Một con rắn nhỏ có thể cắn chết người. Một Tỳ-kheo nhỏ có thể chứng Thánh quả A-la-hán.

Đệ tử tôn giả A-na-luật mới 7 tuổi, khi được thầy cạo tóc xuất gia, tóc vừa rơi xuống phiền não liền sạch, ngay tức thời chứng A-la-hán. Từng chiết phục Long vương sông A-noma khiến ông quy y, kính ngưỡng. Đệ tử tôn giả Xá-lợi-phất cũng mới 7 tuổi, nhưng khi thấy thợ rèn bánh xe, thợ uốn tên đã tự nghĩ: gỗ, sắt... đều là vật vô tri mà người ta còn có thể uốn nó theo ý muốn, tâm ta hữu tri sao không thể được rèn luyện. Thế là Ngài đóng cửa thiên định tư duy, quyết tâm hàng phục tâm mình, khiến Đế Thích phải nắm giữ mặt trời không cho lặn, Thế Tôn phải rời hương thất giữ chân tôn giả Xá-lợi-phất để trợ giúp Ngài hoàn thành thế nguyện. Và chỉ trong một buổi sáng, Ngài đã hàng phục được tâm, rũ sạch mọi phiền não, chứng đắc Thánh quả A-la-hán.

Thế nên, không thể đánh giá một người qua tuổi tác, tướng mạo, nhất là đối với người tu. Khinh mạn một người đức hạnh sẽ phải gánh chịu hậu quả khôn lường. Mà một người

đức hạnh hay không, công phu tu thế nào, chúng ta không thể biết được, nên tốt nhất là từ bỏ tâm khinh mạn, học hạnh khiêm hòa với tất cả mọi người. Như Bồ-tát Thường Bất Khinh, gặp ai cũng thưa:- Tôi không dám khinh quý Ngài, vì quý Ngài đều sẽ thành Phật.

#### ***14. Thực hành tâm bình đẳng là khó.***

Vì bản ngã của mỗi người đều rất sâu đậm nên khó thực hành tâm bình đẳng. Những người thân thuộc, những vật sở hữu của mình luôn chiếm vị trí quan trọng. Kẻ cướp giết người cướp của không gớm tay, nhưng đối với cha mẹ lại vô cùng hiếu thảo. Hoặc nhiều người lường gạt người khác để làm giàu, không quan tâm nỗi đau mất mát của người ta, nhưng lại cho tiền con cái ăn xài phung phí v.v... Nhan nhãn trước mắt chúng ta là những sự đối xử bất công, làm khổ nhau chỉ vì tâm thương ghét, thân sơ, giàu nghèo, quý tiện...

Đức Thế Tôn luôn dạy đệ tử thực hành tâm bình đẳng. Mà muốn bình đẳng phải có

lòng bi lớn, có trí tuệ cao. Có lòng bi lớn mới phá được tình cảm phân biệt thân sơ, có trí tuệ cao để thấy được bản chất bình đẳng của vạn pháp. Đức Phật từng dạy: “Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, trong nước mắt cùng mặn”; hay “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”; và “Tất cả pháp hễ có tướng đều là hư dối không thật”. Bản chất các pháp là vậy, vốn bình đẳng, đều là pháp vô thường biến đổi, do nhân duyên hòa hợp giả dối tạo thành, không có hơn kém, quý tiện...

### ***15. Không nói thị phi là khó.***

Một vị cao đức từng nói: “Biến sắc thành vàng còn dễ, bảo người đừng thị phi rất khó.” Ở đây đức Phật cũng khẳng định: Không nói thị phi là khó. Bởi thói quen của chúng sanh là hay phân biệt so sánh, thích bàn luận đúng sai của người, từ đó thể hiện bản ngã của mình, thỏa mãn cái tôi được huân tập từ vô lượng kiếp.

Thế nhưng, muốn sống với đạo, tâm thị phi phải dứt, tất hý luận phải trừ, bởi càng thị

phi càng xa đạo, càng hý luận càng loạn tâm. đức Thế Tôn đã dạy: “Hãy im lặng như Thánh, nói năng như Thánh”. Thường để tâm tĩnh lặng, chỉ nói khi cần độ người. Tổ sư dạy: “Hãy để khóa miệng lên meo như chiếc quạt mùa đông”. Tổ Tăng Xán nói: “Đạt đạo vốn không khó, chỉ khó vì tâm sanh phân biệt”. Lục Tổ dạy: “Ngơ ngơ không tu thiện, ngáo ngáo không tạo ác, lặng lẽ dứt thấy nghe, thên thang tâm không dính”.

Tóm lại, Phật Tổ đều dạy chúng ta bỏ tâm thị phi, dứt thói quen hý luận, trừ ý phân biệt, có thể mới hợp đạo. Biết rằng không nói thị phi rất khó, nhưng chúng ta có thể dùng tâm cầu đạo chí thiết để kiên quyết trừ dứt thói quen không tốt này.

### ***16. Gặp thiện tri thức là khó.***

Thiện tri thức là những vị trợ giúp chúng ta tu hành đúng chánh pháp. Thời mạt pháp này, gặp được thiện tri thức chỉ mình đi đúng đường, tạo điều kiện tốt để mình an tâm tu học

là điều rất khó có được. Nếu gặp được, đó là phúc báo lớn, là duyên lành sâu mà chúng ta đã gieo trồng nhiều đời mới có được.

Thời đại này nhiều tà pháp, nhiều tà sư. Nếu không cẩn thận, chúng ta có thể sẽ gặp sự hướng dẫn sai lầm của họ, vô tình rơi vào tà giáo. Trên mạng có khi bùng nổ thông tin chỗ này linh, chỗ nọ thiêng, thần này thánh nọ hiện về chỉ dẫn..., nghe những điều này dứt khoát đừng tin, vì phần lớn chỉ là bịa đặt mà thôi. Có chỗ nói Phật Di Lặc sắp ra đời, nhưng kinh điển Phật đã nói rõ chỉ khi giáo pháp của đức Phật Thích Ca hoàn toàn diệt mất thì Phật Di Lặc mới ra đời, thời điểm đó còn lâu xa lắm, nói Phật Di Lặc sắp ra đời chỉ là lừa gạt thôi. Hay có người xưng được phi nhân dựa vào có thể trị bệnh cũng đừng tin. Vì phi nhân cũng như mình thôi, đâu có giải quyết được nhân quả cho mình. Chỉ có mình tự tu, siêng năng sám hối, làm các công đức lành, hồi hướng cho oan gia trái chủ, từ đó giải tỏa oan kết với chúng sanh, nhờ nhân lành

chuyển được nghiệp dữ mới có thể tai qua nạn khỏi. Cúng cầu bên ngoài chẳng có tác dụng chi cả, chỉ hao tiền tốn của, lại còn kết duyên với các thế lực tà ác, gây hại cho đời này và cả đời sau.

Chỉ những vị thật sự là thiện tri thức, hướng dẫn chúng ta đi đúng chánh pháp, dựa vào chân lý mà tu hành, chúng ta mới tin theo, tu theo. Còn những lời ma mị quỷ quái thì đừng tin, đừng theo, tránh rơi vào tà kiến làm hại mình, hại người.

### ***17. Học đạo kiến tánh là khó.***

Thấy tánh không dễ, phải dụng công sâu, tu hành miên mật mới có thể có chút phần tương ưng. Tổ Hoàng Bá nói: “Chẳng phải một phen sương lạnh bước, hoa mai đâu dễ ngửi mũi hương.” Ông Bàn Uẩn nói: “Khó, khó, khó! Mười tạ dầu mè trên cây vuốt.”

Tuy nhiên như thế, chỉ cần mình kiên trì thực hành đúng lời dạy của Phật Tổ thì sớm muộn cũng sẽ nhận được tự tâm. Như dùi cây

lấy lửa, kiên trì dù thì sớm muộn cũng được lửa. Nước dù nhỏ mịn mà chảy mãi đá cũng mòn. Kiên trì tu hành thì không việc khó gì không xong. Nếu mình không tinh tấn, không kiên trì, một ngày tu ba ngày nghỉ, thì đúng là “Học đạo kiến tánh khó”. Còn dám xả thân tu hành, mỗi ngày đều tiến thì cửa đạo không xa, như bà Bàn Uẩn nói: “Dễ, dễ, dễ! Trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư.”

### ***18. Tùy duyên hóa độ người là khó.***

Có duyên mới độ được. Ngay cả Phật cũng phải có duyên mới độ được - “Phật hóa hữu duyên nhân”. Có duyên rồi, lại phải chọn phương tiện phù hợp dạy người, không chọn đúng phương tiện thì cũng khó độ.

Thời Phật, có một bà lão ở gần Tinh xá nhưng không thích Phật và cũng không ưa chư tăng, duy chỉ Sa-di La-hầu-la độ được bà, hướng bà quy y Tam Bảo, bởi bà có duyên tiền kiếp sâu xa với Ngài La-hầu-la, nên sanh lòng yêu thương và chịu nghe lời Ngài.

Tôn giả A-nan có duyên với một thợ rèn và một người giữ nghĩa địa. Hai vị nương Ngài tu học, Ngài dạy người thợ rèn quán bất tịnh, người giữ nghĩa địa quán hơi thở. Trải thời gian công phu lâu dài mà hai người đều chẳng tiến bộ. Tôn giả đến thỉnh Phật chỉ dạy, Phật quở tôn giả dùng phương tiện không thích hợp. Người thợ rèn ngày ngày thổi ống bễ, hợp với pháp quán hơi thở; người giữ nghĩa địa tiếp xúc thường với xác chết, hợp với quán bất tịnh. Chỉ cần thay đổi pháp tu phù hợp, tự nhiên họ sẽ tiến bộ. Quả thật, sau khi áp dụng cách tu mới không bao lâu, cả hai đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Như vậy, muốn hóa độ ai, trước tiên phải có duyên với họ, rồi hiểu sở trường sở thích của họ để dạy pháp tu thích hợp. Việc này không dễ làm, đòi hỏi phải có trí tuệ và phương tiện khéo léo mới được, nên Đức Thế Tôn nói khó là vậy.

### ***19. Thấy cảnh chẳng động là khó.***

Chúng sanh luôn có thói quen chạy theo cảnh, ngày ngày bị tám gió thổi, bị năm dục sai

khiến, bị bốn ma bức bách, không thể nào an nhiên tự tại được. Bởi cho vọng tâm điên đảo bên trong là bản ngã, cho ngoại cảnh bên ngoài là thật có, nên chúng sanh mới bị chúng trói cột sai khiến.

Muôn không động tâm trước ngoại cảnh thì bên trong phải nhận ra tự tánh bản nhiên thanh tịnh, bên ngoài phải thấy được các pháp hư dối không thật. Đức Phật dạy: “Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác”. Lục Tổ dạy: “Bên ngoài lìa tướng là thiền, bên trong chẳng loạn là định”. Sơ Tổ Trúc Lâm dạy: “Ở đời vui đạo hãy tùy duyên; đói đến thì ăn, mệt ngủ liền; trong nhà có báu thôi tìm kiếm; đối cảnh không tâm, chớ hỏi thiền.”

Cư sĩ Tô Đông Pha tu học và làm bạn với Thiền sư Phật Ấn. Một hôm ghé thăm Thiền sư mà không gặp, bèn viết vài dòng để trên bàn: “Tô Đông Pha, người Phật tử vĩ đại, tám gió thổi không động”. Thiền sư về xem qua, gửi thư hỏi đáp: “Chỉ là một cái đánh rắm”. Ông tức tối liền

đến chùa tìm Thiền sư để tranh luận. Ngài Phật Ân đợi ông xả hết cơn tức, tươi cười nói: “Tô Đông Pha, người Phật tử vĩ đại, tám gió thổi không động. Ấy vậy mà chỉ một hơi gió nhẹ của cái rắm đã thổi bay ông từ nhà đến chùa.”

Muốn không động trước cảnh đâu có dễ. Chỉ cần lấy tám gió làm thước đo sẽ biết công phu mình tới đâu.

### ***20. Khéo biết phương tiện là khó.***

Khéo biết phương tiện là biết lúc nào nên dùng phương tiện nào. Chọn được phương tiện thích hợp với xứ sở, hoàn cảnh, con người v.v... rất khó. Như việc truyền bá Phật giáo sang các nước, để hội nhập với đất nước, dân tộc bản xứ, cần phải uyển chuyển sử dụng phương tiện thích hợp. Xưa, khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, do quan niệm của người Hoa không chấp nhận người xuất gia tôn quý lại làm kẻ hành khất, nên chư Tổ sư thuận theo bản ý của họ mà lập chùa, ở chùa. Đã có chùa thì phải có hệ thống quản lý, sắp đặt mọi hoạt động trong

chùa, vì vậy mà phát sanh thêm nhiều phương tiện khác, như: có tài sản, có nấu nướng, có canh tác v.v... Lại, Trung quốc hay Việt nam đều coi trọng việc thờ cúng tổ tiên, nên Phật giáo cũng hòa vào việc cúng kiếng để gần gũi với dân chúng, từ đó hướng họ đến với đạo.

Tóm lại, Phật giáo đến các nước đều theo phong tục tập quán của dân bản xứ mà sử dụng phương tiện thích hợp để việc truyền bá được dễ dàng. Nhờ khéo léo dung hợp mà Phật giáo đến đâu cũng được đón nhận một cách hoan hỷ vui vẻ.

Tuy nhiên, dùng phương tiện nào cho thích hợp mà vẫn không mất bản sắc Phật giáo, vẫn phù hợp chân lý là điều rất khó, phải là bậc trí tuệ mới làm được. Nếu không có trí tuệ mà lạm dùng phương tiện có thể khiến Phật giáo suy tàn, dẫn dân chúng đến chỗ tà kiến, mê tín v.v... Có hại chớ không có lợi. Nên Phật mới nói “Khéo biết phương tiện là khó.”

## CHƯƠNG 14

**Chánh Văn:**

Có vị Sa-môn hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Do nhân gì biết được túc mạng và lãnh hội được Đạo Tối Thượng?” Phật dạy: “Giữ tâm trong sạch, bền chí tu tập, có thể lãnh hội được Đạo Tối Thượng. Như lau gương, bụi hết thì ánh sáng hiện. Đoạn dứt tham dục, tâm không mong cầu sẽ được túc mạng.”

**Giảng:**

Túc mạng tức Túc mạng thông. Túc là quá khứ, mạng là mạng sống, Túc mạng thông là thần thông thấy biết được những kiếp sống quá khứ của mình.

Đạo tối thượng tức Phật đạo theo Phật thừa, hay A-la-hán đạo theo Thanh văn thừa. Chương này nghiêng về Thanh văn nên đây muốn chỉ quả vị A-la-hán, quả cứu cánh của Thanh văn thừa.

Vị Tỳ-kheo này hỏi Phật làm sao để chúng được Túc mạng thông và đạt quả A-la-hán.

***Phật dạy: “Giữ tâm trong sạch, bền chí tu tập, có thể lãnh hội được Đạo Tối Thượng.”***

Giữ tâm trong sạch là giữ tâm thanh tịnh, không rơi vào kiến chấp hai bên, không bị phiền não kiết sử trói buộc. Bền chí tu tập là tinh tấn không lười mỏi, không chán nản, một lòng tha thiết tu đạo, không bỏ dỡ nửa chừng, như dùi cây lấy lửa, chừng nào được lửa mới thôi, không dừng lại nửa chừng. Chỉ có như vậy mới có thể lãnh hội được đạo tối thượng.

Trong Tín Tâm Minh, Tổ Tăng Xán nói: “Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch”, nghĩa là đạt đạo không khó, chỉ vì mình hay so sánh phân biệt nên mới thành khó. Chỉ cần không chấp hai bên, tâm tự sẽ trở về bản thể trong sạch vốn sẵn. Việc này tuy khó, nhưng chỉ cần kiên trì, bền chí không đổi thì sớm muộn sẽ thành.

Một đời không được thì nhiều đời, công phu huân tập sẽ được tích lũy lại trong tàng thức, không mất đi khi chết, nên không sợ thời gian dài. Chư Phật Bồ-tát đều tu tập rất lâu, từ lúc phát nguyện đến thành Phật, khoảng giữa hành Bồ-tát hạnh vô lượng kiếp, tích lũy công phu cho đến khi trí và hạnh hoàn toàn viên mãn, đủ năng lực cứu độ tất cả chúng sanh, lúc đó mới thành Phật. Cho nên, chúng ta tu không gì phải sợ, phải ngán, đường xa cách mấy cũng ở từng bước chân, hễ có đi là có tới. Ông bà ta từng nói: “Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, quyết chí ắt thành công.”

Nếu chỉ cần tu một đời là xong thì quả Phật đơn giản quá. Sở dĩ nói “Kiến tánh thành Phật” là vì muốn khẳng định tánh mình cùng tánh Phật không khác, thấy tánh tức thấy được nhân thành Phật, từ đó lòng tin sẽ kiên định, tu tập sẽ không thoái lui, chớ không có nghĩa là thấy tánh liền thành Phật. Muốn thành Phật, trí huệ và phước báo đều phải viên mãn. Trí huệ phải

đến mức thông suốt tất cả sự vận hành của vũ trụ đất trời, thấu rõ nguyên nhân trôi nổi sanh tử của tất cả chúng sanh. Phước báo phải đến mức hình thành được cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, đầy đủ bảy báu, không ba đường dữ, dân chúng đều là Bồ-tát Thánh hiền. Quả báo thù thắng như vậy thì nhân phải được gieo trồng thật sâu dày mới được. Nghĩa là, muốn thành Phật, công phu phải rất lâu, thời gian phải rất dài.

Quả vị A-la-hán, Bích chi Phật chỉ là một minh chứng cho chặng đường tu tập, như là hóa thành cho mình tạm dừng chân nghỉ, chưa phải là quả vị rốt ráo trên con đường trở về tâm linh của mình. Nếu A-la-hán bằng Phật, đức Thế Tôn sẽ không tự xưng là Tối tôn, Tối thượng, Tối đệ nhất, là Giáo chủ duy nhất trong kiếp hiện tại ở cõi Ta bà. Vì quả A-la-hán chưa rốt ráo nên sự chứng ngộ của các Ngài có hơn kém, chỗ ngộ có cạn sâu, hoặc là đệ nhất trí tuệ, hoặc là đệ nhất thần thông, đệ nhất giải không, đệ

nhất thiên định v.v... Còn quả Phật đã đến chỗ tốt nên chư Phật không có thấp cao, ba đời chư Phật công đức như nhau, trí huệ như nhau, không có trên dưới trước sau, không có vị nào riêng là đệ nhất.

Vì việc giữ tâm trong sạch không dễ, nên Đức Phật dạy phải bền chí tu tập. Bền chí chính là tinh tấn, tu không dừng lại, không chán nản bỏ cuộc giữa chừng.

Trong 37 phẩm Trạo đạo, Ngũ căn là năm pháp căn bản trọng yếu của người tu, đứng đầu là Tín căn, tức lòng tin. Tu phải tin, tin Tam Bảo, tin nhân quả, tin chính mình. Tam Bảo là chỗ mình nương tựa tu hành, nếu mất lòng tin Tam Bảo tức bẻ gãy chỗ nương tựa, làm sao tu được! Nhân quả là định luật vận hành của vũ trụ, thế giới, chúng sanh, không tin nhân quả là không tin chân lý, làm sao đạt đạo được! Nếu chính mình cũng không tin thì chẳng còn gì để tin nữa, vậy làm sao tu tiến được! Cho nên, lòng tin đứng đầu trong Ngũ căn là vậy.

Thứ hai là Tấn căn, tinh tấn cũng là một pháp căn bản trên con đường tu tập. Tu mà không tinh tấn thì không thể tiến được. Tinh tấn là kiên trì bền bỉ, tu hành không gián đoạn, nhưng không có nghĩa là tu ngày tu đêm, quên ăn quên ngủ, dụng công đến kiệt sức, vì như vậy cũng là rơi vào cực đoan, không phải là pháp trung đạo của Phật, không phải thật tinh tấn. Nương theo sức mình tu, bền bỉ không đổi, sớm muộn cũng đến đích. Nếu tu quá quyết liệt, vượt quá sức mình, dẫn đến thân mỏi ý mệt, tự nhiên tâm đạo sẽ lui sụt. Hoặc một ngày tu ba ngày nghỉ, tâm ý buông lung, tu cầm chừng qua ngày, tâm đạo cũng sẽ bị mài mòn. Cả hai đều là cực đoan, thái quá hoặc bất cập đều không phải ý nghĩa chữ tinh tấn.

Tinh tấn ở tâm, không phải ở tướng. Tu làm sao không vướng kẹt hai bên. Tu trong mọi hành vi, mọi ý nghĩ, đi đứng ngồi nằm, nói năng động tịnh đều có thể dụng công. Dù khỏe mạnh hay ốm đau, dù đang trong thời công phu hay

đang lúc bình thời, hễ vừa có dính mắc liền buông, không đợi tọa thiền hay tụng kinh mới buông. Như thế 24 giờ đều dụng công. Nếu dính mắc vào hình thức hay giới điều, lấy đó làm thước đo sự tu tập là đang dính mắc vào tướng tu, làm cho tâm mình không còn trong sạch nữa, cũng thuộc về chấp tướng. Chấp tướng rất khó bỏ, phải bền chí tu tập mới bỏ được, bỏ được mới thâm nhập được đạo, nhận được bản tâm bản tánh của mình.

Thấy đạo quan trọng hơn đắc thần thông, thấy đạo là nhân, được thần thông là quả, nên Phật trả lời câu hỏi về đạo trước, về thần thông sau.

***Như lau gương, bụi hết thì ánh sáng hiện.***

Đức Phật dùng chữ “bụi lau gương” để cho mình dễ hiểu, chứ thật sự tự tâm mình không lúc nào có bụi. Như Lục Tổ nói: “Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai” (Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm). Bản tâm mình

vốn thanh tịnh nên lúc nào nó cũng thấy nghe rõ ràng, chỉ vì thói quen chấp ngã của mình, tạo ra cái gọi là tham, sân, si, để rồi thành bụi. Nhưng cho dù mình có chấp cái gì đi nữa, tự tâm mình vẫn thanh tịnh, cái chấp không che mờ được tự tâm mình, nó chỉ làm mình quên đi ánh sáng tự tâm, hay nói cách khác là không để ý đến tự tâm thì đúng hơn. Nói lau gương mà thật ra là lau bụi, là sửa cái lỗi hay chạy theo sắc tướng sinh diệt bên ngoài, quên đi diệu dụng vô cùng của tự tâm. Chỉ cần buông được ngã chấp pháp chấp, không để tham, sân, si chi phối, tự nhiên sẽ trở lại được với tự tâm vốn luôn thanh tịnh và hay chiếu sáng của mình.

***Đoạn dứt tham dục, tâm không mong cầu sẽ được túc mạng.***

Muốn có thần thông biết được quá khứ phải dứt tâm tham dục, không còn mong cầu bất cứ điều gì. Túc mạng thông dễ chứng hơn Lộ tận thông. Những vị tu thiền định, tuy chưa đắc đạo cũng có thể có năm thần thông.

Người tu chân chánh không cầu thần thông, vì nó không cần thiết, chỉ quan tâm mình còn chấp ngã chấp pháp hay không? Thấy đạo hay chưa? Nếu có thần thông cũng mặc kệ, không quan tâm, không dùng đến.

Vì Đức Phật không đặt nặng thần thông nên khi nói về túc mạng, Ngài chỉ nói giản lược như vậy thôi.

## CHƯƠNG 15

**Chánh văn:**

**Có vị Sa-môn hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Cái gì là thiện? Cái gì là Đại?” Phật dạy: “Thực hành Chánh Đạo , gìn giữ lễ chân là Thiện. Chí cùng Đạo tương ứng là Đại.”**

**Giảng:**

***Có vị Sa-môn hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Cái gì là thiện? Cái gì là Đại?”***

Sa-môn hỏi Phật về ý nghĩa hai chữ thiện và đại. Thiện nghĩa là lành, đại nghĩa là lớn, là vĩ đại, là tốt. Ngày xưa, người ta gọi những vị có chức quan lớn hay những bậc đạo cao đức trọng là “Đại nhân”. Đức Phật và chư Bồ-tát cũng được gọi là “Đại nhân”.

***Phật dạy: “Thực hành Chánh Đạo, gìn giữ lẽ chân là Thiện.”***

Nếu đây là câu hỏi của cư sĩ thì Phật sẽ trả lời Thiện là bố thí, cúng dường, làm các việc lành giúp đỡ người, vật v.v... Nhưng vì đây là câu hỏi của một tu sĩ, những người chuyên sâu vào phần tu tập, nên Phật dạy Thiện là thực hành Chánh Đạo, gìn giữ lẽ chân. Tức tu đúng chánh pháp, không theo tà đạo. Chánh đạo là con đường chân chánh, pháp tu chân chánh, phù hợp nhân quả, thuận theo chân lý. Những pháp nào giúp mình nhận được tự tánh, vượt thoát sanh tử luân hồi, ích mình lợi người đều là chánh đạo.

Đức Phật dạy rất nhiều phương pháp tu, tùy theo căn cơ của mình mà chọn lấy một pháp thích hợp.

37 phẩm trợ đạo trong Đạo đế đều là những pháp tu giúp mình nhận được tánh, liễu ngộ được sanh tử nên đều là Chánh Đạo. Chọn một pháp rồi tinh tấn thực hành, một thời gian

sẽ được định, nhưng không đắm vào cảnh giới định đó mà phải xả đi, khi tâm xả thành tự thì chân tánh tự hiển lộ.

Ví dụ pháp Tứ như ý túc (Dục như ý túc, Tinh tấn như ý túc, Nhất tâm như ý túc và Quán như ý túc), là pháp tu nương thiền định để đắc quả A-la-hán, không phải pháp tu thiền định thông thường của phàm phu hay ngoại đạo chỉ chứng đắc các tầng thiền của Sắc giới và Vô sắc giới. Bởi Tứ như ý túc không dừng lại ở cảnh giới “Nhất tâm”, tức cảnh giới định, mà vượt đến cảnh giới “Quán”, tức nhận lại tự tánh của chính mình.

Hay pháp Tứ niệm xứ: Quán thân như thân niệm xứ, Quán thọ như thọ niệm xứ, Quán tâm như tâm niệm xứ và Quán pháp như pháp niệm xứ.

Quán thân như thân niệm xứ là thân như thể nào biết rõ như thế ấy, đi biết rõ đang đi, giở tay, nhấc chân, ăn mặc, ngủ nghỉ, đi đứng tới lui v.v..., tất cả mọi động tác thi vi trên thân

đều biết rõ ràng. Thực hành đến một lúc hoàn toàn rõ biết, không xen một tạp niệm nào, tự nhiên sẽ nhận được tự tánh hiện tiền. Như bức tranh thứ 7 trong 10 bức tranh chẵn trâu, chỉ còn một mình mình dưới ánh trăng, không còn trâu, không còn chẵn. Tiến lên một bước nữa, bông xả chỗ được, người chẵn cũng mất, chỉ một vòng tròn sáng, người trâu đều bông, tức tự tánh lộ rõ, chiếu sáng vàng vạc.

Quán tâm như tâm niệm xứ là tâm thể nào biết thể ấy. Không phải quán vọng tướng nhiều ít, tốt xấu..., mà là biết rõ tâm đang có niệm hay không có niệm, biết rõ niệm khi sanh lên, khi lặn xuống. Giống như người đứng trên lầu nhìn xuống ngã tư đường, thấy rõ biết rõ người người đang qua lại tới lui, quẹo phải quẹo trái..., thấy biết rõ mà không can thiệp. Cách quán tâm cũng giống như vậy, biết rõ sự sanh diệt của niệm niệm trong tâm mà không can thiệp vào sự sanh diệt của chúng, mặc chúng

sanh sanh diệt diệt, khi đó sẽ nhận ra chỉ tánh giác của mình là hiển hiện bất diệt.

Quán thọ như thọ niệm xứ là mọi sự tiếp thọ của thân với ngoại cảnh đều biết rõ. Thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui đều biết rất rõ, nhưng không theo cái thọ đó mà sanh khổ vui. Giống như người đang xem phim, thấy biết rõ sự khổ vui của nhân vật trong phim mà không cùng họ khổ vui. Quán thọ cũng vậy, khi nào có thể tiếp thọ mọi cảnh mà lòng chẳng sanh khổ vui là lúc nhận ra tự tánh hiện tiền.

Quán pháp như pháp niệm xứ là biết rõ mọi sự vận hành: sanh, trụ, dị, diệt của vạn pháp. Thấy rõ biết rõ mà không theo pháp động tâm, pháp thế nào nhận biết thế ấy, cũng không can thiệp vào sự vận hành của nó. Đây là ý nghĩa “Như thị” trong kinh Đại thừa. Hay như Thiền sư nói “Cây gậy là cây gậy”, “Xuân đến trăm hoa nở”... Khi nào có thể an nhiên trước mọi sự đổi thay của vạn vật tự nhiên sẽ nhận ra ông chủ tự tại đó chính là mình.

Chỉ một pháp Tứ niệm xứ mà đức Phật đã dạy cho mình bốn cách tu. Chỉ cần ứng dụng một pháp là có thể đưa mình đến cứu cánh. Tuy nhiên, cần chọn pháp tu nào thích hợp với căn cơ của mình, và đừng cố chấp vào một pháp, nếu tu một thời gian thấy không tiến bộ nên đổi qua pháp khác, pháp nào tu mà thấy vui, thấy dễ, có sự tiến triển rõ rệt trên công phu thì mình kiên trì thực hành, còn pháp nào tu không khác tức biết không phù hợp căn cơ mình thì nên bỏ, tìm chọn pháp khác.

Hoặc có thể kết hợp tu nhiều pháp, như pháp Tứ niệm xứ: khi đi đứng tới lui... có thể hành pháp quán thân; gặp duyên nghịch hay duyên thuận, tức cảm thọ hiện ra mạnh, thì có thể hành pháp quán thọ; khi ngồi yên một chỗ, dễ nhìn thấy sự khởi diệt của niệm thì có thể tu quán tâm; lúc gặp ngoại cảnh biến dịch có thể tu quán pháp... Nhưng dù tu pháp nào, khi tâm cảnh đạt đến một trạng thái khinh an hay một định cảnh nào đó thì phải xả bỏ, chỉ cảm nhận

nó như một thẳng cánh chứ không chấp dính cho là chứng đắc, nếu không cẩn thận dễ lạc vào đường tà, bởi Đạo thật sự, Chân lý thật sự là không có chỗ được, không có chỗ chứng.

Cho nên, 37 phẩm trợ đạo là thấu suốt để tu, không phải chia cắt ra để tu, nghĩa là tu làm sao đạt đến trạng thái dễ chịu nhất, cho kết quả tốt nhất là ứng dụng tu ngay, không để vướng kẹt một chỗ. Lục Tổ nói “Đạo là thông lưu”, nếu kẹt lại thì không phải Đạo.

Đối với người tu, “Thiện” là thực hành Chánh Đạo, thực hành những pháp tu để giải thoát, để nhận được Đạo, chứ không phải chỉ đơn giản là những việc lành bình thường.

Ngoài ra, “Thiện” còn là phải gìn giữ lẽ chân, tức giữ được tâm cho thanh tịnh. Đối với người tu, chỉ cần trong đầu còn nghĩ phải quấy, hơn thua, tốt xấu, thiện ác v.v... thì đều thuộc về ác, hay còn chấp vào bất cứ pháp gì, dù là chấp vào việc lễ Phật, tụng kinh, tọa thiền v.v... cũng không phải thiện, không phải lẽ chân.

***Chí cùng Đạo tương ưng là Đại.***

Chí cùng Đạo tương ưng là tâm phải thấu hợp với Đạo, không tìm cầu bên ngoài. Mục đích duy nhất của người tu là nhận được tự tánh, trở lại với con người chân thật của mình. Đó chính là điều cao thượng nhất, lớn nhất, là “Đại”. Phải dám nhận chỗ cao tột đó, dám lấy đó làm đích đến của mình, quyết tâm đi cho đến đích, không sợ nhọc, không chán ngán, không tự khinh mình, như Tổ Quy Sơn dạy: “Kia là trượng phu thì ta cũng vậy, chớ tự khinh mình mà lui sụt”. Được vậy là Chí cùng Đạo tương ưng, là tâm đạt đến chỗ “Đại”.

## CHƯƠNG 16

**Chánh văn:**

Có vị Sa-môn hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Cái gì mạnh nhất? Cái gì sáng nhất?”  
Phật dạy: “Nhẫn nhục mạnh nhất, vì không ôm giữ điều ác, lại thêm an ổn khỏe mạnh. Người nhẫn, không ác, tất được người đời kính trọng. Tâm cấu bẩn diệt hết, trong sạch không còn dơ, đó là sáng nhất. Từ khi chưa có trời đất cho tới ngày nay, tất cả mọi vật trong mười phương, không gì là không thấy, không gì là không biết, không gì là không nghe, được Nhất Thiết Trí, đó là sáng nhất.”

**Giảng:**

*Phật dạy: “Nhẫn nhục mạnh nhất, vì không ôm giữ điều ác, lại thêm an ổn khỏe mạnh.*

Khi được hỏi cái gì mạnh nhất, cái gì sáng nhất, đầu tiên, Đức Phật dạy nhấn nhọc là mạnh nhất, vì không ôm giữ điều ác, lại thêm an ổn khỏe mạnh.

Phật từng dạy: “Chiến thắng vạn quân không bằng chiến thắng chính mình. Chiến thắng chính mình là chiến công oanh liệt nhất.” Thắng mình rất khó. Như biết nổi sân là dở, có hại cho cả mình và người, nhưng khi gặp việc trái ý nghịch lòng vẫn không dẫn được, không nhấn được, từ đó, miệng thốt ra lời ác, thân làm việc ác, hại mình hại người.

Nhấn có nhấn trên sắc chất và nhấn trên tinh thần. Nhấn trên sắc chất là nhấn những thứ liên quan đến thân, như đau, đói, khát v.v... Muốn nhấn được trên thân phải có sức định lớn. Ví dụ một người tu giữ giới, khi đói quá mà nếu không có định lực, có thể sẽ phạm giới ăn cả côn trùng, nhưng nếu có định sẽ nhấn được sự dằn vặt của cơn đói, không vì chịu thân mà phạm giới sát sanh, trộm cướp v.v...

Nhấn trên tinh thần là khi bị mắng chửi, chê bai, sỉ nhục vẫn nhấn được, không hờn, không giận. Nhấn trên tinh thần cũng khó như nhấn trên sắc thân, cũng đòi hỏi phải có sức mạnh nội tâm, tức sức định, thì mới nhấn được. Xưa Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thập tự giá, rất đau đớn, nhưng Ngài không hề oán giận những người hành hạ Ngài, ngược lại còn khởi tâm thương xót, nguyện thay tất cả chúng sanh chịu khổ. Sở dĩ Ngài nhấn được là nhờ lòng từ lớn.

Thế nên, cái nhấn của người tu là nhấn từ tình thương, từ sức định, không phải nhấn do tình thế bắt buộc, không nhịn không được. Như ở chùa, bị thầy rầy la oan, trong lòng giận lắm nhưng không dám trả lời vì sợ phạm luật; Ngoài đời đi làm, cấp trên rầy la ức hiếp cũng ráng nhấn chịu vì sợ mất việc; Trong nhà, con dâu nhấn nhịn mẹ chồng vì sợ ảnh hưởng hạnh phúc gia đình v.v... Tuy bên ngoài nhịn nhục, nhưng trong tâm chất chứa oán hờn. Nhấn như

vậy không thật sự là nhẫn, vẫn là kết oán với nhau, sẽ vay trả trả vay suốt chặng đường dài sanh tử.

Nhẫn theo đúng lời Phật dạy là nhẫn từ trong tâm, bên ngoài nhịn chịu, bên trong không ôm lòng ác, tức không sanh tâm giận hờn. Được vậy, tâm sẽ luôn nhẹ nhàng, thanh thản, nhờ đó, thân cũng được khỏe mạnh, an vui. Thế nên, nhà Phật thường chúc nhau: Thân an, tâm lạc.

***Người nhẫn, không ác, tất được người đời kính trọng.***

Người nhẫn thật sự sẽ được nhiều người kính trọng. Vị nào ai mắng cũng làm thính, hiền lành, không hại ai, tự nhiên được mọi người quý mến. Nhẫn như vậy mới đáng được tán thán ca ngợi. Người như vậy là chiến thắng được tâm ngạo mạn, phá được chấp ngã của mình. Và chỉ khi nào thắng được, hàng phục được tất cả những ô uế trong tâm mới gọi là mạnh nhất. Như đức Phật được tán thán là bậc Đại Hùng

Đại Lực, vì Ngài đã thắng được tất cả nội ma ngoại chướng, làm chủ được tâm mình, nhân được mọi nghịch duyên.

***Tâm cấu bần diệt hết, trong sạch không còn dơ, đó là sáng nhất.***

Khi nào tâm sạch hết cấu bần, tức những thói quen chấp dính hai bên không còn, ngã chấp pháp chấp đều không, sống trở lại hoàn toàn với tự tánh thanh tịnh của mình, đó là lúc sáng nhất.

***Từ khi chưa có trời đất cho tới ngày nay, tất cả mọi vật trong mười phương, không gì là không thấy, không gì là không biết, không gì là không nghe, được Nhất Thiết Trí, đó là sáng nhất.***

Thể tâm mình vốn sáng sẵn và rất sáng, sáng nhất. Khi nào nhận được tự tâm, thể nhập hoàn toàn vào tự tánh, lúc đó không gì không thấy, không gì không biết, không gì không nghe, được Nhất thiết trí, tức trí huệ thấy biết tất cả.

Đến chỗ đó là sạch hết vô minh, không còn mê lầm, biết rõ quy luật vận hành của vũ trụ, có thể tự tại ra vào sanh tử, muốn đến đâu thì đến, muốn làm gì thì làm, theo nguyện mà hành vi tạo tác, không còn bị nghiệp lực dẫn dắt.

Sở dĩ mình không được tự tại là do không thể nhập được tự tâm, không sống được với tự tánh, bị ràng buộc trong thân tứ đại, bị nghiệp lực trói cột. Chúng sanh bị tám khổ bức ngặt vì lầm cho thân tâm là thật, không biết được tự tánh thanh tịnh sáng suốt xưa nay. Người nào nhận được, sống được với tự tánh, thì tuy tám điều khổ của thế gian vẫn diễn ra mà không làm các vị ấy ưu bi khổ não: Bệnh vẫn đau nhưng không khổ, chết vẫn xả thân nhưng không sợ, gặp vui chẳng mừng, gặp khổ chẳng buồn, được không vui, mất không tiếc v.v... Người như thế là rất sáng, rất tự do tự tại, là sáng nhất.

## CHƯƠNG 17

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** “Người ôm lòng ái dục không thấy được Đạo. Như nước đang lắng trong mà lấy tay khuấy lên, mọi người cùng đến nhìn chẳng thấy được bóng mình. Người bị ái dục che đậy, cấu bấn trong tâm nổi lên, nên không thấy được Đạo. Sa-môn phải xả bỏ ái dục, sự dơ bấn của ái dục sạch hết mới có thể thấy Đạo.”

**Giảng:**

*Phật dạy: “Người ôm lòng ái dục không thấy được Đạo.”*

Do ái dục che mờ, tâm mới bị cấu bấn. Có ái dục là do mê lầm điên đảo. Ái dục không giới hạn ở ái nam nữ, mà nói chung cho tâm tham muốn dục vọng. Tham muốn được thỏa mãn thì lòng tham càng tăng, tham muốn không được thỏa mãn thì nổi sân, cứ thế tạo nghiệp không dừng.

Có năm thứ khiến con người đắm thích không thôi, gọi là năm thứ dục lạc, đó là: Tài sản, sắc đẹp, tiếng tăm danh vọng, ăn ngon, ngủ kỹ; gọi tắt là Tài, sắc, danh, thực, thùỵ. Cả đời người ta bị năm thứ tham muốn này chi phối, tìm cầu không thôi. Vì chúng mà việc ác gì cũng dám làm, tội lỗi gì cũng dám phạm. Tự mình tạo nghiệp, trở lại bị nghiệp trói cột, dắt dẫn vào sanh tử luân hồi, chìm nổi không biết ngày nào ra. Tất cả cũng chỉ vì một tâm tham ái này.

Thế nên, khi giác ngộ, đức Phật đã tuyên bố: “Giờ đây Ta đã biết được người làm nhà, nó sẽ không thể làm nhà cho Ta được nữa.” Người làm nhà này chính là tâm tham ái, đặc biệt là ái ngã. Từ ái sanh tham sân si, nên ái chính là gốc của sanh tử luân hồi. Do ái ngã nên chấp ngã, cho mình là trung tâm của vũ trụ, làm mọi việc để phục vụ cho cái ngã này. Ái càng mạnh thì vô minh càng lớn, che mờ tâm tánh sáng suốt của mình khiến không thể thấy Đạo, không thể nhận được chân lý.

Người nhận được tự tánh, thể nhập được tự tâm sẽ không còn chấp ngã, không còn thấy mình là trung tâm, vì biết ai cũng như mình. Mình có tánh thấy nghe, người cũng có tánh thấy nghe; mình có tự tánh rỗng lặng sáng suốt, người cũng có tự tánh sáng suốt rỗng lặng. Mình không có gì hơn người, người cũng không có gì hơn mình, tất cả chúng sanh đều bình đẳng như nhau. Chư Phật thành Phật được thì mình cũng thành Phật được, tất cả chúng sanh đều thành Phật được. Tâm chấp tướng không còn, lòng từ bi bình đẳng tự sanh.

Sở dĩ có phân biệt vì chúng sanh quen lấy mình làm trung tâm, thương mình hơn hết, mọi người mọi vật đều phải phục vụ mình. Nhưng chân lý thì không phải vậy. Như hoa hồng vốn đâu tự đặt tên là hoa hồng, cũng đâu nói nó tượng trưng cho tình yêu. Nhưng con người đặt để cho nó, ép nó theo ý mình. Tất cả các pháp cũng vậy, bị con người dựa vào tâm ái của mình

làm cho méo mó, chớ các pháp xưa nay luôn thanh tịnh.

***Như nước đang lắng trong mà lấy tay khuấy lên, mọi người cùng đến nhìn chẳng thấy được bóng mình.***

Tâm vốn thanh tịnh, nhưng chúng sanh không chịu nhận lấy chỗ thanh tịnh đó, trở lại khởi sanh thương ghét, rồi tự làm mình não phiền. Tâm chiếu qua con mắt nhận biết mọi sắc tướng, vốn đó là diệu dụng của tánh thấy bình đẳng sáng suốt, nhưng mình lại khởi tâm phân biệt chia chẻ: đây là người thân, kia là kẻ oán; đây là món ưa thích, kia là món không ưa; sắc này đẹp, sắc kia xấu v.v... Khởi thương khởi ghét, hoặc muốn gom vào, hoặc muốn bỏ ra..., tự làm cho tâm mình trở nên dơ bẩn, rồi bị cuốn vào trong dòng xoáy dơ bẩn đó, giống như nước đang lắng trong mà lấy tay khuấy lên làm cho dơ đục, không thể soi được bóng mình.

***Người bị ái dục che đậy, cầu bản trong tâm nổi lên, nên không thấy được Đạo.***

Đạo chính là tâm thanh tịnh của mình, xưa nay vẫn vậy, luôn hằng hiển lộ qua thân tâm, nhưng bởi ái dục, tức tâm tham muốn không dừng làm cho dơ bẩn, nên không thấy được tâm thật, không nhớ sống lại với chỗ thanh tịnh đó. Như khi nghe là tâm thanh tịnh đang hiển lộ qua lỗ tai giúp mình nhận được âm thanh, biết rõ âm thanh đó là gì, phân biệt rõ ràng mà không một niệm thương ghét lấy bỏ. Thế nhưng, chúng ta không dừng ở cái nghe ban đầu thanh tịnh đó, mà luôn khởi niệm phân biệt hai bên đi liền ngay sau đó: tiếng nhạc này hay, tiếng chó sủa kia ồn, lời này là khen tôi, lời kia là nhục tôi... Cứ thế, để tâm mình trôi nổi trong vọng tưởng liên hồi, không chịu sống với cái thấy biết của hiện tại, đó là “Quên mình theo vật”, là rời Đạo, chớ tự tâm mình không bao giờ

vắng thiếu, chưa từng mất đi một phút giây nào. Chỉ mình tự rời tâm, tâm chưa từng rời mình.

***Sa-môn phải xả bỏ ái dục, sự dơ bẩn của ái dục sạch hết mới có thể thấy Đạo.***

Chính ái dục làm mình quên tự tâm. Là Sa-môn xuất gia muốn thấy Đạo, muốn nhận lại được bản tâm, điều tiên quyết là phải xả bỏ ái dục, dứt sạch mọi chấp ngã mới có thể thấy Đạo.

Những thứ làm tâm mình nhiễm như vốn không phải thật mình, chỉ cần buông đi là sẽ trở lại con người thật của mình, gọi là thấy tánh.

Có hai cách tu để thấy tánh, là “Từ có vào không” và “Từ không vào có”.

“Từ có vào không” là trước nhận được tự tánh, nhận được tâm thật, từ đó buông bỏ những cái giả, những cái không phải mình, tức những tập khí đã huân tập trước đó. Buông cho đến khi mọi thói quen cũ dứt sạch, tâm không

còn một niệm nhiễm nhơ, lúc đó là thể nhập hoàn toàn tự tánh, như ông Bàn Uẩn nói “Tâm ‘Không’ được đậu về”. Giai đoạn từ lúc thấy tánh cho đến lúc hoàn toàn thể nhập, khoảng giữa buông bỏ tập khí là giai đoạn chần trâu, giai đoạn này lâu hay mau phụ thuộc vào công phu tu tập của mỗi người. Nhưng dù lâu hay mau, sớm muộn gì cũng hoàn thành vì đã thấy tánh, tức lòng tin đã vững chắc, không gì làm lui sụt được. Pháp tu này thuộc về “đốn ngộ tiệm tu”, nhanh chóng nhận lấy ông chủ hàng hiện hữu, rồi buông dần tập khí hư giả, đến khi tập khí sạch hết là việc làm đã xong.

“Từ không vào có” là tuy chưa nhận được tự tánh nhưng tin lời Phật dạy, dùng trí huệ quán sát các pháp là hư giả, từ đó buông bỏ, buông cho đến tâm hoàn toàn rỗng lặng, không còn gì để buông, lúc đó quay trở lại nhận lấy người hay buông, hay quán sát ấy vốn luôn hiện hữu, là ông chủ thật sự, tức nhận ra được tự tánh thanh tịnh sáng suốt vốn luôn chiếu diệu.

Pháp tu này thuộc về “tiệm tu đốn ngộ”, từ từ bỏ tất cả cái giả huyễn, đến khi huyễn giả sạch hết chợt nhận ra chỗ chân thật hằng tồn. Như kinh Viên Giác dạy: “Biết huyễn nên lìa, lìa huyễn nên giác, cái giác cũng buông thì tánh giác hiện tiền”.

Pháp tu “Từ có vào không” khó ở chỗ thấy tánh, trước phải tin được, sau phải nhận được. Người xưa đi hành khước khắp nơi, tìm học vô số bậc tác gia là để làm sao tin được và nhận được. Khi nhận được rồi, công phu tiếp theo sẽ nhẹ nhàng hơn, vì đã biết cái thật thì buông cái giả cũng dễ. Như khi trên tay đã có viên ngọc thật, tự nhiên không còn chạy đi tìm những thứ giả bên ngoài nữa, chỉ lo chùi rửa đất cát còn dính trên ngọc, mong sớm ngày thấy được bộ mặc sạch đẹp của nó. Vì vậy, khi hạ thủ công phu sẽ quyết liệt hơn, buông bỏ tập khí cũng dễ dàng hơn.

Pháp tu “Từ không vào có” khó ở chỗ phải có lòng tin vững chắc vào lời Phật dạy, tinh

tấn thực hành pháp quán huyễn để có thể buông bỏ được. Chỉ cần lòng tin không đủ, hay công phu không miên mật sẽ dễ dẫn đến tâm thể chán nản, không thiết tha dụng công vì không biết đường phía trước còn bao xa. Nên nếu chọn cách tu này phải xây dựng niềm tin vững chắc, có lòng tin rồi lại phải kiên trì tinh tấn thực hành, không chán nản lùi bước nửa chừng, chỉ khi nào nhận được đạo mới thôi. Như thứ tự trong Ngũ căn mà đức Phật đã dạy: Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn. Lòng tin đứng đầu, phải vững chắc, phải kiên cố; sau đó kiên trì thực hành, chánh niệm không đổi cho đến khi được định. Có định tự nhiên sẽ sanh trí huệ. Định và Huệ viên mãn chính là lúc tự tánh hiện tiền, hay nói cách khác, Định Huệ chính là thể và dụng của tự tánh.

Như vậy hai cách tu này, tùy theo căn cơ của mình mà chọn cho thích hợp. Dù chọn cách nào, cũng phải kiên trì làm cho được, cho có thành tựu mới xứng với hai chữ Sa-môn.

## CHƯƠNG 18

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Người thấy Đạo như cầm đũa vào nhà tối, cái tối liền hết, chỉ còn lại cái sáng. Học đạo mà thấy Đấng thì vô minh liền dứt, trí sáng thường còn.”**

**Giảng:**

Đạo nghĩa là chân lý, Đấng là sự thật chắc chắn. Thấy Đạo, thấy Đấng là thấy được bản thể của vạn pháp, nhận được bản tâm. Khi đó, giống như cầm đũa vào nhà tối, cái tối liền hết, sáng sanh là tối diệt. Sáng tối tuy là pháp đối đãi nhau, nhưng chỉ có sáng diệt được tối chứ tối không diệt được sáng. Ví dụ khi nhà tối, mình mở đèn liền sáng, đèn sáng đến đâu cũng diệt được tối; còn nhà đang sáng, không thể đem cái tối bên ngoài vào làm cho nhà tối được.

Sáng tượng trưng cho trí tuệ, tối tượng trưng cho vô minh. Khi trí tuệ sanh, những mê mờ lầm lạc, tức vô minh liền dứt, và không khởi

lại nữa. Như người đi học, đã biết chữ rồi thì không thể trở lại mù chữ. Trí tuệ phá được vô minh, còn vô minh không diệt được trí tuệ.

Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật khẳng định: Như vàng trong khoáng đã được luyện thành vàng ròng, loại bỏ mọi cặn bã, dù có chôn xuống đất bao lâu cũng không thành khoáng lại, vẫn giữ nguyên là vàng ròng. Trí tuệ cũng vậy, khi đã ngộ rồi, đã sanh trí tuệ rồi thì sẽ thường còn không mất, vĩnh viễn sáng soi.

Tuy nhiên, phải là chỗ ngộ triệt để, sáng đạo thật sự, còn nếu chỉ mới vừa tin nhận được, phát sanh được chút ít trí sáng, cũng giống như ánh sáng của tia chớp, lóe lên rồi mất là chưa phải. Phải nương vào chút ánh sáng đó mà tiến lên, nếu cho là đắc đạo rồi buông lung ắt sẽ rơi vào đường tà, đọa lạc trở lại. Tu đúng là phải không ngừng buông xả, buông đến không còn gì để buông, trí sáng của tự tâm tự hiện, lúc đó mới có thể gọi là thấy Đạo, thấy Đê. Chỉ cần còn một chút dính chấp, dù là chấp chỗ sở chứng,

sở ngộ, sở liễu, sở giác thì cũng là còn rơi vào bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng (Kinh Viên Giác). Còn bốn tướng tức chưa thể nhập tự tánh, còn rơi vào hai bên, chưa thật sự viên mãn công phu tu tập.

Ở đây đức Phật chỉ thẳng cho đệ tử đích đến của một Sa-môn, giúp mình có lòng tin tuyệt đối, không sợ hãi. Bởi khi đã nhận được chân lý, thấy được đạo rồi thì không còn sợ lui sụt hay đọa lạc nữa. Như quả Tu-đà-hoàn là quả đầu trong bốn quả Thanh văn, quả vị này đã có được chánh kiến, phá được ba kiết sử là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Quả vị này gọi là Kiến vị, tức đã thấy đạo, thấy chân lý, nhưng chưa dứt hết tập khí nên chưa hoàn toàn giải thoát. Tuy chưa giải thoát nhưng không còn đọa nữa vì đã có chánh kiến, không còn bị mê lầm tạo nghiệp nữa.

Do thói quen huân tập nhiều đời chưa hết, nên vị Tu-đà-hoàn cần phải trải qua 7 lần sanh tử để loại bỏ những tập khí đó, tập khí dứt

sạch là đắc quả A-la-hán, giải thoát tự tại. Số 7 ở đây không có nghĩa là vị ấy phải sanh tử đủ 7 lần, mà ý chỉ sự viên mãn, bao giờ công phu vị ấy viên mãn, thói quen cũ dứt sạch, mọi kiết sử đều hết là việc làm đã xong. Có vị trong một đời, thậm chí trong một ngày, từ quả Tu-đà-hoàn tiến thẳng lên quả A-la-hán. Hoặc có vị phải trải qua nhiều đời, tu từ từ lên Nhị quả Tư-đà-hàm, Tam quả A-na-hàm, cuối cùng rất lâu sau mới chứng quả A-la-hán. Dù tu nhanh trong một đời, một ngày, hay tu chậm kéo dài nhiều đời, thì một vị Tu-đà-hoàn cũng không bị lui sụt, công phu tới khi lậu hoặc sạch hết, khoảng giữa không sa đọa. Có nghĩa là nếu đã thấy Đạo, thấy Đế, thì chắc chắn không còn đọa lạc nữa.

## CHƯƠNG 19

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Pháp của Ta: Niệm, không niệm, niệm; Hành, không hành, hành; Nói, không nói, nói; Tu, không tu, tu. Kẻ lãnh hội thì rất gần, người mê thì rất xa. Đường ngôn ngữ dứt, chẳng bị vật gì ràng buộc. Sai đi mảy may ắt mất trong khoảnh khắc.”**

**Giảng:**

Đoạn này cũng là đoạn chỉ thẳng tự tánh. Pháp Phật luôn dạy chúng ta quay trở lại tự tánh, nhận được bản thể, được Phật tri kiến của chính mình. Pháp đó được Phật chỉ dạy cụ thể ở bốn phương diện: Niệm, hành, nói và tu.

***Niệm, không niệm, niệm.***

Niệm là nhớ không quên, cái nhớ biết này luôn hằng hữu, có thể lý giải đây là tánh nhớ biết của tự tâm. Muốn sống trở lại với tự tánh thanh tịnh thì niệm mà không thấy có

người niệm và pháp được niệm, không có năng sở, không có phân biệt, chỉ thuần túy một niệm nhớ biết mà thôi. Có nghĩa là quay lại nhận lấy cái nhớ biết được hiển lộ từ tự tâm.

Ví dụ khi thấy một đóa hoa, lập tức biết rõ đó là gì, không trải qua phân biệt mà tự biết rõ hình dáng, màu sắc, hương vị của nó. Tại sao không phân biệt mà biết? Vì đó là diệu dụng của tự tánh. Không cần khởi tướng đây là hoa mà vẫn biết đó là hoa, nên nói niệm mà không niệm mới thật sự là niệm.

Đây là nói ví dụ đơn giản cho dễ hiểu, còn trong quá trình tu thì chữ niệm này có chiều sâu hơn nhiều. Nó bao gồm tất cả những tri kiến, những nhận biết khi đối duyên xúc cảnh: Mắt đối sắc, tai đối tiếng v.v... Đối với tất cả những niệm đó, đều không khởi chấp, thấy nghe hiểu biết mà không phân biệt, không dính mắc, đó gọi là “niệm, không niệm, niệm”. Như kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy: “Tri kiến vô kiến tư tức Niết-

bàn” (Thấy biết mà không lập thấy biết, chính khi đó là Niết-bàn).

***Hành, không hành, hành.***

Hành là hành vi tạo tác, là thi vi vận động. Đã là hữu tình thì đều có hành vi tạo tác, nếu không tạo tác thì không gọi là hữu tình mà trở thành vô tình, vô tri như đất nước gió lửa. Hành vi tạo tác chính là diệu dụng của tự tánh hiển lộ qua sáu căn: Qua mắt thấy sắc, qua tai nghe tiếng, qua mũi biết mùi, qua lưỡi nếm vị, qua thân biết xúc, qua ý biết nghĩ. Cái biết ban đầu của tự tánh vốn sáng suốt mà không phân biệt, gọi là “Tự tâm hiện lượng”, ngay đó liền thấy biết mà không cần khởi qua ý phân biệt. Nên Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác nói “Phân biệt cũng không phải ý”, chữ “phân biệt” này là chỉ sự rõ biết hiện tiền của tự tánh. Thế nên, tuy làm tất cả mà không khởi tâm làm, thấy biết tất cả mà không khởi tâm thấy biết, nên nói “hành, không hành, hành”.

Ví dụ đang khát nước, lấy ly nước uống. Đó là một hành vi, nhưng hành vi đó hoàn toàn do khát mà làm, rất tự nhiên. Và đó chính là dụng của tự tánh. Như người xuất gia, đến giờ công phu, đáp y lên chánh điện tụng kinh, lễ Phật, hành vi tạo tác một cách bình thường như đói ăn, khát uống, chớ không nghĩ tụng kinh, lễ Phật để được phước, để làm gương cho chúng sanh, để người khác thấy mình tu tốt v.v..., hoàn toàn không có những sở nghĩ, sở niệm đó. Làm mà không thấy mình làm, không thấy việc được làm, không một niệm chấp dính, chỉ theo duyên mà khởi dụng, đó mới thật sự là làm. Trong nhà thiền thường gọi là “Vô sự”, làm tất cả việc mà như không làm vì không đắm dính.

***Nói, không nói, nói.***

Cũng tương tự như hành, khi cần nói thì nói, nói mà không chấp vào lời nói. Đức Phật thường nói: “Suốt 49 năm, Ta không nói một lời”, dù Ngài để lại vô vàn lời dạy, 84.000 pháp môn, mà vẫn là “Không nói một lời”. Vì sao? Vì

tất cả những lời Ngài nói đều chỉ là phương tiện độ người, như dùng ngón tay chỉ mặt trăng, người nhận ra mặt trăng rồi thì ngón tay không còn giá trị nữa. Ngôn ngữ văn tự chỉ là pháp đối đãi giả lập, mượn cái giả tạm để chỉ bày cái chân thật. Cái chân thật tồn tại vĩnh hằng, còn cái giả dối chỉ là pháp tạm bợ, mượn dùng chớ không dính vào nó, nên nói mà không dính vào ngôn ngữ, gọi là “Nói, không nói, nói”. Nói như thế mới thật là nói.

***Tu, không tu, tu.***

Tu là sửa, là buông bỏ tập khí. Sửa tập khí, buông tập khí, chớ không phải sửa tự tánh hay bỏ tự tánh. Bởi tự tánh vốn trọn vẹn, không lỗi lầm nên không có gì để sửa. Cái do nhân duyên hòa hợp, cái chịu sanh diệt thì mới sửa được; còn cái bất sanh diệt, tồn tại vĩnh hằng, làm sao sửa? Cho nên, sửa đây là sửa những điều mê lầm, những thói quen do huân tập thành, như tham, sân, tật đố, ngã mạn v.v... Sửa như vậy gọi là tu. Tu sửa mà không thật sự có

cái gọi là tu sửa, bởi tập khí là những thói quen do mình tập lâu ngày mà có, chỉ cần không tiếp tục nữa, nó sẽ tự dứt, không có gì gọi là sửa cả. Như người ghiền thuốc, do tập hút lâu ngày thành ghiền, muốn bỏ cơn ghiền này, chỉ cần không hút nữa, một thời gian sau sẽ không còn ghiền. Cái ghiền này do tập mà sanh, thì cũng do không tập nữa mà diệt. Tánh ghiền vốn không thật nên mới chịu sanh diệt. Tham, sân, si... cũng vậy, do mê lầm mà tập thành thói quen, đeo dính theo mình nhiều đời kiếp, khi thức tỉnh, biết chúng chỉ là pháp tập thành, không thật có, buông bỏ dần, không chịu uống theo những thói quen đó nữa, một thời gian, chúng sẽ tự dứt. Chúng không có thật để mình tu sửa, chỉ cần buông bỏ là xong, còn bản tánh mình luôn hằng còn, trọn vẹn, nên nói “Tu, không tu, tu”. Tu mà không thấy có mình tu, có pháp tu, không chấp không dính, như vậy mới là thật tu.

Như vậy, “Niệm, không niệm, niệm; hành, không hành, hành; nói, không nói, nói; tu, không tu, tu”, là nói tất cả những nhớ nghĩ, hành vi, tạo tác, nói năng, tu sửa của mình đều chỉ là thuận duyên mà làm, làm nhưng không chấp, không dính. Vì tất cả những điều đó chỉ là diệu dụng của tự tánh. Thể của Bản tánh luôn thanh tịnh, diệu dụng lại rất mâu nhiệm, đa dạng, biến hóa. Thế nên, chúng ta tu là khi đối duyên xúc cảnh, xử lý các việc mà không chấp vào bất cứ pháp nào. Như thế mới thật là thể hội tự tánh, thể nhập bản tâm, là pháp thật của Phật. Pháp Phật chỉ đơn giản vậy thôi. Kể cả các pháp phương tiện cũng rất đơn giản.

Khi chưa thể buông niệm được thì Đức Phật phương tiện dạy mình pháp quán tưởng để buông được. Như tham sắc, Phật dạy quán bất tịnh. Quán xong rồi bỏ, chớ không dính cứng vào pháp quán đó. Tất cả pháp quán tưởng đều chỉ là những pháp tạm thời, dùng trong một giai đoạn nào đó để đối trị. Khi buông được rồi,

không cần quán nữa, như kinh Kim Cang, Phật dạy: “Đến bờ rồi thì bỏ bè”.

Pháp Phật dạy luôn tùy duyên, không cố định, tùy người, tùy hoàn cảnh mà dạy khác nhau. Vì tự tánh mình vốn không từng làm lỗi, luôn hoàn thiện, hoàn mỹ, chỉ vì chúng sanh mê lầm tạo lỗi khác nhau, nên Đức Phật dạy các pháp môn đối trị khác nhau. Đã là pháp đối trị thì không cố định. Đức Phật như một Đại lương y, một bác sĩ giỏi, tùy bệnh cho thuốc, không cố định một loại thuốc nào. Ngài có trí tuệ vô thượng, rõ biết nên dạy như thế nào để chúng sanh nhận được tự tánh, thấy được chân lý.

Chương này nhấn mạnh cốt lõi trong lời dạy của Đức Phật là nhớ nghĩ tất cả, làm tất cả, nói tất cả, tu tất cả mà không đắm vào bất cứ đâu, không chấp vào bất cứ thứ gì.

Hiểu rõ tông chỉ này, chúng ta tu tùy duyên, sử dụng bất cứ pháp nào thích hợp với mình, miễn là thể nhập được tự tánh, thấu được bản tâm, nhận được chân lý, thì đó là pháp hay

nhất cho chính mình. Cho nên, người tu không ai giống ai, mỗi người có con đường riêng, có cách tu riêng. Tổ sư có nói: “Thường độc hành, thường độc bộ, đạt giả đồng du Niết Bàn lộ”. “Thường độc hành, thường độc bộ” là đi một mình, hành một mình, nghĩa là khi tu, mình hành theo cách nào tốt nhất, phù hợp với mình nhất. Mỗi người có thể sẽ hành theo cách khác nhau, nhưng đích đến đều như nhau, đều cốt nhận được bản tâm, sống lại với tự tánh thanh tịnh sáng suốt của chính mình, nên nói “đạt giả đồng du Niết-bàn lộ”, tức là khi đạt, tức khi đã ngộ thì đồng đi trên đường Niết-bàn, đồng nhận được bản thể thanh tịnh xưa nay. Mà bản thể này, chư Phật và chúng sanh đồng đẳng không khác.

Hiểu như vậy, chúng ta tu sẽ không chấp vào đâu hết. Nếu giữ giới sẽ không chấp mình giữ giới, bực bội khi thấy người khác không giữ giới rồi tự sanh trói buộc. Tu mà thấy mình có

tu là còn chấp, phải tu mà thấy như không tu mới phải.

Ngoài ra, có lúc mình chọn tu pháp này, sau một thời gian đổi qua pháp khác, sao cho phù hợp với từng giai đoạn tu tập của mình. Như khi mình sơ cơ, mới tu, còn nhiều sân giận, khi đó chủ yếu tu quán tâm từ, một thời gian, sân giảm thì chuyển qua tu trí, phát triển trí huệ, đặt nặng Tam huệ học: Văn, tư, tu. Tùy theo việc tu học của mình mà thay đổi cho phù hợp, không cố định tu một pháp suốt đời. Chỉ có mục đích là cố định, đó là làm sao để nhận ra và thể nhập tự tánh. Pháp tu nào giúp mình thể nhập được nhanh nhất, tốt nhất thì mình chọn tu.

***Kẻ lãnh hội thì rất gần, người mê thì rất xa.***

Nếu lãnh hội được sẽ thấy pháp Phật dễ vô cùng, như chư vị Thiền sư thường nói: “Ngay dưới gót chân ông.” Pháp Phật không đòi hỏi mình làm việc gì quá sức. Nếu bắt ngồi thiền ba

bốn tiếng một lần, năm bảy thời một ngày, thì những vị bệnh khớp khỏi tu. Hay bắt buộc chỉ được ngủ dưới gốc cây, thì những vị lớn tuổi, người bệnh hoạn, trẻ nhỏ... ắt chẳng thể tu.

Đức Thế Tôn không cố định khi dạy pháp cho người. Xưa Đề-bà-đạt-đa đề nghị Phật chế giới bắt buộc Tăng Ni tu khổ hạnh, đức Phật không chấp nhận. Với Phật, hạnh đầu đà là pháp trợ duyên, ai thích thì hành, không thì thôi, không ảnh hưởng đến việc nhận được chân lý, nên Phật không chế định thành giới.

Pháp Phật phù hợp với tất cả mọi người, từ đứa trẻ 7 tuổi đến cụ già 120 tuổi đều tu được. Nếu cố định một pháp phù hợp với lứa tuổi này, hạng người này, sẽ không phù hợp với lứa tuổi kia, hạng người kia. Lúc 7 tuổi tu khác, 120 tuổi tu khác, đâu thể giống nhau, nên không cố định một pháp, mà có đến 84.000 pháp, phù hợp với mọi người, mọi lứa tuổi nên rất dễ thực hành và lúc nào cũng tu được. Lúc trẻ tu khác, khi già tu khác, lúc mạnh có cách tu của lúc mạnh, lúc đau

tu theo thân đau, mọi lúc đều có thể hưởng niềm vui đạo, không bị ảnh hưởng bởi ngoại duyên. Hiểu và làm được như vậy sẽ thấy pháp Phật rất hay, càng tu càng vui.

Nếu tự đặt mình vào khuôn, càng tu càng thấy khổ, vì tự đóng khung nhốt mình, đến lúc hết chịu nổi sẽ cảm thấy chán nản, muốn bỏ tu. Như có vị phát nguyện nhập thất tu lâu dài, tu một thời gian sanh cảm giác chán, chán sợ khi nhìn thấy bồ đoàn, thế là ra thất, rồi ra đời luôn. Vì tự ép mình, bắt buộc mình khi nhập thất phải như thế, như thế, giờ này phải làm việc này, giờ kia phải dụng công thế kia v.v..., buộc mình tu quá sức. Rồi càng tu càng mệt mỏi, càng thấy mê mờ, thấy không kham nổi nên khởi ý thôi lui, bỏ đạo ra đời. Dụng công sai lầm như thế vì không hiểu ý Phật, không thấu được cốt lõi trong lời dạy của Ngài, nên nói “Người mê thì rất xa”. Tự trói mình trong thời khóa cố định, rồi làm không được nên chán nản, bực bội, phiền não..., trong khi pháp Phật là pháp không

cố định, uyển chuyển theo duyên mà không mất bản tâm. Hiểu được sẽ thấy rất dễ hành, còn không hiểu sẽ thấy khó.

***Đường ngôn ngữ đứt, chẳng bị vật gì ràng buộc.***

Chỗ tột này không dùng ngôn ngữ diễn bày được. Vì sao? Tự tánh không hình tướng, làm sao nói? Lại cũng không bị vật gì ràng buộc. Giống như hư không hiện hữu đó mà không bị bất cứ thứ nào ràng buộc. Tự tánh cũng vậy, hằng hiển lộ, trùm khắp như hư không mà không bị thứ gì ràng buộc.

***Sai đi máy may ắt mất trong khoảnh khắc.***

Chỉ cần mê một chút, chấp một chút là đã sai, đi ngược tự tánh, không thể thể nhập, và lập tức “mất trong khoảnh khắc”, nghĩa là liền đó là mất. Như vua Trần Thái Tông nói: “Ngày cách quê hương muôn dặm trình”, quay ngược lại tự tánh thì càng đi càng xa. Nên khi dụng

công phải “tử tế”, cẩn thận từng chút một, không để làm mê, giống như “đi trên băng mỏng”, chệch một chút là lọt hố, làm một chút liền rơi vào chấp, phải luôn ở trung đạo, không nghiêng bên nào. Chỉ cần khởi một niệm dính chấp liền rời khỏi tự thể, ra khỏi bản tâm. Tuy tâm luôn hiện hữu mà mình không thể nhập được.

Thế nên, chương này đức Thế Tôn chỉ thẳng bản tâm, khi chưa hiểu sẽ thấy khó, hiểu rồi sẽ nhận ra vô cùng đơn giản: Chỉ cần dừng dính, dừng chấp, đừng để thứ gì ràng buộc thì việc nhận ra và thể nhập tự tánh sẽ ở ngay trước mắt. Ngược lại, nếu tâm còn phân biệt dính mắc, sẽ như “Mười tạ dầu mè trên cây vuốt”, leo lên tuột xuống, mãi cũng không đến đích được. Tự tánh ngay đó mà chẳng thể nhận được, càng tu càng xa, càng đi càng cách.

## CHƯƠNG 20

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Quán trời đất biết vô thường, quán thế giới biết vô thường, quán Linh Giác tức Bồ Đề. Hiểu biết như thế thì đắc đạo mau chóng.”**

**Giảng:**

Chương này nói về vô thường và tự tánh. Tất cả vạn vật xung quanh, dù lớn như đất trời, thế giới..., hay nhỏ như một hạt bụi, một con vi rút... đều thấy là vô thường, là pháp nhân duyên hòa hợp. Đã là nhân duyên hòa hợp đương nhiên phải chịu luật vô thường chi phối, có sanh có diệt. Ví như một cơn dịch bệnh ập đến, bao nhiêu người phải bỏ mạng; một cơn bão đi qua, cuốn trôi mọi thứ... Cuộc sống đổi thay nhanh chóng, trong khoảnh khắc có thể đã đổi khác. Nghĩa là tất cả vạn vật có hình tướng, dù lớn dù nhỏ đều không thật, đều vô thường.

Nhưng có một cái chân thật hằng hữu, đó chính là tánh linh giác của mình. Linh là diệu, Giác là biết. Tánh giác của mình linh diệu, sáng suốt, luôn rõ rõ ràng ràng trước mắt. Chiếu qua mắt biết thấy, qua tai biết nghe, qua ý biết nghĩ, qua thân biết nóng lạnh v.v... Cái biết linh diệu mà không phân biệt đó chính là Bồ-đề, là Đạo, là cái chân thật của chính mình. Tu là làm sao để nhận được, sống được với cái linh giác đó.

Do vậy, việc tu tập của chúng ta rất đơn giản, chỉ cần quán hai việc là đủ: Bên ngoài thấy rõ các pháp hòa hợp vô thường, bên trong nhận được tánh linh giác chiếu diệu. Thường quán như thế sẽ đắc đạo rất nhanh, và dụng công tu tập cũng giản đơn.

## CHƯƠNG 21

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Nên nghĩ tới bốn đại trong thân, mỗi đại đều tự có tên, nhưng chúng đều không có cái Ta. Đã không có cái Ta thì chúng đều như huyễn hóa mà thôi.”**

**Giảng:**

Chương này Phật dạy quán thân. Thân do bốn đại hòa hợp mà thành, mỗi cái tự có tên, hoặc gọi là đất, hoặc gọi là nước, là gió, là lửa. Những phần cứng như thịt, da, tóc, răng... thuộc về đất; phần ẩm ướt như mồ hôi, nước mắt, nước miếng, máu... thuộc về nước; hơi ấm trong người là lửa, nhiệt độ trong người mình bình thường là 37<sup>0</sup>C, các cơ quan trong cơ thể hoạt động không ngừng, khi làm việc nó tỏa ra hơi ấm nóng, đó thuộc về lửa; sự chuyển động trong thân như tuần hoàn máu, hơi thở ra vào... thuộc về gió.

Thân do bốn đại hợp nên không phải mình, không có cái gọi là Ta. Bản thân mỗi đại cũng không có cái Ta, vì nó cũng do nhân duyên tụ hội mà thành. Như đất do nhiều phân tử hợp thành, nước cũng vậy, nếu chia nhỏ đến tận cùng sẽ trở thành hư không. Mọi vật chất có hình tướng mà chia nhỏ đến tận cùng đều thành hư không, đức Phật gọi là lân hư trần. Khoa học ngày nay chế tác hạt nhân chính là dựa vào nguyên lý này, biến vật chất thành năng lượng, tạo ra một sức nổ lớn. Chứng tỏ rằng mọi vật chất đều không có thực thể, tức không tồn tại một chủ thể thực, chỉ do nhân duyên hội hợp mà thành, có sanh có diệt. Nhân duyên thiên biến vạn hóa, nên pháp cũng muôn hình vạn trạng. Như khi đất hòa thành thân mình, lúc sống là xương thịt..., khi chết trở thành dưỡng chất nuôi cỏ cây... Tùy theo nhân duyên đổi thay mà công dụng của vật chất cũng thay đổi, đa dạng phong phú.

Do vậy, sự tồn tại của thân chỉ là giả dối, tạm có. Khi tự tánh còn gá nương thì thân còn, khi tánh ra khỏi thân thì thân rã: đất trả về đất, nước trả về nước..., tóm lại, tứ đại trả về cho tứ đại. Chân lý là vậy, nhưng chúng sanh u mê, lầm chấp thân tứ đại là thật mình, đuổi theo tài bảo lợi danh, vì thân giả dối này mà tạo vô số nghiệp.

Tuy nhiên, thân vốn không lỗi, lỗi ở tâm. Thân người rất quý, đức Phật từng khẳng định “Được thân người rất khó”. Thân tạo ác nghiệp, cũng tạo thiện nghiệp. Tâm ác thì thân làm ác; tâm lành, thân tạo nghiệp lành. Muốn giải thoát cũng nương thân, nhờ thân mới nhận được tự tánh chân thật. Bởi tánh thật không hình tướng, nhờ phóng quang qua các cửa nơi thân, mình mới nhận biết được, từ đó, quay ngược dòng trở về bốn thể.

Như vậy, thân có công hay tội là do tâm mình, bản chất của thân cũng chỉ là pháp nhân duyên hòa hợp, có tác dụng như ngôi nhà cho

mình nương ở, như chiếc đò cho mình nương qua sông v.v... mà thôi.

Cho nên, chúng ta tu phải khéo dùng thân, cảm ơn sự trợ duyên của nó, không phải vì cho nó huyễn hóa không thật rồi hủy hoại nó. Đức Phật dạy cho chúng ta biết rõ bản chất giả dối của thân để mình không đắm mền nó, phụng sự nó mà tạo ác nghiệp; đừng vì nó mà tô son trét phấn, theo đuổi lợi danh..., tự mình tạo nghiệp trói buộc mình, “như tầm kéo kén, càng buộc càng bền; như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt”. Ngược lại, nếu biết dùng thân để thể nhận tự tánh, nương thân tu hành, giúp bản thân mình được giải thoát, cũng tạo phúc lành cho vô lượng chúng sanh. Khi đó, thân chính là phương tiện quý báu không gì bằng.

Như khoa học ngày nay phát triển mạnh mẽ, tạo ra rất nhiều điều kiện thuận lợi cho con người. Nhưng có người dùng nó làm điều lành, có người lại sử dụng nó để tạo vô số điều ác. Như điện thoại thông minh, có người nhờ nó học hỏi

nhiều điều hay, phát triển năng lực bản thân phụng sự gia đình, xã hội. Nhưng có người dùng nó chơi game, lãng phí thọ mạng vào việc vô bổ. Hoặc có người dùng nó để lừa gạt thiên hạ, chiếm đoạt tài sản hoặc tiết hạnh người khác, thỏa mãn dục vọng riêng mình. Bản thân điện thoại là thành tựu lớn của khoa học, vốn có công không có tội. Nếu cho nó là quỷ ma thì oan quá, nó ma quỷ hay thần thánh là do mình, chỉ có mình mới thật là ác quỷ hay hiền thánh.

Tóm lại, thân tuy do bốn đại duyên hợp mà thành, huyễn hóa không thật, nhưng lại là phương tiện quý, nhất là thân người, quý báu vô cùng. Mình phải khéo vận dụng nó để tu hành, để thể nhận tự tánh chân thật, đừng dùng nó tạo nghiệp bất thiện mà phí uổng phúc báo được làm người, được có thân.

## CHƯƠNG 22

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Người theo dục vọng truy cầu danh tiếng, khi danh vẻ vang thì thân đã chết! Ham danh tiếng thế gian mà không học Đạo chỉ uống công mật xác. Ví như đốt hương, người vừa ngửi được mùi hương, thì hương đã thành tro! Cũng vậy, lửa dục hại mình vẫn còn theo sau.”**

**Giảng:**

Chương này và chương trước có sự liên kết. Chương này, đức Phật nói cụ thể hơn về một trong những sự mê lầm của mình: Chỉ biết sử dụng thân để truy cầu danh vọng mà thôi.

***Người theo dục vọng truy cầu danh tiếng, khi danh vẻ vang thì thân đã chết! Ham danh tiếng thế gian mà không học Đạo chỉ uống công mật xác.***

Thân người vốn quý, nhưng mình lại dùng nó để truy cầu danh vọng. Nhưng để đạt tới đỉnh cao danh vọng, người ta phải mất bao lâu? Xét tuổi đời của các vị lãnh đạo đất nước, như: Tổng thống, Chủ tịch nước, Thủ tướng..., trẻ lắm cũng trên 50. Sẽ còn thọ mạng bao lâu nữa? Nên nói “Khi danh vẻ vang thì thân đã chết”.

Vậy mà, phần lớn người đời dành cả đời để tìm cầu danh vọng. Nếu biết dùng thân này để học đạo thì quý biết bao! Chúng ta sẽ có mấy mươi năm để thể nhập bản tâm, mấy mươi năm lập công tạo phước, ích mình ích người. Trong khi còn có rất nhiều người trên thế giới này phải chật vật chạy ăn từng bữa cơm, mà bữa đói bữa no; lại có những người vun tiền qua cửa sổ, phung phí tài sản vật thực không thương tiếc: quần áo sang quý chỉ mặc một lần, thức ngon vị lạ nửa ăn nửa bỏ, dành cả đời để hưởng thụ ngũ dục lạc, thỏa mãn thú vui của thân, không nghĩ

xót cơm xẻ áo, cũng không chịu quay hương niềm vui tinh thần, cầu đạo giải thoát.

Thời Phật, có một thanh niên con nhà giàu, tướng tốt, sang trọng. Đức Phật từng nói: Vị này có nhiều phúc báo, nếu xuất gia sẽ đắc quả A-la-hán. Nhưng anh không hề có ý định xuất gia, cũng không nghĩ đến việc học đạo, cả ngày chỉ thích ăn chơi hưởng thụ. Một thời gian sau, đức Phật gặp lại, nói: Vị này vẫn còn nhiều phúc báo, nếu xuất gia sẽ đắc quả A-na-hàm. Dĩ nhiên, anh cũng không hề giác ngộ, vẫn tiếp tục cuộc sống hưởng dục của mình. Cứ như thế, phúc báo của anh giảm dần, đức Phật mỗi lần gặp lại anh đều thọ ký anh sẽ đắc quả Tư-đà-hàm, rồi giảm xuống Tu-đà-hoàn, cho đến một hôm, khi anh đã bước qua tuổi trung niên, đức Phật gặp anh, nói: Vị này đã hết phước, 7 ngày nữa sẽ mạng chung và không được tái sinh làm người.

Sở dĩ anh bị mất thân người là do khi hưởng thụ dục lạc, chẳng những anh đã xài hết

phước cũ của mình, lại còn tạo nhiều ác nghiệp, phạm vào các lỗi sát sanh, tà hạnh, vọng ngữ v.v... Từ một người dồi dào phúc báo, nếu xuất gia có thể đắc Thánh quả A-la-hán, mà chỉ vì ham mê thọ hưởng dục lạc mà mất cả thân người, đọa ba đường dữ.

Đuổi theo danh vọng cũng tương tự như thế, để hết tâm trí vào việc tranh danh đoạt lợi, cả ngày chỉ nghĩ làm sao để thăng quan tiến chức, làm mọi việc để đạt được mục đích, có khi còn tạo ác nghiệp, hại người để tranh giành danh tiếng, địa vị. Nhưng khi đạt đến địa vị cao rồi, nhìn lại tóc trên đầu đã bạc, thân mỗi tâm mệt, già chết gần kề.

***Ví như đốt hương, người vừa ngửi được mùi hương, thì hương đã thành tro.***

Như người đốt trầm hương, khi hương lan tỏa cũng là lúc nó thành tro. Đuổi theo danh vọng, khi đạt được danh thì mạng sống chẳng còn lâu. Danh đến thì già chết cũng theo kề.

***Cũng vậy, lừa dục hại mình vẫn còn theo sau.***

Dục không những hại mình đời này mà còn dẫn đến tai họa ở đời sau. Vì đã tạo thành thói quen khó bỏ, nó sẽ theo mình đời đời kiếp kiếp, ngày nào mình còn chưa thức tỉnh, ngày đó nó còn hại mình. Như người ghiền ma túy, ghiền rượu, thuốc lá v.v..., ngày nào còn ghiền, ngày đó còn bị chúng trói buộc, phải lệ thuộc chúng mãi mãi.

Chết không phải là hết, chỉ là chấm dứt một chặng đường này, sẽ nối tiếp một chặng đường khác, cứ thế mãi trôi trong luân hồi, cho đến khi giác ngộ mới giải thoát. Những vị có kiến chấp đoạn, cho rằng chết là hết rồi tùy ý tạo nghiệp, đâu ngờ kiến chấp này sai lầm vô cùng, đến khi chết mới biết được không phải là hết, hồi hận thì đã quá muộn.

Người đời thường nghĩ rằng chết nhanh là tốt, khỏi phải nằm một chỗ, không bị hành xác, vậy là có phước. Nhưng chưa chắc! Nếu cả

đời vị đó chưa từng làm lành, lại chết nhanh quá, không có thời gian chuẩn bị tâm lý, không kịp hối hận những việc ác mình làm, thì việc chết nhanh chưa chắc tốt.

Còn những người phải nằm một chỗ 5 - 7 năm, thậm chí lâu hơn, đúng là hành xác, đau đớn khổ sở, nhưng họ có thời gian nhìn lại, kiểm lại và giác tỉnh cả đời mình tạo đủ thứ nghiệp, rốt cuộc được gì? Giờ mang thân bệnh hoạn, đau mình phiền người, tài sản sự nghiệp có cứu được đâu, nên họ hối hận, thức tỉnh. Nhờ đó, tâm họ chuyển thiện, muốn niệm Phật, tụng kinh, muốn buông tất cả để tu tập, để làm phước... Do vậy, họ sẽ sanh vào cảnh giới lành, và tạo được thói quen thiện lương cho đời sau.

Thế nên, nằm một chỗ chưa chắc là họa, chết nhanh chưa chắc là phúc. Nằm một chỗ càng lâu càng dễ thức tỉnh, sự ra đi của họ sẽ nhẹ nhàng hơn vì không còn luyến tiếc gì nữa, chỉ muốn sớm bỏ thân cho đỡ khổ. Còn người đang sống đầy đủ, đang hưởng thụ dục lạc mà

bị buộc phải bỏ thân thì họ sẽ rất luyến tiếc, không muốn chết, không muốn xa con cháu, nên lần quần không thọ sanh được. Thế nên, việc gì cũng có cái tốt và cái không tốt. Nếu lúc còn khỏe mình siêng học đạo, hiểu đạo, sống đời sống đạo thì dù xả thân nhanh hay chậm đều tốt. Còn nếu chưa hiểu đạo, có thể đi chậm một chút lại tốt, giúp mình thức tỉnh hơn, và như thế có lợi cho đời sau hơn.

## CHƯƠNG 23

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Tài sắc đối với người, người không bỏ được. Như lưỡi dao có dính chút mật, không đủ một bữa ăn ngon, nhưng đứa bé liếm vào, nên phải chịu cái họa đứt lưỡi.”**

**Giảng:**

Tài là tài sản, tiền bạc, của cải. Sắc là sắc thân, sắc đẹp. Hai cái dục này khó bỏ nhất. Người xuất gia tu hành còn bỏ không nổi, huống là người tại gia còn hưởng ngũ dục lạc. Dưới con mắt của kẻ phàm, hai thứ dục này rất vui, rất quý. Nhưng với bậc trí tuệ như Phật, chúng chỉ như một chút mật dính trên lưỡi dao. Cái vui không bao nhiêu so với cái hại mà chúng mang lại. Đứa bé dại khờ không nhìn ra cái hại ẩn đằng sau vị ngọt của nó, nên le lưỡi liếm, vừa nếm được vị ngọt của mật, cũng là lúc chịu cái khổ của cái họa đứt lưỡi. Chúng sanh cũng vậy,

đắm mê tài sắc, cả đời nhọc nhằn theo đuổi, đến khi già yếu nhìn lại có được gì, mà chết rồi phải đọa.

Đức Phật ví dụ có một người bị một con voi rượt đuổi, hốt hoảng chạy trốn chết, thấy một cái giếng cạn liền nhảy xuống, đu vào một nhánh dây leo mọc bên bờ giếng. Nào ngờ nhìn xuống đáy giếng thấy bốn con rắn đang khè lười chực chờ, xung quanh thành giếng thêm ba con rồng phun lửa, ngược lên thấy hai con chuột một trắng một đen thay phiên gặm nhấm cọng dây leo. Mạng sống mong manh, nguy hiểm, cái chết chực chờ một bên. Khi ấy, một con ong bay ngang, rớt một chút mật vào miệng của người đó. Người đó liếm được vị ngọt của mật, lòng tràn đầy hạnh phúc, thỏa mãn, quên hẳn mối nguy cận kề, chỉ thích thú hưởng thụ cái vui tạm bợ này.

Chúng ta là người đang bị rượt đuổi kia, con voi tượng trưng cho vô thường, rượt đuổi chúng ta từng sát na. Cọng dây leo là thọ mạng,

hai con chuột đen trắng là ngày đêm, đang cắn dần thọ mạng mình. Bốn con rắn khè lười là tứ đại tạo nên thân, lúc nào cũng chực chờ gây bệnh hoạn chết chóc cho mình. Ba con rồng phun lửa là tham, sân, si, ngày đêm thiêu đốt mình, khiến tâm dục lúc nào cũng nóng đỏ. Giọt mật chính là ngũ dục lạc. Mạng sống chúng ta mong manh như thế, thọ mạng dần tàn theo ngày tháng, vậy mà vẫn không thức tỉnh, để hết tâm ý vào thú vui ngũ dục, chẳng nghĩ gì đến vô thường già chết.

Trong kinh Pháp cú, đức Phật có dạy: “Ngày nay đã qua, mạng sống giảm dần, như cá cạn nước, có gì là vui?”

Xưa có năm vị Tỳ-kheo thường được một tín nữ quý kính cúng dường, chăm sóc chu đáo. Tuy trước mặt thí chủ, các vị tỏ ra là những vị đạo hạnh, nhưng sau lưng lại rất buông lung. Đời sau, thí chủ do tâm thanh tịnh cúng dường được sanh cõi trời, 5 vị Tỳ-kheo bởi buông lung, dối gạt lòng tin của tín chủ nên đọa địa ngục.

Đến thời đức Phật Thích Ca xuất thế, nữ thí chủ tái sanh làm người, vào một gia đình trưởng giả giàu có, được gả cho vua làm hoàng hậu, tiếp tục kính tin Tam Bảo, quy y hướng Phật. Năm Tỳ-kheo cũng được sanh lên làm người, nhưng rơi vào dòng thủ-đà-la thấp hèn, bị đưa vào cung hầu hạ hoàng hậu, một người đổ phân, bốn người khiêng kiệu. Sau này, được đức Phật khai thị nói rõ duyên xưa, hoàng hậu cảm động muốn trả tự do cho năm người để họ có thể tiếp tục việc tu hành, nhưng do nợ cũ trả chưa hết, nghiệp lực che mờ khiến năm vị u mê, sợ hãi việc xuất gia, chỉ muốn tiếp tục làm nô lệ cho hoàng hậu. Đức Thế Tôn nói chỉ khi họ trả hết nợ, nghiệp chướng nhẹ mỏng rồi mới có thể xuất gia tu hành trở lại được.

Thế nên, thí chủ cúng dường với tâm thanh tịnh thì bất kể tu sĩ tu hành thế nào, họ vẫn được phước báo to lớn. Còn người tu tu dờ, chẳng những đời sau phải đọa, sau này còn phải riêng trả nợ cho thí chủ. Tuy vậy, nhân duyên

xuất gia tu hành không mất, trả xong nợ sẽ lại tiếp tục con đường dang dở. Nếu mình có tu hành, có dụng công, nhưng công phu không tương xứng với sự cúng dường thanh tịnh của thí chủ, thì đời sau không đến nỗi mất thân người, không bị đọa, nhưng sẽ làm con cháu cho thí chủ, cả đời hiếu thảo, thương yêu, chăm sóc cha mẹ, có khi bỏ cả chí nguyện xuất gia, luôn ở cận kề lo lắng, không phút nào rời. Đó là để đền lại chút nợ còn sót, việc tu hành cũng phải tạm dừng.

Nhân duyên xuất gia không hề mất, luôn nằm sâu thẳm trong tâm thức. Chỉ cần mình tu hết khả năng, giả sử không đủ trả nợ thí chủ, đời sau làm thân quyến trả bù, hết nợ rồi lại tiếp tục tu hành, đến khi hoàn toàn giải thoát mới thôi.

Tóm lại, chương này Phật dạy chúng ta nếu đắm mê tài sắc, chạy theo dục vọng thì như đứa bé dại khờ, mê một chút mật dính trên lưỡi dao mà không biết cái họa đứt lưỡi. Mê một

chút dục vọng đời này mà quên cái khổ nhọc nhằn trôi nổi trong ba cõi luân hồi, không biết cái khổ bị hành hạ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Chúng ta tu hành phải luôn nhớ những cái khổ này để dũng tiến trên con đường tu tập giải thoát.

## CHƯƠNG 24

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Người bị vợ con, nhà cửa trói buộc còn hơn ở lao ngục. Lao ngục còn có ngày được phóng thích, vợ con không một ý niệm xa lìa. Tình ái đáng sợ như thế, sao còn đuổi theo? Dù biết có họa sa vào miệng cọp, lòng cũng cam chịu. Tự đắm chìm vào bùn nhơ, gọi là phạm phu. Hiểu rõ và vượt qua được cửa ngục này là bậc La-hán xuất trần.”**

**Giảng:**

Ở chương này Phật nói về những vị không vượt qua được chuyện nam nữ, bị vợ con hoặc chồng con ràng buộc, thì tai họa này còn hơn ở trong lao ngục. Vì trong lao ngục còn có ngày được ra, ở tù năm, bảy năm, vài chục năm hay thậm chí chung thân, cũng có thể được xét giảm án và có ngày được ra, còn tình cảm gia đình hay dục nam nữ thì cứ quấn chặt, không

có một ý niệm xa lìa. Người nữ còn có thể sống độc thân, nhưng người nam, do sinh lý mạnh, nên rất hiếm người sống độc thân, họ không ở nổi một mình. Cho nên Đức Phật mới nói “người bị ái dục trói buộc như vậy còn hơn ở trong lao ngục” và “tình ái đáng sợ như thế, sao còn đuổi theo?”

Ai cũng biết lập gia đình là khổ, vì ai cũng đã thấy qua cảnh cha mẹ sống không hạnh phúc: gây gổ, ghen tuông, mất hết tự do, ràng buộc lẫn nhau, rồi nuôi con dạy cháu rất cực, nhưng chỉ vì vướng kẹt vào thứ tình ái mê muội mà “dù biết có họa sa vào miệng cọp, lòng cũng cam chịu”. Cứ lớn lên là lại đi theo con đường đó, rất ít người giác ngộ và chịu ra khỏi. Vì không vượt qua được tình ái của mình, không có tâm cầu giải thoát nên những người tự đắm chìm vào mớ hỗn độn giống như bùn nhơ đó gọi là phàm phu, còn những vị hiểu ra được điều này và vượt qua được thì là bậc xuất trần.

Nếu vị nào thực sự chán cảnh này, tu sẽ rất mau đắc đạo. Như Ngài Da-xá, nửa đêm thức dậy, thấy mấy bà vợ nằm lăn lóc, nào là chảy mồ hôi, chảy nước dãi, thấy gớm quá, nên nửa đêm Ngài bỏ ra khỏi nhà, đi lang thang, cảm thấy chán thế gian, chán cuộc sống nam nữ này quá. Đến khi gặp Phật, được Phật khai ngộ, thế là Ngài đắc đạo.

Chúng ta cũng giác ngộ như Ngài Da-xá rồi mới đi tu, nhưng khi vào tu rồi thì lại từ từ quên hồi nào không hay, nên chúng ta ngộ đạo chậm là như vậy. Có một vị Tổ từng nói: Nếu ai giữ được sơ phát tâm ban đầu trong ba năm thôi là có thể chứng quả. Mình chỉ khoảng đôi ba tháng đầu là còn giữ được ý chí mạnh mẽ của sơ xuất gia.

Lúc mới phát tâm xuất gia, không ai cản được, cái gì cũng làm được, khó khăn nào cũng vượt qua. Tâm đó mạnh mẽ vô cùng, với tâm đó, có những vị đã đi trọn cuộc đời tu hành, nhưng cũng có những vị nửa đường thoái lui.

Những vị đi trọn được là vì các vị đó thực sự có niềm vui với đạo, có sự phấn khích với đạo, chứ không phải bốc đồng, nhất thời. Biết rằng bốc đồng, nhất thời mà cạo tóc xuất gia cũng tạo được nhân lành, nhưng việc tu đạo sẽ chậm hơn.

Để thấy, giác ngộ được cái khổ của thế gian mà đi tu không phải dễ và giữ được sự giác ngộ đó cho đến chứng đắc quả hiền Thánh càng không dễ.

## CHƯƠNG 25

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Trong các thứ ái dục không gì hơn sắc dục. Lòng ham muốn sắc đẹp to lớn không gì bằng. May mà nó chỉ có một. Giả sử có hai cái giống nhau, thì khắp thiên hạ không ai có thể tu đạo được!”**

**Giảng:**

Chương này Đức Phật nói rõ thêm về chuyện tình ái nam nữ. Chuyện nam nữ rất khó vượt qua và nó cũng ảnh hưởng lớn tới tâm đạo của mình.

Chúng ta để ý thấy những vị xuất gia rồi hoàn tục, hết 90% thậm chí hơn, đều là vì chuyện nam nữ này. Người nam vì người nữ mà ra, người nữ vì người nam mà ra, rất hiếm vì lí do khác. Lâu lâu mới có vì phiền não quá mà ra, nhưng số đó không nhiều. Có những vị phiền não quá, không ở được trong chúng, dọn ra ở cốc riêng nhưng vẫn tu. Còn những vị dính vào

chuyện nam nữ là ra đời luôn và hiếm khi trở lại được.

Có một Thầy, tu rất tốt, phát nguyện đồng mãnh, thậm chí không nói chuyện với người nữ, gặp chư ni chào là Thầy ngó lên trời chứ không nhìn, Phật tử nữ cũng vậy. Vậy mà, khi gặp một nữ Phật tử, chỉ nghe tiếng nói thôi, Thầy đã động lòng, Thầy đi theo về tận nhà cô ấy và nói: “Nếu cô không lấy tôi thì tôi ngồi ở đây hoài”, rốt cuộc gia đình cô cũng chịu cho Thầy cưới cô. Sau này, Thầy rất hối hận và thường tự nói: “Tôi là tội đồ của Phật giáo.” Nhưng Thầy đã không thể xuất gia trở lại, bởi Thầy đi rồi, ai sẽ lo cho vợ con. Thầy đã bị trói buộc bởi vợ con và cứ tự trách mình.

Thành ra, rất nhiều trường hợp, chỉ vì không vượt qua được ái nam nữ mà phải gãy đổ đường tu tập của mình, nên Đức Phật nói: “may mà nó chỉ có một, chứ có thêm cái nữa giống như vậy thì khỏi ai tu được.” Một cái mà đã ảnh hưởng lớn đến người tu như vậy, huống nữa là

hai cái. Bởi tiền bạc, danh vọng bỏ còn dễ, sắc dục khó bỏ vô cùng.

## CHƯƠNG 26

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Ái dục đối với người như cầm đuốc đi ngược gió, tất có họa cháy tay. Thiên thần hiến ngọc nữ cho Phật, muốn làm loạn tâm ý Phật. Phật dạy: “Những túi da bọc đồ dơ bẩn kia, các người đến làm gì? Hãy đi! Ta không cần.” Thiên thần càng thêm kính trọng, nhân đó hỏi về ý đạo. Phật giải nói xong, Thiên thần liền đắc quả Tu-đà-hoàn.”**

**Giảng:**

Đức Phật ví người đuổi theo chuyện nam nữ giống như cầm đuốc đi ngược gió, chắc chắn sẽ bị họa cháy tay.

Đắm trong sắc dục là tự làm mình sa đọa. Thời này người ta đắm sắc rất nhiều. Một vị tu hành có thiên nhãn đã nói: Hiện giờ nhìn người thế gian, không còn thấy tướng người, mà toàn thấy tướng súc sanh. Là vì những người được

làm người, lại tạo quá nhiều nghiệp ác, nhất là phần dâm dục, nên đời sau họ sẽ mất thân người, đọa làm súc sanh, và phần lớn những người hiện đang sống, là từ súc sanh trả hết nghiệp sanh lên, chứ người sanh trở lại làm người rất hiếm.

Đức Phật luôn nhắc nhở, được thân người rất khó, mất thân người rồi, khó có lại được. Chỉ có ở cõi người mới tu được, rơi xuống những cõi dưới làm sao tu, mà không tu làm sao trở lên được, chỉ có đợi trả hết nợ, mà trả hết nợ thì biết bao nhiêu lâu? Mỗi lần phạm một lỗi nặng nào đó phải đọa làm súc sanh, nhiều khi phải mất năm, bảy trăm đời mới trả hết, nên nói: Mất thân người khó có lại là vậy. Vậy mà người ta không biết, cứ đắm vào đó, thích sự hoan lạc nam nữ, tự làm mình khổ não trong vòng sanh tử này.

Đức Phật dẫn chuyện thiên thần hiến ngọc nữ cho Phật, muốn làm loạn tâm ý Phật. Phật dạy: “Những túi da bọc đồ dơ bẩn kia, các

người đến làm gì, hãy đi đi, ta không cần.” Thiên thần càng thêm kính trọng, nhân đó hỏi về ý đạo. Phật giải nói xong, thiên thần liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Có một câu chuyện tương tự, là Đức Phật gặp một Bà-la-môn. Vị này có một cô con gái rất đẹp, nên ông không muốn gả cho người bình thường, mà muốn chọn người có tướng tốt thù thắng. Hôm đó, tình cờ gặp Phật, ông thấy Phật tướng hảo trang nghiêm, cho rằng Ngài mới xứng làm con rể ông. Ông bảo Phật đừng đi đâu, đợi ông dẫn con gái đến.

Đức Phật thay vì đứng yên một chỗ như bà-la-môn dặn, Ngài lại dời qua chỗ khác. Trước khi đi, Đức Phật nhấn chân xuống đất, để lại dấu chân. Theo pháp của chư Phật thì chư Phật đi không chạm đất, chẳng những chư Phật mà các vị A-la-hán đi cũng không chạm đất. Sở dĩ các vị đi như vậy là để tránh tổn hại những sinh vật nhỏ bé trên mặt đất như trùng, kiến... Do đi không chạm đất nên không có dấu chân. Vì

vậy, muốn để lại dấu chân, Đức Phật phải cố ý ấn xuống. Theo cổ thuyết, nếu Đức Phật cố ý để lại dấu chân, nó sẽ tồn tại vĩnh viễn. Dấu chân đó sẽ được chư thiên bảo vệ, nhưng phải là người có phúc báo lớn, có nhân duyên thù thắng mới nhìn thấy được. Ở đây, Đức Phật để lại dấu chân là để hóa độ vợ chồng Bà-la-môn này. Để lại dấu chân xong, Đức Phật qua chỗ khác gần đó, và ngồi xuống một gốc cây thọ trai.

Người Bà-la-môn dẫn vợ và con đến gặp Đức Phật. Khi đến nơi, không thấy Đức Phật mà chỉ thấy dấu của một bàn chân. Người vợ là một người giỏi về tướng số, khi nhìn thấy hình bánh xe ngàn căm ở giữa lòng bàn chân, bà vội nói: “Không được rồi, vị này đã xuất thế, không còn tâm dục nên sẽ không lấy con chúng ta.” Người chồng không tin, cho rằng con gái ông đẹp như vậy, nếu Đức Phật thấy, sẽ chịu lấy thôi. Ông tiếp tục đi tìm Phật, thấy Ngài ngồi dưới gốc cây, liền dẫn con gái tới và hứa gả cho Ngài mà không cần điều kiện gì cả. Lúc đó, Đức Phật nói:

“Cái túi da bọc đồ nhơ bẩn kia, ta không dùng.” Đối với Ngài, thân chỉ là túi da bất tịnh, bên trong chứa những đồ nhơ bẩn. Vừa nghe câu đó, hai ông bà liền rúng động, tự nhiên giác ngộ, sụp xuống lạy Phật, Đức Phật vì họ giảng rộng giáo lý, cả hai đắc quả A-na-hàm, phát nguyện quy y Tam Bảo. Nhưng cô con gái ngược lại, đã nổi sân với Phật, cho rằng Ngài hủy nhục cô, từ đó ghim hận trong lòng.

Đức Phật xem thân người như những đống da hôi thúi. Mà quả thật như vậy, cho dù bên ngoài đẹp đẽ đến đâu, bên trong cũng chỉ là bộ xương với gan, ruột, phèo, phổi..., có gì là đẹp. Chất liệu của thân là tứ đại hòa hợp, do nghiệp mỗi người khác nhau nên cho ra tướng đẹp xấu khác nhau, vậy mà con người thích đắm vào đó để rồi chịu khổ. Thực sự không có gì đáng đắm, nó chỉ là một đống da thúi.

Thời Phật, có một Tỳ-kheo đi khát thực, gặp một kỹ nữ đẹp, thế là Ngài mê quá đến phát bệnh tương tư nằm liệt giường. Các vị Tỳ-kheo

khác đến bạch Phật, Đức Phật bảo cứ kệ. Qua hôm sau, cô kỹ nữ chết. Phật bảo vua đừng cho mai táng, hãy để xác cô gái ấy ba ngày. Sau ba ngày, cái xác sinh lên, chảy nước vàng, bốc mùi nồng nặc. Lúc này, Đức Phật bảo dẫn vị Tỳ-kheo tương tự tới, vừa thấy cái xác thối rữa, bao nhiêu tương tự đều bay biến, lại sanh tâm nhòm góm, sau đó, Ngài tinh cần tu hành cho đến đắc đạo, không còn tâm ái dục nữa.

Thế nên, đẹp đến thế nào, khi chết cũng sinh thúì, có gì đáng mê? Thấy là đẹp cũng chỉ do tướng thôì, chứ thực sự thân rất dơ bẩn.

Chương này Đức Phật dạy cho những người quá đắm mê sắc hiểu rõ bản chất của thân.

## CHƯƠNG 27

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** “Người tu Đạo như khúc gỗ dưới nước, theo dòng mà đi, không tấp vào hai bờ, không bị người vớt, không bị quỷ thần ngăn trở, không bị nước xoáy làm đứng lại, cũng không bị mục nát. Ta bảo đảm khúc gỗ ấy quyết định sẽ vào được biển. Người học Đạo không bị tình dục làm mê hoặc, không bị các thứ tà ngụy quấy nhiễu, tinh tấn theo Đạo Vô Vi, Ta bảo đảm người đó tất sẽ đắc đạo.”

**Giảng:**

Đức Phật ví chuyện tu đạo giống như một khúc gỗ trôi theo dòng nước chảy.

**Theo dòng mà đi**, là vâng theo lời Phật dạy mà tu tập.

**Không tấp vào hai bờ**, là không vướng vào trái phải, thị phi, thương ghét...; không rơi

vào tà kiến, thấy cái này đúng, cái kia sai, rồi sa vào bên này hay bên kia. Vướng vào hai bên sẽ làm cho mình đứng lại. Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói “đạo phải thông lưu”. Nếu không thông lưu, dính vào một bên là không phải đạo. Cho nên, Đức Phật nói “không tấp vào hai bên bờ” nghĩa là không chấp hai bên.

***Không bị người vớt***, là không bị người khác phái “vớt”, tức là không bị dính vào chuyện nam nữ.

***Không bị quỷ thần ngăn trở***, không phải là có quỷ thần nào ở bên ngoài cản trở, mà là tâm ma bên trong làm mình bị ngăn ngại. Quỷ thần đây là đại diện cho những tâm niệm tà ác, những niệm bất thiện cản trở con đường tiến đạo của mình.

***Không bị nước xoáy làm đứng lại***, nước xoáy tượng trưng cho sự nghi ngờ. Có người tu một thời gian thì khởi tâm nghi, không biết pháp mình tu đúng không, việc mình chọn

xuất gia có phải không v.v..., trong lòng bắt đầu khởi nghi, không còn muốn dụng công tu tập.

**Cũng không bị mục nát**, mục nát đây không phải nói thân chết rồi bị mục nát, mà ý nói tâm đạo mục nát. Không bị mục nát là không đánh mất đạo tâm, lòng tin đạo bền vững. Nước xoáy là chỉ nghi thôi, còn mục nát là hoàn toàn mất tín tâm, không còn tin nữa. Có vị xuất gia tu trong chùa, do dụng chạm mâu thuẫn với huynh đệ rồi trở nên oán người tu, oán cả Thầy Tổ. Chẳng những ra đời không tu nữa, còn trở lại mắng chửi Tam Bảo, mắng chửi Thầy Tổ, huynh đệ. Đó là bị mục nát, hoàn toàn đánh mất tâm đạo. Lúc đó, việc tu sẽ bị dừng lại, thậm chí thối lui.

Nếu không phạm vào tất cả những điều trên, chắc chắn sẽ đắc đạo, nên Đức Phật nói “đảm bảo khúc gỗ ấy sẽ ra đến biển”. Nếu tu được như vậy, chắc chắn sẽ giải thoát, tự do tự tại dạo chơi trong sanh tử.

Đoạn kế tiếp, Đức Phật hợp pháp việc tu đạo với ví dụ trên.

***Người học đạo không bị tình dục làm mê hoặc,*** hợp pháp với câu “không bị người vớt.” Nếu bị tình dục làm mê hoặc tức bị người “vớt” đi.

***Không bị các thứ tà nguy quấy nhiễu,*** đồng nghĩa với “không bị quỷ thần ngăn trở.” Nếu tin vào những thuyết tà, làm những hạnh tà, nghĩ những điều tà, làm cho chánh kiến mất đi, đó là bị những thứ tà nguy quấy nhiễu.

***Tinh tấn theo đạo vô vi,*** là tu theo đạo mà Đức Phật tuyên bày, hành theo phương pháp mà Đức Phật chỉ dạy, kiên trì, không gián đoạn, không bị nước xoáy nghi ngờ làm cho đứng lại, cũng không để mục nát đạo tâm, như vậy chắc chắn sẽ đắc đạo.

Sở dĩ chúng ta tu không đắc đạo, không phải do căn cơ yếu kém, mà vì còn tình chấp nhiều, còn dính kẹt đủ thứ, còn nghi ngờ đủ việc

v.v... Tại sao thời Phật, các vị đắc đạo rất nhanh? Bởi các vị có niềm tin vững chắc đối với Đức Phật. Có vị Sa-di mới 7 tuổi, lúc được cạo tóc xuất gia, nghe Bốn sư đọc bài kệ “Thế phát”, và dạy rằng cạo bỏ tóc này chính là bỏ những phiền não, những cấu bẩn trong tâm con, ngay đó, Ngài liền đắc đạo.

Thời Phật, có rất nhiều vị Sa-di đắc đạo, đắc A-la-hán ngay từ 7 tuổi chớ không đợi lớn lên, đó là do tín tâm của các vị mạnh mẽ. Còn chúng ta xuất gia khi đã trưởng thành, vậy mà không được như vậy, là vì khi nghe lời Phật dạy, từ tai này lọt qua tai kia, hoặc từ lỗ tai ra miệng, nghe rồi đi nói, đi giảng mà không tự thực hành. Thế nhưng, chỉ khi nào điều phục được tâm mình, việc tu mới thật có giá trị.

Có một ông vua, làm ba con khỉ với hình dáng giống nhau và chất liệu giống nhau, đưa ra trước quần thần và dân chúng, nói rằng ba con khỉ này có giá trị quý tiện khác nhau, đố mọi người tìm ra điểm khác nhau đó. Mọi người

quan sát mãi cũng không biết chúng khác nhau điểm nào. Một vị hiền triết xuất hiện, Ngài lấy một sợi dây đút vào lỗ tai của ba con khỉ. Con thứ nhất, sợi dây luồn vào lỗ tai này đi qua lỗ tai kia. Con thứ hai, sợi dây luồn vào lỗ tai đi ra cửa miệng. Con thứ ba, sợi dây luồn vào lỗ tai đi xuống bụng, không thấy đầu ra. Ngài tuyên bố, con khỉ thứ ba có giá trị nhất.

Con khỉ thứ ba chỉ cho người nghe rồi ghi nhớ không quên, biến nó thành của mình, vị đó thù thắng nhất. Người nghe rồi quên hết là con khỉ thứ nhất. Người nghe rồi nói lại chứ không làm là con khỉ thứ hai. Cả hai đều không có giá trị. Việc tu của chúng ta cũng vậy. Chỉ khi nào tự mình ứng dụng tu tập, biến những điều học được thành tài sản của chính mình, mới là thù thắng nhất.

## CHƯƠNG 28

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Hãy cẩn thận! Đừng tin ý ông! Vì ý ông không thể tin được. Hãy cẩn thận! Đừng gần gũi nữ sắc! Gần gũi nữ sắc thì tai họa liền sanh. Đắc quả A-la-hán rồi, mới có thể tin được ý ông.”**

**Giảng:**

Chúng ta tu một thời gian, thấy mình tu giỏi rồi, cho rằng có tiếp xúc với người khác phái cũng bình thường, không có vấn đề gì, không sao. Nhưng Đức Phật dạy đừng tin ý mình, thấy vậy đó, nhiều khi mình chưa gặp phải người có nhân duyên sâu xa với mình nên mới bình thường được thôi. Nếu gặp người có nhân duyên sâu xa, có thể mình sẽ đổ, vì mình chưa đắc đạo. Chỉ khi đắc đạo mới có thể vượt qua được; chưa đắc đạo, mình hoàn toàn có thể bị gãy đổ bởi người đó nếu tiếp xúc quá gần.

Người xưa nói lửa gần rơm thế nào cũng bén. Đạo Nho có một vị chánh nhân quân tử tên là Liễu Hạ Huệ. Ông sống chánh trực, ngay thẳng, có thể gọi là bậc hiền nhân ở đời. Bên cạnh nhà ông là nhà một cô gái trẻ. Một đêm, trời mưa to, sấm chớp dữ dội, lại nhằm lúc cha mẹ đi khỏi, cô gái ở nhà một mình. Cô sợ hãi chạy qua đập cửa nhà Liễu Hạ Huệ, xin tá túc qua cơn mưa. Ngài cho cô vào, tiếng sấm ùng ùng khiến cô càng sợ, liền leo vào lòng Ngài ngồi, một tay Ngài ôm cô, một tay cầm sách đọc, tâm vẫn như nhiên, không một niệm dục. Hết mưa, Ngài bảo cô về, bản thân tiếp tục đọc sách, lòng không một chút máy động. Từ đó, mọi người đều nể trọng, là tấm gương sáng trong đạo Nho.

Sau, có một học trò, nhà gần kề một góa phụ. Gặp một đêm to gió lớn, góa phụ gõ cửa xin vào tá túc, học trò không mở, nói: “Nam nữ thọ thọ bất thân, cô nam quả nữ ở chung một nhà không tiện.” Góa phụ dẫn tích Liễu Hạ Huệ

ôm cô gái trong lòng vẫn giữ được trong sạch, khuyên học trò nên bắt chước theo. Học trò nói: “Tôi không được như Liễu Hạ Huệ nên không thể làm như ông, nhưng tôi đóng cửa không cho bà vào thì tôi cũng sẽ giữ được trong sạch như ông.” Vị này biết được công phu mình tới đâu, nếu ôm ấp người khác phái ắt sẽ sanh nhiễm tâm, nên tốt hơn hết là tránh tiếp xúc quá gần thì cũng có thể giữ được tâm thanh tịnh.

Khi chưa đắc A-la-hán, chưa chắc chắn làm chủ được tâm thì đừng thử lửa, đừng tiếp xúc quá thân mật với người khác phái, dễ đánh mất phạm hạnh của mình.

Đức Thế Tôn chế giới không dâm dục là để giúp tu sĩ giữ tốt phạm hạnh. Thọ giới càng cao, Đức Phật nhắc nhở càng kỹ, kể cả nắm tay nắm áo cũng không được, vì sợ người tu sanh tâm nhiễm ô với người khác phái, làm chướng sự tu tập.

Người thấy đạo, sống được với đạo mới làm chủ được tâm, khi đó, tùy duyên mà làm.

Có một thiên sư, dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy một đệ tử sắp đọa vào bụng con bò cái, do lúc sống tu không tốt. Ngài khởi tâm thương xót muốn cứu đệ tử, nên đã xuất định, đi ra ngoài tìm người khác phái tính giao hợp để tạo nhân duyên cho đệ tử có cơ hội đầu thai làm người. Rất tiếc, Ngài thì lớn tuổi, lại gặp một cô gái trẻ, bị cô dẫn co quyết liệt nên ý định của Ngài không thành, người đệ tử rốt cuộc cũng thác sanh vào bụng con bò cái đang giao phối với con bò đực gần đó. Người không hiểu sẽ nghĩ rằng vị tu sĩ già này còn chưa dứt tâm dâm, có ý định phạm giới, thực ra các vị chỉ làm khi cần, không có tâm nhiễm ô.

Ngay cả các vị đã chứng ba quả vị trước là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm cũng có thể bị tâm dâm ảnh hưởng. Như tôn giả A-nan xuyết bị Ma-đăng-già làm mất giới thể.

Thế nên, chương này Đức Phật dạy người tu phải cẩn thận, đừng tin vào ý mình, rồi chủ quan tiếp cận thân mật với người khác phái.

Hiện nay, truyền thông phát triển mạnh, mạng xã hội chứa nhiều nội dung, hình ảnh không trong sáng, nếu mình chủ quan, tin tâm mình quá, rồi xem những nội dung, hình ảnh đó, có thể sẽ không làm chủ được tâm dâm, niệm dục dấy lên không kìm được, từ đó, đánh mất phạm hạnh của mình. Nên tiếp xúc với những điều thanh tịnh để tâm mình thanh tịnh, đừng tiếp xúc cái nhiễm nhơ sẽ khiến tâm mình sanh nhiễm nhơ.

## CHƯƠNG 29

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Hãy cẩn thận! Đừng nhìn nữ sắc, cũng đừng nói chuyện với họ. Nếu cần nói chuyện, hãy chánh tâm nhớ nghĩ: “Ta là bậc Sa-môn, ở trong đời ô trược này, phải như hoa sen không bị bùn lầy làm dơ bẩn.” Hãy tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, người nhỏ như em, đứa bé như con. Phải nên quán xét kỹ càng: Thân đó có gì đâu? Chỉ toàn mồ hôi, phân dơ, chứa đầy thứ bất tịnh. Trong lòng chỉ muốn độ họ giải thoát. Như thế mới diệt được ý ác.”**

**Giảng:**

Giả sử gặp người khác phái, vì đã ở thế gian thì không thể tránh được chuyện này, lúc đó phải quán tưởng: người ngang tuổi với cha (mẹ) mình, tưởng như cha (mẹ); ngang với anh (chị), tưởng như anh (chị); ngang với em trai (em gái), tưởng là em (em trai, em gái); ngang

với con cháu, tưởng là con cháu. Quán toàn thân này chỉ là đồ hôi tanh, dơ bẩn. Những người mình gặp đều đáng thương, chỉ một lòng sanh tâm độ thoát, chớ không sanh tâm nhiễm ô.

Người tu trong đời ác ngũ trược phải như hoa sen trong bùn, ở trong bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, chẳng nhiễm nhơ bởi bùn. Hoa sen cho đến cọng sen, dù ở trong bùn, khi lấy lên vẫn ăn được, vì nó không bị nhiễm. Bùn có thể đọng trong ngó sen, nhưng để vào nước sạch là trôi ra, tức nó không dính khăn vào đó, ngó sen vẫn sạch sẽ như thường.

Đức Phật muốn người tu cũng vậy, không cần lìa khỏi thế gian, ở ngay trong thế gian, nhưng không bị thế gian làm nhiễm, như hoa sen giữa bùn. Vì chạy khỏi thế gian, làm sao tu? Ra khỏi thế gian thì tu với ai, tu một mình sẽ rất khó biết được công phu mình tới đâu.

Đức Phật dạy đệ tử đi khát thực là để kết duyên với chúng sanh, để ra ngoài thế gian.

Ngài cũng không cho cất chứa, mỗi ngày đều phải khát thực, gặp đủ hạng người, ở trong đủ hoàn cảnh, mà vẫn giữ được tâm thanh tịnh, phải tu như vậy, hành như vậy. Đức Phật không dạy mình vào rừng sống một mình, ăn cây, ăn cỏ... mà dạy đi khát thực, tức có tiếp xúc với thế gian, gặp người thế gian, rồi sanh tâm độ thoát, chớ không để bị nhiễm nhơ. Sự giáo hóa của Đức Phật là vậy, không phải đóng cửa tu một mình.

## CHƯƠNG 30

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Người tu Đạo như mặc áo làm bằng cỏ khô, thấy lửa phải tránh. Người tu Đạo thấy sắc dục liền phải tránh xa.”**

**Giảng:**

Tưởng tượng mình đang mặc áo làm bằng cỏ khô, gặp lửa là bị tấp liền. Người tu muốn giữ gìn phạm hạnh phải tránh nữ sắc, tránh sắc dục, đừng để chuyện đó xảy ra, nếu không, sẽ ảnh hưởng tới sự tu tập của mình. Trừ trường hợp mình không phải là người xuất gia mà là người tại gia, nhưng người tại gia đối với chuyện này cũng phải hạn chế, nếu không hạn chế, kể cả thân người cũng khó có lại được.

## CHƯƠNG 31

**Chánh văn:**

Có vị Tỳ-kheo lo lòng dâm dục không dứt, nên muốn tự cắt đứt âm bộ mình. Phật dạy vị ấy rằng: “Cắt bỏ âm bộ đâu bằng đoạn tâm dâm dục. Tâm như quan công, quan nếu nghỉ việc, tùy tùng cũng đều nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, cắt âm bộ có ích gì?”

**Phật vì đó nói kệ:**

*Dục sanh từ ý ông,*

*Ý do tư tưởng sanh.*

*Ý, tâm đều vắng lặng,*

*Chẳng sắc cũng chẳng hành.*

**Phật nói: “Bài kệ này là do Đức Phật Ca Diếp nói.”**

**Giảng:**

Có vị Tỳ-kheo lo sợ lòng dâm quá mạnh, ham muốn không vượt qua được, nên có ý định

tự thiên. Đức Phật biết, đã ngăn cản và dạy rằng: Nếu tâm dâm không hết thì có thiên vẫn vậy.

Thời phong kiến, các hoạn quan đã bị thiên, nhưng vẫn làm chuyện nam nữ, vẫn sống như vợ chồng với cung nữ. Không làm được chuyện đó theo cách bình thường thì họ làm cách khác, đại khái là vẫn làm chuyện dâm dục.

Cho nên, Đức Phật nói đoạn âm bộ, tức cắt bỏ cái đó đi, nhưng nếu tâm dâm còn vẫn sẽ tìm cách để thỏa mãn, nên đâu có ích gì! Chỉ cần bỏ tâm dâm, không để nó chi phối, dù gặp người khác phái cũng không sao, vì bản thân bộ phận sinh dục không có lỗi, lỗi do tâm thôi. Nếu tâm không còn dâm, có âm bộ cũng đâu thành vấn đề. Như câu chuyện Ngài Liễu Hạ Huệ ôm cô gái trong lòng, do không tâm nhiễm như nên chẳng hề làm bậy.

Nên ở chương này, Đức Phật dạy quan trọng là ở tâm. Tâm ở đây cũng chính là ý, mà ý là từ tư tưởng sanh. Vì khởi tưởng nên mới sanh tâm. Nếu không khởi tưởng tà thì tâm

không sanh, tâm không sanh thì thân không làm.

Thế nên, Thanh quy không cho người tu đọc những sách về tà dâm, về tình ái, hoặc những chuyện thế gian. Vì nếu đọc, tư tưởng sẽ bị nhiễm, do đó dễ dàng phạm lỗi. Nhiều khi mình nghĩ, tôi chỉ đọc sách thôi, đâu có làm nên đâu có tội. Chưa có tội thật, nhưng nó gieo mầm mống vào tư tưởng mình, khi gặp duyên sẽ phạm.

Tại sao hiện giờ nhiều bé còn nhỏ mà đã biết làm chuyện đó? Bởi chúng đã xem những điều đó trên các hệ thống mạng xã hội, nên khi gặp là bộc phát. Nam nữ có xu hướng hút nhau, như điện âm và dương, gần gũi quá rất dễ xảy ra chuyện.

Thời đại bây giờ, tìm một người nam hay nữ còn giữ được trinh trắng trước khi cưới là rất hiếm, đa phần họ đã sống trước với nhau. Có những bé chưa đủ 16 tuổi mà đã sống như vợ

chồng với nhau. Do chúng tiếp xúc nhiều với những thứ ấy, nên gặp duyên sẽ sống như vậy.

Đức Phật dạy mình phải cẩn thận giữ tâm. Thay vì đọc những sách tà, hãy đọc những sách làm thanh tịnh tâm mình, nó giúp mình vượt qua được ham muốn này.

Đức Phật dẫn bài kệ dạy chúng của Đức Phật Ca Diếp:

***Dục sanh từ ý ông,***

***Ý do tư tưởng sanh.***

***Ý, tâm đều vắng lặng,***

***Chẳng sắc cũng chẳng hành.***

Hai câu cuối hơi cao. Nếu ngộ được ý hay tâm cũng đều là bản thể của mình, thì chẳng có cái gọi là sắc, cũng chẳng có cái gọi là hành, cả hai đều là pháp bên ngoài, chỉ là diệu dụng của tự tâm, thấy như có đó mà không có thật, không có chủ. Giả như không có tự thể tâm, mấy thứ đó cũng không tồn tại.

Trong kinh Duy Ma Cật, có hai vị Tỳ-kheo phạm giới dâm. Ngài Ưu-ba-ly theo luật kết tội diệt tẩn, không cho ở trong chúng. Hai vị rất buồn, và rất hối hận. Ngài Duy Ma Cật nghe chuyện bèn quở Tôn giả Ưu-ba-ly, làm vậy là chặn đường tu của người, vì tuy thân phạm tội mà tự tánh vẫn thanh tịnh, lúc đó vì bất giác nên phạm lỗi, khi đã biết lỗi quay đầu thì hãy để người ta có cơ hội sửa sai.

Đây là cái nhìn của Đại thừa, chỉ đánh giá trên tâm. Lỡ phạm lỗi, thành tâm sám hối, sau đó tự thanh tịnh trở lại, nên mới nói “tánh tội vốn không, do tâm tạo”. Tâm đây là tâm tướng, không phải bản tâm. Tánh tội không thật, chỉ do tư tưởng tạo nên, thân miệng tạo tội, chứ bản thân cái tội không có tánh, tức nó không có thật, do mình khởi tướng rồi nói hay làm, mới thành tội.

“Tâm nếu diệt rồi, tội sạch trong”, nếu tâm không còn những ý tưởng xấu nữa, tội tự nhiên dứt. Trước đó mình lỡ làm, sau biết lỗi và

buông tâm ấy đi, tội sẽ sạch trong, vì tánh tội vốn không thật.

“Tội trong, tâm diệt thấy đều không; Thế ấy mới là chân sám hối.” Khi nhận được tự tánh, sống trở lại được với tự tánh, biết các pháp bên ngoài chỉ là tướng huyễn. Tạo nhân ác phải chịu quả ác, nhưng nhân ác quả ác cũng chỉ là hình tướng bên ngoài, không ảnh hưởng đến tự tâm thực sự của mình. Cho nên, không vì mình lỡ tạo ác mà bị đoạn dứt tâm.

Có vị hỏi: Con trước khi biết đạo, phạm lỗi sát sanh rất nhiều, giờ có thể tu được không? Đương nhiên là được, Đức Phật từng nói: “Đồ tể buông đao liền thành Phật”. Đồ tể giết chết biết bao nhiêu người, vật, nhưng chỉ cần buông đao liền thành Phật, tức liền có thể tu chứng được. Người đã buông, đã quay trở lại, chắc chắn sẽ tu chứng được. Tuy nhiên như thế, quả ác vẫn phải chịu, vì nhân đã gieo thì quả phải trở, luật nhân quả không chừa một ai.

Tôn giả Angulimala, trước khi xuất gia đã giết 999 người, nếu không có Phật độ, có lẽ ông đã giết cả mẹ mình cho đủ số 1.000 người. Nhờ Phật hóa độ, Ngài xuất gia và đắc Thánh quả A-la-hán. Mỗi ngày đi khát thực đều bị người hành hạ đánh đập, thức ăn bữa có bữa không, lúc nào cũng trong tình trạng bị thương và ăn không đủ no. Đó là quả báo Ngài phải trả do lỗi giết người, dù đã đắc A-la-hán. Một hôm, trên đường, Ngài gặp một phụ nữ đang nguy kịch vì sinh khó; không biết làm sao, Ngài về Tinh xá thỉnh Phật trợ giúp, Đức Phật dạy Ngài đến nói với người phụ nữ rằng: “Từ ngày ta sanh ra đến nay, tâm luôn thanh tịnh, nguyện đem công đức này hồi hướng cho bà, mong bà được mẹ tròn con vuông.” Ngài vội thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước khi xuất gia, con là kẻ sát nhân, giết người vô số, đâu có thanh tịnh ạ.” Đức Phật bảo: “Ta nói sanh đây là sanh trong Phật pháp. Từ lúc tu đạo, ông luôn tinh cần tu tập, giữ tâm thanh tịnh, đã thành tựu được đạo quả giác ngộ. Đem công đức này hồi hướng cho họ, họ tự nhiên sẽ được bình

yên.” Ngài vâng lời Phật chỉ dạy, đem công đức tu hành của mình hồi hướng cho người phụ nữ ấy, lập tức bà sanh nở suôn sẻ, mẹ con đều bình an.

Ngài Angulimala tạo nhiều tội ác như vậy, mà thức tỉnh tu hành còn có thể thành tựu được tâm thanh tịnh, chứng được Thánh quả. Dù bị chửi mắng, đánh đập thường xuyên, nhưng đó chỉ là quả báo rất nhẹ so với nghiệp nhân mà Ngài đã tạo. Nghiệp của Ngài, lý ra phải đọa địa ngục chịu cực hình, sau còn phải lãnh dư báo khổ sở ở cõi quỷ, cõi súc sanh, cõi người nữa. Nhưng nay Ngài đã đắc A-la-hán, là thân cuối cùng chịu sanh tử, chỉ bị một chút quả đánh mắng, không được cúng dường khiến phải chịu đói lạnh mà thôi.

Thế nên, quan trọng là chúng ta có chịu tu, chịu chuyển nghiệp hay không, chớ không sợ không chuyển được nghiệp. Vì tất cả tội đều từ ý sanh, muốn dứt tội chỉ cần thanh tịnh ý, muốn thanh tịnh ý thì đừng huân tập tư tưởng

nhiễm tạp, xấu ác. Ở đây gọi ý là tâm là chỉ tâm vọng, không phải tâm chân. Tâm chân thì lúc nào cũng thanh tịnh, chưa từng nhiễm ô.

## CHƯƠNG 32

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Người do ái dục nên sanh lo, từ lo sanh sợ. Nếu lìa được ái dục, còn gì lo buồn, còn gì sợ hãi?”**

**Giảng:**

Ái dục là ái ngũ dục: Sắc, thanh, hương, vị, xúc (tế); hay tài, sắc, danh, thực, thù (thô). Do ái nên sanh lo, vì lo nên sợ. Ví dụ thương người thân cha mẹ, vợ con..., nên lo sợ mất họ. Đắm mê tài sản thì lo sợ mất tài sản. Thích danh vọng thì sợ mất danh vọng v.v... Mới đầu là lo, rồi càng lo càng sợ. Thế nên, sở dĩ có lo sợ là tại mình đắm thích, quý mến. Càng quý, càng thích thì càng sợ mất.

“Nếu lìa được ái dục, còn gì lo buồn, còn gì sợ hãi?” Như người tu đạo, không sợ mất gì cả, vì còn có gì đâu mà sợ mất. Người tu được gọi là “bố ma”, tức làm ma sợ, không phải sợ ma. Ma này là ma ngũ dục bên trong, không phải

ma quý bên ngoài. Người tu chân chánh đã buông bỏ tất cả, không còn ái nhiễm, không còn đắm thích, nên cũng không còn tâm sợ mất.

## CHƯƠNG 33

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Người tu đạo như một người chiến đấu với muôn người, mặc áo giáp ra ngoài thành, hoặc có ý khiếp nhược, hoặc nửa đường thoái lui, hoặc đánh nhau đến chết, hoặc đắc thắng mà về. Bậc Sa môn học đạo phải giữ vững tâm mình, mạnh mẽ tiến tới, chẳng sợ cảnh trước, đánh tan tất cả chúng ma, đắc thành đạo quả.”**

**Giảng:**

Đức Phật ví người tu giống như người mặc giáp ra trận. Áo giáp của tu sĩ Phật giáo là giới, định, tuệ. Chiến đấu với muôn người là chiến đấu với những cảnh thuận nghịch có thể ảnh hưởng tới đạo tâm mình.

Khi mặc giáp ra ngoài thành chiến đấu hoặc sanh tâm khiếp nhược, sợ hãi. Nghĩa là gặp cảnh liền dính, bị cảnh chuyển, bị cảnh dẫn đi.

Như ưu ái người khen mình, không thích người phê bình mình..., đó là đã sanh tâm phân biệt, đã khiếp nhược, đã thua. Người tu phải thương yêu bình đẳng, không có thương nhiều thương ít, càng không được ghét thù. Ngoài ra, khi mới xuất gia, bắt đầu học giới định tuệ, liền nói “chắc con giữ không được, thôi con hoàn tục, không tu nữa”, đó cũng là có ý khiếp nhược, vừa thấy khó là thoái tâm.

***Hoặc nửa đường thoái lui***, tu một thời gian thấy khó quá, không thấy tiến mà cứ bị cảnh chuyển, nên bỏ tu, trở ra đời.

***Hoặc đánh nhau đến chết***, nghe đánh nhau đến chết cũng hay, sao Đức Phật lại chê? Chết đây không phải là chết thân, mà là tu một thời gian rồi chết đạo tâm. Không phải ra đời, mà là không còn tâm đạo, không còn tha thiết tu hành, chỉ lững thững qua ngày, tu cầm chừng qua bữa.

***Hoặc đắc thắng mà về***, chỉ cho người cuối cùng đắc thắng khái hoàn, tức là người giữ

được trọn vẹn đạo tâm, thắng tất cả nội chướng ngoại ma, viên mãn công hạnh tu tập, thành tựu đạo quả cứu cánh.

Đức Phật hợp pháp lại: ***Bậc Sa-môn học đạo phải giữ vững tâm mình, mạnh mẽ tiến tới, chẳng sợ cảnh trước, đánh tan tất cả chúng ma, đắc thành đạo quả.*** Là người xuất gia học đạo phải giữ vững tâm đạo, giữ vững chí nguyện xuất gia ban đầu, mạnh mẽ tiến tới, không để thoái lui.

Có một Ni cô nhỏ tuổi, xuất gia một thời gian đã nói: “Khi chưa tu một lu nước mắt, tu rồi ba lu nước mắt”. Nghĩa là theo cô thì vô chùa còn phiền não nhiều hơn lúc ngoài đời, vì ở chùa phạm lỗi, bị quý sư lớn rầy dạy, chạm vào bản ngã nên khóc, ở ngoài đời được cha mẹ cưng chiều, đâu có rầy la, nên em mới nói như vậy. Nhưng thực ra, nghĩ như vậy, nói như vậy là không ổn. Người xuất gia tu hành chân chánh, khi được rầy dạy không hờn trách, vì biết các vị lớn do thương nên rầy, sợ những sai lầm đó sẽ

ảnh hưởng đến việc tu tập của mình nên cần ngăn, la rầy, không để mình tạo nghiệp chướng lành. Nếu hiểu những lời rầy dạy là giúp mình tiến thân trên đường đạo, thì dù những lời đó có trái tai đến đâu, mình cũng thấy vui. Vì mình còn ngã nên ai đặng tới là chịu không nổi, tâm sanh phiền não, nếu vượt qua được sẽ tiến bộ nhanh chóng, sau này không còn dễ khóc nữa. Cho nên, phiền não lúc mới tu cũng là chuyện bình thường. Người nào bị rầy không khóc là công phu đã khá lắm rồi.

Về vấn đề rầy la thì cũng tùy quan điểm của người Thầy, mà có sự nặng nhẹ khác nhau, nhưng đều là xuất phát từ tâm từ bi của người Thầy đối với đệ tử. Bản thân là người tu, dù gặp cảnh thuận hay nghịch đều phải mạnh mẽ tiến tới. Nếu gặp cảnh thuận, cũng phải luôn nhắc mình tu tiến; còn gặp cảnh nghịch, cũng phải ở trong đó mà tiến đạo, chứ không phải gặp cảnh nghịch thì thoái lui, gặp cảnh thuận thì buông lung. Có những vị gặp cảnh thuận tu rất tốt,

nhưng gặp cảnh nghịch tu không tốt và ngược lại.

Thế nên, nếu là người chân chánh tu đạo, gặp cảnh nào cũng tạo cho mình một đường tu tốt nhất. Gặp cảnh thuận thì nương sự thuận này để tu tốt hơn; còn gặp cảnh nghịch cũng cố gắng vượt lên, không để thối lui.

***Chẳng sợ cảnh trước***, tức cảnh thuận hay nghịch đều không sợ mới có thể vượt qua nào phiền mà đạt thành đạo quả.

Đây là những bài kinh dành cho người xuất gia. Trong 42 bài, phần lớn là dành cho người xuất gia. Có vài bài dành cho người tại gia, có những bài dành cho cả người xuất gia lẫn tại gia. Những bài Đức Phật gọi là “sa môn” thì chỉ dành cho người xuất gia, đòi hỏi cao hơn nhiều, mình cũng phải theo lời Phật dạy mà tu dũng mãnh hơn, tinh tấn hơn.

## CHƯƠNG 34

**Chánh văn:**

Có vị Sa-môn ban đêm tụng Kinh Di Giáo của Đức Phật Ca Diếp, tiếng nghe buồn thảm, ý nghĩ hối hận muốn từ bỏ.

Phật hỏi vị ấy rằng: “Lúc còn tại gia, ông từng làm việc gì?”

Thưa: “Con thích gảy đàn cầm.”

Phật hỏi: “Dây đàn chùn thì như thế nào?”

Thưa: “Không phát ra tiếng được.”

Phật hỏi: “Dây đàn căng thì như thế nào?”

Thưa: “Tiếng bị đứt đoạn.”

Phật hỏi: “Dây đàn vừa chùng, không chùng không căng thì như thế nào?”

Thưa: “Mọi âm điệu đều đầy đủ.”

**Phật dạy: “Bậc Sa-môn học Đạo cũng thế. Tâm nếu điều hòa chừng mực thì Đạo có thể được. Tu Đạo nếu vội gáp thì thân sẽ mỏi mệt. Thân nếu mỏi mệt thì ý sẽ sanh buồn bực. Ý nếu sanh buồn bực thì sự tu hành sẽ thoái lui. Sự tu hành thoái lui thì tội thêm lớn. Chỉ có thanh tịnh an lạc thì Đạo mới không mất.”**

**Giảng:**

Có vị Sa-môn rất ham tu, mong muốn làm sao sớm chứng quả A-la-hán, nên tu ngày tu đêm, tu rất quyết liệt, nhưng dụng công một thời gian vẫn không có kết quả, thế là thầy sanh tâm chán nản, không biết mình tu có đúng không, cảm thấy đường phía trước mịt mờ, không sáng ra được, không thể nhận được chân lý. Nên khi tụng Kinh Di Giáo của Đức Phật Ca Diếp, thầy phát ra giọng tụng buồn bã, không có sinh khí.

Thường thì vị Phật sau sẽ có Kinh Di Giáo của vị Phật trước, và dạy lại cho đệ tử. Ví

dụ như Đức Phật Thích Ca nói lại Kinh Di Giáo của Đức Phật Ca Diếp, đến Đức Phật Di Lạc có thể sẽ nói lại Kinh Di Giáo của Đức Phật Thích Ca. Vì vị Phật đang hiện giáo hóa thì không có kinh Di Giáo. Cũng vậy, thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế, chưa có Kinh Di Giáo, vì Ngài chưa để lại lời di chúc. Di giáo là lời dạy để lại trước khi mất, mà Ngài chưa đến giai đoạn đó, nên chưa để lại lời dạy. Ngài mượn lời dạy của những vị Phật trước để dạy cho đệ tử mình. Đức Phật Ca Diếp là vị Phật trước Đức Phật Thích Ca.

Vị Tỳ-kheo do tâm đã sinh chán nên tụng kinh tiếng nghe buồn bã. Người tu nếu có niềm vui trong đạo sẽ rất thích công phu, siêng tụng kinh, ngồi thiền. Ngược lại, chỉ vì sợ bị rầy mới tu, thời khóa lúc này sẽ giống như một sự ràng buộc, thậm chí là cả một cực hình. Vị Tỳ-kheo này tụng kinh mà không vui vì không tìm được niềm vui đạo. Không phải thầy không siêng tu, ông vốn rất siêng tu, tu ngày tu đêm, tu đến mỗi

mệt, nhưng do vẫn không thấy được đạo, nên mới sanh tâm chán. Đức Phật biết được, nên hỏi về sở thích của thầy khi còn ở tại gia. Thực sự, Đức Phật đã biết xưa ông thích đánh đàn, nên muốn dựa vào đó để chỉ dạy ông.

Nhạc sĩ trước khi chơi đàn thường chỉnh dây đàn. Nếu chỉnh dây đàn chùn quá thì đàn sẽ không phát ra tiếng, còn nếu chỉnh căng quá thì khi đánh lên, tiếng sẽ chát hoặc dây đàn sẽ đứt, nên họ sẽ chỉnh làm sao để tiếng phát ra vừa vặn, âm điệu đầy đủ, muốn âm điệu nào sẽ ra âm điệu đó, nghĩa là họ sẽ chỉnh dây đàn chừng mực. Đức Phật lấy việc chỉnh dây đàn để dạy vị Tỳ-kheo này. Do lỗi vị Tỳ-kheo này khi tu gấp gáp, muốn sớm đắc đạo, ham nhanh đắc đạo, tu ngày tu đêm, tu vội gáp, làm cho thân mỗi mệt, vì thân mỗi mệt nên dễ sanh tâm chán nản. Đức Phật dạy người tu đúng là tâm phải điều hòa, tu chừng mực, không vội gáp cũng không buông lung.

Nhà thiền có câu “tâm bình thường là đạo”, đừng bao giờ đặt mục tiêu quá cao khiến mình không làm được. Như có nhiều vị vô thất phát nguyện, tu tới chừng nào đắc đạo mới ra, nhưng vô ngòi hoài trong thất, mãi cũng chẳng đắc đạo, năm này qua năm khác, mười năm, hai chục năm, đạo không thấy mà càng ngày càng thấy chán, tu mãi chẳng thấy đạo, mà ra thì mắc cỡ với huynh đệ, vì lỡ tuyên bố mạnh mẽ rồi, thế là ở trong thất luôn. Mình không thể biết căn cơ mình thế nào, nếu bắt chước những vị căn cơ cao, nghe các vị tu 7 ngày, hay một tháng đắc đạo, mình cũng bắt chước phát nguyện theo, cố gắng tu quyết liệt, mà căn cơ không tới, dẫn đến dù cố gắng mấy cũng không thấy đạo được, thế là sanh tâm chán nản, phiền não.

Chư Tổ thường dạy theo thời tiết nhân duyên. Cứ dụng công, cứ tập sống trở lại với tự tâm, còn lúc nào thể nhập được thì cứ để nó tự nhiên. Nếu tập khí nhiều sẽ lâu thể nhập, còn tập khí ít thì mau thể nhập, vậy thôi, đừng đặt

ra mục tiêu này nọ rồi không làm được. Đừng vì mục tiêu rồi tu gấp gáp, thức ngày thức đêm, quên ăn quên ngủ, đến khi không được thì trở nên buồn bực.

Ở đây Đức Phật dạy, nếu mỗi mệt quá sẽ sanh buồn bực, mà buồn bực thì sẽ thoái lui, không còn muốn tu nữa, mà không muốn tu nữa thì tội thêm lớn. Tội ở đâu ra? Từ tâm ra, vì tâm bắt đầu chán, bắt đầu nghi ngờ đạo, nghi ngờ Thầy hướng dẫn, nghi ngờ pháp Phật dạy v.v... Có những tâm nghi ngờ như vậy là tội sanh, ở đây không phải tạo ác nghiệp thành tội. Chính vì nghi ngờ pháp tu mà tội sanh, tâm nghi làm cho mình không thể vào đạo. Chẳng những vậy còn thoái lui, không còn muốn tu, thậm chí quay trở lại mắng Thầy, khinh đạo, tạo thành tội lớn.

Có nhiều vị khi làm cư sĩ rất thân tượng người tu, đến khi xuất gia vào chùa chứng kiến đủ chuyện không như ý, như huynh đệ ganh tỵ, gây gổ, chia bè phái v.v... Thế là bắt đầu chán

nản, thất vọng. Vì trước đó thần tượng, nghĩ người tu rất thánh, rất hiền, luôn từ bi, hòa nhã... Ai ngờ, giờ thấy người tu cũng còn phạm phu, sanh tâm khinh mạn, chán ghét, rồi bỏ đạo ra đời. Thậm chí không trở lại chùa, không còn trọng người tu, cho rằng tại những người khác không biết nên mới kính trọng, cúng dường người tu, còn mình ở trong đó ra, biết quá rõ nên không cúng dường nữa, thậm chí còn nói xấu, cản người khác cúng dường. Tâm mình trở nên như vậy đấy, và tội thêm lớn là như vậy.

Thật ra, bởi chưa hiểu được giá trị của sự tu hành nên mới lầm tưởng như vậy. Nếu thấu được, mình sẽ ưa thích sự tu, và khi tu, không đặt khuôn khổ cho mình, cũng không áp đặt khuôn thước cho người. Vì khi đặt một khuôn mẫu là mình tự trói buộc, rồi trói buộc người khác, vô tình tự tạo tội cho chính mình. Vì khi bất mãn, khinh rẻ, mắng chửi người... là đang tạo nhân xấu, vốn dĩ mình chỉ thấy được tướng bên ngoài của người, đâu thể biết được tâm bên

trong của họ. Mình có thể nghe được lời người nói là lành hay dữ, thấy việc người làm là thiện hay ác, nhưng không thể đọc được tâm người ta đang nghĩ gì. Nên đánh giá một người là thiện hay ác qua lời nói hay hành động là chưa đủ chính xác. Nhất là công phu bên trong của một người tu càng rất khó lường. Giả sử mình khinh mạn nhằm một bậc đại thiện tri thức thì sẽ chiêu tội rất lớn.

Có một Thiền sư làm Hóa chủ một phương, học chúng rất đông. Một hôm, nhân đám giỗ cha, Ngài thết tiệc đãi chúng, bàn tiệc ê hề rượu thịt, Ngài mời chúng và ăn ngon lành. 500 chúng thất vọng bỏ đi gần hết, chỉ có 5 vị còn ở lại, các vị này đặt lòng tin vững chắc vào Thầy, cho rằng Thầy làm vậy ắt có lý do. Năm vị này sau được Thiền sư kề cận chỉ bảo đều sáng đạo và đều trở thành hóa chủ một phương.

Thiền sư thấy chúng đi gần hết, vui vẻ cười nói:- Chỉ tốn một bữa rượu thịt mà đuổi được mấy trăm người vô tích sự. Sở dĩ Ngài làm

vậy vì muốn xem học chúng có đủ lòng tin với mình không. Nếu không đủ lòng tin với Thầy, chỉ do danh tiếng mà đến thì khi Thầy có những hành động phá cách sẽ sanh tâm nghi ngờ. Và rõ ràng, việc làm của Ngài đã kiểm chứng được lòng tin của học chúng.

Do đó, thấy một người làm việc ác thì chưa chắc là người đó ác. Không nên đánh giá một người là thiện hay ác qua hành động hay lời nói, vì sẽ không chắc chính xác. Tốt hơn hết là chỉ nên tự biết mình, tự kiểm soát mình, không để tâm sanh ác niệm, nhiễm ô.

Đức Phật Câu Lưu Tôn dạy:

*Thí như ong hút hoa,*

*Không hoại sắc và hương,*

*Chỉ lấy nhụy rồi đi,*

*Tỳ-kheo vào làng xóm,*

*Không chông trái việc người,*

*Chẳng xem làm, không làm,*

*Chỉ xét nơi hạnh mình,*

*Hoặc chánh hay không chánh.*

Khi tiếp xúc với người, đừng quan tâm người tốt hay xấu, chỉ cần biết mình tốt hay xấu thôi. Mình có hoàn hảo không, cần phải tu thế nào, sửa mình thế nào..., còn người ta thế nào đừng quan tâm, vì mình cũng không thể biết được.

Cũng không nên lệ thuộc mục tiêu hay khuôn khổ do mình đặt ra, rồi trở nên cứng nhắc, cực đoan, không quan tâm tới người khác. Ví dụ mình quy định giờ đó đi tụng kinh, nhưng đến đúng giờ đó, lại có người cần mình giúp, mình từ chối nói:- Giờ này tôi đi tụng kinh, không rảnh phụ quý vị. Vậy là vô tình mình đã làm trái lời Phật dạy. Tụng kinh để nhắc lại lời Phật dạy, để làm theo. Mà Phật dạy những gì? Dạy thương chúng sanh, dạy buông bỏ chấp ngã, chấp trước, mà bây giờ chúng sanh cần giúp, mình không giúp, vì mình chấp vào giờ tụng kinh. Đó là mình đã làm sai lời Phật dạy, tự đưa

mình vào khuôn, đóng kín trong đó, không ra được.

Cho nên, đừng bao giờ buộc mình phải làm theo mục tiêu hay khuôn khổ nào đó, để đến khi làm không được thì đâm ra chán nản, thoái lui; hoặc thấy ai vượt ra ngoài khuôn khổ hay vi phạm khuôn khổ thì phê bình, phản bác, phỉ báng; nhất là đánh mất lòng tin vào Đạo. Đó chính là cái tội rất lớn mà mình thường không nhận ra.

Hãy giữ tâm bình thường, tu theo sức mình, theo căn cơ mình, đừng thấy người ta làm rồi bắt chước, không lượng sức mình. Như bắt chước ăn một bữa, ngủ ngòì v.v... để rồi vài ngày sau ngã bệnh, hết tu. Mình học những điều có thể làm được, những cái không làm nổi thì thôi, theo sức mình mà sắp xếp việc tu học phù hợp, như vậy mới dễ vào đạo.

Sử dụng thân như dùng trâu, trâu giúp mình cày ruộng, chở nặng..., mình phải dùng đúng sức của nó. Nếu sức nó chỉ chở được 50 ký

mà mình bắt nó chờ 100 ký, làm sao nó chịu nổi. Thân mình cũng vậy, sức nó chỉ có thể dụng công tới đó mà mình bắt nó thức ngày thức đêm, hay đang đau khớp mà mình bắt nó lể lạy hoài, làm sao nó chịu nổi. Sức thân tới đâu mình dụng công tới đó, thân giúp mình sống với đạo, chớ tự nó không phải là đạo, không thể ép buộc nó. Thân là chỗ tự tánh phát diệu dụng, nương thân để nhận được tự tánh, trở lại sống với tự tâm. Lúc nào ánh sáng của chân tâm cũng hiển hiện, nên không cần thiết phải ép ngặt thân thái quá khiến nó mỏi mệt, rồi sanh chán nản. Đó là mình tu ngọn, không phải tu gốc.

Tu gốc là tu ở tâm, quay về tâm mà tu. Có vị ngồi thiền rất nhiều nhưng chẳng được bao nhiêu công phu; có vị chẳng hề ngồi thiền, cả ngày lang thang đi chơi mà lại đang sống đạo, vì vị này tu đúng, tu ngay tâm, không hạn chế nó ở một tướng ngồi. Lúc nào cũng nhớ sống lại với bản tâm, làm việc gì là tâm ở ngay việc đó, mọi thi vi vận động của thân đều do tâm hiển

dụng. Nói nín động tịnh, tới lui đi đứng... đều do tự tâm phát ra. Nếu không có tự tánh, đâu thể nói được, lưỡi không làm nên tiếng nói, thử cắt lưỡi ra khỏi thân xem nó có nói được không? Nếu thân tứ đại này không có thức tâm, không có tánh linh giác, nó sẽ không thể làm gì được, chỉ là cái xác chết mà thôi.

Thế nên, tu là phải nhận ra thân này chỉ là chỗ tự tánh hiển dụng, dùng nó một cách phù hợp, đừng ép thân thái quá, đương nhiên cũng không nên buông thả, đây mới là cái nhìn chân chánh. Luôn giữ tâm bình thường như các Thiền sư dạy: “Tâm bình thường là đạo”. Và như chương này Đức Phật dạy: Chỉ có tâm thanh tịnh an lạc thì đạo mới không mất.

## CHƯƠNG 35

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “ Như người rèn sắt, loại bỏ cặn bã làm thành đồ dùng tốt đẹp. Người học Đạo nếu loại bỏ tâm cấu nhiễm thì hạnh liền trong sạch.”**

**Giảng:**

Cặn sắt không phải là sắt, loại bỏ hết mới trở thành loại sắt tốt. Tâm mình cũng vậy, những thứ cấu bẩn trong tâm không phải là tâm, nên phải loại bỏ đi. Nếu nó thực là mình thì không bỏ được, bỏ được tức không phải mình. Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật dạy 8 chỗ trả về: Ánh sáng trả về cho mặt trời, bút trả về cho vách tường, trống rỗng trả về cho hư không v.v... Nhưng có cái không thể trả về. Như khi đánh chuông vang ra tiếng, tiếng đó trả về chuông, còn tánh nghe trả đi đâu? Tánh nghe là chính mình nên không thể trả ra ngoài. Sống trở

lại chính mình là sống lại với cái không thể trả về, không thể bỏ ra đó.

Những phiền não tham, sân, si... là cấu nhiễm trong tâm, không phải tâm thật nên có thể bỏ được. Khi bỏ hết phiền não là sống được trọn vẹn với tâm chân thật. Tuy lúc nào tự tánh cũng hiển dụng qua sáu căn, nhưng vì bị cấu nhiễm phiền não che đậy khiến mình quên mất, không sống trở lại được. Bỏ hết cấu nhiễm, tâm trong sạch sáng suốt tự lộ rõ.

Tôn giả Xá-lợi-phất có một đệ tử Sa-di 7 tuổi, rất lanh lợi. Một hôm, chú theo Thầy đi khát thực, trên đường gặp một người thợ uốn tên, chú hỏi:- Bạch Thầy, ông này đang làm gì? Tôn giả bảo:- Ông ta đang uốn cây cho thẳng để làm tên. Lại gặp một người đang đào mương làm đê, chú lại hỏi như trước. Tôn giả bảo:- Ông ta đang đào mương để dẫn nước vào ruộng. Gặp người đang làm bánh xe, chú cũng hỏi. Tôn giả bảo:- Ông ta đang rèn sắt uốn thành bánh xe. Thế là chú nghĩ: “Cây vô tri mà người ta có thể

uốn cho nó thẳng thành tên, nước vô tri mà người ta có thể làm cho nó chảy theo ý muốn, sắt vô tri mà người ta có thể làm thành tròn. Tâm ta hữu tri, tại sao ta lại không thể uốn nó theo ý ta?” Nghĩ rồi, chú thưa với tôn giả:- Bạch Thầy, con không đi khất thực nữa, con trở về tinh xá dụng công, Thầy sẵn xin thức ăn về cho con.” Thế là chú trở về tinh xá tọa thiền, quyết tâm điều phục tâm mình, những gì dư bản buông bỏ hết. Cứ thế chú dụng công đến trưa, tâm dần dần thanh tịnh. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất đi khất thực về, đem cho chú Sa-di một phần cơm, định đến phòng chú, nhưng lúc này, chú đang dụng công đến chỗ trọng yếu, sắp phá vỡ bóng tối vô minh, đạt quả rất ráo, nếu Tôn giả đến gõ cửa, công phu của chú sẽ bị dang dở, không thể chứng đắc Thánh quả. Đức Thế Tôn đang tọa thiền trong hương thất, biết được tình huống này, Ngài liền xả thiền đi ra cổng Tinh xá, chặn Tôn giả lại hỏi chuyện. Đồng thời, Tứ Thiên Vương biết được ý Phật cũng dùng thần lực ngăn mặt trời không cho nghiêng về tây, để

chú Sa-di sau khi chứng quả có thể thọ trai mà không bị phạm luật.

Khi chú Sa-di chứng quả A-la-hán, Đức Phật trở về hương thất, Tôn giả đem cơm đến cho đệ tử, chú thọ trai xong, Tứ Thiên Vương thân thân lục, mặt trời lập tức nghiêng nhanh về hướng tây, phút chốc bước qua giờ chiều. Chư Tỳ-kheo ngạc nhiên, bàn tán không thôi, Đức Phật giải thích: “Vì một Sa-di phát tâm quyết đoạn cấu bần, điều phục tâm mình, mà Như Lai phải rời hương thất để giữ cho chú không bị quấy rầy, Tứ Thiên Vương phải chặn mặt trời để chú có thể thọ trai.”

Thế nên, những vị phát tâm tu hành chân chánh sẽ làm chấn động chư tôn trưởng thượng và sẽ nhận được sự gia trì của quý Ngài.

Qua đây có thể thấy, những thứ không phải mình đều có thể bỏ được. Người thế gian không biết nên bỏ không được đã đành, chúng ta học Phật đều biết phiền não tham, sân, si... vốn không phải mình, tại sao vẫn không bỏ

được? Vì mình vẫn còn chấp ngã quá sâu, dù biết tham sân... là những thứ hại mình, khiến tâm mình không thanh tịnh, mà vẫn không chịu quyết tâm buông bỏ.

Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật có quở rằng: Người thế gian không biết, bị dục lạc chi phối, nổi sân còn có thể tha thứ. Người xuất gia đã buông bỏ tất cả mà còn nổi sân, giống như bầu trời đang trong sáng mà nổi sấm sét, là báo hiệu điềm dữ. Người tu mà còn nổi sân là điềm chẳng lành. Vì người tu là người hiểu đạo, biết tham sân... không thật, là thứ hại mình, phải buông bỏ đi. Nếu bỏ không được là điều không tốt, là điềm rất xấu.

## CHƯƠNG 36

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Ra khỏi ác đạo được làm người là khó. Đã được làm người, bỏ thân nữ được thân nam là khó. Đã được làm người nam mà sáu căn đầy đủ là khó. Sáu căn đã đủ mà được sanh ở trung tâm đất nước là khó. Đã được sanh ở trung tâm đất nước mà gặp được Phật ra đời là khó. Đã gặp được Phật ra đời mà gặp được người tu đạo là khó. Đã gặp được người tu đạo mà phát khởi tín tâm là khó. Đã phát khởi tín tâm mà phát tâm Bồ-đề là khó. Đã phát tâm Bồ-đề mà đạt đến chỗ Vô Tu, Vô Chứng là khó.”**

**Giảng:**

Ở chương 13, Phật dạy 20 điều khó. Đó là những cái khó nói chung ngoài thế gian, còn những điều khó tăng dần ở chương này là những điều khó đối với người tu đạo.

***Ra khỏi ác đạo được làm người là khó.***

Khi đọa vào địa ngục, ngã quý, súc sanh mà trở lại được làm người là rất khó. Vì ba cõi đó khổ đau nên không tu được, phải thọ khổ đến khi trả hết nghiệp mới được sanh lên, thậm chí khi thế giới này tan hoại, nếu vẫn còn nghiệp thì những tội nhân ở địa ngục, sẽ dời qua một thế giới khác tiếp tục thọ hình, đợi đến khi thế giới này hình thành trở lại, sẽ quay trở về. Để thấy, kể cả thế giới vào kiếp hoại cũng không chắc có thể ra khỏi địa ngục.

Thời gian để chúng sanh trả hết nghiệp trong ba cõi dữ là rất lâu. Trừ trường hợp có thân nhân giúp làm công đức hoặc hồi hướng công đức cho thì họ mới có thể sớm tiêu nghiệp, hoặc bản thân họ thức tỉnh, thành tâm sám hối. Nhưng việc tự thức tỉnh là rất khó, bởi những cõi đó luôn phải chịu đau khổ, muốn niệm một danh hiệu Phật cũng khó. Ở địa ngục, ngã quý phải bị hành hạ liên tục, quá đau đớn, hoặc quá

đói khát, không còn tâm trí để niệm. Còn ở súc sanh thì bị ngu mê che đậy, cũng không thể tu.

Cho nên được trở lại làm người là cả một việc khó, trả hết nợ dưới địa ngục, nếu còn dư báo sẽ tiếp tục thọ khổ ở ngạ quỷ, hết kiếp ngạ quỷ cũng chưa chắc lên làm người, có thể phải đọa làm súc sanh một hoặc nhiều kiếp để trả tiếp phần dư còn lại. Nên nói từ ba cõi dữ mà trở lại làm người là rất lâu, rất khó. Điều này Đức Phật dạy rất kỹ trong kinh Lăng Nghiêm.

***Đã được làm người, bỏ thân nữ được thân nam là khó.***

Theo nhân quả, thân nam thù thắng hơn, phước báo hơn thân nữ. Khi người nam tạo tội, sẽ mất thân nam làm thân nữ; còn người nữ tạo phúc, sẽ bỏ thân nữ làm thân nam. Người xưa trọng nam khinh nữ, thậm chí còn cho rằng: “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” (sanh một trai cũng xem là có, đẻ 10 gái cũng kể là không). Điều này không phải không có lý do. Thời nay, tuy nêu quan điểm nam nữ bình đẳng, cái gì

nam làm được thì nữ cũng làm được, nhưng nhìn thực tế, nam luôn thành công hơn nữ. Trên trường chính trị, quan nam nhiều hơn quan nữ; trên thương trường, đại gia nam chiếm số đông... Và rất nhiều lĩnh vực khác cũng vậy. Không phải xã hội phân biệt đối xử, mà vì khả năng người nữ thực sự không bằng người nam. Ai cũng có quyền ra ứng cử, cũng có quyền kinh doanh..., nhưng người nam thành công nhiều hơn. Đó là vì phúc báo của người nữ không bằng người nam, nhân quả vận hành như vậy, chớ không phải có ai áp đặt.

Tuy nhiên, không phải tất cả những người mang thân nam đều do phúc, mang thân nữ đều do tội. Có trường hợp mang thân nữ không phải do tạo ác nghiệp, hay thiếu phúc báo mà do thệ nguyện. Như các vị Bồ-tát nguyện làm nữ để độ nữ. Hoặc có vị thích làm nữ vì tướng nữ đẹp, quyến rũ. Bồ-tát Quán Thế Âm tùy duyên mà hiện hình tướng khác nhau, hoặc nam hoặc nữ. Nhưng ở Trung Quốc hay Việt

Nam thì thường thờ Ngài ở tướng nữ. Vì tướng nữ là tướng của mẹ, mà mẹ thì thương và gần gũi con hơn cha. Dân Việt Nam ta thích gọi đức Quán Âm là mẹ Quán Âm hay Phật bà Quán Âm. Thế nên, trên nhân quả thông thường thì tướng nam thù thắng hơn tướng nữ, nên có phước mới được làm nam, nhưng trên nguyện lực hay sở thích thì không nhất định, bởi nguyện lực hay sở thích cũng ảnh hưởng đến sự vận hành của nhân quả.

***Đã được làm người nam mà sáu căn đầy đủ là khó.***

Đã có phúc được làm thân nam hay thân nữ mà có được sáu căn đầy đủ cũng không phải dễ. Như có những người rất đẹp nhưng bị câm điếc hay mù lòa...

***Sáu căn đã đủ mà sanh ở trung tâm đất nước là khó.***

Trung tâm đất nước là chỉ những chỗ thành thị phồn hoa, văn hóa, kinh tế, xã hội...

phát triển. Tuy được làm người, sáu căn đầy đủ, nhưng được sanh ở thành thị cũng là rất khó. Như tỉnh Long An đây, có nhiều nơi là vùng sâu vùng xa, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội... đều không bằng thành thị.

***Đã sanh ở trung tâm đất nước mà gặp được Phật ra đời là khó.***

Tuy sanh ở thành thị, nhưng sanh trong thời Phật ra đời là rất khó. Chúng ta hiện nay tuy không sanh trong thời Đức Phật còn tại thế, nhưng vẫn đang ở trong thời kỳ giáo hóa của Đức Phật Thích Ca, nên cũng tạm gọi là sanh trong thời Phật. Thời giáo hóa của Đức Bổn sư, Chánh pháp 500 năm, Tượng pháp 1.000 năm, Mạt pháp 10.000 năm; tổng cộng là 11.500. Bây giờ đã hơn hai ngàn năm trăm năm, còn khoảng tám ngàn mấy trăm năm nữa mới hết thời giáo hóa của Phật Thích Ca. Nếu chúng ta sanh vào thời điểm đó cũng là không có Phật. Kể ra thời có Phật là rất ít ỏi so với tuổi thọ của trái đất.

***Đã gặp được Phật mà gặp được người tu đạo là khó.***

Tại sao? Vì tuy chúng ta sanh trong thời Phật pháp còn ở thế gian, nhưng nếu sanh trong quốc gia hay những vùng không có Phật giáo cũng không gặp được đệ tử Phật. Hơn nữa, người tu đạo ở đây là chỉ người tu chân chánh, có công phu thật, có sự chứng nghiệm, không phải chỉ chung người cạo đầu. Gặp được người như vậy là rất khó.

***Đã gặp người tu đạo mà phát khởi tín tâm là khó.***

Gặp được người tu chân chánh rồi mà phát khởi được lòng tin với vị đó, nương vị đó tu học là rất khó.

***Đã phát khởi tín tâm mà phát tâm Bồ-đề là khó.***

Phát tâm Bồ-đề là dám nhận mình có Phật tánh, quay về tự tâm, hướng đến đạo Vô thượng Bồ-đề. Tin mình là Phật sẽ thành, quay

trở về tu làm sao để thành Phật như Phật không khác. Đây là điều rất khó.

Nhiều vị tuy tu, gặp được Thiện tri thức chỉ dạy, nhưng không dám nghĩ mình sẽ là Phật, không dám nhận mình cũng sẽ thành Phật như Phật, chỉ nhận làm nô tỳ của Phật thôi. Hoặc tu chỉ mong đời sau bớt khổ, được sanh làm người có phúc báo, hoặc sanh lên trời hưởng phước, hoặc sanh về cõi Phật nương Phật tu hành v.v... Tức là chỉ dám phát những lời nguyện nhỏ nhoi, không dám phát nguyện mạnh mẽ.

Cho nên, gặp được Thầy giỏi, phát được lòng tin, nhưng dám nhận mình sẽ thành Phật, có chủng tử Phật, chịu quay trở về sống với tự tâm, không tìm cầu bên ngoài là rất khó.

Trong Mười bức tranh chẵn trâu của Thiền tông, bức tranh đầu tiên “Tìm trâu” mang ý nghĩa bắt đầu chấp nhận mình có Phật tánh, và tìm phương cách “kiến tánh”. Điều này không phải dễ, bởi không phải ai cũng chịu tìm

trâu, chịu quay về nhận lấy tự tánh mình, nên Đức Phật mới nói: “Phát tâm Bồ-đề là khó”.

***Đã phát tâm Bồ-đề mà đạt đến chỗ vô tu vô chứng là khó.***

Biết mình có tâm thanh tịnh sẵn đó, và muốn quay trở lại sống với nó, nhưng để thể nhập được tự tâm, sống hoàn toàn với tự tâm là rất khó. Vô tu vô chứng là chỉ giai đoạn hoàn toàn thể nhập tự tâm.

Nhiều vị nhận được nhưng không sống được, vì tập khí quá nhiều lại không đủ can đảm buông. Biết tham sân si không phải mình mà vẫn không bỏ được, cho đến mạng chung vẫn không sống được với chỗ thanh tịnh đó.

Biết bao chư Tổ ra đời, giáo hóa độ sanh vô số, nhưng số vị nhận được tâm ấn lại không bao nhiêu. Như Mã Tổ được xem là vị giáo hóa thành công nhất, vậy mà cũng chỉ có 81 đệ tử sống được với tự tâm. Các vị tổ sư khác còn ít hơn. Cho nên, tin là một lẽ, mà sống được hay không là lẽ khác, rồi sống được hoàn toàn hay

không lại là một lẽ khác nữa. Việc này thật sự không đơn giản, nên nói khó là vậy.

Chương này nêu những cái khó tăng dần: Đầu tiên là được làm người; kế là làm người nam; sau đó sáu căn đầy đủ; tiếp là ở trung tâm đất nước được học hành đàng hoàng; rồi được ở trong thời giáo hóa của Đức Phật, gặp được chánh pháp, gặp người tu chân chánh, tu theo chánh pháp. Những cái khó tới đây mình đều đã được. Giờ chỉ còn hai cái khó cuối cùng là có dám tin mình có Phật tánh hay không, dám nhận và sống trở lại với tánh thật của mình hay không? Nếu mình dám, dần dần cũng sẽ thành tựu được cái cuối cùng là vô tu vô chứng.

Thật ra, sống trở lại với tâm mình rất đơn giản, rất dễ. Chỉ khó là vì mình không đủ can đảm chặt đứt những thói quen đã huân tập. Như người nghiện ma túy vẫn biết ma túy làm khổ mình, gây nhiều tác hại nghiêm trọng, nhưng khi muốn cai lại bị hành quá, họ không chịu nổi nên không cai được. Nếu người quyết

tâm, ý chí mạnh mẽ thì sẽ làm được, họ phải trải qua đau đớn, vất vả kéo dài 7 ngày 10 ngày, vượt qua được là cai thành công, không còn nghiện nữa.

Việc tu cũng vậy, đi ngược lại thói quen chấp ngã, ái ngã là rất khó. Những cái không vừa ý, những cái khó chịu mà mình chịu được, buông được, tự nhiên sẽ thể nhập được tự tâm. Muốn được vậy phải dụng công dững mãnh, nhưng dững mãnh này là dững mãnh trong tự tâm, không đòi hỏi mình phải ngày đêm dụng công tụng kinh, lễ Phật, tọa thiền..., đến bỏ ăn bỏ ngủ, hành hạ xác thân. Bởi dù có hành xác đến mấy mà tham sân không buông được cũng không gọi là dững mãnh. Dững mãnh phải là đủ dững lực buông được tham sân phiền não, buông được ái ngã chấp ngã, những thói quen đã huân tập nhiều kiếp của mình.

## CHƯƠNG 37

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Phật tử xa Ta ngàn dặm mà thường nghĩ nhớ giới luật của Ta thì ắt được Đạo quả. Còn ở bên trái phải của Ta, tuy thường thấy Ta nhưng không nương theo giới luật của Ta thì rốt cuộc cũng sẽ không đắc Đạo được.”**

**Giảng:**

Chữ Phật tử ở đây không phải chỉ riêng những vị cư sĩ chưa xuất gia, chỉ mới thọ tam quy ngũ giới, mà là chỉ chung đệ tử Phật, cả tại gia và xuất gia.

Nếu thực sự là đệ tử Phật, dù ở cách xa Ngài cũng phải thường nghĩ nhớ giới luật của Ngài. Cần chú ý giới luật ở đây không phải chỉ là những giới luật, quy định của Phật, mà là tất cả những lời dạy của Phật, đều phải được ghi nhớ và vâng làm theo. Nếu được như vậy thì dù ở xa cũng như ở bên cạnh Ngài. Còn nếu ở sát

bên cạnh mà không vâng lời Ngài thì cũng không phải là đệ tử chân chánh của Ngài, không thể đắc đạo được.

Khi Đức Phật giáo hóa ở cõi trời Đao Lợi trở về, đệ tử cung đón rất đông. Ngài Liên Hoa Sắc, vị đệ nhất thần thông bên Ni, muốn là người đón Phật trước tiên nên đã hóa làm Vua Chuyển Luân Thánh Vương tiền hô hậu ủng, mở đường cho Ngài lên trước. Thế là Ngài trở thành vị đầu tiên đón Phật. Sau khi đánh lễ Phật xong, Ngài vui vẻ thưa: “Con đón Thế Tôn trước hết”. Đức Như Lai phủ nhận, nói: “Con không phải là người đầu tiên đón Ta, mà là Tu-bồ-đề”. Hội chúng đều ngạc nhiên, vì tôn giả Tu-bồ-đề hiện đang không có mặt, làm sao lại thành người đón Phật trước nhất? Đức Phật giải thích Tu-bồ-đề đang thiền định trong một hang động, dùng công phu tu tập của mình để đón Phật. Thế nên, đối với đức Thế Tôn, cung kính Ngài, đón mừng Ngài không gì bằng vâng lời Ngài dạy mà dụng công tu hành.

Tôn giả Tu-bồ-đề thường nhập định Bát-nhã, là cảnh giới thiền định không có nhập xuất. Tức là Ngài luôn sống với tự tánh, thể nhập sâu vào tự tánh, tự tại giữa thế gian. Cho nên, tôn giả lặng lẽ ngồi đó, không nói năng mà trời Đế Thích tán hoa, tán thán Ngài là chân thật thuyết pháp. Người sống được với tự tánh là người thuyết pháp sống động nhất.

Ngài Tu-bồ-đề đã làm đúng theo lời Phật dạy, tự sống trở lại với bản tâm thanh tịnh của mình, được Đức Phật khen ngợi là người đón Phật trước nhất. Do đó thấy, đức Thế Tôn rất xem trọng việc tu tập của đệ tử, không cần ở cạnh Ngài, không cần mỗi ngày thăm viếng vấn an, chỉ cần tu có niềm vui, sống được với đạo là Đức Phật hoan hỷ. Ở sát cạnh Ngài, nghe Ngài giảng dạy thường xuyên mà không chịu thực hành thì cũng không thể nào thấy đạo được.

Như tôn giả A-nan, làm thị giả hầu cận Đức Phật suốt 25 năm mà không chứng được Thánh quả A-la-hán, dù Ngài thuộc lòng tất cả

lời Phật dạy, nhưng vì chưa để hết tâm dụng công nên không chứng đạo. Chỉ đến khi Thế Tôn nhập diệt, Ngài buông bỏ tất cả, tâm hoàn toàn thanh tịnh mới chứng thành đạo quả. Thật ra, vì Ngài làm thị giả, nên phần lớn tâm ý dành cho Phật, muốn lo cho Phật thật chu đáo, lại cố ghi nhớ mọi lời dạy của Phật không để thiếu sót, nên không thể toàn tâm toàn ý dụng công tu hành. Tuy vậy, Ngài vẫn đắc quả Tu-đà-hoàn, tức là đã nhận được chân lý, chỉ là chưa hành sâu để gột sạch tập khí, chưa sống trọn vẹn được với thể tâm nên mới không đắc A-la-hán.

Người ở sát Phật mà không nhận được chân lý chính là chúng ta đây. Ngày ngày đọc kinh, nhắc đi nhắc lại lời dạy của Phật thì có khác gì đang ở cạnh Phật. Người thế gian đâu có thời gian học kinh, đọc kinh, nghe kinh, họ phải lo cơm áo gạo tiền, đâu có nhiều ngày giờ nghiên cứu kinh điển, tức là không được ở cạnh Phật. Còn chúng ta ngày nào cũng nghe, cũng học, cũng đọc, lại còn được nghe các vị đi trước giảng

giải tí mĩ, ấy vậy mà vẫn không thấy đạo. Lý do là vì mình nghe mà không hành. Đức Thế Tôn chỉ mong đệ tử lo tu, chẳng đòi hỏi gì khác. Chúng ta ngày ngày lễ Phật, tụng kinh, nghe pháp... mà không ứng dụng tu thì không kể là đệ tử chân chánh của Phật, không phải là đệ tử Phật đúng nghĩa.

## CHƯƠNG 38

**Chánh văn:**

**Phật hỏi một Sa-môn: “Mạng người sống trong bao lâu?”**

**Thưa: “Khoảng một vài ngày.”**

**Phật dạy: “Ông chưa hiểu đạo.”**

**Phật lại hỏi một Sa-môn khác: “Mạng người sống trong bao lâu?”**

**Thưa: “Khoảng một bữa ăn.”**

**Phật dạy: “Ông chưa hiểu Đạo.”**

**Phật lại hỏi một Sa-môn khác: “Mạng người sống trong bao lâu?”**

**Thưa: “Trong hơi thở ra vào.”**

**Phật dạy: “Lành thay! Ông đã hiểu Đạo!”**

**Giảng:**

Hiếu đạo, tức là hiếu được chân lí. Nếu nói mạng người sống trong khoảng vài ngày hay khoảng một bữa ăn, nghe như là rất ngắn, nhưng hoàn toàn có thể bị bẻ lại: “Tôi đã sống bao nhiêu ngày rồi, thậm chí là tính tháng, tính năm; tôi đã ăn bao nhiêu bữa ăn rồi, vẫn sống sờ sờ đây.” Vì cách nói như vậy không đúng chân lý nên không thuyết phục được người. Còn nói mạng người sống trong hơi thở thì không ai bẻ được, vì nó là chân lý. Bất kể là sống bao lâu, nhưng hễ thở ra mà không hít vào là sẽ qua đời khác ngay.

Hơi thở quyết định mạng sống mình còn hay không. Như vậy, thọ mạng của mình nương vào hơi thở mà tồn tại nên rất mong manh. Vì hơi thở vốn mong manh. Chúng ta không biết trước được tuổi thọ mình bao lâu, chỉ biết không thở nữa là chết. Một người bệnh nặng, muốn kiểm xem họ còn sống không, người ta để cọng tóc ngang lỗ mũi, nếu cọng tóc còn nhúc

nhích là người đó còn sống, còn cọng tóc đứng yên là biết người đó đã chết.

Trừ trường hợp người nhập Diệt thọ tướng định, vị ấy tuy không còn hơi thở ra vào nhưng vẫn còn hơi ấm, cơ thể vẫn đang hoạt động nhưng nó hoạt động rất vi tế, chỉ diễn ra thầm lặng bên trong, không toát năng lượng ra ngoài. Các cơ quan đều dừng lại, chỉ giữ một hơi ấm, nên người nhập Diệt tận định không già đi. Vì bên ngoài không có hơi thở nên dễ bị hiểu lầm rằng đã chết.

Còn người bình thường của mình, khi hơi thở ra mà không quay lại là đi qua đời sau ngay, bất kể lúc đó mình bao nhiêu tuổi, hoặc 5-7 ngày tuổi, hoặc 5-7 năm tuổi, hoặc 50-70 tuổi không chừng. Cho nên nói “mạng người trong hơi thở ra vào” là phù hợp chân lý, là hiểu đạo.

Biết mạng sống mong manh như vậy thì đừng bám vía vào xác thân giả tạm này làm chi. Nên có vị nói con người vừa ra đời là đã mang

án tử, chỉ không biết khi nào án đó được thi hành. Sinh ra là biết mình sẽ chết, còn ham muốn gì nữa? Nhưng rất tiếc, không phải ai cũng nhận ra chân lý này, người ta dùng thân người khó được này để tạo ác nghiệp, để hưởng thụ dục lạc, không hề nghĩ làm sao dùng thân này để tu hành thoát khổ, nên Phật Bồ-tát luôn nói chúng sanh khổ vì si mê là vậy.

Đức Phật dạy chương này là muốn mình ghi nhớ mạng người mong manh mà sớm thức tỉnh tu tập.

## CHƯƠNG 39

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** “Người học đạo phải tin thuận lời Phật dạy. Như ăn mật, trong ngoài đều ngọt. Kinh pháp của Ta cũng vậy. Nếu yêu thích nghĩa kinh, thực hành ý kinh thì sẽ đắc Đạo.”

**Giảng:**

Học đạo phải tin và làm theo lời Phật dạy. Trong Kinh A Hàm, Đức Phật dạy: “Pháp của ta, đến để mà thấy.” Tức là Đức Phật dạy chúng ta khi nghe lời Phật dạy hãy suy nghiệm xem đúng chân lý hay không, nếu thấy đúng thì phải tin nhận và thực hành theo. Giả sử thấy không đúng thì đừng tin, đừng thực hành. Vì sao? Trong kinh Du Hành, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật dạy đệ tử khi có ai nói đây là lời Phật dạy, đây là lời kinh dạy, đây là lời thiện tri thức dạy, đây là lời thượng tôn trưởng lão dạy, đừng vội tin ngay, mà phải xét xem lời dạy đó có phù

hợp chân lý không, nếu phù hợp thì tin nhận vâng làm, nếu không phù hợp thì không tin theo.

Lúc Đức Phật còn tại thế, vì Ngài là bậc đã nhận được chân lý nên những lời Ngài dạy đều phù hợp chân lý. Nhưng sau khi Đức Phật Niết-bàn, những vị khác nói lại lời Phật có hoàn toàn thật đúng với lời Phật hay không thì chúng ta phải xem xét. Pháp của Phật là “đến để thấy”, không phải “đến để tin”, tức là mình phải xét rõ xem lời đó có thật là lời Phật, phù hợp với chân lý, giúp mình thoát khỏi khổ đau hay không. Nếu đúng, mình mới tin nhận và làm theo.

Từ bi và Trí tuệ là hai đặc điểm nhận dạng đạo Phật. Đã là đệ tử Phật thì không thể làm ác, không thể thiếu lòng từ, cũng không thể ngu si rồi rơi vào mê tín dị đoan. Đệ tử Phật phải có trí tuệ, làm việc gì cũng xem xét có phù hợp nhân quả không, phù hợp chân lý không, chớ không phải nghe ai nói cũng tin và vội làm theo.

Giả sử nghe ai nói hội Long Hoa đã mở, Đức Phật Di Lặc đã ra đời, liền vội tới tham gia để được gặp Phật Di Lặc. Người hiểu Phật pháp sẽ không tin lời này, vì Đức Phật Thích Ca đã nói rõ trong một thời điểm, một nơi chốn, không thể có hai Đức Phật cùng giáo hóa. Giáo pháp của Đức Phật trước còn thì Đức Phật sau chưa ra đời. Đức Phật Di Lặc là Phật vị lai, hiện tại làm Giáo chủ cõi Ta Bà là Đức Phật Thích Ca, Phật Di Lặc không thể ra đời trong thời điểm này. Nên ai nói hội Long Hoa đã mở ở đâu đó, hoặc là sắp mở ở đâu đó, Phật Di Lặc sắp ra đời... là mình không tin, vì không đúng lời Phật dạy.

Đức Phật ví lời dạy của Ngài như mật trong chén, nếm chỗ nào cũng ngọt. Bất cứ lời dạy nào của Phật cũng đem lại lợi ích cho chúng sanh. Như pháp Tứ Niệm Xứ xuất hiện nhiều trong kinh điển Nguyên Thủy, nhưng vẫn có giá trị đặc biệt trong kinh điển Đại thừa. Vì trong hệ A Hàm, giảng dạy Tứ niệm xứ, Đức Phật

không nhắc gì đến tự tánh, nhưng thật chất Ngài đang dạy chúng ta sống với tự tánh. Thực hành Tứ niệm xứ là đang dần sống trở lại với bản tâm, thể nhập Niết-bàn thanh tịnh ngay trong tâm mình. Tùy theo căn cơ và thời điểm mà Đức Phật chọn lựa cách giảng dạy thích hợp.

Hoặc như trường hợp Đức Phật giáo hóa cho con dâu của Trưởng giả Cấp Cô Độc. Ngài dạy cô về bảy loại vợ, trong đó đặc biệt tán thán loại vợ như nô tỳ. Tại sao? Vì Đức Phật dựa trên luật nhân quả mà dạy, làm sao để người được dạy có được phúc báo tốt nhất. Khi người nữ làm vợ như nô tỳ sẽ chuyển nghiệp nhanh nhất, nếu nghiệp xấu sẽ chuyển tốt, nghiệp tốt càng tốt hơn.

Tất cả lời dạy của Phật đều dựa trên chân lý, trên luật nhân quả, nên lời dạy của Ngài đều đem lại lợi ích cho người, đưa người đến hạnh phúc thật sự, và cuối cùng là giải thoát tự tại.

Giới của Đức Phật chế được gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, dịch nghĩa là biệt giải thoát, tức là

giải thoát từng phần. Giữ giới nào là giải thoát phần đó.

Tóm lại, mỗi lời dạy của Đức Phật đều đem đến cho mình niềm vui khác nhau, lợi ích khác nhau. Ở đây Ngài đã khẳng định, chỉ cần chúng ta yêu thích nghĩa kinh và thực hành ý kinh, nhất định sẽ đắc đạo.

## CHƯƠNG 40

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Sa-môn hành Đạo nên từ từ nhổ bỏ gốc ái dục, như ngắt chuỗi ngọc đang đeo, ngắt bỏ từng hạt cũng có lúc hết. Những sự dơ bẩn nơi tâm nếu hết thì tự đắc Đạo.”**

**Giảng:**

Chương này Phật dạy phương cách tiệm tu, tức tu từ từ. Mình nhiều tập khí quá, không bỏ liền được thì bỏ từ từ, giảm từ từ, cũng có lúc tập khí sẽ hết hoàn toàn, khi đó, thể tâm sẽ tự hiện, trong sáng, tròn lặng, rõ ràng, gọi đó là đắc đạo. Vậy đắc đạo là hoàn toàn thể nhập bản tâm, sống trọn vẹn với tâm thanh tịnh vốn sẵn có của mình.

***Sa-môn hành Đạo nên từ từ nhổ bỏ gốc ái dục, như ngắt chuỗi ngọc đang đeo, ngắt bỏ từng hạt cũng có lúc hết.***

Tập khí nhiều quá thì bỏ từ từ, giống như chuỗi ngọc đang đeo, bỏ nguyên chuỗi thì tiếc nuối, làm không được, nhưng nếu ngắt bỏ từng hạt thì có thể làm được, rồi đến lúc cũng hết cả chuỗi ngọc. Sư ông Thanh Từ cũng có một ví dụ tương tự, Ngài dạy như nhổ bỏ một cây lớn, người mạnh có thể bứng cả gốc, nhưng người yếu không làm được, vậy thì chọn phương pháp chặt từ từ, từ ngọn chặt xuống, ngọn nào ra là chặt ngọn đó, lá nào ra là ngắt lá đó, riết rồi cây cũng chết. Tuy chậm, nhưng mục đích cuối cùng vẫn đạt được. Người mạnh nhổ bật gốc cây, ngay lập tức khiến cây chết liền. Người yếu chặt từ từ, ngắt dần dần, phải trải qua một thời gian cây mới chết. Tại sao phải có thời gian? Vì sức sống cũ của cây vẫn còn, khi nào xài hết nguồn dự trữ cũ lại không có nguồn sống mới thì nó sẽ chết. Cũng vậy, tập khí mình huân tập nhiều đời, mình không đủ nghị lực, trí tuệ để ngay lập tức dứt sạch, nhưng mình không tiếp tục huân nữa, nó trôi lên là buông ngay, riết rồi những thói quen đó sẽ dứt. Đó là phương pháp tiệm tu,

tu dần dần, tu từ từ, rồi một ngày tự nhiên sẽ đốn ngộ.

***Những sự đơ bản nơi tâm nếu hết thì tự đắc đạo.***

Từ từ bỏ dần tập khí, khi tập khí hết thì ánh sáng tự tâm sẽ hoàn toàn hiển lộ. Thật ra, tánh sáng của tâm luôn hiển lộ, nhưng do mình chạy theo tập khí mà quên đi. Bỏ hết tập khí là tự nhiên quay trở về bản tâm, với sự thanh tịnh vốn sẵn của mình.

Chương này Đức Phật dạy cho người căn cơ thấp, ý chí yếu, phải tu từ từ. Mỗi ngày bỏ một chút, tiến bộ một chút, nhích từ từ, tuy chậm nhưng cũng có ngày tới đích. Người dũng mãnh thì một đao đứt hai đoạn. Người yếu như mình thì cửa từ từ, cửa riết cũng đứt hai đoạn, nhưng thời gian sẽ lâu dài, đòi hỏi mình phải kiên trì, tức phải tinh tấn, công phu không mỗi mệ, không chán nản mới được.

## CHƯƠNG 41

**Chánh văn:**

**Phật dạy: “Người tu đạo như con trâu mang đồ nặng đi trong bùn lầy, mệt mỏi đến đâu cũng không dám ngoái nhìn trái phải, ra khỏi bùn lầy rồi mới có thể nghỉ ngơi thư thả. Sa-môn phải nên quán xét tình dục còn hơn bùn lầy. Trực thẳng ngay nơi Tâm mà niệm Đạo thì mới có thể thoát khổ.”**

**Giảng:**

Tu giống như con trâu đi trong bùn lầy, phải đi hoài, không được dừng lại, nếu dừng lại là chìm liền. Ông bà có câu: “Học như thuyền đi nước ngược, không tiến tới ắt sẽ lùi”. Tri thức mỗi ngày một mới, nếu không học sẽ bị thụt lùi, không còn kịp thời đại, nên phải tiến mới được. Việc tu cũng vậy, nếu dừng lại không tu, những thói quen cũ sẽ trở lại, nên mỗi ngày đều phải dụng công, luôn nhắc mình thức tỉnh, không

cần dụng lực hết mức, nhưng phải luôn tiến, tức là tập khí nào đã buông thì phải tiếp tục buông, không được lơ là. Như người cai thuốc, nếu không đủ dũng lực dứt liền thì bỏ từ từ, mỗi ngày hay vài ngày giảm hút một điếu, dần dần cho tới dứt hẳn, không còn ghiền nữa. Bỏ liền sợ cơn ghiền hành quá không chịu nổi. Đây là cách người yếu tu hành, buông dần, bỏ dần, cho tới một ngày dứt hẳn. Nếu hôm nay đã giảm một điếu, vài ngày lại tăng lượng trở lại, tới tới lui lui như vậy thì mãi mãi cũng không bỏ được cơn ghiền thuốc. Người tu nếu một ngày dụng công, hai ba ngày giải đãi, thì không bao giờ có được niềm vui đạo, tập khí thế gian trước sau không đổi.

Hòa thượng Nhật Quang khi dạy chúng lớn tuổi ngồi thiền, do chân đã cứng không thể một lúc ngồi kiệt già hay bán già một hai tiếng được, Ngài dạy mỗi lần ngồi 5 phút thôi, tuần sau chân quen rồi tăng lên 1 phút, tăng dần dần cho đến khi ngồi được hai ba tiếng. Không cần

cố gắng quá sức, nhưng cần kiên trì không đổi, làm hoài không chán, tuy tiến chậm nhưng chắc chắn không lùi. Còn tu gấp quá, đòi hỏi mình cao quá, ráng được hai ba ngày lại chịu không nổi, cuối cùng chán nản buông xuôi, tu không tới đâu.

Chữ tinh tấn trong đạo Phật chính là kiên trì, bền bỉ, chỉ tiến không lùi, chớ không phải là dụng công quá sức rồi nửa đường thối lui. Theo sức mình mà dụng công, rồi giữ mức đó tu hoài, chớ đừng nay tu mai nghỉ, một ngày thì tu quên ăn quên ngủ, một ngày thì giải đãi buông lung, vì tu kiểu đó thì vĩnh viễn không thể thành tựu đạo quả. Như dùi cây lấy lửa, phải cọ sát hai cây liên tục cho đến khi nháng lửa, không cần dùng sức thật mạnh, nhưng cần liên tục, không được dừng nghỉ giữa chừng. Nếu cọ một chút thấy mỏi bỏ xuống nghỉ mệt, cây vừa nóng chưa kịp bén lửa đã nguội, cứ nóng nóng nguội nguội thì không bao giờ sanh được lửa.

Nếu chúng ta chưa thấy được con đường mà đã nghỉ ngơi quá nhiều, thì sẽ không bao giờ nhận thức được đạo lý. Việc tu hành đòi hỏi sự kiên trì cho đến khi chúng ta có thể dứt bỏ được tâm tham sân. Điều này có nghĩa là cần duy trì một mức độ tu tập liên tục và không ngừng tiến bộ. Chúng ta phải trực tiếp quay về với tâm của mình để niệm đạo, từ đó mới có khả năng thoát khỏi khổ đau.

Việc sống trở lại với tâm mình, tức là thực hiện tu tập ngay tại nơi tâm, sẽ giúp chúng ta dễ dàng buông bỏ những thói quen xấu. Khi trở về với tâm, việc từ bỏ những tập khí trở nên đơn giản hơn. Ngược lại, nếu chúng ta cứ chạy theo những vọng tưởng thì việc buông bỏ sẽ rất khó khăn. Những vọng tưởng này luôn xuất hiện, và vì chúng là vọng, nên không cần thiết phải bận tâm quá nhiều. Thường thì, khi vọng tưởng nổi lên, chúng ta thường cố gắng đè nén hoặc kiềm chế nó, nhưng điều này chỉ làm cho nó càng gia tăng và gây ra sự bực bội. Chúng ta

không nên chú ý quá nhiều đến chúng; bởi vì bản chất của chúng là vọng, nếu không quan tâm, chúng sẽ tự nhiên lắng xuống.

Chúng ta nên chú trọng đến những điều chân thật, thay vì bận tâm vào những điều giả dối. Điều này có nghĩa là khi chúng ta ngồi đây, hãy nhận thức rằng mình đang ngồi, và khi thở, hãy biết rằng mình đang thở. Không cần phải suy nghĩ phức tạp về cách hít vào hay thở ra, mà chỉ cần đơn giản là nhận biết hơi thở của mình. Việc thở theo kiểu phồng xẹp chỉ là một phương pháp đối trị, trong khi việc sống trở lại với bản thân là nhận thức rõ ràng về hơi thở ra và vào, biết rõ hơi thở ngắn hay dài, lạnh hay nóng mà không cần can thiệp vào nó. Chỉ cần ghi nhận và sống với tâm trí của mình, còn những suy nghĩ không liên quan đến tâm thì không cần phải để ý tới, vì chúng sẽ tự sinh ra và tự mất đi. Nếu chúng ta không chú ý đến những suy nghĩ đó, chúng sẽ tự nhiên biến mất. Ngược lại, nếu chúng ta càng tập trung vào

chúng, chúng sẽ càng tồn tại lâu hơn, bởi vì chúng ta đã cho chúng sự chú ý.

Phương pháp tu hành đúng đắn chính là quay về với tâm, sống với bản thể của mình, và không bận tâm đến những thứ không phải là mình. Những điều đó không có căn nguyên, không phải thực tại, và cũng không có cái "ta" thực sự, do đó chúng sẽ tự tiêu tan. Giống như ngọn lửa, nếu không được cung cấp thêm nhiên liệu, nó sẽ tắt. Nó chỉ tiếp tục cháy khi có nhiên liệu, còn nếu không, nó sẽ dừng lại.

Phương pháp tu hành của chúng ta chính là sống ngay trong tâm, trở về với bản thể của mình, và niệm đạo từ nơi tâm. Đây là tinh thần cốt lõi của chương này.

## CHƯƠNG 42

**Chánh văn:**

**Phật dạy:** Ta xem ngôi vị vương hầu như bụi qua kẽ hở. Xem cửa báu vàng ngọc như ngói đá. Xem áo lụa như giẻ rách. Xem thế giới Đại Thiên như hạt cải. Xem nước ao A-nậu như dầu thoa chân. Xem cửa phương tiện như đồng bảo vật hóa hiện. Xem pháp Vô Thượng Thừa như vàng lụa trong mộng. Xem Phật Đạo như hoa trước mắt. Xem Thiên định như núi Tu Di. Xem Niết-bàn như tỉnh giấc ngủ ngày đêm. Xem sự phải trái như sáu con rồng múa. Xem bình đẳng như chỗ Nhất Chân. Xem sự hưng suy của các pháp như cây cỏ bốn mùa.

**Giảng:**

Trong chương này, Đức Phật dạy chúng ta cách nhìn nhận thế giới vạn vật bằng trí tuệ.

***Xem ngôi vị vương hầu như bụi qua khe hở.***

Bởi vì Đức Phật là bậc trí tuệ, nên Ngài nhìn nhận ngôi vị vương hầu chỉ như bụi bay qua khe hở. Liệu bụi có thể tồn tại khi đi qua khe hở không? Chúng ta chỉ thấy bụi khi có ánh nắng chiếu vào, nếu không có ánh sáng thì bụi sẽ không được nhìn thấy. Do đó, bụi chỉ xuất hiện khi có duyên. Đối với Ngài, ngôi vị vương hầu mà người đời mong cầu thực chất chỉ là một quả báo từ phúc đức của những kiếp trước, và khi nhân duyên đủ đầy thì mới nhận được quả vương hầu. Tuy nhiên, điều này không bền vững. Nó chỉ tồn tại trong kiếp sống hiện tại; khi thân xác này không còn, thì quả vương hầu cũng sẽ không còn nữa, do vậy nó chỉ giống như bụi bay qua khe hở mà thôi.

Khi nhìn bụi dưới ánh nắng, ta có thể nhận thấy nó rất mỏng manh và mờ ảo, không có gì để bám víu. Do đó, có người đã ví ngai vàng như một tấm giẻ rách, thể hiện sự coi thường

đối với nó. Trong lịch sử Việt Nam, năm vị vua đầu triều Trần đều là những người thấu hiểu đạo lý, là các thiền sư. Ngài Trần Thái Tông, khi mới 19 tuổi, đã từ bỏ ngai vàng để đi tu. Mặc dù Ngài đã phải trở về làm vua do bị ép buộc, nhưng ngay khi con trai lớn của Ngài vừa tròn 18 tuổi, Ngài đã nhường ngai vàng cho con và quay về nơi dành cho Thái Thượng Hoàng để tu hành và viết các tác phẩm như Khóa Hư Lục. Ngài đã nghiên cứu và tu tập rất nhiều, không còn quan tâm đến ngôi vị vua chúa. Vua Trần Thánh Tông cũng tương tự, ông đã nhường ngai vàng cho con trai khi con tròn 18 tuổi để chuyên tâm tu hành. Các vị vua này đều chú trọng việc tu tập. Đến Ngài Trần Nhân Tông, Ngài không dừng lại ở việc tu tại gia mà thực hiện hạnh xuất gia, thành lập dòng thiền thuần túy Việt Nam, đó là dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Điều này cho thấy năm vị vua đầu triều Trần đều xem nhẹ ngai vàng, nhưng theo văn hóa truyền thống, họ vẫn phải để lại cho con cháu.

Thực tế cho thấy không phải ai cũng sẵn lòng để lại ngai vàng cho con. Chẳng hạn như vua Khang Hy, ông lên ngôi khi mới 8 tuổi và có con khi còn rất trẻ, do đó thái tử đã được chỉ định từ lâu. Tuy nhiên, ông sống đến mấy mươi năm, trong đó có tới 60 năm làm vua, khiến cho thái tử phải chờ đợi mòn mỏi, dẫn đến những hành động phản kháng và cuối cùng bị phế truất. Điều này cho thấy việc làm vua mà không quyết định rõ ràng về việc truyền ngôi cho con cái sẽ gây ra sự bất hòa giữa các thành viên trong gia đình. Ngược lại, triều đại Trần ở Việt Nam lại có cách trao truyền khác biệt. Trong thời kỳ này, việc truyền ngôi cho con cái diễn ra khi chúng khoảng 18 tuổi, sau đó sẽ được theo dõi và hỗ trợ trong vòng 5-7 năm trước khi hoàn toàn giao quyền. Các vị vua thời Trần thường tự tu tập và nghiên cứu kinh điển, không đặt nặng vấn đề phải giữ chức vua. Đây là một đặc điểm riêng biệt chỉ có trong đầu triều Trần.

***Xem vàng ngọc như ngói đá.***

Đối với những người thực sự hiểu biết về đạo, vàng và ngọc không khác gì ngói đá. Trong những thời điểm khó khăn như hạn hán hay đói kém, một viên ngọc quý có thể không đổi được một bát gạo. Khi ấy, điều gì mới thật sự quý giá? Chính là gạo, vì nó nuôi sống con người, còn vàng hay ngọc thì không thể ăn được. Điều này cho thấy rằng việc sở hữu vàng ngọc không phải là điều quan trọng. Đối với những người tu hành chân chính, họ xem vàng ngọc chỉ như những vật vô giá trị. Do đó, tiền bạc đối với người tu không mang ý nghĩa lớn lao, đặc biệt là đối với những vị tu hành chân chính. Ngược lại, những người tu không chân chính thường vẫn còn tham lam; họ có thể cho đi một số tiền nhỏ nhưng lại khó lòng chia sẻ khi số tiền lớn hơn, bởi vì họ chưa đạt được sự giác ngộ như Đức Phật. Nếu đã thấy đạo, tài sản bên ngoài chỉ là thứ phụ thuộc, không phải là điều thiết yếu mà họ cần.

***Xem áo lụa như giẻ rách.***

Áo lụa tượng trưng cho cái đẹp, nhưng Đức Phật dạy rằng người tu hành chỉ cần mặc trang phục để che đậy cơ thể, nhằm tránh sự xấu hổ. Nếu không mặc, những bộ phận nhạy cảm sẽ bị lộ ra, gây nên tâm niệm không thanh tịnh nơi người khác, vì vậy cần phải che đậy. Đây là biểu hiện của sự hổ thẹn nơi một con người, do đó, việc mặc đồ chỉ để bảo vệ thân thể thì không cần thiết phải cầu kỳ về vẻ đẹp. Chẳng hạn, nếu cần một vật gì đó để che đậy một thứ không sạch sẽ, liệu có cần phải dùng tấm vải lụa hay không? Một miếng vải cũ cũng đủ để thực hiện điều đó.

Có một câu chuyện thú vị về Ngài Milarepa, một vị Thánh ở Tây Tạng. Khi đạt được giác ngộ, Ngài nhận thức rằng mình còn nhiều nợ với chúng sinh, vì vậy đã chọn cuộc sống khổ hạnh trong rừng sâu. Ngài không mặc quần áo, chịu đựng đói khát và lạnh lẽo, chấp nhận cảnh nghèo khó để chuộc lại những khổ

đau mà Ngài đã gây ra cho người khác. Em gái của Ngài thường đi xin ăn và rất thương anh. Mỗi lần đi xin, bà đều mang chút đồ cúng dường cho Ngài. Một hôm, thấy anh không mặc gì, bà nghĩ rằng Ngài không có quần áo, nên đã xin một xấp vải cúng dường để Ngài may y. Tuy nhiên, khi trở lại, bà thấy anh vẫn không mặc gì, liền thắc mắc. Ngài chỉ xé một miếng vải nhỏ đủ để che phần nhạy cảm và nói: "Chẳng phải chỉ cần che chỗ này thôi sao?".

Qua đó, ta thấy rằng những người đã hiểu rõ việc mặc đồ chỉ để che thân nhằm tránh sự xấu hổ, không cần phải cầu kỳ; ngay cả một miếng giẻ rách cũng có thể đáp ứng nhu cầu đó. Do vậy, những người tu hành có khi mặc áo bả nạp, tức là lượm vải vụn bỏ đi may thành y, thể hiện sự không quan tâm đến hình thức bên ngoài, chỉ chú trọng vào việc che đậy thân thể để không làm phát sinh những suy nghĩ không tốt nơi người khác.

***Xem thế giới đại thiên như hạt cải.***

Mặc dù chúng ta có thể nhận thấy thế giới đại thiên rất rộng lớn, nhưng Đức Phật lại thấy nó chỉ như một hạt cải. Điều này có hai ý nghĩa. Ý nghĩa đầu tiên là hạt cải cũng như đại thiên thế giới đều là pháp nhân duyên. Dù một bên rất lớn và bên kia rất nhỏ, nhưng bản chất của chúng vẫn giống nhau. Do đó, người đã thấu hiểu thì sẽ thấy dù cái lớn đến bao trùm cả hư không, hay cái nhỏ đến không gì có thể lọt qua, đều cũng do nhân duyên hình thành. Thực tế, sự phân biệt lớn nhỏ này chỉ do nhân duyên tạo ra và do chính chúng ta quy định, chứ bản thể của chúng là đồng nhất, tất cả các pháp đều có cùng bản chất, đều phát sinh từ nhân duyên.

Chẳng hạn, cây cỏ, hoa lá, ruộng vườn, đồng núi, người vật... có muôn màu muôn dạng là do nhân duyên khác nhau, chớ không phải do ý chí cá nhân quyết định. Sự hình thành của lá xanh, hoa tím, cá lội, chim bay... phụ thuộc vào nhân duyên của mỗi pháp, không phải do ai quy

định. Các pháp không tồn tại một cái "ta" thực sự, mà chỉ là kết quả của nhân duyên. Vì vậy, dù lớn như đại thiên thế giới hay nhỏ như hạt cải, tất cả đều là pháp nhân duyên.

Ý nghĩa thứ hai là, phàm phu chúng ta khi đặt hạt cải lên tay có thể quan sát rõ ràng, nhưng với đại thiên thế giới, lại không thể nhìn thấy hết được vì chính mình đang ở trong đó. Nhưng Đức Phật có khả năng nhìn thấy rõ ràng đại thiên thế giới như nhìn thấy hạt cải trong lòng bàn tay. Chỉ có trí tuệ của Đức Phật mới có được cái thấy như vậy.

***Xem nước ao A-nậu như dầu thoa chân.***

Nước ao A-nậu là tượng trưng cho một loại nước quý báu, chứa đựng đầy đủ 8 công đức: 1. Trừng tịnh: lắng gạn trong sạch; 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh; 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt; 4. Khinh nhuyển: nhẹ nhàng mềm mại; 5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát; 6. An hòa: yên ổn hòa nhã; 7. Trừ được đói khát

và vô số khổ não; 8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn. Tuy nhiên, Đức Phật chỉ coi đó như một loại dầu bình thường để thoa chân, thể hiện rằng trong mắt Ngài, mọi thứ đều không có sự phân biệt giá trị quý tiện.

Trong nhà Thiên có câu chuyện Nam Tuyền chém mèo: Một con mèo hoang lạc vào Tăng đường, hai nhóm Tăng chúng tranh giành, ai cũng cho rằng con mèo thuộc về mình, dẫn đến cãi vã. Ngài Nam Tuyền họp chúng tuyên bố: Ai nói được sẽ tha cho con mèo, không ai nói được sẽ chém con mèo. Không ai hiểu ý của Ngài, vì vậy tất cả đều im lặng. Cuối cùng, Ngài đã thực hiện lời nói của mình và chặt đầu con mèo. Lúc đó, Ngài Triệu Châu không có mặt trong chúng, khi trở về, Ngài Nam Tuyền đã kể lại sự việc. Ngài Triệu Châu, đang mang dép, đã tháo dép ra và đặt lên đầu, điều này thể hiện sự không phân biệt giữa cao quý và thấp hèn. Cả con mèo và bản thân đều bình đẳng. Nếu các vị thầy có thể nói được, thì con mèo đã không phải

chịu số phận bi thảm. Ngài Nam Tuyền đã phải làm như vậy để đánh thức chư Tăng, bởi họ chỉ lo tranh giành mà không sống với tâm đạo của mình. Sống với tâm đạo cần có cái nhìn như Đức Phật, nhận thức rằng nước ao A-nậu rất quý nhưng vẫn xem như dầu thoa chân, không còn phân biệt hai bên tốt xấu, trọng khinh...

***Xem cửa phương tiện như đồng bảo vật hóa hiện.***

Những món trang sức được chế tác ra vô vàn kiểu dáng khác nhau. Khi bước vào các tiệm vàng, ta sẽ thấy họ sản xuất đủ loại, từ bông tai với hàng ngàn mẫu mã cho đến vòng tay, nhẫn, v.v... Sự phong phú này nhằm đáp ứng sở thích riêng của từng người. Có người yêu thích mặt dây chuyền hình Phật Quan Âm, trong khi người khác lại ưa chuộng hình Đức Mẹ Maria nếu họ theo đạo Kitô, hoặc có những người thích đeo mặt dây chuyền hình thú vật, v.v... Chính vì sự khác biệt trong sở thích mà các nhà sản xuất phải tạo ra nhiều kiểu dáng để phù hợp

với nhu cầu của khách hàng. Nếu chỉ có một mẫu duy nhất thì chắc chắn sẽ dẫn đến tình trạng ế ẩm. Do đó, sự đa dạng là điều cần thiết.

Tương tự như vậy, nếu Đức Phật chỉ giảng dạy một pháp môn duy nhất, sẽ có những người không tìm thấy sự phù hợp với pháp đó. Vì thế, Ngài đã truyền dạy rất nhiều pháp khác nhau cho các đệ tử và tín đồ của mình, giúp họ tìm thấy niềm vui chân chính trong con đường tu tập. Một số người có sở thích hay niềm vui khác nhau cần được hướng dẫn bằng những phương pháp khác nhau. Chẳng hạn, có những người chỉ thích ngồi thiền, Đức Phật đã chỉ dạy về tứ thiền để từ đó họ có thể đạt được quả vị A-la-hán. Hoặc có những người lại tìm thấy giác ngộ qua pháp vô thường. Như trường hợp bà Khe-ma, vì bà cực kỳ đẹp nên không hứng thú với những bài giảng của Đức Phật, nên Ngài đã hóa ra một tiên nữ xinh đẹp đứng cạnh hầu cận Ngài, từ một tiên nữ trẻ tuổi xinh đẹp, dần dần già nua rồi gục chết, ngay đó bà Khe-ma nhận

ra rằng dù có xinh đẹp đến đâu cũng không thoát khỏi quy luật vô thường, nhờ đó bà giác ngộ và chứng quả A-la-hán.

Cách thức giảng dạy của Đức Phật rất phong phú và đa dạng, được coi là bảo vật vì giá trị quý báu của nó. Những giáo pháp này chỉ dẫn cho con người phương pháp tu tập, nhưng thực chất chỉ là những hình thức hóa hiện tạm thời, bởi vì Đức Phật sử dụng các phương tiện khác nhau để phù hợp với từng đối tượng. Do đó, có thể nói rằng Đức Phật đã truyền dạy đến tám muôn bốn ngàn pháp môn. Con số 84.000 không phải là một con số chính xác mà mang ý nghĩa rằng Đức Phật sẽ điều chỉnh cách dạy tùy theo từng người, thể hiện sự linh hoạt trong việc sử dụng các phương tiện như những bảo vật hóa hiện.

***Xem pháp Vô thượng thừa như vàng lụa trong mộng.***

Vô thượng thừa chỉ cho quả vị Phật, nhưng Đức Phật chỉ xem nó như vàng lụa trong

giấc mơ. Dù quý giá nhưng vẫn chỉ tồn tại trong mộng. Tại sao lại quý mà chỉ trong mộng? Bởi vì nếu ta tìm kiếm quả vị Phật ở bên ngoài, thì nó cũng chỉ giống như vàng lụa trong mộng mà thôi. Thực tế, chúng ta vốn đã có sẵn tánh Phật trong mình, nên Đức Phật nói pháp Vô Thượng Thừa chỉ nhằm đánh thức chúng ta, dẫn dắt chúng ta trở về tự tánh.

Trong Kinh Đại thừa thường nói Thế Tôn là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành. Kinh Hoa Nghiêm cũng khẳng định tất cả chúng sanh đều đã thành Phật, chỉ là do chưa nhận được. Vì vậy, Đức Phật nói pháp Vô Thượng Thừa, một pháp rất tuyệt vời giúp chúng ta hướng tới quả Vô Thượng Bồ-đề, nhưng thực chất pháp đó chỉ như vàng lụa trong mộng. Khi ta tỉnh thức, sẽ nhận ra rằng những pháp phương tiện đó không còn tồn tại, dù có quý giá đến đâu. Khi thức tỉnh, ta sẽ hiểu rằng không có gì gọi là pháp Vô Thượng Thừa, mà

chính bản thân chúng ta mới là điều cốt yếu, không có một pháp nào khác ngoài chính mình.

***Xem Phật đạo như hoa trước mắt.***

Phật đạo là phương pháp để đạt tới giác ngộ. Hoa trước mắt là muốn nói đến hoa đốm trong hư không. Khi dụi mắt nhiều lần, chúng ta sẽ thấy những ánh sáng nhỏ lốm đốm như hoa trong hư không, nhưng thực chất chúng không tồn tại. Phật đạo được Đức Phật truyền dạy như một phương tiện để chỉ dẫn chúng ta đến con đường thành Phật, nhưng thực tế, Phật chính là bản tâm của mỗi người. Khi nhận được điều này, ta sẽ hiểu rằng không có phương pháp nào khác ngoài chính mình; phương cách mà Đức Phật chỉ dạy chỉ là để giúp chúng ta nhận ra điều đó.

***Xem thiên định như núi Tu Di.***

Thiên định ở đây đề cập đến trạng thái thiền có xuất nhập, không phải là đại định của Đức Phật. Khi một người đạt được trạng thái thiền định, họ trở nên vững vàng và bất động,

giống như núi Tu Di kiên cố. Tuy nhiên, núi Tu Di có tồn tại mãi mãi không? Không, nó cũng chịu sự sinh diệt theo quy luật của thế giới. Khi thế giới tồn tại, núi Tu Di cũng tồn tại; khi thế giới hoại diệt, núi Tu Di cũng sẽ hoại diệt. Mặc dù thiền định mang lại cảm giác vững chắc, nhưng khi nhập vào trạng thái thiền, ta có thể cảm thấy bất động, còn khi xuất định rồi thì lại trở về với sự chuyển động. Do đó, Đức Phật so sánh thiền định với núi Tu Di, nhìn bề ngoài có vẻ vững bền, nhưng thực tế lại không lâu dài.

***Xem Niết-bàn như việc tỉnh dậy sau giấc ngủ.***

Khi nhắc đến Niết-bàn, nhiều người thường nghĩ rằng đó là một trạng thái cao siêu, nhưng Đức Phật lại ví Niết-bàn như việc tỉnh dậy sau giấc ngủ. Trong trạng thái mê muội, con người giống như đang chìm trong giấc ngủ, tức là đang sống trong vòng sinh tử. Khi chúng ta thức tỉnh, nhận ra và hiểu rõ bản chất của sự tồn tại, đó chính là Niết-bàn. Do đó, Niết-bàn

không phải là một cảnh giới bên ngoài mà là trạng thái khi chúng ta thoát khỏi sự mê mờ.

***Xem sự phải trái như sáu con rồng múa.***

Khi rồng múa, lúc thì đầu ở trên, lúc ở dưới, lúc nằm ngang... Tương tự, quan niệm về đúng sai, phải trái trong xã hội cũng rất phức tạp. Có lúc điều này được coi là đúng, có lúc lại bị xem là sai. Ví dụ, trước đây người ta cho rằng trái đất là hình vuông, còn ngày nay thì ngược lại. Hoặc ở một số quốc gia, quy định lái xe đi bên phải là đúng, nhưng ở nơi khác lại ngược lại. Sự phân định đúng sai không phải là cố định mà thay đổi theo từng hoàn cảnh. Chẳng hạn, hành động đưa tay lên có thể được coi là thuận ở nơi này nhưng lại là nghịch ở nơi khác. Vì vậy, sự đúng sai chỉ là sản phẩm của các quy ước xã hội, không có giá trị thực sự. Sự biến đổi của đúng sai giống như những con rồng múa, không thể xác định được đâu là vị trí cố định của chúng.

***Xem bình đẳng như chỗ nhất chân.***

Chỗ nhất chân biểu thị bản chất chân thật của mỗi người. Chỉ khi nào đạt được sự bình đẳng, chúng ta mới có thể trở về với cái chân thật của mình. Tuy nhiên, việc này không hề dễ dàng, bởi vì con người thường có xu hướng phân biệt. Việc thoát ra khỏi tâm lý phân biệt là một thách thức lớn. Đức Phật và các Đại Bồ-tát có khả năng đạt được sự bình đẳng vì quý Ngài sống hòa hợp với bản tâm mình. Còn chúng ta, chỉ khi nhận thức được mọi chúng sanh đều giống nhau, mới có thể thực sự đạt được sự bình đẳng.

***Xem sự hưng suy của các pháp như cây cỏ bốn mùa.***

Sự hưng thịnh và suy tàn của các pháp phụ thuộc vào nhân duyên của chúng, tương tự như sự thay đổi của cây cỏ theo bốn mùa. Mùa xuân mang lại sức sống và vẻ đẹp; mùa hè là thời điểm ra hoa kết trái; mùa thu thì lá rụng; và mùa đông là lúc cây trơ trọi. Đến mùa xuân, cây

lại bắt đầu trở mầm lá, tạo thành một chu kỳ liên tục. Nhân duyên của các pháp cũng diễn ra theo cách tương tự, với sự hình thành, phát triển và rồi lại tiêu vong.

Vòng luân hồi sinh tử của chúng ta cũng như vậy. Hiện tại, chúng ta đang trải nghiệm những quả báo do hành động trước đây tạo ra, chẳng hạn như được làm người, sở hữu đầy đủ sáu căn và trí tuệ. Tuy nhiên, trên nền tảng đó, chúng ta tiếp tục tạo ra những nhân mới. Nếu nhân tốt được gieo trồng, sẽ có những quả tốt trong tương lai. Ngược lại, nếu chúng ta tạo ra những nhân xấu, có thể dẫn đến việc mất đi thân người và rơi vào những cảnh giới thấp hơn.

Trong đạo Phật, khái niệm về linh hồn không được nhấn mạnh, vì nếu đề cập đến linh hồn sẽ bị hiểu lầm rằng có sự cố định trong bản chất của con người. Theo quan điểm Phật giáo, cuộc sống không phải là một chuỗi cố định; mà ngược lại, hành động của mỗi cá nhân sẽ quyết định kết quả trong tương lai. Nếu chúng ta tạo

những nghiệp tốt sẽ nhận được quả tốt, còn nếu tạo nghiệp xấu sẽ phải gánh chịu hậu quả xấu.

Trong kiếp này, một người có thể sống như một con người, nhưng ở kiếp sau có thể lên thiên đường hoặc xuống địa ngục, tùy thuộc vào những gì họ đã làm trong cuộc sống hiện tại. Không thể nói rằng, một khi đã là người thì kiếp sau cũng sẽ là người, hay một con chó thì kiếp sau cũng sẽ là chó. Nếu một con chó trả hết nghiệp, kiếp sau có thể được tái sinh thành người. Do đó, sự cố định trong các pháp là điều không tồn tại.

Chúng ta nên nhìn nhận sự thịnh suy của các pháp giống như sự biến đổi của cây cỏ theo bốn mùa. Liệu có ai trong chúng ta khi thấy cây cối héo úa, lá vàng rụng vào mùa hè mà lại ngồi khóc lóc đau khổ không? Nếu ai đó thường xuyên buồn bã mỗi khi thời tiết thay đổi, thì người ta sẽ cho rằng họ sống quá nhạy cảm và thiếu thực tế. Thời tiết và các nhân duyên là

điều tự nhiên, không có lý do gì để chúng ta phải buồn vui theo chúng.

Trong tác phẩm "Hồng Lô Mộng", có nhân vật Đại Ngọc, cô ấy dành thời gian đi nhặt hoa rụng để chôn cất, làm thơ và khóc thương cho chúng. Những người như vậy thường bị coi là sống trong ảo mộng, không thực tế. Chúng ta không nên để những biến chuyển của thời tiết hay các pháp sanh diệt làm mình buồn phiền. Ví dụ, khi người thân qua đời, đó cũng chỉ là một phần của quy luật tự nhiên; khi thọ mạng đã hết, họ sẽ chuyển sang một kiếp sống khác. Vậy thì, tại sao chúng ta lại phải đau khổ?

Đức Phật muốn chúng ta nhận thức được rằng mọi pháp đều diễn ra theo quy luật tự nhiên, giống như sự thay đổi của cây cỏ bốn mùa. Nếu chúng ta hiểu được điều này, sẽ không còn lý do gì để buồn phiền về sự hưng suy của các pháp.

Bài giảng này nói lên trí tuệ siêu tuyệt của Đức Phật, Ngài truyền đạt cho chúng ta cái

nhìn sâu sắc đó. Nếu chúng ta có thể thực hành theo lời Ngài, nhận thức đúng đắn như Ngài đã dạy, thì dù ở xa Ngài hàng ngàn dặm, chúng ta vẫn có thể cảm nhận được sự hiện diện của Đức Phật bên cạnh mình.

Đến đây là chúng ta đã hoàn thành bộ kinh 42 chương. Có ý kiến cho rằng bộ kinh này đã có sẵn, hai vị Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan là những người dịch sang tiếng Hán đầu tiên. Tuy nhiên, cũng có thuyết cho rằng hai ngài, do Phật giáo mới vào Trung Quốc, mọi người chưa hiểu nhiều về Phật pháp, nên đã chọn lọc những điểm quan trọng từ các bài giảng của Đức Phật để biên soạn thành bộ kinh gồm 42 bài, nhằm giúp người đọc tiếp cận những kiến thức cơ bản. Chúng ta không thể xác định thuyết nào là chính xác, chỉ biết là có hai quan điểm khác nhau liên quan đến nguồn gốc và tác giả của bộ kinh này.



